

ĐC212
S460T

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

SƠ THẢO
LỊCH SỬ
ĐẢNG BỘ LÂM ĐỒNG
(1954 - 1975)

Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng
-1990-

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

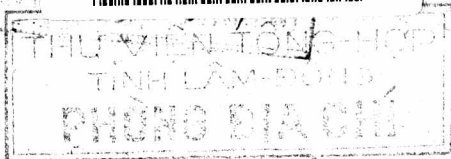
SƠ THẢO
LỊCH SỬ
ĐẢNG BỘ LÂM ĐỒNG
(1954 - 1975)

T-3.

ĐC 143/92

Thư viện tỉnh Lâm Đồng

DC. 89



Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng
-1990-

LỜI GIỚI THIỆU

Tiếp theo hai tập Lịch sử Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng (sơ thảo) thời kỳ 1930 -1945 và thời kỳ 1945-1954, đã ra mắt đồng chí, đồng bào trước đây, năm nay, năm có nhiều ngày kỷ niệm lịch sử của Đảng và dân tộc, chúng tôi xuất bản tập thứ ba Lịch sử Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng (sơ thảo) thời kỳ 1954-1975 giới thiệu về cuộc đấu tranh chống Mỹ, cứu nước.

Thực tiễn hơn 20 năm đấu tranh cách mạng, giải phóng quê hương của Đảng bộ và nhân dân tỉnh ta hết sức phong phú với nhiều bài học sâu sắc. Nhưng do hoàn cảnh chiến tranh, nên nhiều tài liệu, tư liệu lịch sử bị hư hỏng, thất lạc đến nay vẫn chưa sưu tập đầy đủ. Với tinh thần trách nhiệm với đồng chí, đồng bào, nhất là với những người đã khuất, với tấm lòng trân trọng truyền thống cách mạng, tập thể cán bộ công tác lịch sử Đảng được sự giúp đỡ của các đồng chí lãnh đạo cũ và nhiều cán bộ, đảng viên, chiến sĩ và nhân dân trong tỉnh, đã hoàn thành tập sách này. Mặc dù, bộ phận biên tập đã có nhiều cố gắng, nhưng vì nhiều lý do, nên tập sách không tránh khỏi những thiếu sót và hạn chế. Chúng tôi rất mong đồng bào, đồng chí trong tỉnh nhà và bạn đọc gần xa góp ý kiến, để tiếp tục bổ sung và chỉnh lý cho lần xuất bản chính thức đạt được chất lượng cao hơn.

Nhân dịp xuất bản tập sách này, một lần nữa chúng tôi xin tỏ lòng biết ơn Viện lịch sử Đảng Trung ương, các đồng chí lãnh đạo của Khu 6, hai tỉnh Tuyên Đức và Lâm Đồng (cũ), đồng bào, đồng chí và bạn bè gần xa đã góp công sức để xây dựng các tập sách về Lịch sử Đảng bộ Lâm Đồng từ 1930 đến 1975.

Ngày 03 tháng 02 năm 1990
Ban Thường vụ tỉnh ủy Lâm Đồng.

CHƯƠNG I

CỦNG CỐ TỔ CHỨC ĐẢNG, XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN THỰC LỰC CÁCH MẠNG. (Từ tháng 7 - 1954 đến tháng 7 - 1961)

Trải qua 9 năm kháng chiến gian khổ nhưng vô cùng anh dũng, nhân dân ta đã đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp. Thắng lợi đó đã đưa cách mạng nước ta sang giai đoạn mới : Miền Bắc chuyển sang cách mạng xã hội chủ nghĩa, miền Nam tiếp tục đấu tranh để hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, thực hiện hoà bình thống nhất nước nhà.

Nhân dân các dân tộc Lâm Đồng vô cùng phấn khởi đón mừng hoà bình và mong muốn được sống trong độc lập, tự do. Nhưng đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai đã trắng trợn phá hoại hiệp định Giơ-ne-vơ, đi ngược lại lợi ích của nhân dân ta. Tháng 6-1954, đế quốc Mỹ đưa Ngô Đình Diệm về miền Nam lập chính phủ bù nhìn và chuẩn bị hất cẳng Pháp. Đế quốc Mỹ âm mưu biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới và căn cứ quân sự của Mỹ, chia cắt lâu dài đất nước ta và ngăn chặn phong trào giải phóng dân tộc đang phát triển ở Đông Nam Châu Á. Một lần nữa nhân dân Lâm Đồng cùng với nhân dân cả nước tiến hành cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước suốt 21 năm đầy gian khổ hy sinh nhưng rất anh dũng, tự hào.

Lâm Đồng là một tỉnh miền núi ở Nam Tây Nguyên (1) có diện tích tự nhiên khoảng 10.400 km², phía Bắc giáp tỉnh Đắk Lắk, phía Tây giáp các tỉnh Sông Bé, Đồng Nai, phía Đông và phía Nam giáp các tỉnh Khánh Hòa, Thuận Hải, Đồng Nai. Với địa hình rừng núi liên hoàn, hiểm trở, có độ cao từ 200 đến trên 2.000 mét đã tạo cho Lâm Đồng có vị trí chiến lược quan trọng, là điểm nối tiếp giữa Nam Tây Nguyên với miền Đông Nam Bộ và Sài Gòn bằng đường quốc lộ 20, nối liền với đồng bằng duyên hải Nam Trung Bộ bằng đường 11, đường số 8 và đường xe lửa Đà Lạt, Tháp Chàm. Thành phố Đà Lạt là một trong những nơi du lịch hấp dẫn của cả nước và là trung tâm chính trị, văn hóa của Tỉnh. Do vị trí chiến lược quan trọng đó nên trước đây thực dân Pháp, đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai đã xây dựng Lâm Đồng trong thế chiến lược liên hoàn nhằm bảo vệ từ xa cơ quan đầu não của chúng ở Sài Gòn, đồng thời làm bàn đạp để đánh phá phong trào cách mạng các tỉnh Cực Nam Trung Bộ và Nam Tây Nguyên.

Dân số tỉnh Lâm Đồng có khoảng trên 100.000 người (năm 1960) gồm 26 dân tộc. Người kinh chủ yếu sống tập trung ở các thị xã, thị trấn và dọc các đường giao thông quan trọng; đồng bào các dân tộc ít người sinh sống ở những vùng sâu, vùng rừng núi. Đồng bào kinh từ nhiều miền của đất nước đến Lâm Đồng sinh sống, họ mang truyền thống cách mạng của địa phương, cùng đồng bào các

(1) Tỉnh Lâm Đồng trước đây gồm hai tỉnh Lâm Viên và Đồng Nai Thượng. Tháng 10-1950, Ủy ban Kháng chiến hành chính miền Nam Trung bộ sát nhập hai tỉnh thành tỉnh Lâm Đồng. Tháng 5-1958 chính quyền Ngô Đình Diệm đổi tên tỉnh Đồng Nai Thượng thành tỉnh Lâm Đồng (gồm hai huyện Bảo Lộc, Di Linh); thành lập tỉnh Tuyên Đức gồm các huyện Đức Trọng, Đơn Dương, Lạc Dương; thị xã Đà Lạt trực thuộc Trung ương, có qui chế riêng. Tháng 8-1961, Trung ương cục miền Nam thành lập Ban cán sự Đảng tỉnh Lâm Đồng (tháng 12-1961 thành lập Tỉnh ủy) và Khu ủy khu 6 thành lập Tỉnh ủy Tuyên Đức. Tháng 6-1976, Quốc hội khóa 6 nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quyết định sát nhập hai tỉnh Lâm Đồng (cũ) và Tuyên Đức thành tỉnh Lâm Đồng.

dân tộc ít người tiếp tục đấu tranh qua các cao trào cách mạng 1930-1931; 1936-1939 và giành được chính quyền về tay nhân dân trong cách mạng tháng 8 năm 1945 lịch sử.

Nhằm thực hiện âm mưu lâu dài của chúng, thực dân Pháp và đế quốc Mỹ đã đẩy mạnh phát triển tôn giáo trong vùng đồng bào dân tộc và bố trí đồng bào thiên chúa giáo di cư ở các điểm dân cư có vị trí chiến lược quan trọng. Tình hình đó đã làm cho ta gặp khó khăn trong việc xây dựng và phát triển thực lực cách mạng.

Khi thực dân Pháp trở lại xâm lược nước ta lần thứ hai, Lâm Đồng là một trong những tỉnh bị địch chiếm đóng sớm (tháng 1-1946). Tuy xa sự chỉ đạo của Trung ương Đảng và Liên khu ủy V, nhưng dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, nhân dân các dân tộc trong tỉnh đã vượt qua mọi khó khăn, gian khổ tiến hành cuộc kháng chiến anh dũng, vẻ vang. Từ vùng căn cứ du kích Mang Yệu - Chí Lai, phong trào cách mạng phát triển trong nhiều buôn đồng bào dân tộc phía nam các huyện Di Linh, Bảo Lộc và mở rộng đến vùng Tà In, La Hoan. Tại thị xã Đà Lạt, phong trào phát triển mạnh, xây dựng được nhiều cơ sở trên các địa bàn, từ đó mở rộng ra các ấp vùng ven, vùng đồng bào dân tộc phía Tây Bắc, tạo thế cho việc mở phong trào trong thời kỳ chống Mỹ. Tuy vậy, phong trào cách mạng trong tỉnh vẫn phát triển chưa đều, chưa mạnh, nhiều nơi cơ sở cách mạng còn ít như thị trấn Di Linh, Blao và trong các đồn điền; cán bộ lãnh đạo, đảng viên là người tại chỗ còn ít, chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ cách mạng.

Ở Lâm Đồng tổ chức Đảng được thành lập từ tháng 4 năm 1930 và đã lãnh đạo nhân dân tham gia các cao trào cách mạng. Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, Đảng bộ không ngừng được củng cố và phát triển, Ban cán sự Đảng tỉnh và các huyện được thành lập, toàn Đảng bộ có hàng trăm đảng viên. Sau khi Hiệp định Giơ-ne-vơ được ký kết, số cán bộ, đảng viên thoát ly

và lực lượng vũ trang của tỉnh đều tập trung xuống chiến khu Lê Hồng Phong (Bình Thuận) để học tập về vấn đề định chiến và chuẩn bị chuyển quân tập kết (1). Ngay từ đầu Ban cán sự Cực Nam và Ban cán sự Đảng Tỉnh không kịp thời sắp xếp lại tổ chức, bố trí cán bộ, đảng viên ở lại hoạt động. Đến tháng 10-1954 tại Đà Lạt chỉ còn 03 Đảng viên hoạt động hợp pháp (trong đó có một đồng chí trên đường chuyển quân tập kết bị tai nạn phải ở lại).

Những đặc điểm, tình hình trên đây đã ảnh hưởng trực tiếp đến phong trào cách mạng tỉnh Lâm Đồng trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Nhưng dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân các dân tộc trong tỉnh vẫn tiếp tục phát huy truyền thống cách mạng, vượt qua mọi khó khăn gian khổ, giành nhiều thắng lợi vẻ vang, góp phần đưa sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước đến thắng lợi hoàn toàn.

I- Củng cố tổ chức Đảng, xây dựng thực lực cách mạng, đấu tranh đòi hòa bình, chống địch khủng bố. (Từ tháng 7-1954 đến tháng 7-1956).

Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp kết thúc thắng lợi, nhưng nước ta còn tạm thời chia làm hai miền, nhân dân miền Nam tiếp tục đấu tranh chống đế quốc Mỹ xâm lược và bè lũ tay sai để hoàn thành cuộc cách mạng dân chủ nhân dân. Tháng 7-1954, Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 6 (khóa II) nhận định: "Đế quốc Mỹ là kẻ thù chính của nhân dân yêu chuộng hòa bình thế giới và hiện đang trở thành kẻ thù chính, trực tiếp của

(1) Lệnh ngừng bắn ở Cực Nam Trung Bộ và Nam Tây Nguyên có hiệu lực từ ngày 1-8-1954 và đến ngày 5-10-1954 phải tiến hành xong việc chuyển quân tập kết.

nhân dân Đông Dương" (1). Hội nghị đề ra ba nhiệm vụ trước mắt của toàn Đảng và toàn dân ta là :

1. Tranh thủ và củng cố hòa bình, thực hiện thống nhất, hoàn thành độc lập, dân chủ trong toàn quốc.

2. Tăng cường lực lượng quân sự, xây dựng một quân đội nhân dân hùng mạnh thích hợp với yêu cầu của tình thế mới.

3. Tiếp tục thực hiện người cày có ruộng, ra sức phục hồi sản xuất, chuẩn bị điều kiện kiến thiết nước nhà (2).

Trong bản báo cáo đọc tại Hội nghị, Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ : Đấu tranh củng cố hòa bình, thực hiện thống nhất đất nước là một cuộc đấu tranh lâu dài gian khổ và phức tạp vì đế quốc Mỹ sẽ ra sức phá hoại hòa bình và thực dân Pháp vẫn theo đuôi đế quốc Mỹ.

Ngay sau khi đưa Ngô Đình Diệm về lập chính phủ bù nhìn ở miền Nam, đế quốc Mỹ tiến hành nhiều âm mưu để hất cẳng Pháp, phá hoại việc thi hành Hiệp định Giơ-ne-vơ; đồng thời gấp rút xây dựng bộ máy ngụy quyền các cấp, cải tổ ngụy quân, tăng cường viện trợ kinh tế làm công cụ thực hiện chính sách xâm lược thực dân mới.

Tháng 2-1955, Mỹ - Diệm bắt đầu thực hiện chính sách "tố cộng" nhằm tiêu diệt lực lượng cách mạng, xóa bỏ mọi ảnh hưởng của Đảng trong nhân dân. Lực lượng quân đội, cảnh sát mở nhiều cuộc hành quân càn quét, kết hợp với giai cấp địa chủ phong kiến,

(1), (2) Một số văn kiện của Đảng về chống Mỹ, cứu nước. Tập I, NXB Sự thật, Hà Nội - 1985, trang 51, 52, 53.

ác ôn tại chỗ đánh phá cách mạng. Chúng tổ chức các lớp học "tổ cộng" bắt ép quần chúng nói xấu Đảng, nói xấu cách mạng, khai báo người thân tham gia kháng chiến, từ đó truy bắt cán bộ, đảng viên và những người yêu nước. Những vụ thảm sát đẫm máu ở Ngân Sơn, Chí Thạnh, Vĩnh Trinh, Chợ Được, Mỏ Cày... đã giết hại hàng chục ngàn người và hàng trăm ngàn người bị bắt.

Tại Lâm Đồng, ngay quyền các cấp tiến hành phân loại quần chúng, phát hiện cán bộ, đảng viên và cơ sở cách mạng. Đầu năm 1956, một số tên phản động ở Đà Lạt giả danh cán bộ cách mạng lập ra một tổ chức "cách mạng" nhằm thực hiện những âm mưu đen tối của chúng. Tại một khu rừng ở Cam Ly, chúng chuẩn bị cờ đỏ sao vàng, ảnh Bác Hồ rồi vận động cơ sở cách mạng, thanh niên yêu nước đến dự mít tinh. Khi mọi người đến đông đủ, lực lượng cảnh sát đến bao vây, bắt mọi người về giam tại nhà lao Đà Lạt. Chúng đánh đập, tra tấn những người dự mít tinh phải khai báo tổ chức Đảng, cán bộ lãnh đạo và cơ sở cách mạng. Chúng còn tung tin vu khống "Việt cộng" tập hợp lực lượng âm mưu phá hoại Hiệp định đình chiến, đi ngược lại mong muốn của đồng bào, nhằm làm giảm lòng tin của quần chúng đối với Đảng, với cách mạng.

Sau khi tiến hành các đợt "tổ cộng" ở các tỉnh đồng bằng cực Nam Trung Bộ, gây ra các vụ khủng bố dã man ở Hàm Tân, khu Lê Hồng Phong (Bình Thuận), An Xuân, Vĩnh Ký, Thái An, Sơn Hải (Ninh Thuận), địch tập trung lực lượng đánh phá phong trào cách mạng ở miền núi và các tỉnh Nam Tây Nguyên. Ở Lâm Đồng, địch tổ chức hàng trăm lớp "tổ cộng", chúng chia ra làm hai loại : một loại cho quần chúng nhân dân, một loại cho ngay quyền cấp

huyện, xã (1). Thực chất của các lớp "tổ cộng" là những trại tập trung tra tấn, truy bức quần chúng khai báo tổ chức Đảng, cán bộ, cơ sở cách mạng. Phương châm của chúng là : diệt tận gốc bọn lãnh đạo, bắt giết nhằm 100 người còn hơn để lọt một tên cộng sản. Nhận rõ âm mưu và thủ đoạn thâm độc của kẻ thù, đồng bào ở nhiều nơi trong tỉnh tìm mọi cách tẩy chay không tham gia các lớp học "tổ cộng", có khi bị cưỡng ép đến lớp nhưng cũng chỉ ngồi im không phát biểu, thảo luận. Những hình thức đấu tranh khôn khéo, có lý lẽ của quần chúng đã gây khó khăn cho địch trong việc tổ chức các lớp học "tổ cộng".

Đi đôi với chính sách "tổ cộng", Mỹ - Diệm đưa đến Lâm Đồng hơn 30.000 đồng bào thiên chúa giáo di cư từ miền Bắc vào. Chúng bố trí các điểm dân cư nhằm bảo vệ các tiểu khu, chi khu và dọc các đường giao thông quan trọng như Tân Thanh, Tân Phát, Tân Bùi (Bảo Lộc), Phú Hiệp, Tân Xuân, Tân Lập (Di Linh), Bình Thạnh (trên đường liên tỉnh 18 còn gọi là đường 21 kéo dài), Lạc Lâm (trên quốc lộ 21A), các ấp nội ô và vùng ven phía Tây Bắc Đà Lạt. Ngoài ra còn có hàng ngàn đồng bào các dân tộc Tây, Nùng ở các tỉnh biên giới phía Bắc chạy theo sư đoàn Nùng (2) được bố trí ở xen kẽ với số đồng bào ở khu V, Nam Bộ bị địch khủng bố phải rời bỏ quê hương đến Lâm Đồng sinh sống. Do đó đã làm thay đổi cơ cấu dân cư, gây khó khăn phức tạp cho cách mạng.

Trước tình hình Mỹ - Diệm ra sức phá hoại Hiệp định đình chiến, quần chúng nhân dân bị địch kèm kẹp, khủng bố dã man,

(1) Đến tháng 6-1956, tại Lâm Đồng địch đã mở 80 lớp tổ cộng với gần 20.000 người cho quần chúng nhân dân và 19 lớp với hơn 10.000 người cho nguỵ quyền cấp huyện, xã.

(2) sư đoàn 5 Nùng từ miền Bắc chạy vào đóng hậu cứ ở Sông Mao (Bình Thuận).

tháng 9-1954, Bộ chính trị Trung ương Đảng ra nghị quyết về tình hình mới, nhiệm vụ mới của cách mạng miền Nam. Bộ chính trị xác định: "Nhiệm vụ của Đảng ở miền Nam trong giai đoạn hiện tại là: lãnh đạo nhân dân miền Nam đấu tranh thực hiện Hiệp định đình chiến, củng cố hòa bình, thực hiện tự do dân chủ, cải thiện dân sinh, thực hiện thống nhất và tranh thủ độc lập"(1). Vì vậy, phương châm công tác lúc này là "tranh thủ hoạt động hợp pháp và nửa hợp pháp, kết hợp công tác hợp pháp với công tác không hợp pháp"(2). Để phù hợp với tình hình mới, Bộ chính trị quyết định giải thể Trung ương cục miền Nam, lập lại Xứ ủy Nam Bộ, ở Liên khu V giữ nguyên khu ủy và thành lập 3 Liên tỉnh ủy.

Quán triệt tinh thần nghị quyết của Bộ chính trị, Liên khu ủy V đề ra nhiệm vụ trọng tâm trước mắt là: Phải tạo thế bám trụ vững chắc trên các địa bàn, từ thành thị đến nông thôn, từ đồng bằng đến miền núi, bám rễ trong nhân dân để xây dựng và củng cố mạng lưới cơ sở cốt cán, tập hợp đông đảo quần chúng dưới mọi hình thức hợp pháp, nửa hợp pháp, tranh thủ tề ngụy, lập chính quyền theo kiểu "xanh vỏ đỏ lòng". Hình thành đường dây chỉ đạo chặt chẽ từ tỉnh xuống đến cơ sở. Phải lãnh đạo quần chúng dựa vào pháp lý hiệp định đấu tranh chống "tố cộng", đòi quyền dân sinh dân chủ.

Liên khu ủy chủ trương tăng cường cán bộ, đảng viên cho các tỉnh Tây Nguyên. Một số cán bộ từ các tỉnh Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận đã theo đường hợp pháp, bất hợp pháp lên hoạt động ở Lâm Đồng.

(1) Một số văn kiện của Đảng về chống Mỹ, cứu nước, tập 1, NXB Sự thật, Hà Nội, 1985, trang 68.

(2) Một số văn kiện của Đảng về chống Mỹ, cứu nước, tập 1, NXB Sự thật, Hà Nội, 1985, trang 70.

Tháng 9-1954, Ban cán sự Cục Nam bố trí một số cán bộ ở lại hoạt động vùng căn cứ Mang Yệu - Chí Lai và củng cố lại huyện ủy Di Linh gồm 7 đồng chí (có 3 đồng chí người dân tộc), đồng chí Nguyễn Xuân Du được cử làm Bí thư huyện ủy (1). Căn cứ vào yêu cầu nhiệm vụ mới và tình hình thực tế ở địa phương, huyện ủy chủ trương tập hợp số đảng viên người tại chỗ ở vùng căn cứ để thành lập các chi bộ; khẩn trương tổ chức và phát triển các đoàn thể quần chúng như thanh niên, phụ nữ, từng bước mở rộng địa bàn hoạt động, phát triển cơ sở lên sát thị xã Di Linh, thị trấn Blao, tạo bàn đạp bám sát đường 20 và mở sang phía bắc đường. Phương thức hoạt động lúc này là lợi dụng những sơ hở của địch, cài cắm cán bộ và quần chúng cốt cán vào các tổ chức nguy quyền ở cơ sở để tổ chức "lề hai mặt", tạo thuận lợi cho nhiệm vụ xây dựng thực lực cách mạng và nắm tình hình trong vùng địch kiểm soát.

Thực hiện chủ trương của Huyện ủy, các đoàn thể quần chúng ở vùng căn cứ được củng cố và tiếp tục hoạt động, tập hợp được nhiều hội viên. Huyện ủy phân công cán bộ, đảng viên xuống các buôn thực hiện "4 cùng" (2), vận động đồng bào làm "rẫy cách mạng" đẩy mạnh tăng gia sản xuất để giải quyết lương thực và đóng góp cho cách mạng. Qua mấy mùa sản xuất đã khắc phục được tình trạng thiếu đói, đồng bào càng tin tưởng và quyết tâm đi theo Đảng làm cách mạng.

Đầu năm 1956, hai đồng chí đảng viên cùng với hơn 100 đồng bào buôn Cơn Sỏ (3) tổ chức lễ đâm trâu ăn thề. Đó là một truyền thống tốt đẹp của đồng bào dân tộc, biểu thị quyết tâm đi theo cách

(1) Từ tháng 12-1952 huyện ủy Di Linh trực thuộc sự chỉ đạo của tỉnh ủy Bình Thuận.

(2) Thực hiện cùng ăn, cùng ở, cùng làm, cùng nói tiếng dân tộc.

(3) Nay thuộc xã Sơn Điền, huyện Di Linh.

mạng, kiên quyết chống lại mọi âm mưu và thủ đoạn của Mỹ - Diệm. Sau buổi lễ, địch huy động lực lượng đến bắt một số cơ sở và đồng bào ở các buôn Con Sỏ, Đăng Gia, Bô Cao đưa đi giam tại Đà Lạt, Blao. Những người còn lại bí mật thành lập các tổ du kích, tự trang bị các loại vũ khí thô sơ như cung, tên, giáo mác sẵn sàng đánh địch khi chúng đến cần quét, cướp phá buôn làng.

Cùng với việc củng cố tổ chức Đảng và xây dựng cơ sở cách mạng ở vùng căn cứ phía Nam huyện Di Linh, đầu năm 1955, Ban cán sự Đảng Cục Nam cử 8 đồng chí cán bộ, đảng viên từ Bình Thuận, Ninh Thuận theo đường hợp pháp lên hoạt động ở Đà Lạt. Sau khi tạo được thế sống hợp pháp và tìm việc làm thích hợp để che mắt địch, tháng 3-1955, Ban cán sự Cục Nam quyết định thành lập Ban cán sự Đảng Đà Lạt, gồm 3 đồng chí (1). Trong cuộc họp đầu tiên, Ban cán sự Đảng Đà Lạt đề ra một số nhiệm vụ trước mắt nhằm nhanh chóng ổn định tổ chức, móc nối và phát triển cơ sở cách mạng, trước hết là trong công nhân, lấy công nhân làm chỗ dựa để phát triển rộng ra các ấp người kinh vùng ven. Ban cán sự phân công đảng viên xuống các địa bàn liên lạc và nắm lại những cơ sở cũ trong nội ô, sau đó mở rộng ra các ấp vùng ven như Trại Hầm, Tây Hồ, Đa Phú và vùng Thạnh Mỹ, Ka Đô (Đơn Dương).

Sau một thời gian tuyên truyền, vận động, ta đã xây dựng được nhiều cơ sở trong các tổ chức nghiệp đoàn công nhân, nhất là ở nghiệp đoàn Hòa xa, phụ nữ chợ Đà Lạt, phát triển một số cơ sở đơn tuyến và hình thành đường dây liên lạc hợp pháp từ Đà Lạt

(1) Đồng chí Đỗ Đạt Khoảng bí thư, các đồng chí Đoàn Quang, Nguyễn Trung từy viên.

đến Ban cán sự Cục Nam. Đến cuối năm 1955, hầu hết các cơ sở cũ được liên lạc và tiếp tục hoạt động, phát triển thêm 50 cơ sở trong các ấp người kinh ở vùng ven thị xã.

Hưởng ứng "phong trào hòa bình Sài Gòn-Chợ Lớn" (1), cuối năm 1954, một số đảng viên và cơ sở ở Đà Lạt tự động thành lập Ủy ban bảo vệ hòa bình tại địa phương do 2 đồng chí đảng viên trực tiếp chỉ đạo. Thành viên của Ủy ban là những người yêu nước, trong đó lực lượng đông đảo nhất là công nhân các ngành xây dựng, cầu đường và lái xe tắc xi. Sau khi thành lập, Ủy ban cử cán bộ đi liên hệ với phong trào hòa bình Sài Gòn-Chợ Lớn lấy tài liệu tuyên truyền, sau đó bí mật in và phát hành hơn 1.000 bản tài liệu với nội dung tuyên truyền, giải thích các điều khoản của hiệp định đình chiến và tố cáo âm mưu phá hoại Hiệp định của Mỹ-Diệm. Ủy ban quyền góp tiền mua một chiếc xe tắc xi làm phương tiện vận chuyển tài liệu và đảm bảo hoạt động được nhanh chóng, thuận tiện. Với ảnh hưởng rộng lớn của phong trào, các ấp vùng ven như Nghệ Tĩnh, Hà Đông, Sào Nam, Tây Hồ đã có nhiều quần chúng tích cực ủng hộ và tham gia các cuộc đấu tranh công khai hợp pháp. Quần chúng cử đại diện lên gặp Thị trưởng Đà Lạt đưa kiến nghị đòi chính quyền địch phải tôn trọng các điều khoản của hiệp định, đòi tự do hội họp, tự do đi lại làm ăn, quan hệ bình thường giữa hai miền Nam-Bắc.

Phối hợp với phong trào bảo vệ hòa bình, tháng 8-1955, được sự chỉ đạo của cơ sở Đảng bên trong, hơn 300 phụ nữ chợ Đà Lạt tổ chức cuộc mít tinh bãi thị, cử đại diện gặp Thị trưởng Đà Lạt

(1) Tháng 8-1954, nhiều trí thức yêu nước ở Sài Gòn thành lập "Phong trào hòa bình Sài Gòn-Chợ Lớn", mục tiêu đấu tranh của phong trào là nhằm củng cố hòa bình ở Đông Dương, bảo đảm quyền tự do dân chủ, thống nhất Việt Nam bằng tổng tuyển cử tự do.

đưa kiến nghị đòi thi hành hiệp định đình chiến, đòi Mỹ không được can thiệp vào miền Nam Việt Nam.

Trước sự phát triển và ảnh hưởng rộng lớn của phong trào, chính quyền địch ở địa phương tìm cách đối phó, dùng mọi thủ đoạn để đàn áp, khủng bố. Tại Đà Lạt, địch bắt một số người hoạt động trong phong trào bảo vệ hòa bình, trong đó có một đồng chí đảng viên trong Ủy ban. Do có người khai báo nên địch truy bắt 13 cơ sở và quần chúng ở Đơn Dương đưa về nhà lao Đà Lạt. Cuối năm 1955, phong trào bảo vệ hòa bình tại Đà Lạt dần dần lắng xuống và ngừng hoạt động.

Phong trào bảo vệ hòa bình ở Đà Lạt tuy có mục tiêu đấu tranh cụ thể, nhưng do chưa có kinh nghiệm tổ chức, lãnh đạo, chưa vận dụng thích hợp hình thức đấu tranh hợp pháp, bất hợp pháp vào điều kiện cụ thể và hoàn cảnh mới, còn chủ quan bộc lộ lực lượng nên sớm bị địch đánh phá. Mặt khác, phong trào chưa tập hợp được đông đảo các tầng lớp nhân dân tham gia, tạo thành một mặt trận đấu tranh rộng rãi đòi hòa bình, tự do, chống âm mưu phá hoại hiệp định đình chiến của Mỹ-Diệm.

Qua các cuộc khủng bố, đàn áp, địch đã bắt gần hai trăm cán bộ, đảng viên và quần chúng yêu nước ở các nơi trong tỉnh và một số người ở các tỉnh Gialai Kon Tum, Đắc Lắc về giam tại nhà lao Đà Lạt. Mặc dù cuộc sống nhà lao vô cùng khắc nghiệt và bị tra tấn, đánh đập dã man, nhưng những người yêu nước vẫn giữ vững khí tiết cách mạng, dù có phải hy sinh tính mạng của mình cũng không khai báo để bảo vệ Đảng, bảo vệ phong trào cách mạng. Giữa năm 1956, các đồng chí đảng viên trong nhà lao đã vận động, tổ chức cuộc đấu tranh đòi cải thiện chế độ ăn uống và chống học tập "tổ cộng". Bằng những lý lẽ khôn khéo, hợp tình hợp lý của anh em tù nhân, giám thị nhà lao buộc phải chấp nhận cho tù nhân được tham gia quản lý việc tiếp phẩm và ăn uống, do đó đời sống đỡ khó

khẩn hơn trước. Tại các lớp học "tổ cộng", anh chị em tù nhân dùng nhiều hình thức đấu tranh hợp pháp để không tham gia học tập và bằng những lý lẽ đánh thép vạch trần âm mưu của Mỹ-Diệm không thi hành hiệp định. Đối với một số phần tử của Đảng Đại Việt do địch cài vào nhà lao anh em tù nhân vừa đấu tranh chỉ rõ những việc làm sai trái của họ, vừa thuyết phục, cảm hóa họ đồng tình với các cuộc đấu tranh ở nhà lao và tán thành cuộc đấu tranh cách mạng của nhân dân ta.

Đầu năm 1955, Ban cán sự Cục Nam cử một số cán bộ theo đường hợp pháp đến hoạt động tại Bảo Lộc, Di Linh để phát động phong trào quần chúng, xây dựng cơ sở cách mạng trong các thị trấn, đồn điền. Những cán bộ đó đã cùng nhau thành lập Ban cán sự Đảng liên huyện Bảo Lộc-Di Linh (1) và phân công cán bộ xuống các địa bàn nắm tình hình và xây dựng phong trào. Tháng 7-1955, Ban cán sự họp kiểm điểm tình hình 6 tháng hoạt động và đề ra những nhiệm vụ trước mắt. Trên cơ sở đánh giá tình hình địch ta, Ban cán sự chủ trương: Triệt để lợi dụng mâu thuẫn giữa Pháp và Mỹ nhất là trong các đồn điền, nhanh chóng tuyên truyền cho quần chúng và công nhân hiểu được kẻ thù chính của dân tộc ta là đế quốc Mỹ và chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm; từng bước xây dựng cơ sở cách mạng và tổ chức Đảng trong công nhân.

Thực hiện chủ trương trên, các đồng chí trong Ban cán sự Liên huyện trực tiếp vào làm công nhân trong một số đồn điền. Do làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục nên đã xây dựng được nhiều cơ sở cách mạng, vận động và tổ chức công nhân đấu tranh chống ngụy quyền bắt ép họ tham gia "phong trào cách mạng quốc gia". Trong

(1) Ban cán sự Đảng liên huyện Bảo Lộc-Di Linh gồm 5 đồng chí do đồng chí Trần Soạn, nguyên Ủy viên Ban thường vụ Tỉnh ủy Ninh Thuận, làm Bí thư.

các đồn điền Đa Nghịch, Minh Rồng, công nhân đấu tranh đòi bọn chủ tăng lương, bán gạo và cấp thuốc chữa bệnh. Những cuộc đấu tranh đó có ảnh hưởng lớn đến các đồn điền khác ở Bảo Lộc, Di Linh, nhiều nơi công nhân cử đại diện gặp bọn chủ đưa yêu sách hoặc tìm cách lẩn công, làm hỏng máy móc. Trước tình hình đó, bọn chủ đồn điền vừa đe dọa công nhân, vừa phải nhượng bộ và chấp nhận bán gạo, cấp thuốc chữa bệnh cho gia đình công nhân, tăng mức lương công nhân nữ lên ngang mức lương công nhân nam trong cùng một công việc.

Thông qua phong trào đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ của công nhân, Ban cán sự Liên huyện chú ý việc bồi dưỡng, xây dựng cốt cán, đào tạo cán bộ trong lực lượng công nhân. Tháng 10-1955, tại đồn điền Bít Sê đã thành lập Ban cán sự gồm 3 đồng chí (có 2 đảng viên) và xây dựng được 16 cơ sở cách mạng ở các đồn điền Đa Nghịch, Minh Rồng.

Giữa lúc phong trào công nhân ở Bảo Lộc, Di Linh đang có nhiều chuyển biến mạnh, thi địch tăng cường lực lượng lùng sục, kiểm tra chặt chẽ việc đi lại của quần chúng để phát hiện, truy bắt cán bộ. Đêm 12-12-1955, một đồng chí trong Ban cán sự Liên huyện bị bắt, các đồng chí còn lại hoạt động trong điều kiện hết sức khó khăn, căng thẳng nên lần lượt chuyển vùng hoạt động. Đến giữa năm 1956, Ban cán sự Đảng Liên huyện Bảo Lộc-Di Linh không còn nữa.

II- Từng bước chuyển hướng đấu tranh trong tình hình mới (từ tháng 8-1956 đến cuối năm 1958).

Qua hai năm đấu tranh đòi thi hành hiệp định Giơ-ne-vơ, cách mạng miền Nam đứng trước tình hình vô cùng khó khăn, phức tạp. Mỹ-Diệm trắng trợn phá hoại hiệp định thực hiện nhiều âm mưu, thủ đoạn phát xít tàn bạo. Tháng 3-1956, chính quyền Ngô

Đình Diệm tổ chức tuyển cử riêng rẽ, bầu "Quốc hội lập hiến" và tháng 10-1956 ban hành hiến pháp mới, bầu Diệm làm tổng thống. Hiệp định Giơ-ne-vơ trên thực tế đã bị xé bỏ hoàn toàn.

Tháng 6-1956, Bộ chính trị Trung ương Đảng ra nghị quyết nêu rõ: "Tuy hình thức đấu tranh trong toàn quốc của ta hiện nay là đấu tranh chính trị, không phải đấu tranh vũ trang, nói như thế không có nghĩa là tuyệt đối không dùng vũ trang tự vệ trong những hoàn cảnh nhất định... cần củng cố các lực lượng vũ trang và bán vũ trang hiện có, xây dựng căn cứ làm chỗ dựa, đồng thời xây dựng cơ sở quần chúng vững mạnh làm điều kiện căn bản để duy trì và phát triển lực lượng vũ trang"(1).

Thực hiện nghị quyết Bộ chính trị và được sự chỉ đạo trực tiếp của Liên khu ủy V, Liên tỉnh ủy 3(2) chủ trương cần khắc phục khuynh hướng đấu tranh một chiều, hướng dẫn quần chúng canh gác, bố phòng chống địch lùng sục để tự bảo vệ mình và không được quên nhiệm vụ xây dựng căn cứ miền núi, tạo thế bám, thế đứng lâu dài cho phong trào cách mạng địa phương.

Quán triệt tinh thần đó, huyện ủy Di Linh tập trung chỉ đạo vùng căn cứ du kích đẩy mạnh công tác bố phòng bảo vệ buôn làng, nương rẫy, tự tạo các loại vũ khí thô sơ để tự vệ khi cần thiết; đồng thời vận động đồng bào trong vùng địch kiểm soát lập các khu bất hợp pháp, cất giấu lương thực, thực phẩm. Đầu năm 1957, hơn 400 đồng bào ở 3 buôn thuộc xã Bồ Gia ra rừng lập thế hợp pháp, thoát khỏi sự kềm kẹp, khống chế của địch. Những ngày đầu dù phải ăn rau và củ rừng thay cơm, nhưng đồng bào vẫn một lòng tin tưởng

(1) Những sự kiện lịch sử Đảng, tập III, NXB Thông tin lý luận, Hà Nội-1985, trang 58.

(2) Liên tỉnh 3 gồm các tỉnh Khánh Hoà, Ninh Thuận, Bình Thuận, Tuyên Đức và Lâm Đồng (cũ).

và quyết tâm đi theo cách mạng. Vượt qua mọi khó khăn gian khổ, xã Bờ Gia đã hình thành được các tổ chức tự quản, xây dựng lực lượng du kích và trở thành vùng căn cứ vững chắc trong cuộc kháng chiến.

Học tập kinh nghiệm xã Bờ Gia, nhiều buôn ở vùng Nộp, K'Dòn đều bí mật lập các khu bất hợp pháp, dự trữ lương thực, thực phẩm. Một số khu bất hợp pháp dần dần trở thành điểm đứng chân của các đội công tác và hậu cứ của các cơ quan, đơn vị.

Tại thị xã Đà Lạt, phong trào bảo vệ hòa bình tuy bị địch khủng bố, nhưng vẫn còn ảnh hưởng trong quần chúng. Ban cán sự Đảng Đà Lạt vừa lãnh đạo quần chúng đấu tranh công khai hợp pháp, vừa tích cực xây dựng cơ sở phát triển đảng viên. Được Liên tỉnh ủy 3 tăng cường cán bộ, đảng viên, giữa năm 1956 chi bộ Đảng nội ô được thành lập và đầu năm 1957 thành lập chi bộ công nhân hỏa xa, ngoài ra còn phát triển hai đảng viên tại chỗ hoạt động đơn tuyến. Dưới sự lãnh đạo của chi bộ và cơ sở cách mạng, nhân dân Đà Lạt đã tham gia nhiều cuộc đấu tranh chống tăng thuế, chống độc quyền rau của Trần Lệ Xuân và không tham gia tổ chức "phụ nữ liên đới" của địch. Từ phong trào cách mạng của quần chúng, ta xây dựng được nhiều cơ sở ở các ấp vùng ven như Đà Thiện, An Lạc và Cầu Đất, Xuân Sơn (trên đường 11), Định An (trên đường 20).

Đầu năm 1957, Liên tỉnh ủy 3 điều một số cán bộ đến hoạt động tại thị trấn BLao để gây dựng lại phong trào và móc nối với cơ sở cũ. Ngày 19-8-1958, một số đảng viên sống hợp pháp đã tự

động thành lập chi bộ (1). Trong khi chính quyền địch đang tiến hành dồn dân, cướp đất để dời tỉnh lỵ từ Di Linh về thị trấn BLao, chi bộ vận động đồng bào ấp Kon Hin, khu 16 mẫu, khu 7 mẫu đấu tranh trực diện với địch. Hàng trăm người kéo lên quận lỵ đấu tranh và gửi đơn cho ngụy quyền Trung ương phản đối hành động ngang ngược của chính quyền ngụy ở địa phương và đòi bồi thường thiệt hại cho 75 gia đình ở thị trấn BLao. Trước những đề nghị có lý lẽ của đồng bào, chính quyền ngụy phải bồi thường gần 1 triệu đồng, cấp 50 héc ta đất và các loại vật liệu cần thiết cho 75 gia đình làm nhà mới.

Sau hơn hai năm tiến hành các đợt tổ cộng, đánh phá phong trào cách mạng ở các tỉnh đồng bằng, từ năm 1957, địch tập trung lực lượng đánh phá phong trào ở miền núi và các tỉnh Nam Tây Nguyên. Chúng phát động chiến dịch "thượng du vận", nhưng thực chất là tiến hành "tổ cộng" ở miền núi. Mục tiêu của chúng là "đánh mạnh, nhổ sạch cơ sở cách mạng", "tấy người dân tộc trị người dân tộc" hong xoa bỏ mọi ảnh hưởng của Đảng, của cách mạng trong đồng bào dân tộc và đánh phá các căn cứ của ta. Chúng còn ban hành chính sách "tiến bộ, bình đẳng" nhằm mua chuộc, lừa mị đồng bào và thực hiện âm mưu chia rẽ Kinh-Thượng.

Đi đôi với những âm mưu và thủ đoạn trên, địch còn xúc tiến mở rộng đường 20, sửa chữa và trang bị thêm cho 3 sân bay Liên Khương, Cam Ly, Bảo Lộc để phục vụ mục đích quân sự, gấp rút cải tổ, sắp xếp và tăng cường bộ máy ngụy quyền từ tỉnh xuống cơ sở; đẩy mạnh đồn quân bắt lính bổ sung cho lực lượng bảo an, cộng

(1) Chi bộ này đến năm 1961 được khu ủy 6 công nhận. Trong chi bộ có một đồng chí nguyên là ủy viên Ban cán sự Đảng liên huyện Bảo Lộc-Di Linh trước đó bị địch bắt và đã được trả tự do.

hòa, củng cố dân vệ và thanh niên chiến đấu. Riêng ở Đà Lạt có 350 tên bảo an, 150 dân vệ và trên 1000 thanh niên chiến đấu.

Tại thị xã Đà Lạt, địch tiếp tục đánh phá phong trào cách mạng, truy bắt cán bộ, đảng viên và những quần chúng yêu nước. Một số cán bộ, đảng viên hoạt động tại Viện Pát-xơ, Nha địa dư, Hỏa xa và đồng chí bí thư Ban cán sự bị bắt. Tuy phong trào có bị tổn thất nhưng một số cán bộ, đảng viên còn lại vẫn bám quần chúng, bám cơ sở tiếp tục hoạt động.

Để xây dựng Tây Nguyên thành căn cứ vững chắc của cách mạng miền Nam, mùa thu năm 1958, Trung ương Đảng ra chỉ thị về nhiệm vụ trước mắt ở Tây Nguyên. Chỉ thị nêu rõ: "Tây Nguyên là một vị trí quan trọng chẳng những đối với miền Nam nước ta mà còn đối với cả miền Nam Đông Dương, một địa bàn chiến lược có ý nghĩa quyết định trong cuộc đấu tranh giữa ta và địch, là nơi có điều kiện tối để xây dựng căn cứ cách mạng, làm chỗ dựa cho phong trào miền Nam"(1). Do đó, nhiệm vụ của Tây Nguyên là: "Giữ gìn và phát triển lực lượng cách mạng, xây dựng Tây Nguyên thành căn cứ cách mạng của ta ở miền Nam, phá tan âm mưu xây dựng Trung tâm căn cứ của Mỹ-Diệm"(2).

Chấp hành chỉ thị của Trung ương Đảng, Liên khu ủy V xúc tiến việc chỉ đạo xây dựng Tây Nguyên và miền núi các tỉnh đồng bằng thành căn cứ cách mạng. Liên khu ủy chủ trương phát triển một cách phổ biến hình thức vũ trang tự vệ của quần chúng và tiến hành hoạt động du kích ở những nơi có địa thế thuận lợi.

Quán triệt tinh thần đó, liên tỉnh ủy 3 đề ra nhiệm vụ cho phong trào miền núi là : Xây dựng căn cứ miền núi ngày thêm vững chắc,

(1)(2) Sách đã dẫn, trang 101, 102.

chức lực lượng tự vệ vũ trang, bí mật diệt ác, tích cực hỗ trợ phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng.

Phối hợp với phong trào đấu tranh của nhân dân các tỉnh Tây Nguyên chống địch lập khu dinh điền, khu trù mật, trong năm 1958 đồng bào các dân tộc ít người ở Bảo Lộc, Di Linh đã tham gia nhiều cuộc đấu tranh chính trị. Giữa năm 1958, đồng bào dân tộc kéo lên quận đấu tranh đòi bán gạo, muối và được tự do đi lại làm ăn. Chính quyền địch cử đại diện gặp đồng bào để xoa dịu, giải thích, nhưng đồng bào vẫn tiếp tục đấu lý với chúng. Một số cơ sở cốt cán, người già, phụ nữ và trẻ em ở lại trong quận ly 3, 4 ngày đòi địch giải quyết kiến nghị. Trước tinh thần đoàn kết đấu tranh và lý lẽ của đồng bào, lại thêm cảnh mất trật tự tại quận ly, địch phải nhượng bộ, chịu bán gạo, muối và để cho đồng bào phát rẫy gần buôn làng.

Tại Đà Lạt, cuối năm 1958 được Liên tỉnh ủy 3 tăng cường thêm cán bộ, đảng viên nên Ban cán sự Đảng (1) được củng cố lại và liên tục mở rộng địa bàn hoạt động, phong trào cách mạng được khôi phục. Trong nội ô và một số ấp vùng ven đã mọc nổi lại nhiều cơ sở và phát triển thêm cơ sở mới. Ngoài ra còn xây dựng được 6 cơ sở Đại Ninh, Quảng Hiệp, (Đức Trọng) tạo điều kiện để củng cố đường dây liên lạc từ Đà Lạt đi Sài Gòn.

Đến cuối năm 1958, phong trào cách mạng ở Lâm Đồng đang từng bước chuyển biến, tổ chức Đảng ở Đà Lạt, Bảo Lộc, và vùng căn cứ phía Nam huyện Di Linh được củng cố và phát triển. Những cuộc đấu tranh của quần chúng đã có hàng ngàn người tham gia. Quần chúng ngày càng thấy rõ chính sách tàn bạo, phát xít của Mỹ-Địch. Trước những âm mưu, thủ đoạn xảo quyệt của địch, nhân

(1) Đồng chí Lê Thanh Liêm (tức Mười Liêm), nguyên bí thư tỉnh ủy Khánh Hòa làm bí thư ban cán sự Đảng Đà Lạt.

dân các dân tộc trong tỉnh còn phải tiếp tục đấu tranh chính trị hợp pháp, kết hợp với vũ trang tự vệ để kịp thời ngăn chặn hành động tội ác của chúng và bảo vệ lực lượng cách mạng.

III-Đẩy mạnh nhiệm vụ xây dựng căn cứ. Mở rộng địa bàn hoạt động. Chuyển phong trào lên một bước mới (từ đầu năm 1959 đến tháng 7-1961).

Để đáp ứng yêu cầu bức thiết của cách mạng miền Nam, tháng 1-1959, Ban chấp hành Trung ương Đảng họp hội nghị lần thứ 15, xác định đường lối cách mạng miền Nam trong giai đoạn mới. Hội nghị vạch rõ : "Nhiệm vụ cơ bản của cách mạng miền Nam là giải phóng miền Nam khỏi ách thống trị của đế quốc , phong kiến, thực hiện độc lập dân tộc và người cày có ruộng, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ ở miền Nam." (1). Hội nghị nhấn mạnh : "Con đường phát triển cơ bản của cách mạng Việt Nam ở miền Nam Là con đường bạo lực. Theo tình hình cụ thể và yêu cầu hiện nay của cách mạng thì con đường đó là lấy sức mạnh của quần chúng, dựa vào lực lượng chính trị của quần chúng là chủ yếu, kết hợp với lực lượng vũ trang để đánh đổ quyền thống trị của đế quốc và phong kiến, dựng lên chính quyền cách mạng của nhân dân" (2).

Dưới ánh sáng nghị quyết lần thứ 15 của Trung ương Đảng, nhân dân ở nhiều tỉnh Liên khu V đã nổi dậy chống lại ách kềm kẹp của Mỹ-Địch. Nhiều tỉnh tiến hành xây dựng lực lượng vũ trang và bước đầu hoạt động có kết quả tốt.

(1),(2) Một số văn kiện của Đảng về chống Mỹ, cứu nước. Tập I, NXB sự thật, Hà Nội-1985, trang 116, 117.

Sự chuyển biến của phong trào cách mạng ở các địa phương có ảnh hưởng lớn đến tư tưởng của cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc Lâm Đồng. Cuối năm 1959, đồng chí Lê Văn Hiến thay mặt Thường vụ Liên tỉnh ủy 3 đến Đà Lạt phổ biến nội dung nghị quyết 15. Sau khi được học tập, cán bộ, Đảng viên đã tháo gỡ được những băn khoăn thắc mắc, đồng thời xác định vai trò, trách nhiệm của mình trước yêu cầu, nhiệm vụ mới của cách mạng. Ban cán sự Đảng Đà Lạt chủ trương: Đẩy mạnh hơn nữa nhiệm vụ xây dựng cơ sở cách mạng với số lượng đông, chất lượng cao. Nhanh chóng phát triển cơ sở chính trị trong nội ô và mở rộng ra vùng nông thôn ven thị xã, tạo điều kiện thuận lợi để từng bước nối liên lạc giữa Đà Lạt với các đội vũ trang tuyên truyền của Liên tỉnh ủy 3 đang từ các hướng Khánh Hòa, Ninh Thuận tiến lên và của Liên tỉnh ủy 4 (1) từ phía Nam tỉnh Đắk Lắk phát triển xuống.

Trong thời gian này, Ban cán sự Đà Lạt tiếp tục được củng cố và hoạt động nửa hợp pháp bên trong thị xã. Với phương thức "Cầu chuyền", ta đã móc nối lại được nhiều cơ sở cũ bị đứt liên lạc và phát triển thêm 20 cơ sở mới. Đó là điều kiện thuận lợi để xây dựng và mở rộng phong trào Đà Lạt trong những năm tiếp theo.

Sau khi chính quyền Ngô Đình Diệm ban hành luật 10-59, bọn địch ở Đà Lạt tăng cường khủng bố phong trào cách mạng, truy bắt 86 người chúng nghi vấn hoạt động cách mạng. Do không chịu nổi những đòn đánh đập, tra tấn của địch, một tên phản bội đã khai báo và dẫn địch đánh úp chỗ ở của Ban cán sự Đảng Đà Lạt, một số đồng chí trong Ban cán sự hy sinh. Qua tài liệu lấy được, chúng tiếp tục truy bắt một số cán bộ và cơ sở cách mạng. Cuối năm 1960, phong trào ở Đà Lạt tạm lắng xuống.

(1) Liên tỉnh ủy 4 gồm các tỉnh Gia Lai, Công Tum, Đắk Lắk.

Dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Liên tỉnh ủy 3, phong trào cách mạng ở các huyện miền núi có những chuyển biến mạnh. Cuộc nổi dậy phá hai khu tập trung Bà Râu, Tầm Ngân ở Bắc Ái (Ninh Thuận) và những trận chống càn giành thắng lợi đã làm cho quân chúng ở miền núi rất phấn khởi, nhiều nam nữ thanh niên hăng hái tham gia cách mạng, lực lượng tự vệ tích cực làm nhiệm vụ bố phòng chống địch càn quét.

Ngày 23-5-1960, một bộ phận đơn vị 2-9 (Lực Lượng vũ trang tỉnh Bình Thuận) trên đường làm nhiệm vụ đã gặp một tiểu đội biệt kích của địch tại dốc La Hòn. Đơn vị triển khai đánh địch còn đồng chí phụ trách về hậu cứ xin ý kiến cấp trên. Nhưng một số đồng chí trong cấp ủy lúc đó không tán thành chủ trương đánh địch, cho như vậy là chủ quan thiếu cảnh giác, nếu ta đánh, địch sẽ phản ứng mạnh gây cho ta nhiều khó khăn, do đó chỉ thị cho lực lượng rút lui và xóa dấu vết phục kích. Chấp hành quyết định đó, đồng chí phụ trách đơn vị trở lại báo cho anh em rút lui, nhưng khi tới nơi thì đơn vị đã nổ súng đánh địch, diệt 2 tên, bắt sống 5 tên, thu 5 súng, 14 ba lô. Trận đánh này làm cho địch hoang mang giao động, chúng hạn chế những cuộc hành quân, lúng lúng vào vùng căn cứ, thắng lợi đó còn giải quyết được tư tưởng chưa dám hoạt động vũ trang trong cán bộ lãnh đạo và cán bộ, chiến sĩ các đơn vị. Phát huy thắng lợi trận La Hòn, du kích và nhân dân vùng Gia Bắc nhiều lần phá hoại giao thông trên đường số 8, gây cho địch nhiều khó khăn, trở ngại.

Phối hợp với phong trào đồng khởi đang phát triển mạnh ở các tỉnh Nam Bộ và Liên khu V, Liên tỉnh ủy 3 chủ trương phát động quần chúng trong các khu tập trung, có lực lượng vũ trang hỗ trợ nổi dậy phá khu tập trung trở về buôn làng cũ xây dựng căn cứ.

Khu tập trung Bắc Ruộng được xây dựng từ năm 1957, địch đưa về đây gần 4000 đồng bào dân tộc ít người của các huyện miền

núi tỉnh Bình Thuận và tháng 3-1960 dồn trên 1000 đồng bào vùng K'Dòn huyện Di Linh hồng cất đứt sự liên lạc giữa quần chúng với cách mạng. Trong thời gian địch tiến hành dồn dân, huyện ủy Di Linh chủ trương bố trí một số cán bộ và cơ sở cốt cán đi cùng với đồng bào để tiếp tục xây dựng cơ sở, vận động quần chúng và khi có thời cơ thuận lợi sẽ phát động quần chúng nổi dậy phá khu tập trung, trở về buôn làng cũ.

Chấp hành chủ trương của Liên tỉnh ủy 3, các huyện ủy và đơn vị 2-9 khẩn trương chuẩn bị cho cơ sở chính trị và quần chúng cốt cán bên trong khu tập trung phát động đồng bào nổi dậy; đồng thời vận động đồng bào vùng căn cứ chuẩn bị các mặt đón đồng bào từ khu tập trung trở về. Đêm 31-7 rạng ngày 1-8-1960, gần 30 cán bộ, chiến sĩ và 80 du kích vùng căn cứ tập kích đồn Bắc Ruộng và quận lỵ Hoài Đức, diệt và bắt sống trên 300 tên địch, thu 126 súng các loại, hỗ trợ cho gần 5000 đồng bào nổi dậy phá khu tập trung trở về buôn làng cũ. Được sự hướng dẫn của đội công tác huyện Di Linh, hơn 1000 đồng bào K'Dòn vừa tránh địch truy kích, vừa giúp đỡ nhau vượt qua nhiều sông sâu, núi cao trong mùa mưa lũ về đến buôn làng cũ an toàn.

Thời gian đầu mới trở về đồng bào bị đói nghiêm trọng, phải hái rau, đào củ rừng để sống qua ngày. Trước tình hình đó huyện ủy Di Linh vận động các cơ quan, đội công tác tự nguyện bớt một phần lương thực của mình để chia sẻ với đồng bào, đồng thời phân công cán bộ, đảng viên, chiến sĩ xuống các buôn làng vận động và cùng đồng bào phát rẫy, tăng gia sản xuất. Qua mấy vụ thu hoạch đã giải quyết được nạn đói, từng bước ổn định đời sống. Đi đôi với nhiệm vụ sản xuất, các buôn làng tổ chức lực lượng du kích làm nhiệm vụ bố phòng đánh địch, bảo vệ căn cứ. Tháng 9 -1960, đơn vị 2-9 và lực lượng du kích căn cứ đánh địch càn quét tại buôn Con Sỏ, diệt 12 tên, bảo vệ được tính mạng và tài sản của nhân dân.

Ở xã Sơn Điền (Di Linh), gần 300 đồng bào từ khu tập trung Bắc Ruộng trở về đã nhanh chóng ổn định đời sống, vừa đẩy mạnh tăng gia sản xuất, vừa tích cực tham gia xây dựng làng chiến đấu. Cuối năm 1960, chi bộ xã được thành lập gồm 5 đảng viên, các đoàn thể thanh niên, phụ nữ được củng cố, hình thành 8 tổ văn đối công.

Phát huy chiến thắng Bắc Ruộng, lực lượng vũ trang Liên tỉnh 3 liên tục tấn công, bức rút nhiều đồn bót địch, hỗ trợ nhân dân nổi dậy phá khu tập trung, trở về buôn làng cũ lập thể bố phòng đánh địch. Đến cuối năm 1960, vùng giải phóng của Liên tỉnh 3 đã có trên 30.000 dân ở 23 xã thuộc các huyện Anh Dũng, Bắc Aí (Ninh Thuận), Khánh Sơn, Vĩnh Sơn (Khánh Hòa), Tân Linh (Bình Thuận) và một phần huyện Di Linh (Lâm Đồng).

Giữa lúc phong trào cách mạng miền Nam đang có những chuyển biến lớn thì ở miền Bắc phong trào thi đua lao động sản xuất với tinh thần "tất cả vì miền Nam ruột thịt" cũng thu được thắng lợi đáng kể. Nhân dân miền Bắc luôn luôn hướng về cuộc đấu tranh của đồng bào miền Nam, sẵn sàng chi viện sức người sức của cho tiền tuyến. Ngày 2-9-1960, tại thị xã Hà Giang, đại biểu nhân dân hai tỉnh Hà Giang, Lâm Đồng họp đại hội làm lễ kết nghĩa. Đại hội gửi thư cho nhân dân hai tỉnh nêu rõ: "từ ngày hôm nay mỗi tình anh em ruột thịt Lâm Đồng-Hà Giang ngày càng thêm thiết. Hà Giang không thể thiếu Lâm Đồng và miền Nam, cũng như Lâm Đồng không thể thiếu Hà Giang và miền Bắc. Chúng ta là máu của máu, thịt của thịt, sự nghiệp đấu tranh thống nhất tổ quốc, giải phóng miền Nam, giải phóng Lâm Đồng cũng là sự nghiệp của chính nhân dân Hà Giang. Từ đây, chúng ta có thêm sức mạnh

để chiến thắng quân thù" (1). Ngay sau lễ kết nghĩa, Tỉnh ủy Hà Giang phát động phong trào thi đua "Vì miền Nam ruột thịt và vì Lâm Đồng thân yêu". Nhiều công trình mang tên Lâm Đồng, hàng ngàn thanh niên hăng hái gia nhập bộ đội góp phần giải phóng miền Nam. Đó là nguồn cổ vũ, động viên đối với nhân dân Lâm Đồng trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Để xây dựng Tây Nguyên thành căn cứ vững chắc của cách mạng miền Nam, tạo bàn đạp nối thông đường hành lang chiến lược từ miền Bắc vào Nam Bộ, trong chỉ thị "về nhiệm vụ xây dựng căn cứ cách mạng Tây Nguyên" (tháng 3-1959), Bộ chính trị chỉ rõ : "Nhìn chung thì cả Tây Nguyên là căn cứ chính của miền Nam, trong đó vùng Nam Tây Nguyên có vị trí quan trọng nhất đối với địch, cũng là nơi giữ vị trí cơ động của ta giữa Trung và Nam Bộ, giữa Tây Nguyên và Sài Gòn -Chợ Lớn. Vì vậy hướng chính phải nỗ lực xây dựng là phía Nam."(2).

Thực hiện chỉ thị của Bộ chính trị, giữa năm 1959, Trung ương tăng cường 30 cán bộ quân sự , chính trị vào Đắc Lắc làm nhiệm vụ mở đường hành lang nối Nam Tây Nguyên với Đông Nam Bộ. Đồng thời giao cho Tỉnh ủy Đắc Lắc đặc trách lo phát triển cơ sở, mở phong trào về phía Nam, nối thông đường hành lang chiến lược giữa trung ương với Nam Bộ qua hai hướng. Một hướng qua Lâm Đồng vào chiến khu Đ, một hướng qua Phước Long. Tháng 1-1960 đoàn cán bộ được tăng cường chia làm hai đội công tác : Đội thứ nhất phát triển xuống phía Nam tỉnh Quảng Đức và phía bắc tỉnh Lâm Đồng, bắt liên lạc với đội vũ trang tuyên truyền Đông Nam

(1) Theo tài liệu "biên niên sự kiện lịch sử Đảng bộ Hà Giang-Lâm Đồng-Tuyên Đức kết nghĩa."

(2) Những sự kiện lịch sử Đảng, tập III, NXB thông tin lý luận, Hà Nội-1985, trang 132.

Bộ từ Bù Chóp phát triển ra; Đội thứ hai phát triển qua hương Đắc Mìn vào Phước Long.

Trong qua trình thực hiện nhiệm vụ mở đường hành lang xuống phía Nam, đội công tác thứ nhất đã vượt qua biết bao khó khăn gian khổ. Trong lúc vượt sông nước chảy xiết, đồng chí Thời đã anh dũng hy sinh, nhưng cán bộ, chiến sĩ trong đội vẫn quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ.

Phối hợp với các đội công tác ở Nam Tây Nguyên, giữa năm 1960 Xứ ủy Nam Bộ thành lập đội vũ trang tuyên truyền (phiên hiệu C200) làm nhiệm vụ xoi đường bắt liên lạc với đội công tác từ phía Nam tỉnh Quảng Đức phát triển xuống. Đồng thời tổ chức một đội vũ trang tuyên truyền khác (với phiên hiệu C300) từ căn cứ 1 xoi lên hương Đắc Mìn. Ngày 10 - 6-1960, đơn vị C200 mở đường từ chiến khu Đ ra phía Bắc. Ngày 30- 7 đơn vị tới điểm hẹn tại Bù Tu Uyên nhưng không bắt được liên lạc, đồng bào ở đây cũng bị địch dồn vào khu tập trung. Trước tình hình đó, Xứ ủy Nam Bộ giao nhiệm vụ cho đơn vị tiếp tục theo sông Đồng Nai phát triển lên Bờ Sa Nia, được tiếp xúc với đồng bào để nắm tình hình. Qua những lần tiếp xúc, đơn vị được đồng bào tin yêu và cung cấp lương thực, thực phẩm. Sau những ngày tiếp tục mở đường, ngày 30-10-1960, tại Vàm Đa Rty (bắc sông Đồng Nai) đơn vị đã gặp đội công tác từ phía Bắc phát triển xuống. Ngày hôm sau hai đơn vị vượt sông Đồng Nai sang buôn Bờ Sa Nia trao đổi tình hình và cùng đồng bào địa phương tổ chức liên hoan mừng thắng lợi. Sau hai ngày gặp gỡ, đơn vị C200 trở về Xứ ủy Nam Bộ để báo cáo tình hình.

Cũng trong khoảng thời gian ấy, đội công tác từ Phước Long ra đã bắt được liên lạc với đội công tác từ Đắc Mìn phát triển xuống tại cây số 11 trên đường 14. (1).

Trải qua bao ngày tháng gian lao vất vả làm nhiệm vụ mở đường, các đơn vị đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao. Lần đầu tiên đường hành lang chiến lược giữa Nam Tây Nguyên với Nam Bộ được nối liền. Từ đây sự liên lạc giữa hai miền Nam Bắc được thông suốt, con đường chiến lược này là mạch máu giao thông quan trọng để chi viện sức người, sức của từ hậu phương miền Bắc cho sự nghiệp giải phóng miền Nam.

Giữa lúc cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và cuộc đấu tranh cách mạng ở miền Nam đang giành được những thắng lợi quan trọng, tại thủ đô Hà Nội đã tiến hành Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng từ ngày 5 đến ngày 10-9-1960. Nghị quyết Đại hội xác định hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới là : "tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và giải phóng miền Nam khỏi ách thống trị của đế quốc Mỹ và bọn tay sai, thực hiện thống nhất nước nhà, hoàn thành độc lập và dân chủ trong cả nước." (2). Nghị quyết chỉ rõ nhiệm vụ cơ bản của cách mạng miền Nam là : " Giải phóng miền Nam khỏi ách thống trị của đế quốc và phong kiến, thực hiện độc lập dân tộc và người cày có ruộng, góp phần xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh". (3).

(1) Tiếp tục xác minh thêm về địa điểm và thời gian. Có ý kiến cho rằng hai đội này gặp nhau ở Bù Gia Mít tỉnh Phước Long.

(2),(3) Một số văn kiện của Đảng về chống Mỹ, cứu nước, tập I, NXB Sự thật, Hà Nội-1985, trang 128, 131.

Dại hội lần thứ III của Đảng đánh dấu bước phát triển quan trọng của cách mạng Việt Nam. Đại hội đã vạch ra con đường tiến lên chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và con đường giải phóng miền Nam thống nhất nước nhà.

Để tập hợp đông đảo các giai cấp, các tầng lớp nhân dân đấu tranh cho cách mạng miền Nam giành thắng lợi, ngày 20-12-1960, tại xã Tân Lập, huyện Châu Thành (nay là huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh), đại biểu các giai cấp, các đảng phái, tôn giáo, các dân tộc toàn miền Nam họp Đại Hội, tuyên bố thành lập Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam. Đại Hội thông qua tuyên ngôn và chương trình hành động 10 điểm của Mặt trận. Sự ra đời của Mặt trận đáp ứng kịp thời nguyện vọng của nhân dân miền Nam. Sau Đại hội, nhiều địa phương ở miền Nam tổ chức Đại hội, mít tinh hưởng ứng tuyên ngôn và chương trình hành động của Mặt trận.

Sau khi nổi thông đường hành lang chiến lược Bắc- Nam, Liên khu ủy V chỉ đạo các địa phương nhanh chóng mở rộng phong trào, xây dựng thực lực cách mạng, đặt các trạm trên đường hành lang, xây dựng các vùng căn cứ liên hoàn. Đồng thời khẩn trương nối liên lạc giữa liên tỉnh 4 và liên tỉnh 3, nhanh chóng thống nhất địa bàn và sự chỉ đạo ở Nam Tây Nguyên, Cực Nam Trung Bộ. Phương châm lúc này là : Mở rộng phong trào và vùng làm chủ của quần chúng đến đâu thì hình thành tổ chức Đảng đến đó để chỉ đạo các lực lượng và xây dựng phong trào cách mạng trên một địa bàn nhất định.

Chấp hành chủ trương này, tháng 1-1961, Ban cán sự Khiêm Đức được thành lập (lấy phiên hiệu E25 thuộc tỉnh ủy Quảng Đức) để chỉ đạo phong trào và phát triển cơ sở phía Nam tỉnh Quảng Đức. Theo sự chỉ đạo của Liên khu ủy V, Tỉnh ủy Đắc Lắc đưa một đội công tác đến hoạt động trên địa bàn phía Bắc tỉnh Lâm Đồng

làm nhiệm vụ xây dựng cơ sở, mở rộng phong trào cách mạng trong vùng đồng bào dân tộc ít người. Đội công tác này chia làm hai mũi:

Mũi thứ nhất, hoạt động dọc ranh giới hai tỉnh Quảng Đức, Lâm Đồng có nhiệm vụ xây dựng cơ sở, mở rộng phong trào vùng đồng bào dân tộc phía Bắc đường 20, đồng thời củng cố và bảo vệ đường hành lang chiến lược từ Bờ Sa Nĩa đến Bờ Sa Lu Xiên. Sau một thời gian tuyên truyền vận động, hàng ngàn đồng bào các dân tộc ít người đã hăng hái tham gia cách mạng, tạo mọi điều kiện cho đội công tác hoạt động. Để tập hợp lực lượng và động viên tinh thần cách mạng của quần chúng, ngày 28-3-1961 tại buôn Phi Đưng, Đại hội các dân tộc được tiến hành với sự tham dự của 80 đại biểu thay mặt cho hơn 5.000 đồng bào ở 38 buôn phía Bắc đường 20. Đại hội làm lễ uống rượu truyền thống và tuyên bố: các dân tộc đều là anh em một nhà, phải đoàn kết lại để đánh đổ Mỹ-Diệm, xóa bỏ máy chính quyền địch, thành lập chính quyền tự quản do dân quản lý. Đại hội biểu thị quyết tâm đi theo Đảng làm cách mạng, xây dựng vùng căn cứ vững chắc, góp phần củng cố và bảo vệ đường hành lang chiến lược Nam-Bắc.

Cũng trong thời gian này, Xứ ủy Nam Bộ đưa đơn vị C200 ra hoạt động trên địa bàn phía Bắc tỉnh Lâm Đồng với nhiệm vụ sản xuất và bảo vệ đường hành lang, xây dựng cơ sở cách mạng, đánh địch mở rộng vùng giải phóng. Ngày 1-4-1960, nhân ngày bầu cử của địch, đơn vị tập kích đốt khu tập trung Tân Rai (nay là xã Lộc Thắng) và ngày 7-4 lại phá khu tập trung Tân Lú (nay thuộc xã Lộc Tân), hỗ trợ gần 1.000 đồng bào nổi dậy trở về buôn làng cũ. Đến giữa năm 1961 có hơn 50 buôn đồng bào dân tộc được giải phóng, hình thành một vùng căn cứ rộng lớn ở phía Bắc đường 20.

Mũi thứ hai, từ chân núi Tà Đùng phát triển xuống phía Đông Nam, mở rộng phong trào dọc đường số 8 từ kênh Đa qua Gung

Răng Gia, xuống Hương Lâm, Tân Dân và một số buôn phía Tây huyện Đức Trọng. Đội công tác đã tập kích phá khu tập trung Bít S nê, Pi Tôn, giải phóng đồng bào khỏi sự kìm kẹp của địch, thành lập chính quyền tự quản, nhiều thanh niên tình nguyện tham gia cách mạng.

Theo sự chỉ đạo của Liên tỉnh ủy 3, huyện ủy Di Linh vừa củng cố, xây dựng căn cứ phía Nam, vừa mở rộng phong trào, phát triển qua phía Bắc đường 20. Nhờ có lực lượng thanh niên thoát ly ngày càng đông nên ngày 2-9-1960 Huyện ủy thành lập trung đội vũ trang tập trung (lấy tên là đội Hoành Sơn) và các đội công tác Nam Sơn mở phong trào từ Bờ Gia lên hướng Đa Gùl, đội Tây Sơn phát triển lên hướng đèo BLao. Nhiệm vụ của đội Hoành Sơn là phối hợp với lực lượng du kích mở phong trào vùng K'Dòn, Tố La, phát triển qua đường 20 lên hướng Hàng No, Kênh Đa bắt liên lạc với đội công tác đang hoạt động tại vùng này. Được sự hỗ trợ của đồng bào, đội Hoành Sơn phối hợp với 12 du kích Hàng Bọt đã mưu trí, dũng cảm tiến công toán cảnh sát vũ trang của địch, diệt 5 tên tại buôn Chà Lào (đêm 30-12-1960). Trận đánh này gây được lòng tin trong quần chúng và cổ vũ phong trào diệt ác phá kềm trong khu vực. Từ đó, các đội công tác tiếp tục mở rộng phong trào lên phía Bắc, hỗ trợ quần chúng diệt ác phá kềm, giành quyền làm chủ từ Đa Gùl, Đa Lào, Đinh Trang Hòa đến Đinh Túc, Đăng Gia, Đinh Trang Thượng giải phóng hàng chục ngàn dân.

Để nối thông hành lang giữa Nam Tây Nguyên với Cực Nam Trung Bộ, cuối năm 1959 và đầu năm 1960, Liên tỉnh ủy 3 tổ chức hai đội vũ trang tuyên truyền lên hoạt động phía Đông Bắc và Đông Nam Đà Lạt. Đội thứ nhất từ căn cứ phía Tây Bắc Ái (Ninh Thuận) mở cơ sở lên các buôn Đồng Mang, Đa Tro, K'Si huyện Lạc Dương. Đội thứ hai, từ bàn đạp phía Tây Anh Dũng (Ninh Thuận) tiến lên vùng B'Ró, M'Lơn. Vùng này địch kiểm soát rất chặt chẽ nên mấy

lần đội công tác xoi lên đều bị chặn đánh, không mở được cơ sở và bị tổn thất. Trước tình hình đó, Thường vụ Liên tỉnh ủy 3 quyết định rút đội này về tăng cường cho đội vũ trang tuyên truyền đang hoạt động và mở phong trào vùng dân tộc phía Bắc Đà Lạt.

Sau khi được tăng cường lực lượng, đội tiếp tục mở phong trào lên phía Bắc để bắt liên lạc với đội vũ trang tuyên truyền của Liên tỉnh 4 từ phía Nam tỉnh Đắk Lắk phát triển xuống. Hoạt động chủ yếu lúc này là dùng phương thức "cầu chuyền", lúc đầu tiếp xúc với đồng bào làm ngoài nương, rẫy để gây cảm tình, sau đó vào từng buôn tuyên truyền vận động, xây dựng cơ sở cốt cán. Đồng thời với việc tuyên truyền vận động, đội vũ trang tuyên truyền còn không chế bọn tề áp, tìm cách thuyết phục giáo dục các mục sư, thầy giảng là những chức sắc đạo tin lành. Với phương thức hoạt động đó, đội đã gây được lòng tin trong đồng bào, nhiều người có cảm tình và tinh tượng cách mạng.

Cuối năm 1960, nhiệm vụ xây dựng căn cứ, nổi thông hành lang càng đòi hỏi khẩn trương hơn. Liên tỉnh ủy 3 tiếp tục tăng cường số cán bộ, chiến sĩ từ miền Bắc vào và số thanh niên dân tộc mới thoát ly cho đội vũ trang tuyên truyền. Do đó, phong trào tiếp tục mở nhanh lên phía Bắc, đội tổ chức một bộ phận đi trước làm nhiệm vụ tuyên truyền, vận động quần chúng theo cách mạng, phá bộ máy tề, lập ủy ban tự quản rồi phát triển qua buôn khác. Bộ phận đi sau làm nhiệm vụ xây dựng cơ sở cách mạng, củng cố chính quyền tự quản. Chỉ trong một thời gian ngắn ta đã mở rộng phong trào cách mạng từ các buôn K'Long, LaHia, Diêng Gia Dít đến Đa Me, E diêng, Tân Tây Ló, Xít Dun (Lạc Dương), thành lập chính quyền tự quản ở 15 buôn, đưa hàng ngàn đồng bào lên thế làm chủ.

Cũng trong thời gian này, một đội vũ trang tuyên truyền của Liên tỉnh ủy 4 từ địa bàn Đắk Min đã mở phong trào đến các buôn Păng Tang, R'Nối, Phi Ty R'bút, Buôn Rin, K'long Phe ở phía Tây

Bắc huyện Đức Trọng. Để tăng cường sự chỉ đạo đối với vùng mới giải phóng, tháng 5-1961, Liên tỉnh ủy 4 quyết định thành lập Ban cán sự Đảng huyện Đức Trọng (1), gồm 5 đồng chí, trực thuộc Ban cán sự B5 (Nam Đắc Lắc). Nhiệm vụ cơ bản của Ban cán sự Đảng huyện Đức Trọng lúc này là tập trung lãnh đạo công tác bảo vệ hành lang, mở rộng vùng giải phóng, vận động đồng bào đẩy mạnh tăng gia sản xuất để có lương thực tiếp tế cho hành lang, vận động thanh niên thoát ly tham gia các đội công tác. Từ buôn Păng Tang, đội công tác tiếp tục phát triển theo hai hướng, một hướng dọc theo sông Đak R'Măng gồm các buôn K'Rông Phe, Păng Xim, Păng Đon, Pi-A... Một hướng khác phát triển theo dọc đường 21 kéo dài, tạo bàn đạp để bắt liên lạc với đội công tác của Thị ủy Đà Lạt.

Đầu tháng 2-1961, hai đội vũ trang tuyên truyền của Liên tỉnh 3 và Liên tỉnh 4 đã nối thông đường hành lang và gặp nhau tại buôn Păng Tin Đồn. Sau đó hai đội phối hợp mở rộng phong trào đến các buôn đồng bào dân tộc phía Tây và Tây Bắc Đà Lạt. Đến tháng 5-1961, ta đã xây dựng được phong trào ở hầu hết các buôn đồng bào dân tộc thuộc hai huyện Lạc Dương, Đức Trọng từ buôn Đồng Mang, Đa Tro, K'Si chạy dọc theo sông K'Rông K'Nô và dọc theo sông Đak R'Măng đến các buôn Păng Xim, Păng Tang, hình thành một vùng rộng lớn với hơn 6.000 dân, nối liền với vùng giải phóng phía Nam tỉnh Đắc Lắc. Đây là thắng lợi quan trọng, tạo điều kiện thuận lợi để đẩy mạnh phong trào cách mạng ở Nam Tây Nguyên, tiếp tục củng cố, bảo vệ đường hành lang chiến lược Bắc Nam và xây dựng vùng căn cứ liên hoàn.

Từ sau thắng lợi của phong trào đồng khởi, cách mạng miền Nam có bước phát triển mạnh mẽ. Trước tình hình đó, tháng 1-1961,

(1) Ban cán sự Đảng huyện Đức Trọng do đồng chí Ma Thu làm Bí thư

Bộ chính trị Trung ương Đảng ra chỉ thị về phương hướng và nhiệm vụ công tác trước mắt của cách mạng miền Nam. Bộ chính trị nhận định : "Thời kỳ tạm ổn định của chế độ Mỹ-Diệm đã qua và thời kỳ khủng hoảng liên tiếp, suy sụp đã bắt đầu" (1). Vì vậy, phương châm chiến lược của cách mạng miền Nam trong giai đoạn mới là : "Đẩy mạnh hơn nữa đấu tranh chính trị, đồng thời đẩy mạnh đấu tranh vũ trang lên song song với đấu tranh chính trị, tấn công địch bằng cả hai mặt chính trị và quân sự" (2).

Thực hiện chỉ thị của Bộ chính trị, giữa năm 1961, Thường vụ Liên tỉnh ủy 3 ra nghị quyết nêu rõ: Tích cực tiêu hao, tiêu diệt địch, bảo tồn và bồi dưỡng lực lượng ta, ra sức xây dựng và bảo vệ căn cứ, vùng căn cứ phải xây dựng vững chắc về kinh tế, chính trị, quân sự. Đối với vùng tranh chấp, vừa đấu tranh chính trị, vừa đấu tranh vũ trang để nhanh chóng đưa lên diện làm chủ. Ở vùng tranh chấp yếu cần gấp rút xây dựng thực lực cách mạng để đến đầu năm 1962 có thể chuyển lên vùng tranh chấp mạnh tiến lên đấu tranh vũ trang là chủ yếu. Trong vùng địch kiểm soát, ra sức vận dụng mọi khả năng thuận lợi tranh thủ những sơ hở của địch để phát triển cơ sở cách mạng.

Quán triệt chủ trương đó, ngày 15-5-1961, lực lượng vũ trang huyện Di Linh và một bộ phận đơn vị 2-9 (Bình Thuận) đánh chiếm và làm chủ Chi khu Di Linh, ấp số 5, đồi Nguyễn Ngọc, đồi Pát-Xơ, diệt một trung đội địch, thu vũ khí và nhiều đồ dùng quan trọng. Ngày 16-5, lực lượng vũ trang Liên tỉnh 3 tập kích quận lỵ Dran tiêu diệt nhiều tên địch, trong đó có tên Quận Trưởng, sau đó ta trụ lại đánh lui một đại đội bảo an đến cứu nguy cho đồng

(1) Sách đã dẫn, trang 213.

(2) Sách đã dẫn, trang 214.

bọn. Thắng lợi của hai trận đánh trên đã tạo điều kiện thuận lợi cho các đội vũ trang tuyên truyền tiếp tục mở rộng phong trào vùng nông thôn của tỉnh, có ảnh hưởng lớn đối với nhân dân trong vùng địch kiểm soát.

*
* * *

Dưới ánh sáng đường lối cách mạng của Đảng và sự chỉ đạo trực tiếp của Liên khu ủy V, Liên tỉnh ủy 3, phong trào cách mạng tỉnh Lâm Đồng đã vượt qua chặng đường đầy khó khăn, gian khổ ác liệt. Cán bộ, đảng viên, chiến sĩ có quyết tâm cao để thực hiện nhiệm vụ xây dựng cơ sở, mở rộng phong trào cách mạng, từng bước hình thành tổ chức chỉ đạo trên các địa bàn. Do đó, đến giữa năm 1961, ta đã giải phóng trên 10.000 dân ở các huyện Di Linh, Bảo Lộc, Đức Trọng, Lạc Dương, hình thành nhiều vùng căn cứ liên hoàn; góp phần củng cố và bảo vệ đường hành lang chiến lược Nam-Bắc, nối thông đường hành lang từ duyên hải cực Nam Trung Bộ lên vùng rừng núi phía Bắc đường 20, nối đường hành lang giữa Liên tỉnh 3 và Liên tỉnh 4. Đây là thắng lợi quan trọng của phong trào cách mạng ở Nam Tây Nguyên, điều mà trong suốt cuộc kháng chiến chống Pháp ta chưa làm được. Đối với các vùng thị xã, thị trấn, ta đã vận dụng thích hợp các hình thức hoạt động hợp pháp và nửa hợp pháp nên vừa móc nối liên lạc được với những cơ sở cũ vừa phát triển thêm nhiều cơ sở cốt cán. Hoạt động vũ trang tuy mới bước đầu nhưng có ảnh hưởng lớn và có tác dụng tốt trong việc hỗ trợ quần chúng nổi dậy giành quyền làm chủ.

Tuy nhiên, phong trào cách mạng ở địa phương thời kỳ này còn có những mặt hạn chế. Ngay từ khi thực hiện chủ trương chuyển quân tập kết ta không kịp thời bố trí cán bộ, đảng viên ở lại hoạt động trên các địa bàn nên sau này việc đưa cán bộ đến xây dựng cơ sở, mở phong trào gặp rất nhiều khó khăn. Những cán bộ hoạt động hợp pháp trong vùng địch kiểm soát thì nhận thức và vận dụng

phương châm đấu tranh còn máy móc, chưa nắm bắt kịp thời tình hình để có hình thức hoạt động thích hợp. Riêng ở Di Linh do có một số cán bộ lãnh đạo của tỉnh lúc đầu có tư tưởng hữu khuynh nên không chỉ đạo các đơn vị vũ trang kiên quyết đánh địch, hỗ trợ quần chúng nổi dậy giành quyền làm chủ. Ở hai huyện Lạc Dương, Đức Trọng phong trào cách mạng phát triển nhanh nhưng không được củng cố kịp thời, cơ sở cốt cán trong quần chúng còn ít và yếu; chính quyền tự quản ở các buôn mới chỉ là hình thức, chưa có chiều sâu. Trong khi đó địch lại thông qua bộ máy tề điệp, kết hợp với thần quyền tôn giáo khống chế quần chúng và tiến hành dồn dân vào các khu tập trung, áp chiến lược, ta không giữ được dân để xây dựng căn cứ nên đã dẫn đến nhiều khó khăn cho thời kỳ sau đó.

CHƯƠNG II

TỈNH ỦY LÂM ĐỒNG VÀ TỈNH ỦY TUYÊN ĐỨC LÃNH ĐẠO NHIỆM VỤ MỞ MẢNG, MỞ VÙNG, KẾT HỢP ĐẤU TRANH CHÍNH TRỊ VỚI ĐẤU TRANH VŨ TRANG.

(Từ tháng 7-1961 đến giữa năm 1965).

Từ sau phong trào Đồng Khởi, cách mạng miền Nam tiếp tục giành được những thắng lợi vang dội, chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm liên tiếp khủng hoảng và bắt đầu suy sụp. Để cứu vãn tình thế, Mỹ-Diệm chuyển sang thực hiện chiến lược "chiến tranh đặc biệt" với kế hoạch Xta-lây-Tay-lơ nhằm bình định xong miền Nam trong vòng 18 tháng.

Ở các tỉnh Nam Trung Bộ, địch tập trung củng cố các trung tâm quân sự như Nha Trang, Buôn Ma Thuột, Đà Lạt, Gia Nghĩa và tăng cường cán quét để giành lại những vùng đã mất. Từ tháng 9-1961, địch bắt đầu tiến hành dồn dân vào các ấp chiến lược, xây dựng các khu dinh điền xung quanh thị xã, thị trấn, dọc đường giao thông quan trọng; đồng thời tổ chức lực lượng thanh niên chiến đấu và trang bị vũ khí cho dân vệ để giữ ấp.

Cùng với sự phát triển của cách mạng miền Nam, phong trào cách mạng ở các tỉnh Nam Trung Bộ có nhiều chuyển biến rõ rệt, hoạt động vũ trang vừa tiêu diệt sinh lực địch, vừa hỗ trợ quần chúng nổi dậy giành quyền làm chủ, hình thành được nhiều vùng căn cứ, hành lang chiến lược Nam-Bắc và hành lang liên lạc giữa các tỉnh được giữ vững. Phương thức hoạt động chủ yếu lúc này là

các đội vũ trang tuyên truyền, đội công tác không chế tề điệp tại chỗ, phát động quần chúng nổi dậy giành quyền làm chủ; đồng thời sử dụng lực lượng vũ trang đánh một số trận để gây thời động và hỗ trợ phong trào quần chúng. Trong vùng đồng bào dân tộc đang bị địch kiểm soát, ta lợi dụng chương trình của phong trào tự trị (1) để kêu gọi đồng bào bình đẳng, cùng nhau đoàn kết đánh đổ Mỹ-Diệm. Do nội dung tuyên truyền phù hợp với nguyện vọng của đồng bào nên các đội vũ trang tuyên truyền, đội công tác đã nhanh chóng mở rộng phong trào ở các tỉnh Nam Tây Nguyên.

Để thống nhất sự chỉ đạo đối với chiến trường Nam Trung Bộ và Nam Tây Nguyên, đồng thời bảo đảm yêu cầu củng cố hành lang chiến lược Nam-Bắc và xây dựng căn cứ Nam Tây Nguyên, tháng 7-1961, Trung ương Đảng quyết định sát nhập các tỉnh Liên tỉnh 3 và tỉnh Đắc Lắc của Liên tỉnh 4 thành lập khu 6 trực thuộc sự chỉ đạo của Trung ương Cục miền Nam. Sau đó Tỉnh ủy Lâm Đồng và Tỉnh ủy Tuyên Đức cũng được thành lập để trực tiếp lãnh đạo phong trào cách mạng ở các địa phương.

I-Tỉnh ủy Lâm Đồng (cũ)(2) lãnh đạo nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ căn cứ, hành lang; đẩy mạnh hoạt động vũ trang, phát động nhân dân nổi dậy giành quyền làm chủ, tiếp tục mở rộng căn cứ. (từ tháng 7-1961 đến giữa năm 1965).

Sau khi nối liền hành lang chiến lược Nam-Bắc, các đội vũ trang tuyên truyền của Liên tỉnh 4 tiếp tục mở phong trào trong vùng đồng bào dân tộc ở phía Bắc tỉnh Lâm Đồng, hình thành một vùng giải phóng rộng lớn từ phía Bắc đường 20 lên giáp phía Đông

(1) Ta lợi dụng chính sách tự trị giả hiệu của địch để phát động phong trào tự trị làm chủ núi rừng ở Tây Nguyên.

(2) Tỉnh Lâm Đồng (cũ) bao gồm các huyện Di Linh, Bảo Lộc, Đạ Huoai, Đạ Tẻh, Cát Tiên hiện nay.

Nam hai tỉnh Quảng Đức, Đắc Lắc. Ở phía Nam đường 20, các đội công tác của huyện Di Linh tiếp tục tuyên truyền, phát động quần chúng nổi dậy giành quyền làm chủ, mở phong trào lên phía Bắc. Cuối tháng 7-1961, đội vũ trang tuyên truyền của Liên tỉnh 4 đã nổi liên lạc được với đội Hoành Sơn tại buôn B'La. Sự hợp điểm của các đội vũ trang tuyên truyền ở hai vùng căn cứ Nam Bắc đường 20 đánh dấu bước phát triển mới của phong trào cách mạng địa phương.

Để hình thành cơ quan lãnh đạo của Tỉnh, ngày 31-8-1961, Ban cán sự Đảng tỉnh Lâm Đồng được thành lập lấy phiên hiệu B7 (1). Nhiệm vụ chủ yếu của Ban cán sự lúc này là lãnh đạo việc mở rộng phong trào ở hai phía Bắc và Nam đường 20 để xây dựng căn cứ; củng cố và bảo vệ đường hành lang chiến lược Nam-Bắc trên đất Lâm Đồng.

Ở vùng căn cứ phía Bắc của Tỉnh, đơn vị C200 được tăng cường thêm lực lượng làm nhiệm vụ đưa đón cán bộ, chiến sĩ từ miền Bắc vào; xây dựng căn cứ cho Trung ương Cục miền Nam; tăng gia sản xuất để cung cấp lương thực thực phẩm cho các trạm hành lang. Đơn vị có gần 600 cán bộ, chiến sĩ, có Đảng ủy và các bộ phận chuyên môn.

Nhằm thống nhất sự chỉ đạo giữa Ban cán sự B7 và đơn vị C200, tháng 12-1961, Trung ương Cục miền Nam bổ sung cán bộ và thành lập Tỉnh ủy Lâm Đồng (2), gồm 9 đồng chí do đồng chí Phạm Thuận làm bí thư. Đầu năm 1962, Tỉnh ủy Lâm Đồng họp đánh giá tình

(1) Ban cán sự B7 gồm 3 đồng chí, do đồng chí Trần Quang Sang (tức Ba Thọ) làm bí thư, các đồng chí Nguyễn Xuân Du (tức Tám Cảnh), Lê Đạo (tức Ba Đạo) ủy viên.

(2) Tỉnh ủy Lâm Đồng lúc này trực thuộc Trung ương Cục miền Nam.



* Đồng chí Phạm Thuận, Bí thư Tỉnh ủy Lâm Đồng các thời kỳ:
(12/1961-7/1962); (9/1964-1969); (1971-1972)

phong trào cách mạng địa phương và đề ra những nhiệm vụ
mặt. Hội nghị quyết định thành lập tổ chức Đảng ở mỗi vùng
để tiếp chỉ đạo từng địa bàn trong Tỉnh (1). Hội nghị chủ trương
lực lượng, củng cố vùng Tà Ích thành một căn cứ vững, tạo bàn đạp
lên hướng Bắc đường 20; tranh thủ mở cơ sở ở vùng 3 để tiếp
mở rộng phong trào từ Bờ Xa Lu Xiên, Bù Dun, Bù Khiêu, Bù
Trông đến Tà Lài; đồng thời tăng cường lãnh đạo và đẩy mạnh
tác vận động đồng bào tăng gia sản xuất để có lương thực giải
yết đời sống và đóng góp kháng chiến.

Thực hiện nghị quyết Hội nghị Tỉnh ủy, ngày 3-2-1962 tại vùng
căn cứ phía Nam, Tỉnh đã thành lập phân ban T14 để chỉ đạo phong
trào dọc đường 20 từ ấp Đa Gùi đến giáp phía Nam thị trấn Di
Linh. Phân ban T14 thành lập 5 đội công tác hoạt động trên các địa
bàn Đa Gùi, thị xã Blac, Tân Thanh, Tân Phát, An Lạc, làm nhiệm
vụ xây dựng cơ sở, hỗ trợ quần chúng nổi dậy giành quyền làm chủ,
phối hợp với lực lượng du kích đánh địch, phá hoại giao thông trên
đường 20.

Giữa năm 1962, Tỉnh ủy thành lập Ban cán sự Đảng K3 (tức
Di Linh) để chỉ đạo phong trào từ cầu Đại Ninh đến ấp 17 (2). Trên
địa bàn K3 đã thành lập được 7 đội công tác làm nhiệm vụ xây dựng
cơ sở, hỗ trợ phong trào quần chúng, đồng thời xây dựng được chính
quyền, lực lượng du kích và các đoàn thể ở 3 xã căn cứ là xã 5 (3)
ở phía Bắc và Bao Tuấn, Kon Rum ở phía Nam.

Trong vùng địch kiểm soát, đồng bào dân tộc không được tự
do phát rẫy nên đời sống gặp nhiều khó khăn, thiếu thốn. Trước

Ở vùng thành lập Ban cán sự K hoặc T, tương đương với huyện ủy.

Nay là xã Đình Trang Hòa, Di Linh.

1) Nay là xã Đình Trang Thượng, Di Linh.

tình hình đó, Ban cán sự Đảng K3 chỉ đạo các đội công tác và cơ sở cách mạng vận động trên 1.000 đồng bào và nhân dân thị trấn Di Linh kéo đến quân lỵ đấu tranh. Cùng lúc đó, đồng bào ở các buôn đã đóng loạt đốt rẫy, bất chấp mọi sự ngăn cấm của địch. Trước sức mạnh của quần chúng, địch phải nhượng bộ và đồng ý cho dân được làm rẫy gần buôn làng.

Nhằm đẩy mạnh phong trào cách mạng trong các đồn điền và vùng đồng bào thiên chúa giáo di cư ở Bảo Lộc, Di Linh, cuối năm 1962, Tỉnh ủy thành lập Ban cán sự Đảng K2 và 4 đội công tác. Nhờ kiên trì bám quần chúng để tuyên truyền, vận động nên các đội công tác đã xây dựng được nhiều cơ sở cách mạng trong công nhân. Ở các đồn điền Tứ Quý, Minh Rồng, Trảng Bia, hàng trăm công nhân trực tiếp tham gia kháng chiến, nhiều người trở thành du kích hoạt động bí mật trong vùng địch kiểm soát. Trước uy thế của cách mạng và qua tuyên truyền thuyết phục, các chủ đồn điền đều chịu đóng thuế cho cách mạng. Số tiền thu được góp phần giải quyết vấn đề tài chính của Tỉnh. Trong vùng đồng bào thiên chúa giáo, qua tuyên truyền vận động của các đội công tác, đồng bào dần dần hiểu được cách mạng, nhiều người trở thành cơ sở cốt cán tại chỗ.

Ngoài nhiệm vụ xây dựng và củng cố tổ chức Đảng trên các địa bàn, Tỉnh ủy còn chú trọng công tác phát triển đảng viên để làm nòng cốt cho phong trào. Đến giữa năm 1962, toàn tỉnh có 24 chi bộ với 255 đảng viên và một số đảng viên hoạt động đơn tuyến. Các chi bộ thường xuyên bám sát phong trào để chỉ đạo, đồng thời làm tốt công tác giáo dục tư tưởng cho cán bộ, đảng viên nhằm nâng cao nhận thức, sẵn sàng vượt qua mọi khó khăn, gian khổ, hoàn thành nhiệm vụ.

✧ Tháng 8-1962, Tỉnh ủy tổ chức Đại hội đại biểu Mặt trận dân tộc giải phóng tỉnh lần thứ 2 tại Pi-Cút nhằm tăng cường sự đoàn kết giữa các dân tộc và động viên đồng bào hăng hái tham gia kháng

chiến. Tham dự Đại hội là những đại biểu ưu tú thay mặt cho hơn 7.000 đồng bào các dân tộc Mạ, K'Ho, S'Tiêng...trong vùng giải phóng của Tỉnh. Đại hội biểu thị tinh thần đoàn kết giữa các dân tộc, một lòng đi theo Đảng làm cách mạng, tích cực đẩy mạnh tăng gia sản xuất, bố phòng chống địch, vận động con em tham gia công tác cách mạng, gia nhập lực lượng vũ trang. Lễ đâm trâu ăn thề tổ chức tại Đại hội thể hiện sự đoàn kết và ý chí sắt đá của đồng bào các dân tộc. Đại hội bầu Ban chấp hành Mặt trận dân tộc giải phóng Tỉnh do đồng chí Lam Sơn làm chủ tịch (1).

Phát huy thắng lợi của Đại hội, Tỉnh ủy chủ trương tổ chức các lớp học văn hóa tập trung ở vùng căn cứ. Lớp học đầu tiên tại buôn Đẳng Lú có trên 40 nam nữ thanh niên các dân tộc tham gia, sau 3 tháng học tập mọi người đều biết đọc, biết viết. Những học viên đầu tiên ấy đã mang "cái chữ, con số" của cách mạng tiếp tục đến dạy ở các buôn Tà Mỏ, Tà Pao, Măng Tố, La Xung và mở rộng trong vùng căn cứ. Kết quả bước đầu của các lớp học văn hóa là điều kiện thuận lợi đưa sách báo cách mạng đến với đồng bào, góp phần làm thất bại những luận điệu tuyên truyền, xuyên tạc của địch.

Do yêu cầu chỉ đạo đối với các địa bàn, Tỉnh ủy tiến hành sắp xếp lại tổ chức và phân chia các vùng căn cứ. Ngày 2-9-1963, Tỉnh ủy quyết định giải thể Phân ban T14, thành lập Thị ủy Blao, lấy phiên hiệu T29 và thành lập Ban cán sự Đảng K4 phụ trách địa bàn từ Đạ Gùi đến đèo Ba Cỏ.

Vùng căn cứ phía Bắc đường 20 chia làm 4 vùng : vùng 1 gồm khu vực bãi Cát Tiên và Bờ Xa Lu Xiên. Vùng 2 từ dốc Con Ó đến Bờ Xu Đờn, gồm các xã 1, 2, 3, 4. Vùng 3, gồm các xã Lú Tôn, Xa

(1) Đồng chí Lam Sơn (tức Ma Hương) dân tộc K'Ho, nay nghỉ hưu tại xã Sơn Điền, huyện Di Linh.

Nhon, Hợp Vong. Vùng 4, từ BTru Đình qua Hàng No lên đến xã 5 (kể cả vùng Tân Rai, Minh Rồng, B'Kể).

Vùng căn cứ phía Nam đường 20 chia thành 5 xã : xã Đông, xã Nam, xã Bắc, Tà Ngao và Bờ Gia.

Chủ trương phân vùng dân cư của tỉnh nhằm tạo điều kiện cho mỗi vùng phát huy thế mạnh trong sản xuất và tạo thế đánh địch bảo vệ căn cứ.

Trên chiến trường miền Nam, mặc dù Mỹ-Diệm đã tập trung mọi lực lượng để thực hiện kế hoạch Xta-lây-Tay-lơ nhưng chúng vẫn liên tiếp thất bại, nội bộ ngụy quyền lục đục, chia rẽ. Nhằm thực hiện kỳ được "quốc sách ấp chiến lược", chúng dùng mọi thủ đoạn đàn áp, khủng bố đồng bào miền Nam và hy vọng rằng khi kế hoạch đó thành công sẽ tiến sâu vào các căn cứ tiêu diệt hoàn toàn lực lượng cách mạng. Tuy nhiên trước sự phát triển mạnh mẽ của cách mạng miền Nam, Mỹ-Diệm vẫn không xoay chuyển được tình hình và ngày càng bị động, bế tắc. Ngày 1-11-1963, đế quốc Mỹ buộc phải làm đảo chính lật đổ Ngô Đình Diệm, đưa Dương Văn Minh rồi Nguyễn Khánh lên thay nhằm cứu vãn sự sụp đổ của chính quyền tay sai.

Ở Lâm Đồng, địch đẩy mạnh dồn dân lập ấp chiến lược. Đồng bào ở những vùng xa bị chúng dồn vào các ấp chiến lược xung quanh thị xã, thị trấn, dọc đường giao thông quan trọng để dễ kiểm soát và làm vành đai bảo vệ. Lực lượng quân ngụy tiến hành nhiều cuộc hành quân càn quét vào các vùng căn cứ, đánh phá đường hành lang chiến lược Nam-Bắc từ hai hướng, một hướng ở Bảo Lộc đánh lên, một hướng từ Bù Đăng (Phước Long) đánh sang. Ở Tân Rai, Mỹ-ngụy xây dựng trung tâm huấn luyện biệt kích người dân tộc. Sau mỗi khóa huấn luyện lực lượng này được tung ra các địa bàn để đánh phá căn cứ, hành lang và cơ sở cách mạng. Ngoài ra địch



• Đồng chí Đỗ Quang Thắng, Bí thư Tỉnh ủy Lâm Đồng
(8/1962-8/1964)

Ảnh chụp năm 1964

còn xây dựng thêm nhiều đồn bót ở chi khu Đa Hươai, Ma Đa Gui, đồn dân vệ ở An Lạc.

Trước tình hình đó, Tỉnh ủy Lâm Đồng chủ trương : ở vùng căn cứ, vừa sẵn sàng đánh địch căn quét, vừa phát triển thực lực tại chỗ, xây dựng căn cứ mạnh về mọi mặt đủ sức bám trụ và giữ vững lâu dài. Ở phía trước, tích cực xây dựng cơ sở cách mạng trong quần chúng, tiến lên đánh địch bằng 3 mũi giáp công, làm tan rã bộ máy địch, giành quyền làm chủ ở vùng yếu.

Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy, trong năm 1963 và những tháng đầu năm 1964, lực lượng vũ trang trong Tỉnh đẩy mạnh hoạt động trên các địa bàn ở phía trước. Các đơn vị vũ trang có sự phối hợp của lực lượng du kích đánh địch 74 trận, loại khỏi vòng chiến đấu 300 tên, thu 84 súng, hỗ trợ quần chúng nổi dậy phá 27 ấp chiến lược, giải phóng hơn 10.000 dân. Ở các vùng căn cứ, chính quyền cách mạng ở cơ sở từng bước được củng cố, đồng bào hăng hái tăng gia sản xuất, tích cực bố phòng bảo vệ căn cứ. Hàng trăm thanh niên tình nguyện tham gia lực lượng vũ trang và thành lập thêm 50 tổ du kích làm nhiệm vụ bảo vệ căn cứ. Trong các buôn làng đã mở thêm gần 100 lớp học văn hóa cho gần 3.000 con em đồng bào các dân tộc theo học.

Phối hợp với hoạt động quân sự và phong trào nổi dậy của quần chúng, tháng 4-1964, được sự chỉ đạo của cơ sở Đảng bên trong, hơn 2.500 đồng bào thị xã Blao biểu tình đòi lật đổ chính quyền Trần Văn Hương, đòi Tay-lơ rút về nước. Đoàn biểu tình diễu hành trên các đường phố, dương cao biểu ngữ và hô vang khẩu hiệu: "Nội bộ của Việt Nam do người Việt Nam định đoạt, đế quốc Mỹ rút về nước".

Giữa lúc cuộc chiến đấu của nhân dân miền Nam chống chiến lược "chiến tranh đặc biệt" của đế quốc Mỹ đang giành được những thắng lợi quan trọng, tình hình miền Nam có những biến đổi lớn,

tháng 12-1963, Ban chấp hành Trung ương Đảng họp hội nghị lần thứ 9 bàn về phương hướng và nhiệm vụ của cách mạng miền Nam. Về nhiệm vụ trước mắt của cách mạng miền Nam, Hội nghị chỉ rõ: "Ra sức xây dựng lực lượng chính trị và vũ trang (nhất là lực lượng vũ trang), làm thay đổi mau chóng lực lượng so sánh giữa ta và địch theo chiều hướng có lợi cho ta; tích cực xây dựng và mở rộng căn cứ địa, đặc biệt là những địa bàn chiến lược và cơ động của quân chủ lực, tiến lên đánh tiêu diệt và làm tan rã từng bộ phận quân đội địch; phá phần lớn các "ấp chiến lược", làm chủ vùng rừng núi và phần lớn xã thôn vùng đồng bằng, tạo điều kiện cho phong trào quần chúng ở đô thị nổi dậy mạnh mẽ"(1).

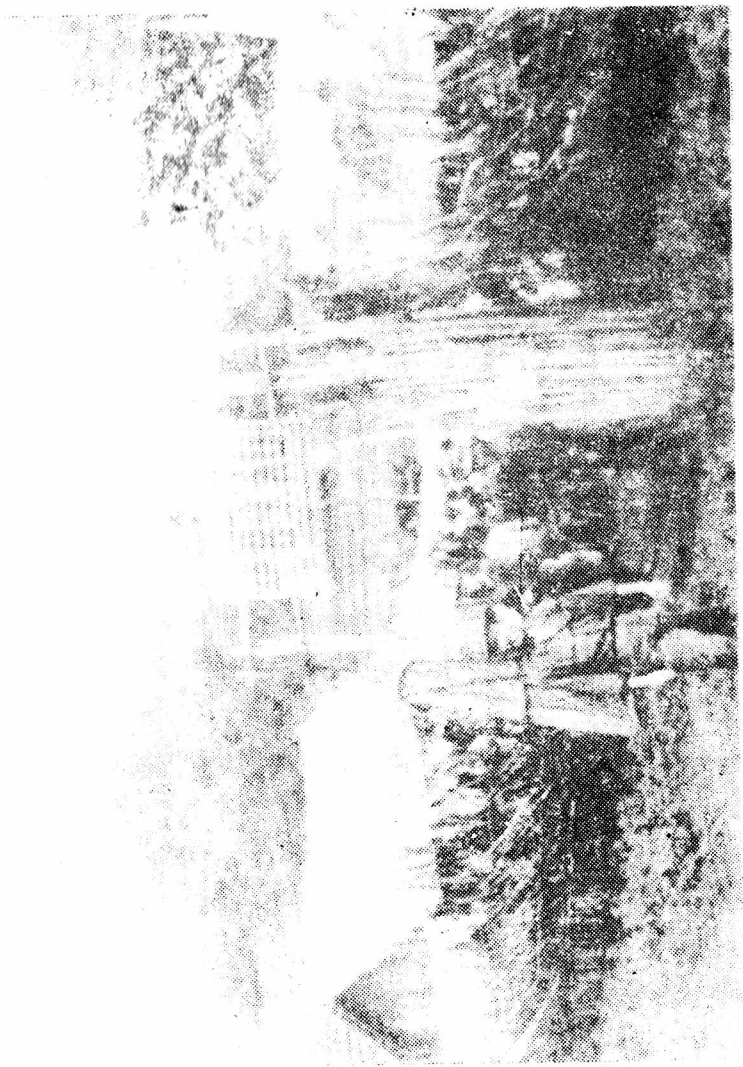
Dưới ánh sáng nghị quyết Hội nghị lần thứ 9 của Trung ương Đảng, tháng 6-1964, Khu ủy 6 (2) họp hội nghị mở rộng lần thứ 3 đề ra nhiệm vụ: đẩy mạnh đấu tranh chính trị và vũ trang đập tan các âm mưu địch, nhất là âm mưu củng cố lại hệ thống ấp chiến lược, đánh phá căn cứ, cắt đứt hành lang, mở rộng diện làm chủ và diện tranh chấp trên đại bộ phận nông thôn, củng cố và mở rộng căn cứ, thu hẹp vùng kiểm soát của địch.

Phối hợp với phong trào toàn Miền, từ tháng 10-1964, Khu ủy và Quân khu ủy chủ trương mở đợt hoạt động Đông-Xuân 1964-1965 nhằm tiêu diệt một bộ phận quan trọng sinh lực địch, phá ấp mở vùng, giải phóng phần lớn vùng nông thôn trong đó có trọng điểm chính là Phước Long và Bình Thuận.

Thực hiện nghị quyết Khu ủy và để phối hợp với các chiến trường trọng điểm, Tỉnh ủy Lâm Đồng mở đợt hoạt động vũ trang

(1) Sách đã dẫn, trang 282, 283.

(2) Cuối năm 1963, địa bàn khu 6 được điều chỉnh lại gồm 6 tỉnh: Bình Thuận, Ninh Thuận, Lâm Đồng, Tuyên Đức, Quảng Đức và Phước Long. Căn cứ của Khu chuyển về lưu vực sông Đồng Nai, giữa Lâm Đồng và Phước Long.



* Hàng ngàn đồng bào dân tộc ít người bị địch dồn vào khu tập trung, áp chiến lược

nhằm phá banh các ấp chiến lược, hỗ trợ quần chúng nổi dậy giành quyền làm chủ. Cuối năm 1964, cơ quan Tỉnh đội được thành lập để trực tiếp chỉ đạo hoạt động của lực lượng vũ trang.

Mở đầu đợt hoạt động Đông-Xuân 1964-1965, đại đội 39 (C200) tập kích trung đội dân vệ ấp Đa Bình, diệt 20 tên, thu 18 súng; sau đó đánh trung đội địch chốt giữ ấp chiến lược Gung Răng Gia diệt và bắt sống 25 tên, giải phóng 500 dân. Phát huy thắng lợi đó, trong 10 ngày đầu tháng 1-1965, lực lượng vũ trang liên tục đánh địch, hỗ trợ trên 3000 đồng bào các ấp Kon Hin, Tam Bốc, ấp 12, ấp 17 (K3), ấp Bờ Xa (K4) và các ấp Kon Hin, Đa Nga, Đa Lào (T29) nổi dậy phá ấp chiến lược trở về buôn làng cũ. Ngày 5-3-1965, trong khi đại đội 39 tiến công tiêu diệt và bắt sống 55 tên dân vệ, giải tán 20 thanh niên chiến đấu thì 700 đồng bào ở B'Trợ nổi dậy tự giải phóng, giành quyền làm chủ.

Phối hợp với chiến dịch Phước Long-Đồng Xoài và các chiến trường khác trong khu, bước vào chiến dịch hè 1965, Tỉnh ủy Lâm Đồng xác định quyết tâm đẩy mạnh hoạt động vũ trang, kết hợp với đấu tranh chính trị đánh địch trên địa bàn trọng điểm của Tỉnh; tập trung đánh phá ấp chiến lược, giải phóng dân dọc đường số 8, đường 20 nhằm mở rộng vùng giải phóng tiếp giáp với căn cứ của tỉnh, tạo thế liên hoàn với phía Nam tỉnh Quảng Đức, cắt đứt đường giao thông của địch từ Di Linh đi Gia Nghĩa.

Ngày 2-4-1965, các đại đội 31, 32 và 210 đánh đồn Tân Lú, diệt 50 tên địch, thu nhiều vũ khí. Đêm 13-4, lực lượng vũ trang đánh tập kích khu tập trung Tân Rai, tập trung bao vây, bắn tỉa buộc 5 đại đội biệt kích người dân tộc phải rút chạy, trên 800 đồng bào ở khu tập trung được giải phóng và trở về buôn làng cũ xây dựng căn cứ. Thừa thắng, ngày 27-6 tiểu đoàn 186 (bộ đội chủ lực khu 6) và các đại đội 31, 32 tiến công đồn B'Sar, giải phóng các ấp B'Sar, Đa Hưai, đánh sập cầu Đạm M'Ré, cầu Đa Hưai, làm chủ đoạn

đường 20 từ đèo Chuối đến phía Nam đèo Blao dài 28 cây số, giải phóng phần lớn địa bàn K4, tạo thành thể liên hoàn với vùng giải phóng Hoài Đức, Tánh Linh (Bình Thuận).

Trên địa bàn K3, lực lượng vũ trang liên tục tấn công địch và hỗ trợ nhân dân nổi dậy phá ấp chiến lược dọc đường số 8, từ Tân Dân đến Kênh Dạ, ta hoàn toàn làm chủ.

Như vậy đến giữa năm 1965, quân và dân trong tỉnh đã phá banh 52 khu tập trung, áp chiến lược trên tổng số 80 khu, áp trong vùng địch kiểm soát, giải phóng trên 20.000 dân. Thắng lợi đánh phá hệ thống ấp chiến lược dọc đường 20 và đường số 8 đã hình thành vùng giải phóng rộng lớn, tạo điều kiện để mở rộng và xây dựng vùng căn cứ ngày càng vững chắc.

Phối hợp với phong trào phía trước, đồng bào ở các vùng căn cứ tiếp tục đẩy mạnh tăng gia sản xuất, tiết kiệm, đồng thời tham gia dân công phục vụ phía trước và phối hợp với lực lượng vũ trang đánh địch. Vùng căn cứ và vùng mới giải phóng tạo thành thể liên hoàn vững chắc và là hậu phương lớn của tỉnh. Trên đường 20 từ Đèo Chuối đến đèo Blao, Tỉnh tổ chức thu thuế lưu thông, kết hợp với tuyên truyền đường lối, chính sách của Đảng, vận động quần chúng ủng hộ cách mạng. Vì vậy, ảnh hưởng và uy thế của cách mạng không ngừng được nâng cao, tạo điều kiện cho công tác binh vận, tranh thủ tầng lớp trên, khống chế nguy quân, nguy quyền. Sĩ quan và binh lính địch muốn lên Đà Lạt cũng phải cải trang giả dạng dân thường và chịu sự kiểm soát của ta (1).

(1) Trên đoạn đường ta làm chủ, bọn nguy quân, nguy quyền phải thừa nhận : ở Sài Gòn, Đà Lạt thì thấy chính phủ quốc gia, còn ở đây hiệu lực của chính phủ quốc gia không còn nữa, người của Mặt trận hoàn toàn làm chủ. (Trích : Tham luận tại hội nghị tổng kết cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước trên chiến trường Quân khu 6, trang 316.)

Ngoài ra Tỉnh còn mở các cửa khẩu bán lâm thổ sản, đó cũng là cách che mắt địch để nhận tiếp tế hàng hóa từ vùng địch tạm kiểm soát đưa ra. Hàng năm số tiền thu thuế trên đường 20, thu thuế các đồn điền và số hàng hóa mua bán ở các cửa khẩu đã giải quyết phần lớn vấn đề tài chính của Tỉnh, Khu 6, góp phần phục vụ đời sống và sản xuất ở các vùng căn cứ.

Công tác xây dựng Đảng và phát triển đảng viên được Tỉnh ủy quan tâm chỉ đạo. Đội ngũ đảng viên không ngừng tăng lên về số lượng, chất lượng, phát huy được vai trò tiên phong gương mẫu và có mặt ở trên các địa bàn. Năm 1964, toàn tỉnh có 47 chi bộ với 400 đảng viên, riêng 10 xã vùng căn cứ có 19 chi bộ với 136 đảng viên. Đến giữa năm 1965 đã có 61 chi bộ với 638 đảng viên, số đảng viên nữ chiếm 12%, ở vùng căn cứ bình quân 27 quần chúng có một đảng viên. Các chi bộ Tăng Răng, Hăng Ka (K2), Bờ Gia (K4), Kôn Rum (K3) đã phát huy tốt vai trò lãnh đạo quần chúng xây dựng và bảo vệ căn cứ.

Công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho cán bộ, đảng viên được tiến hành đều đặn thông qua các đợt chỉnh huấn; học tập các Nghị quyết của Đảng và mục đích, yêu cầu xây dựng chi bộ 4 tốt. Nhờ vậy, nhận thức của đảng viên từng bước được nâng lên, khắc phục tư tưởng ngại khó, ngại khổ và đã phát huy tốt vai trò gương mẫu trong chiến đấu và công tác.

II. Tỉnh ủy Tuyên Đức lãnh đạo phong trào chống đồn dân, quyết tâm bám trụ đánh địch xây dựng thực lực cách mạng.

Sau gần hai năm thực hiện nhiệm vụ mở mang, mở vùng đến giữa năm 1961, các đội vũ trang tuyên truyền của Liên tỉnh 3 và Liên tỉnh 4 đã xây dựng phong trào cách mạng ở vùng đồng bào dân tộc thuộc hai huyện Lạc Dương, Đức Trọng. Vùng giải phóng

rộng lớn với hơn 6.000 dân từ buôn Đồng Mang, Đạ Tro phía Đông Bắc Đà Lạt chạy dài dọc theo sông K'Rông K'Nô và sông Đạ R'Măng đến buôn Păng Xim, Păn Thang phía Tây Bắc Đà Lạt được nối liền với vùng giải phóng phía Nam tỉnh Đắk Lắk tạo thành vùng căn cứ liên hoàn.

Để trực tiếp lãnh đạo phong trào cách mạng địa phương, khoảng đầu tháng 8-1961, Khu ủy 6 quyết định thành lập Tỉnh ủy Tuyên Đức (1), lấy phiên hiệu B8, gồm 5 đồng chí do đồng chí Huỳnh Minh Nhựt làm bí thư.

Do yêu cầu chỉ đạo trên từng địa bàn, tỉnh ủy thành lập huyện ủy Đức Trọng và chia vùng giải phóng ở huyện Lạc Dương thành hai vùng : Vùng A từ Đồng Mang Đạ Tro lên đến K'Long, La Hia. Vùng B từ Đầm Ròn lên Liên Trang, Rô Men và dọc sông K'Rông K'Nô đến giáp phía Bắc đường 21 kéo dài. Mỗi vùng đều có Ban cán sự Đảng trực tiếp chỉ đạo.

Nhằm bảo vệ vùng mới giải phóng của Tỉnh, ngày 20-10-1961, lực lượng vũ trang phục kích trung đội thám báo địch càn quét tại K'Rơ Nơ. Trận đánh này vừa hỗ trợ tiếp tục mở rộng phong trào, vừa có tác động đối với phong trào đấu tranh chính trị bên trong thị xã Đà Lạt.

Tháng 7-1961, Liên Tỉnh Ủy 3 tổ chức một bộ phận gồm 10 cán bộ, chiến sĩ do đồng chí Lê Văn Phận phụ trách theo đường bất hợp pháp lên hoạt động ở hướng Đông Bắc thị xã Đà Lạt. Bộ phận này đã đột nhập vào các cấp vùng cây số 9, cây số 6, Đa Thành,

(1) Địa bàn Tỉnh Tuyên Đức gồm có thị xã Đà Lạt và các huyện Đức Trọng, Đơn Dương, Lạc Dương.



* Đồng chí Huỳnh Minh Nhựt, Bí thư Tỉnh ủy Tuyên Đức
(8/1961-1975)

Ảnh chụp năm 1972

Đa Thiện, Trạm Bò, Xuân Thành móc nối lại những cơ sở bị đứt liên lạc từ cuối năm 1960. Đến cuối năm 1961, cơ sở cách mạng ở vùng ven và bên trong thị xã được móc nối lại. Từ đây sự liên hệ chỉ đạo từ bên ngoài bàn đạp vào bên trong thị xã được thông suốt và sự chỉ đạo của Tỉnh ủy Tuyên Đức với Ban cán sự Đảng Đà Lạt (1) cũng được thiết lập.

Nằm trong kế hoạch chiến lược chung, từ giữa năm 1961, ở Tuyên Đức địch đẩy mạnh các hoạt động chính trị, quân sự. Mỗi quận có một trung đội biệt kích, 200 dân vệ và trên 200 thanh niên hương thôn, riêng tiểu đoàn bộ binh thuộc sư đoàn 23 bố trí chốt giữ những vị trí quan trọng. Chúng đề ra kế hoạch "An ninh lãnh thổ" nhằm các mục tiêu : tuần tiễu, phục kích đánh lực lượng ta, tổ chức thanh niên vũ trang, cán bộ hương thôn, lập thôn ấp kiểu mẫu.

Ở huyện Đức Trọng, địch xây dựng trại huấn luyện biệt kích người dân tộc tại Dăm Pao do cố vấn Mỹ trực tiếp huấn luyện và chỉ huy. Lực lượng này chuyên thăm dò, đánh phá căn cứ, hành lang và cơ sở cách mạng.

Đầu năm 1962, địch tập trung lực lượng đánh phá vùng mới giải phóng, dồn dân vào vùng chúng kiểm soát. Từ tháng 2 đến tháng 4-1962, chúng dùng các đơn vị vũ trang, lực lượng biệt kích, kết hợp với bọn tề điệp, mục sư thầy giảng tại chỗ hù dọa, cưỡng ép và lợi dụng tín ngưỡng tôn giáo lôi kéo trên 2.000 đồng bào ở 20 buôn thuộc hai xã Đa Kao, K' RNơ và một số buôn thuộc xã Diêng Le về quận lỵ Lạc Dương. Sau khi ta đánh đồn Fi Yàn, địch phản ứng mở chiến dịch "Đồng Tiến" càn quét và dồn dân phía Bắc đường 21 kéo dài. Từ tháng 5 đến tháng 6-1962, chúng huy động

(1) Ban cán sự Đảng Đà Lạt lúc này do đồng chí Lê Văn Phận (tức Ba Dư) làm bí thư.

hai tiểu đoàn Cộng hòa, hai đại đội Bảo an, hai trung đội dân vệ cưỡng ép đồn dân từ Phi Có đến Phi Liên và từ đường 21 kéo dài vào đến hai xã Rô Men, Đầm Ròn về hai khu vực Rìong bô Liêng và Dăm Pao (khoảng 10.000 người).

Để tiến hành đồn dân, lập ấp chiến lược trên qui mô lớn (1), đến tháng 3-1962, địch đã xây dựng thí điểm 3 ấp chiến lược : Đồi Mới (Đơn Dương), Gia Thạnh (Đức Trọng), B Nơ A (Lạc Dương) và lấy khu tập trung Dú Tờ Nang (nay thuộc xã Đa Sa), xã Lát (Lạc Dương) làm thí điểm xây dựng thôn ấp kiểu mẫu.

Kết hợp với hoạt động quân sự, địch tiếp tục thực hiện "tôn giáo hóa" trong đồng bào dân tộc nhất là đạo tin lành và cơ đốc giáo, đào tạo các mục sư thầy giảng người dân tộc. Chúng dùng thần quyền giáo lý để đầu độc, dùng vật chất mua chuộc quần chúng, đồng thời kết hợp với bọn tề điệp tại chỗ khống chế, cưỡng ép đồng bào, do đó đã gây cho ta nhiều khó khăn trong xây dựng và bảo vệ căn cứ, phát triển thực lực cách mạng.

Đầu tháng 3-1962, Tỉnh ủy Tuyên Đức họp hội nghị mở rộng lần thứ nhất để kiểm điểm, đánh giá phong trào cách mạng địa phương và đề ra nhiệm vụ trước mắt : Vừa tập trung sức củng cố vùng mới giải phóng, chống âm mưu đồn dân của địch, vừa đẩy mạnh hoạt động vào vùng địch để mở rộng vùng giải phóng đến vùng dân tộc phía Tây huyện Đức Trọng giáp với Lâm Đồng (cũ); đồng thời tiếp tục móc nối, xây dựng cơ sở ở nội ô và vùng người kinh ven Đà Lạt.

(1) Theo tài liệu của địch số 1342-TĐ, chính quyền địch ở Tuyên Đức dự định bước đầu sẽ xây dựng 31 ấp chiến lược và chia làm 4 giai đoạn. Giai đoạn 1 thực hiện các ấp điển hình, giai đoạn 2 thực hiện các ấp loại A (loại địch cho là hoàn toàn an ninh và gần thị trấn, tỉnh lỵ), giai đoạn 3 thực hiện các ấp loại B (loại ấp có an ninh, các quận có thể kiểm soát), giai đoạn 4 thực hiện loại ấp kém an ninh.

Thực hiện Nghị quyết Tỉnh ủy, ngày 6-4-1962, trung đội đặc công của Tỉnh (K1) phối hợp với một đại đội bộ binh của Quân khu 6 tập kích cứ điểm Fì Yàn ở Phú Sơn, diệt một trung đội dân vệ, thu toàn bộ vũ khí. Sau đó vũ trang tuyên truyền ở ấp Bằng Tiên và tổ chức phục kích tại ấp Ngọc Sơn chặn đánh một tiểu đoàn cộng hòa đến chi viện cho Fì Yàn. Trận đánh này không những có ảnh hưởng lớn trong đồng bào vùng dân tộc phía Tây huyện Đức Trọng mà còn tác động vào thị xã Đà Lạt. Để tăng cường thêm lực lượng, Tỉnh ủy thành lập thêm một đội vũ trang tuyên truyền hoạt động trên địa bàn phía Tây xã Phú Sơn và một đội hoạt động vùng dân tộc phía Tây thị xã Đà Lạt.

Để hỗ trợ đồng bào khu vực Đầm Ròn đấu tranh chống địch đồn dân, ngày 23-9-1962, tại Liên Trang, đại đội 143 của Tỉnh phục kích đánh tiêu hao một đơn vị biệt kích địch. Tháng 10-1962, địch mở chiến dịch "An Lạc" đưa một tiểu đoàn cộng hòa và một trung đội dân vệ đến đóng cứ điểm dã ngoại tại Đầm Ròn làm nơi xuất phát hành quân càn quét đánh phá hành lang, căn cứ cơ quan Tỉnh ủy Tuyên Đức và Khu ủy 6 xung quanh khu vực Đầm Ròn. Tháng 11-1962, Khu ủy và Quân khu ủy 6 chủ trương tiêu diệt cứ điểm Đầm Ròn và phá khu tập trung. Với quyết tâm đó, đêm 5-12-1962, hai tiểu đoàn 186 và 120 của khu, C143 và trung đội đặc công của Tỉnh tập kích cứ điểm Đầm Ròn, diệt 300 tên địch, phá hủy hai khẩu pháo 105 ly. Ngày hôm sau địch phản kích quyết liệt, dùng trực thăng chở lực lượng bộ binh của vùng chiến thuật 23 đến giải tỏa và rút dân Đầm Ròn về vùng chúng kiểm soát.

Như vậy trong suốt năm 1962, mặc dù ta tập trung lực lượng chống lại âm mưu càn quét, gom dân của địch, nhưng vì lực lượng ta ít, vùng giải phóng quá rộng và chưa kịp củng cố nên đến cuối năm 1962 về cơ bản địch đã gom dân vùng dân tộc phía Bắc và Tây Bắc Đà Lạt về các khu tập trung, ấp chiến lược. Vùng giải phóng

của tỉnh từ 6.000 dân (giữa năm 1961) đến cuối năm 1962 chỉ còn lại khoảng 1.200 dân ở các buôn Tà Xi, Pan Thing Ít, Rô Men, Đồng Mang, Đạ Tro, K'Si (Lạc Dương), Păn Thang, Đ'Rao (phía Tây Bắc Đức Trọng) nhưng đều phải chuyển ra ở thế bất hợp pháp.

Ở thị xã Đà Lạt, các đội công tác vừa vận dụng phương thức "cầu chuyền" vừa đột nhập vào bên trong để móc nối cơ sở. Nhờ vậy đến cuối năm 1962, toàn bộ những cơ sở bị đứt liên lạc từ các năm trước đều hoạt động trở lại và phát triển thêm một số cơ sở ở Quảng Hiệp (Đức Trọng). Hoạt động chủ yếu của cơ sở lúc này là vận động quần chúng đấu tranh, vận động thanh niên thoát ly tham gia các đội công tác và tổ chức tiếp tế cho lực lượng bên ngoài.

Sau khi bị ta tập kích tiêu diệt cứ điểm Đầm Ròn, sang năm 1963 bọn địch ở Tuyên Đức tập trung lực lượng phản kích ác liệt hơn. Từ tháng 1 đến tháng 9-1963 tiếp tục dồn dân, lập ấp chiến lược với qui mô lớn. Ở phía Tây Nam Đà Lạt, chúng đưa lực lượng biệt kích đến phối hợp với bọn tề điệp, mục sư thầy giảng tại chỗ để cưỡng ép đồng bào rời bỏ buôn làng vào sống trong các khu tập trung Đạ Me, Suối Thông A. Trên đường 21 kéo dài, địch huy động hai tiểu đoàn cộng hòa cùng với bọn tề điệp cưỡng bức trên 1.000 đồng bào phía Tây sông Đạ R'Măng về các khu tập trung Đạ p Rét, Dăm Pao, R'Lom và tiếp tục dồn gần 700 đồng bào ở các buôn Păn Thang, Đ'Rao, Rô Men về vùng chúng kiểm soát. Như vậy, đến cuối năm 1963, địch đã dồn trên 50.000 dân vào 108 ấp chiến lược, khu tập trung. Vùng giải phóng của Tỉnh chỉ còn trên 300 dân ở các buôn Đồng Mang, Đạ Tro, K'Si ở phía Đông huyện Lạc Dương. Riêng số dân ở hai buôn Tà-Xi, Pan Thing Ít ta chuyển sang ở vùng giải phóng phía Đông Nam tỉnh Đắk Lắk, còn lại gần 100 dân giao cho tỉnh Quảng Đức phụ trách (cùng với việc giao huyện Đức trọng cho Quảng Đức).

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ mở mang giành dân, vùng giải phóng của Tỉnh tuy rộng lớn nhưng phần lớn đồng bào dân tộc theo tin lành và cơ đốc nên địch dùng thần quyền giáo lý để lừa phỉnh lôi kéo. Trong khi đó, lực lượng vũ trang và các cơ quan Tỉnh, huyện mới được hình thành, số lượng ít và không đủ sức đánh địch, giữ dân. Để tập trung chỉ đạo phong trào thị xã Đà Lạt và vùng kinh ven thị xã, tháng 5-1963, khu ủy 6 quyết định tạm giao huyện Đức Trọng cho tỉnh Quảng Đức phụ trách và thu gọn Tỉnh ủy Tuyên Đức lại thành Ban cán sự Đảng tỉnh.

Trước tình hình địch tập trung đánh phá phong trào cách mạng, dồn dân vào các khu tập trung, áp chiến lược, Ban cán sự Đảng Tỉnh chủ trương: Động viên cán bộ, chiến sĩ các cơ quan, đơn vị khắc phục mọi khó khăn gian khổ, quyết tâm bám trụ địa bàn, giữ cho được số dân còn lại ở huyện Lạc Dương để xây dựng căn cứ, tạo bàn đạp đứng chân từng bước đưa phong trào phát triển, đồng thời đẩy mạnh phong trào Đà Lạt lên một bước. Trong năm 1963, do địch đánh phá ác liệt nên các cơ quan, đơn vị không sản xuất được, tình hình thiếu đói xảy ra nghiêm trọng. Hàng ngày, cán bộ chiến sĩ chỉ ăn lá bép, chuối cây, củ rừng nhưng vẫn kiên trì bám trụ địa bàn, vừa đánh địch càn quét, bảo vệ dân, vừa sản xuất để giải quyết lương thực. Sau khi ta đánh áp chiến lược Pur Teing không thành công, một số cán bộ chiến sĩ tỏ ra bi quan, giao động. Trước tình hình đó, Ban cán sự Đảng Tỉnh chú trọng công tác giáo dục, động viên tư tưởng, xây dựng ý chí cách mạng cho cán bộ chiến sĩ, nhờ đó đã ổn định được tư tưởng nội bộ. Cuối tháng 12-1963 cơ quan lãnh đạo Tỉnh và lực lượng vũ trang của Tỉnh chuyển về căn cứ Đồng Mang, Đa Tro để có điều kiện đẩy mạnh tăng gia sản xuất, củng cố lực lượng và xây dựng thế đứng vững chắc cho việc chỉ đạo phong trào Đà Lạt.

Sau khi dồn hết số dân vùng ta mới giải phóng vào vùng chúng kiểm soát, sang năm 1964, địch tiếp tục dồn dân lập "ấp chiến lược", "ấp tân sinh" trên qui mô toàn Tỉnh. Đồng thời dùng lực lượng nhỏ thường xuyên lùng sục, phục kích ven ấp ven rừng, đánh phá vùng bàn đạp và đường hành lang của ta. Lực lượng địch lúc này có 3 tiểu đoàn bảo an với 1225 tên, 1137 tên dân vệ, 3120 thanh niên chiến đấu và 834 tên Mỹ (bao gồm lực lượng cố vấn, công binh, pháo binh, biệt kích). Chúng sử dụng 2/3 lực lượng trên để yểm trợ việc xây dựng ấp chiến lược, ấp tân sinh, kết hợp với 12 đoàn binh định nông thôn, trường sơn và tề điệp tại chỗ đánh phá cơ sở cách mạng, khống chế và mua chuộc quần chúng.

Để kịp thời đối phó và ngăn chặn những âm mưu thủ đoạn của địch, tháng 6-1964, Ban cán sự Đảng Tỉnh họp mở rộng đề ra nhiệm vụ cấp bách trước mắt là : Đối với vùng địch kiểm soát, tích cực xây dựng, mở rộng cơ sở ở các ấp dọc đường 11, đường 20 và vùng dân tộc phía Đông Nam Đà Lạt. Ra sức xây dựng, củng cố cơ sở bên trong thị xã Đà Lạt, gắn chặt với việc đẩy mạnh đánh phá ấp chiến lược. Đối với vùng căn cứ ở Lạc Dương, tích cực xây dựng các mặt chính trị, quân sự, kinh tế nhằm bảo đảm thế đứng chân của cơ quan chỉ đạo và lực lượng vũ trang Tỉnh.

Nhằm động viên tinh thần cán bộ, chiến sĩ và chỉ đạo sát thực tế, Ban cán sự Đảng Tỉnh phân công các ủy viên xuống cùng các đội vũ trang đột ấp, phá kềm. Lực lượng vũ trang của Tỉnh tổ chức lại thành hai trung đội độc lập để phối hợp với các đội công tác làm nhiệm vụ bám ấp vũ trang tuyên truyền, xây dựng cơ sở chính trị, du kích mật và làm công tác binh vận; đồng thời đẩy mạnh hoạt động vũ trang, vừa đánh địch bung ra càn quét, vừa đột ấp diệt ác phá kềm, phá ấp chiến lược với mức độ từ thấp lên cao.

Tháng 7-1964, thông qua cơ sở ở ấp Xuân Sơn cung cấp tình hình, lực lượng vũ trang đột nhập vào khu vực nhà máy chè Cầu

Đất và khu Đất Làng bắt tề, làm rõ bộ máy kèm, tập trung quân chúng mít tinh, tuyên truyền. Sau đó các đơn vị tiếp tục đội nhập các ấp Trường Sơn, Xuân Sơn để vũ trang tuyên truyền và tước súng bọn thanh niên chiến đấu. Rút kinh nghiệm qua những lần đột ấp, tháng 8-1964, Tỉnh chỉ đạo các đơn vị mở rộng hoạt động sang địa bàn xã Xuân Thọ, xây dựng được nhiều cơ sở và rút thanh niên bổ sung cho các đơn vị.

Thực hiện nhiệm vụ đánh phá ấp chiến lược, tháng 10-1964 Ban cán sự Đảng Tỉnh trực tiếp chỉ đạo lực lượng vũ trang và đội công tác đột nhập ấp chiến lược Xuân Thành bắt ấp trưởng, xóa bộ máy tề, tước súng và giải trang tiểu đội thanh niên chiến đấu và trụ lại đến sáng hôm sau. Đây là trận đánh ấp chiến lược đầu tiên ở tỉnh Tuyên Đức. Phát huy thắng lợi đó, tháng 11-1964 ta tổ chức hai trung đội độc lập đánh vào ấp chiến lược Xuân Thành lần thứ 2. Lần này các đơn vị trụ lại ban ngày đánh bọn dân vệ và một đại đội bảo an đến chi viện, diệt nhiều tên. Kết quả hai lần đánh vào ấp chiến lược Xuân Thành không những giải quyết được tư tưởng trong cán bộ, chiến sĩ, khẳng định được khả năng đánh địch của các đơn vị, mà Ban cán sự Đảng Tỉnh cũng có thêm kinh nghiệm chỉ đạo đánh phá ấp chiến lược. Vì vậy, trong 6 tháng cuối năm 1964, lực lượng vũ trang và các đội công tác trong tỉnh đã 32 lần đột ấp vũ trang tuyên truyền, diệt ác phá kềm, xây dựng cơ sở cách mạng ở các ấp Xuân Sơn, Đất Làng, Trường Sơn (xã Xuân Trường), Đa Lộc, Phụng Sơn, Xuân Thành, Đa Thọ (xã Xuân Thọ) trên đường 11, các ấp Lạc Xuân, La Bui, Bắc Hội trên đường 21 kếp; Phú Thạnh, Quảng Hiệp, Định An (xã Hiệp Thạnh) trên đường 20. Qua những lần đột ấp các đơn vị vận động được nhiều thanh niên thoát ly bổ sung vào các đơn vị vũ trang và đội công tác.

Ở thị xã Đà Lạt, Ban cán sự Đảng Tỉnh chủ trương đưa số cơ sở cốt cán bên trong ra vùng bàn đạp huấn luyện nhằm nâng cao

trình độ và năng lực công tác, bảo đảm hoạt động lâu dài. Đầu năm 1964, một số đảng viên hoạt động đơn tuyến và cơ sở cốt cán bên trong vận động khoảng 3000 phụ nữ chợ Đà Lạt bãi thị suốt 7 ngày và kéo đến dinh Thị trưởng đưa kiến nghị đòi bãi bỏ việc tăng thuế chợ. Trước khí thế đấu tranh của quần chúng, chính quyền địch buộc đành phải nhượng bộ và hủy bỏ quyết định tăng thuế.

Cùng với việc chỉ đạo phong trào ở phía trước, Ban cán sự Đảng Tỉnh coi trọng nhiệm vụ xây dựng căn cứ và đẩy mạnh sản xuất tự túc để giải quyết khó khăn về lương thực. Vùng căn cứ phía Đông huyện Lạc Dương thành lập 3 chi bộ, trực tiếp lãnh đạo đồng bào tích cực bố phòng chống địch, đẩy mạnh sản xuất, do đó đời sống của đồng bào từng bước được ổn định.

Về công tác xây dựng Đảng, Ban cán sự Đảng tỉnh làm tốt công tác giáo dục tư tưởng cho đảng viên, đồng thời chú trọng công tác phát triển đảng viên, củng cố tổ chức Đảng bên trong. Đến cuối năm 1964, trong vùng địch kiểm soát đã thành lập được 3 chi bộ gồm 10 đảng viên, trong đó có chi bộ 8-3 ở chợ Đà Lạt gồm 3 nữ đảng viên và chi bộ ở Đa Lộc có 4 đảng viên.

Trước những thắng lợi to lớn của quân và dân miền Nam, chiến lược "chiến tranh đặc biệt" của đế quốc Mỹ đang đứng trước nguy cơ bị phá sản hoàn toàn. Càng thua đau, Mỹ-Ngụy càng điên cuồng chống phá cách mạng, tiến hành nhiều âm mưu và thủ đoạn nhằm kéo dài và mở rộng chiến tranh. Tại Tuyên Đức, sang năm 1965 Mỹ-Ngụy tiếp tục xây dựng và củng cố hệ thống ấp chiến lược, áp tảo sinh; tăng thêm các đơn vị pháo binh biệt kích Mỹ và hai đại đội công binh Úc làm nhiệm vụ mở đường giao thông; tiến hành xây dựng trạm thông tin núi Bà nhằm thực hiện âm mưu xây dựng Tuyên Đức thành vị trí chiến lược quan trọng và hậu cứ an toàn ở Nam Tây Nguyên. Để hỗ trợ cho bộ máy kèm ở cơ sở, địch thành lập thêm 12 đoàn binh định nông thôn (năm 1964 có 12 đoàn) và

đưa 35 tên cảnh sát người dân tộc xuống hoạt động trong các buôn ấp dân tộc. Đi đôi với việc tăng cường lực lượng, chúng thường xuyên tổ chức các đơn vị nhỏ lùng sục cần quét vùng bàn đạp, nhất là vùng ven Đà Lạt hồng đánh bật lực lượng ta ra khỏi các điểm bám trụ.

Ngoài những hoạt động quân sự, địch còn đẩy mạnh các hình thức chiến tranh tâm lý mở nhiều khóa huấn luyện tình báo, mật vụ tìm cách cài cắm bọn mật vụ vào tổ chức mang danh nghĩa các "đoàn công tác xã hội, thanh niên, y tế, khảo sát mùa màng" để nắm tình hình, đánh phá cơ sở cách mạng bên trong.

Phối hợp với phong trào toàn Miền và các tỉnh khu 6, trong đợt hoạt động Đông-Xuân 1964-1965 và hè 1965, Ban cán sự Đảng tỉnh Tuyên Đức xác định nhiệm vụ trọng tâm của tỉnh trong năm 1965 là: vừa tiếp tục đánh địch, phá ấp chiến lược, diệt ác phá kềm, xây dựng cơ sở bên trong, rút thanh niên thoát ly để xây dựng lực lượng; vừa đẩy mạnh sản xuất tự túc ở các cơ quan, đơn vị và nhân dân vùng căn cứ, tăng cường bố phòng chống địch cần quét. Bên trong thị xã Đà Lạt, tiếp tục xây dựng cơ sở, đưa phong trào đấu tranh của quần chúng lên một bước. Để đủ sức hoạt động, Tỉnh thống nhất hai trung đội độc lập thành đại đội bộ binh 810.

Với quyết tâm đó, lực lượng vũ trang và các đội công tác trong tỉnh bước vào đợt hoạt động mới. Cuối tháng 1-1965, lực lượng vũ trang tập kích bót cảnh sát và đồn dân vệ Trại Mát, diệt và bắt một tiểu đội dân vệ, thu 3 súng. Trận đánh này có tác động hỗ trợ cho phong trào đấu tranh của Phật tử Đà Lạt. Tháng 3-1965, Ban cán sự Đảng Tỉnh chủ trương chuyển toàn bộ lực lượng vũ trang sang phía Đức Trọng hoạt động đánh phá ấp chiến lược mở phong trào. Ngày 12-3, các đơn vị diệt gọn trung đội dân vệ giữ ấp và phá banh ấp chiến lược Hoạt, tạo điều kiện mở rộng bàn đạp đứng chân để hoạt động trên đường 21 kéo dài. Sau đó các đơn vị tiếp tục xây

dựng cơ sở vùng cây số 7, cư xá Bảo An thuộc xã Liên Hiệp. Tháng 5-1965 các đơn vị chuyển qua địa bàn xã Hiệp Thạnh làm nhiệm vụ đột áp vũ trang tuyên truyền, phá kềm, xây dựng cơ sở. Nhờ rút được thanh niên thoát ly nên Tỉnh thành lập thêm trung đội bộ đội địa phương huyện Lạc Dương (B870) và một trung đội công binh.

Qua kinh nghiệm của các đợt hoạt động đánh phá ấp chiến lược, tháng 9-1965, Ban cán sự Đảng tập trung lực lượng đánh đồn Tiêng Liêng, phá ấp chiến lược Tiêng Liêng và khu tập trung Dú Tờ Nang ở Lạc Dương. Sau khi tiêu diệt một trung đội dân vệ chốt giữ đồn, các đơn vị trụ lại 2 ngày đêm đánh địch đến phản kích. Trận đánh này tuy chưa đưa được dân về vùng căn cứ nhưng lực lượng vũ trang Tỉnh có thêm kinh nghiệm đánh địch, phá ấp chiến lược, trình độ chiến thuật được nâng lên một bước và tin vào khả năng đánh địch của mình.

Ở phía Nam thị xã Đà Lạt, sau khi xây dựng được cơ sở ở hai xã Xuân Trường, Xuân Thọ, Ban cán sự Đảng Tỉnh chỉ đạo các đội công tác dùng phương thức cầu chuyền tiếp tục mở phong trào, xây dựng cơ sở các ấp Suối Cát, Hòa Bình, Lạc Xuân, Lạc Bình (Đơn Dương) và thành lập một chi bộ tại Phú Thuận gồm 3 đảng viên. Cùng thời gian đó, một đội công tác khác dựa vào cơ sở xã Hiệp Thạnh mở phong trào sang phía đường 21, xây dựng được cơ sở ở Bắc Hội. Từ đó phong trào tiếp tục mở rộng ra ở nhiều nơi trên địa bàn huyện Đơn Dương.

Phối hợp với hoạt động vũ trang, tháng 5-1965, chi bộ Đảng chợ Đà Lạt và cơ sở bên trong vận động hàng ngàn đồng bào tham gia cuộc đấu tranh tẩy chay cuộc bầu cử hội đồng thành phố và đòi chính quyền địch phải có những biện pháp cải thiện đời sống, phải bán gạo và thực phẩm cho dân. Do nội dung cuộc đấu tranh phù hợp với nguyện vọng của nhân dân nên đồng bào ở các ấp Nam Thiên, Xuân An, Tây Hồ, Sào Nam và vùng cây số 4 hưởng ứng sôi

nổi. Trước khi thể đấu tranh của quần chúng, chính quyền địch buộc phải chấp nhận giải quyết một số yêu sách.

Trong khí thế chung của phong trào đấu tranh chính trị tại Đà Lạt, nhiều Phật tử tiến bộ đã tham gia biểu tình chống chính quyền địch đàn áp, khủng bố Phật giáo yêu nước tại Sài Gòn, Huế và đòi địch phải hủy bỏ các luật lệ ngăn cấm, bắt bớ các tín đồ Phật tử ở chùa Linh Sơn và các chùa khác ở Đà Lạt.

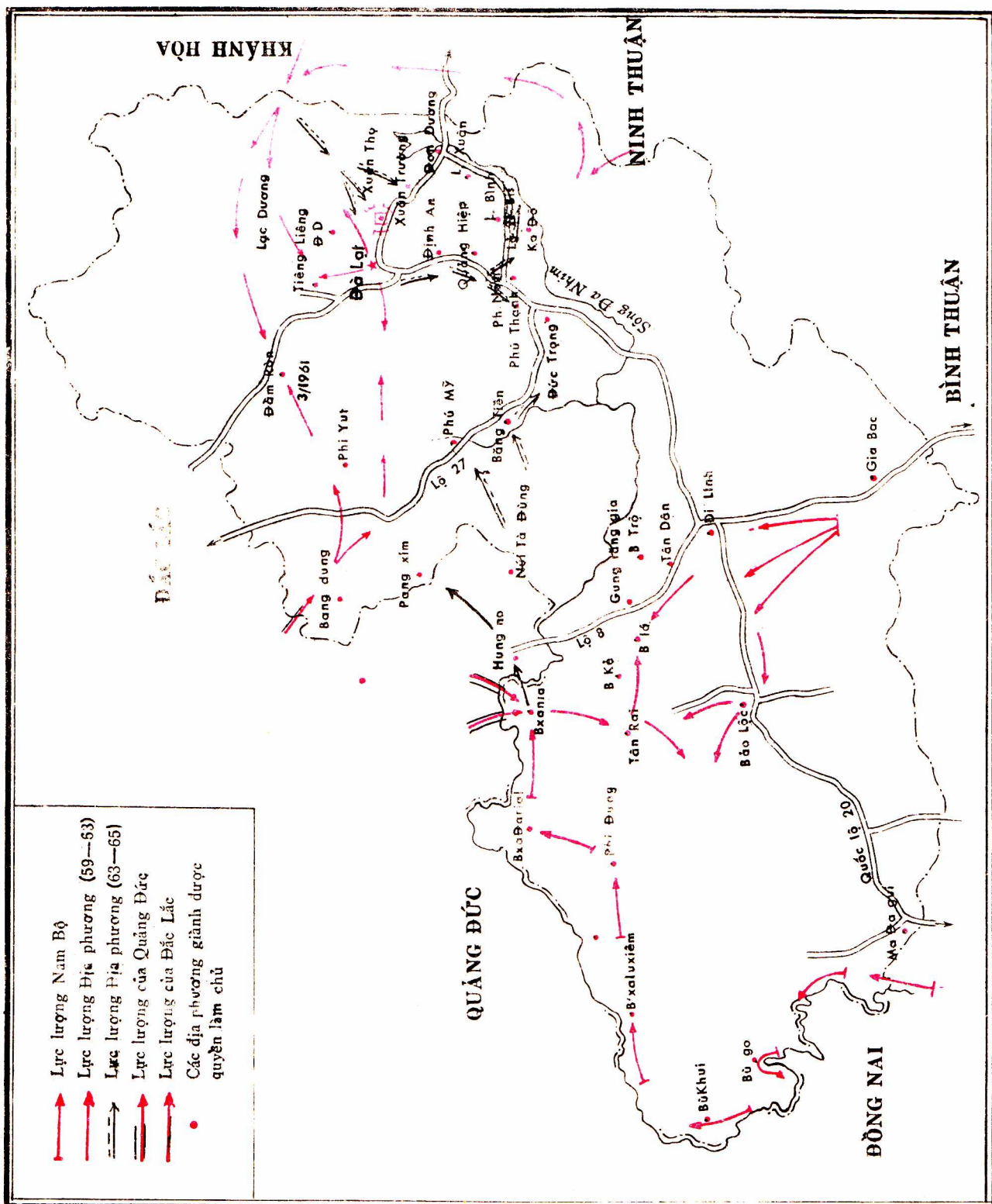
Sự phối hợp, tác động lẫn nhau giữa hoạt động vũ trang với đấu tranh chính trị đã đưa phong trào cách mạng tỉnh Tuyên Đức phát triển lên một bước mới. Đến giữa năm 1965, toàn tỉnh có 13 ấp với trên 7.000 dân dọc các đường 11, 20, 21 kếp lỏng rãi kèm, thực lực cách mạng trên các địa bàn tiếp tục được củng cố và phát triển, qua đó tuyển chọn những người tích cực nhất để phát triển Đảng. Tính đến tháng 6-1965, toàn tỉnh có 16 chi bộ với 173 đảng viên, 12 chi đoàn với 80 đoàn viên. Đó là lực lượng trực tiếp lãnh đạo và làm nòng cốt đối với phong trào cách mạng địa phương, là nhân tố quyết định đưa phong trào từng bước giành thắng lợi.

*
**

Qua 4 năm đương đầu với chiến lược "chiến tranh đặc biệt" của đế quốc Mỹ, phong trào cách mạng hai tỉnh Lâm Đồng, Tuyên Đức đã giành được những thắng lợi quan trọng. Đảng bộ hai tỉnh phát huy tinh thần tự lực tự cường, quyết tâm vượt qua mọi khó khăn gian khổ, ác liệt để bám trụ địa bàn xây dựng cơ sở, mở rộng phong trào. Hoạt động vũ trang vừa tiêu diệt được sinh lực địch, vừa hỗ trợ quần chúng nổi dậy diệt ác phá kềm, giành quyền làm chủ. Ở Lâm Đồng, vùng giải phóng được mở rộng, xây dựng hoàn chỉnh hai vùng căn cứ ở Nam, Bắc đường 20 và góp phần củng cố, bảo vệ đường hành lang chiến lược Nam-Bắc.

Tuy nhiên, phong trào cách mạng mỗi tỉnh vẫn còn có mặt hạn chế. Tại Lâm Đồng, phong trào đấu tranh chính trị ở thị xã, thị trấn và trong các đồn điền còn yếu, chưa phối hợp chặt chẽ với hoạt động vũ trang. Ở Tuyên Đức, do không giữ được số dân vùng mới giải phóng nên vùng căn cứ bị thu hẹp, chưa giải quyết được hậu cần tại chỗ để bảo đảm cho các cơ quan, đơn vị hoạt động liên tục. Hoạt động vũ trang tuy có nhiều chuyển biến tốt nhưng vẫn chưa phá banh được khu tập trung, áp chiến lược để đưa dân về buôn làng cũ. Tình hình đó đã ảnh hưởng đến sự phát triển của phong trào khi cách mạng chuyển sang giai đoạn mới.

Các mũi mìn đường hành lang của các đội vũ trang
tuyên truyền và phong trào giành quyền làm chủ của
quân và dân Lâm Đồng từ 1960 — 1965



CHƯƠNG III

DẪNG BỘ HAI TỈNH LÂM ĐỒNG (cũ)-TUYÊN ĐỨC NÊU CAO QUYẾT TÂM ĐÁNH MỸ VÀ THẮNG MỸ, GÓP PHẦN ĐÁNH BẠI CHIẾN LƯỢC "CHIẾN TRANH CỤC BỘ" CỦA ĐẾ QUỐC MỸ.

(Từ tháng 6-1965 đến cuối năm 1968).

Bị thất bại nặng nề trong chiến lược "chiến tranh đặc biệt", đế quốc Mỹ ồ ạt đưa quân viễn chinh Mỹ và chư hầu vào miền Nam nhằm thực hiện chiến lược "chiến tranh cục bộ", đồng thời mở rộng chiến tranh bằng không quân ra miền Bắc. Dựa vào lực lượng quân Mỹ, chư hầu và hơn nửa triệu quân ngụy, đế quốc Mỹ hy vọng sẽ giành lại thế chủ động trên chiến trường.

Trước tình hình đó, Ban chấp hành Trung ương Đảng họp hội nghị lần thứ 12 (tháng 12-1965) nhận định âm mưu và thủ đoạn mới của địch. Trên cơ sở phân tích một cách khoa học và toàn diện so sánh lực lượng giữa ta và địch, hội nghị khẳng định : "Mặc dù đế quốc Mỹ đưa vào miền Nam hàng chục vạn quân viễn chinh, lực lượng so sánh giữa ta và địch vẫn không thay đổi lớn. Tuy cuộc chiến tranh ngày càng trở nên gay go, ác liệt, nhưng nhân dân ta đã có cơ sở chắc chắn để giữ vững và tiếp tục giành thế chủ động trên chiến trường, có lực lượng và điều kiện để đánh bại âm mưu

trước mắt và lâu dài của địch."(1).Hội nghị đề ra nhiệm vụ trước mắt của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta là: "Động viên lực lượng cả nước, kiên quyết đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ trong bất kỳ tình huống nào để bảo vệ miền Bắc, giải phóng miền Nam, hoàn thành cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân trong cả nước, tiến tới thực hiện hòa bình thống nhất nước nhà."(2).

Thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 12 của Trung ương Đảng, tháng 3-1966, Trung ương Cục miền Nam họp hội nghị lần thứ tư để quán triệt tình hình và đề ra nhiệm vụ của cách mạng miền Nam là: "Quyết tâm đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ trong bất kỳ tình huống nào, ra sức đẩy mạnh ba cao trào vũ trang, chính trị và binh vận, xây dựng lực lượng ta lớn mạnh về mọi mặt, phát động nhân dân du kích chiến tranh rộng rãi và toàn diện, đồng thời khẩn trương xây dựng chủ lực, ra sức tiêu hao, tiêu diệt nhiều sinh lực địch, đánh bại các âm mưu quân sự, chính trị, kinh tế, binh định nông thôn, kèm kẹp đô thị của địch."(3).

Để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ đó, Hội nghị nêu lên 4 công tác lớn ở miền Nam:

1. Đẩy mạnh đấu tranh vũ trang, xây dựng lực lượng vũ trang lớn mạnh, phát động phong trào chiến tranh du kích rộng khắp, tiêu diệt một bộ phận quan trọng sinh lực Mỹ và Ngụy.

2. Mở rộng mặt trận đoàn kết dân tộc chống Mỹ, cứu nước. Đẩy mạnh cao trào đấu tranh chính trị và binh vận.

3. Đẩy mạnh công tác dân vận.

(1) Những sự kiện Lịch sử Đảng, tập 3 (1954-1975), NXB Thông tin lý luận Hà Nội - 1985, trang 356.

(2) (3) Sách đã dẫn, trang 357, 363.

4. Tăng cường công tác xây dựng Đảng.

Trên cơ sở đánh giá những thắng lợi ta đã giành được và những thất bại của địch trong năm 1965, Hội nghị khẳng định: Ta hoàn toàn có khả năng đánh bại chiến lược "chiến tranh cục bộ" của Mỹ.

Sau khi tăng cường thêm lực lượng, từ tháng 1 đến tháng 6-1966, Mỹ-Ngụy mở cuộc phản công chiến lược lần thứ nhất. Với chiến dịch "Năm mũi tên" mà trọng điểm là các tỉnh miền Đông Nam bộ và đồng bằng khu 5, chúng hy vọng sẽ "bẻ gãy xương sống Việt Cộng", tiêu diệt lực lượng quân giải phóng và giành lại những vùng đã mất. Trên chiến trường miền Nam, địch tiến hành hàng ngàn cuộc hành quân càn quét, nhưng chúng đã bị thất bại thảm hại. Quân và dân ta đã loại khỏi vòng chiến đấu 104.000 tên địch, trong đó có 42.000 tên Mỹ.

Trên chiến trường khu 6, tuy không phải là trọng điểm của cuộc phản công, nhưng từ tháng 1 đến tháng 5-1966 Mỹ-ngụy đã tiến hành 306 cuộc hành quân càn quét nhằm bình định nông thôn và đánh phá các vùng căn cứ của ta. Phối hợp với toàn Miền, quân và dân khu 6 bẻ gãy nhiều cuộc hành quân càn quét của địch, tiêu biểu là chiến dịch Đông-Bắc Phước Long, chiến trường Tam Giác Hàm Thuận (Bình Thuận).

Tháng 5 năm 1966, khu ủy 6 họp Hội nghị quán triệt Nghị quyết hội nghị lần thứ 12 của Trung ương Đảng và Nghị quyết hội nghị lần thứ 4 của Trung ương Cục miền Nam. Hội nghị đề ra nhiệm vụ trước mắt là: "Quyết tâm giữ vững và phát triển thế chủ động tấn công địch, đẩy mạnh ba cao trào nhằm tiêu hao, tiêu diệt làm tan rã lực lượng và hậu phương địch, đánh bại các âm mưu mới của chúng, đẩy chúng lùi sâu hơn nữa vào thế bị động lúng túng, giành về ta vùng nông thôn còn lại, đưa phong trào thị xã, thị trấn tiến lên, nhanh chóng xây dựng vùng giải phóng và vùng căn cứ thành

hậu phương vữngmann."(1). Hội nghị còn đề ra những công tác lớn nhằm thực hiện thắng lợi nhiệm vụ trong giai đoạn cách mạng mới.

Về công tác xây dựng Đảng, Nghị quyết Hội nghị nêu rõ: Khẩu quan trọng là phát triển đảng viên, xây dựng củng cố chi bộ về mọi mặt làm cho chi bộ bám chắc vào quần chúng và trở thành bộ tham mưu có khả năng lãnh đạo toàn diện các nhiệm vụ công tác của Đảng. Phương châm phát triển đảng là tích cực nhưng phải thận trọng, nhanh nhưng phải chắc, số lượng là quan trọng nhưng chất lượng là chủ yếu, phát triển phải đi đôi với củng cố. Đồng thời tiến hành triển khai cuộc vận động xây dựng chi bộ 5 tốt trong cơ quan, 3 tốt trong lực lượng vũ trang và 4 tốt ở địa phương.

Hội nghị lần thứ 5 của khu ủy 6 là một sự kiện quan trọng và có ý nghĩa lớn đối với phong trào các địa phương trong khu. Trên cơ sở quán triệt các Nghị quyết của Đảng, Đảng bộ hai tỉnh Lâm Đồng (cũ) và Tuyên Đức lãnh đạo phong trào cách mạng địa phương tiếp tục phát triển, giành thắng lợi lớn, góp phần đánh bại chiến lược "chiến tranh cục bộ" của đế quốc Mỹ.

I. Đảng bộ Lâm Đồng (cũ) tập trung lãnh đạo đẩy mạnh phong trào du kích chiến tranh, tích cực đánh địch giữ vững và mở rộng vùng giải phóng:

1. Kết hợp chặt chẽ phương châm "hai chân ba mũi", mở rộng phong trào ở phía trước và xây dựng vùng căn cứ vững mạnh.

(1) Báo cáo tổng kết cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước trên chiến trường Quân khu 6, Dự thảo tập 1, tháng 10-1984, trang 150.

Phát huy thắng lợi đã giành được trong Đông Xuân 1964-1965, qua đợt hoạt động Hè Thu 1965 phong trào cách mạng ở địa phương tiếp tục phát triển mạnh. Lực lượng vũ trang trong tỉnh liên tục tiến công địch, hỗ trợ nhân dân nổi dậy phá ấp chiến lược, giành quyền làm chủ. Trên thực tế, địch chỉ kiểm soát được thị xã Blao, thị trấn Di Linh và số ấp dọc đường 20. Toàn tỉnh có 54 ấp chiến lược bị phá banh (trong tổng số 79 ấp, chiếm gần 70%), trên 20.000 dân được giải phóng (chiếm trên 30%). Ta hoàn toàn làm chủ các ấp dọc đường số 8, nhiều đoạn trên đường 20 và 90% đất đai trong tỉnh.

Để cứu vãn sự thất bại, mùa khô năm 1965-1966, quân địch ở Lâm Đồng mở nhiều cuộc hành quân càn quét những vùng ta mới giải phóng thuộc K2, K3, T29 để đưa dân vào các ấp / ến lược xung quanh thị xã, thị trấn và dọc đường 20. Đối với vùng căn cứ và vùng tranh chấp, chúng vừa hành quân càn quét, vừa ném bom bắn phá gây tâm lý hoang mang, giao động, lôi kéo nhân dân chạy vào vùng chúng kiểm soát, tạo các khu vực vành đai nhằm chia cắt lực lượng ta ở bên ngoài với nhân dân bên trong.

Trong vùng địch kiểm soát, chúng tập trung xây dựng lực lượng bảo an, dân vệ, củng cố bộ máy kèm ở các cơ sở để đối phó các hoạt động của ta, đánh phá phong trào cách mạng tại chỗ. Mặt khác, chúng thực hiện nhiều thủ đoạn bao vây kinh tế, tăng cường hoạt động chiến tranh tâm lý, thành lập các tổ chức phản động để tập hợp quần chúng chống lại cách mạng.

Trước tình hình đó, Tỉnh ủy Lâm Đồng nêu quyết tâm: tích cực đánh phá làm lỏng rã kèm của địch theo phương châm đánh địch bằng "hai chân ba mũi" với giành quyền làm chủ của quần chúng. Lực lượng vũ trang trong tỉnh đánh tiêu diệt lực lượng địch, phá phương tiện chiến tranh của chúng, vũ trang tuyên truyền xây dựng cơ sở chính trị, du kích mật trong vùng địch kiểm soát. Vùng căn

cứ và vùng giải phóng của ta phải thường xuyên giáo dục, động viên quần chúng đẩy mạnh tăng gia sản xuất lương thực, sẵn sàng đi dân công, tham gia phục vụ chiến đấu và hăng hái bố phòng chống địch càn quét đánh phá.

Để thực hiện thắng lợi những nhiệm vụ trên, Tỉnh ủy tổ chức đợt sinh hoạt chính trị trong các cơ quan, đơn vị nhằm làm cho mỗi cán bộ, đảng viên, chiến sĩ quán triệt tinh thần các Nghị quyết của Đảng, thấy được những âm mưu và thủ đoạn của đế quốc Mỹ đưa quân vào miền Nam tiến hành chiến lược "chiến tranh cục bộ". Đợt chính huấn đã tạo ra được sự chuyển biến về tư tưởng trong cán bộ, đảng viên, chiến sĩ, tuyệt đối tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng.

Sau đợt chính huấn, lực lượng vũ trang trong tỉnh liên tục hoạt động đánh địch ở phía trước, nhiều trận chiến đấu đạt hiệu quả cao. Ngày 5-4-1966, ba đại đội của tiểu đoàn 186 và đại đội 210 đánh tiểu đoàn "Cọp đen" biệt động nguy tại Đình Trang Thượng, diệt một đại đội. Đêm 20-6 tiểu đoàn 186 và đơn vị 704 tập kích đại đội bảo an chốt giữ đồn Quỳnh Hoa (An Lạc) diệt 50 tên, sau đó phục kích đánh tiểu đoàn 184 của địch đến chi viện, diệt hàng trăm tên. Ở thị xã Blao, thị trấn Di Linh, du kích mật tiêu diệt 13 tên ác ôn có nhiều nợ máu với nhân dân, cảnh cáo 162 tên khác. Du kích mật còn điều tra nắm tình hình địch để cung cấp cho lực lượng ta ở bên ngoài, hỗ trợ phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng.

Trong năm 1966, lực lượng vũ trang trong tỉnh đánh địch 274 trận, loại khỏi vòng chiến đấu 1.617 tên (có 42 tên Mỹ), thu gần 100 súng, bắn cháy và bị thương 9 máy bay. Thắng lợi đó đã làm thất bại âm mưu bình định, giành dân của địch, buộc chúng phải co cụm về thị xã, thị trấn và một số đồn bót trên đường 20.

Thực hiện phương châm tiến công địch bằng "hai chân ba mũi", phong trào đấu tranh chính trị có bước chuyển biến mới. Chỉ tính ba tháng đầu năm 1966, cơ sở bên trong đã phát động và tổ chức

18 cuộc đấu tranh (năm 1965 chỉ có 17 cuộc đấu tranh) với hàng nghìn lượt người tham gia. Tiêu biểu nhất là cuộc đấu tranh ngày 9-6-1966 của hơn 2.000 đồng bào phật giáo thị xã Blao chống chính quyền Thiệu-Kỳ. Nhiều cuộc đấu tranh đã được các tầng lớp nhân dân tham gia, ủng hộ và tranh thủ được sự đồng tình của một số binh lính địch. Nội dung đấu tranh đều nhằm vào các mục tiêu:

-Đòi tự do đi lại làm ăn, được về buôn cũ phát rẫy.

-Đòi được tự do mua gạo, muối.

-Chống bắn pháo vào rừng, vào rẫy. Đòi bồi thường về người và của do chúng gây ra.

-Chống bắt dân rào lại ấp chiến lược.

-Đòi thả những người bị bắt.

Trước sức mạnh và lý lẽ của quần chúng, địch phải chấp nhận một số yêu sách như: hứa không bắn pháo vào rẫy, vào buôn; nhận bồi thường thiệt hại tài sản và cứu chữa người bị thương, nhân dân được tự do đi lại làm ăn hơn trước.

Phối hợp với phong trào ở phía trước, vùng căn cứ phía sau được xây dựng thành hậu phương vững chắc của tỉnh. Cuối năm 1965, Tỉnh ủy chủ trương phát động cải cách dân chủ trong đồng bào dân tộc ít người vùng căn cứ. Cuộc vận động được làm thí điểm ở buôn Đa Nua, sau đó thực hiện rộng rãi trong hai vùng căn cứ phía Nam và phía Bắc đường 20. Để phù hợp với trình độ nhận thức và phong tục tập quán của đồng bào, cuộc vận động cải cách dân chủ được tiến hành gọn nhẹ nhưng có nội dung sâu sắc. Đối với các chủ làng và những người có uy tín trong đồng bào ta kiên trì tuyên truyền về chính sách dân tộc của Đảng, vận động họ ủng hộ cách mạng; thấy được những âm mưu, thủ đoạn thâm độc của địch nhằm gây chia rẽ, thù hằn giữa các dân tộc. Đối với quần chúng

cơ bản, thông qua giáo dục truyền thống đoàn kết, ý thức tương trợ lẫn nhau và phân tích cho đồng bào hiểu rõ núi rừng là của chung chứ không phải là của những người có thế lực (1), mọi người được tự do làm ăn và cùng nhau bảo vệ nương rẫy. Trong quá trình tuyên truyền, giáo dục, ta còn vận động đồng bào bỏ dần một số phong tục tập quán lạc hậu, mê tín, dị đoan làm ảnh hưởng đến sản xuất, tinh thần đoàn kết và đời sống của đồng bào.

Cuộc vận động cải cách dân chủ được thực hiện rộng rãi và đạt kết quả tốt là cơ sở để phát động 5 phong trào thi đua ở vùng căn cứ (2). Trước kia mỗi buôn làng đều có chủ rừng, chủ đất, đồng bào chỉ được phát rẫy trong một diện tích nhất định, hơn nữa do phương thức canh tác còn lạc hậu nên quanh năm bị đói. Sau khi thực hiện cải cách dân chủ, đồng bào được tự do phát rẫy và mở rộng diện tích canh tác. Ban kinh tài tỉnh cử cán bộ đến các buôn hướng dẫn kỹ thuật canh tác, phá thế độc canh với phương châm "lấy ngắn nuôi dài" và "sản xuất quanh năm, thu hoạch bốn mùa". Qua mấy vụ thu hoạch có kết quả tốt nên đã gây được tinh thần phấn khởi và lòng tin của đồng bào đối với cách mạng. Ở một số nơi trong vùng căn cứ, đồng bào có lương thực dự trữ và dùng để đổi những hàng tiêu dùng thiết yếu như vải, muối, giấy... nhờ đó đã giải quyết được khó khăn về đời sống.

Kết hợp chặt chẽ hai nhiệm vụ sản xuất và chiến đấu, phong trào du kích chiến tranh trong vùng căn cứ được đẩy mạnh. Thông qua việc tuyên truyền giáo dục, đồng bào thấy được âm mưu thủ đoạn và tội ác của địch, lực lượng thanh niên hăng hái tham gia dân

(1) Gồm có Già làng, chủ rừng, thầy cúng...

(2) -Phong trào tăng gia sản xuất, tiết kiệm. -Phong trào du kích chiến tranh. -Phong trào thoát ly đi bộ đội, vào cơ quan. -Phong trào đi dân công phục vụ phía trước, ủng hộ bộ đội. -Phong trào học tập văn hóa, vệ sinh phòng bệnh.

quần du kích để bảo vệ buôn làng, nương rẫy. Đến đầu năm 1966, ở 13 xã vùng căn cứ có 1.589 dân quần du kích (trong tổng số gần 5.000 dân, chiếm trên 30%).

Đồng bào các dân tộc vùng căn cứ tích cực tham gia bộ phòng chống địch. Từ các cụ già đến các em thiếu niên đều vót chông, bộ phòng chung quanh buôn làng, nương rẫy và trên các tuyến vành đai bao vây địch. Trong đợt bộ phòng Đông Xuân 1964-1965 vùng căn cứ đã cắm trên 2,6 triệu cây chông, dựng trên 26.000 cọc phòng không, đào hàng trăm hầm chông và gài hàng ngàn mìn cung, cạm bẫy, góp phần làm thất bại nhiều cuộc hành quân càn quét của địch.

Phong trào đi dân công phục vụ phía trước theo yêu cầu của tỉnh và khu được đồng bào hưởng ứng tích cực. Từ tháng 6-1965 đến tháng 3-1966 đồng bào đã tham gia 28.000 ngày công, tiêu biểu là xã Đông (K4), xã 4 (căn cứ Bắc). Ngoài lực lượng dân quần du kích còn có cả phụ nữ, thiếu niên tham gia, tạo nên khí thế thi đua sôi nổi, xóa bỏ được tập quán không chịu đi xa nhà (1).

Phong trào tiết kiệm ủng hộ bộ đội, học tập văn hóa và vệ sinh phòng bệnh được tuyên truyền, phát động với nhiều hình thức phong phú. Mỗi gia đình đều có "hũ gạo nuôi quân" tiết kiệm lương thực để bán và ủng hộ cách mạng. Ở các cơ quan, đơn vị và các xã căn cứ tiếp tục mở các lớp học văn hóa. Tuy còn gặp nhiều khó khăn trong việc dạy và học, nhưng bước đầu đạt kết quả tốt, nhiều người đã biết đọc, biết viết và làm những phép tính đơn giản. Thông qua phong trào học văn hóa, ta vận động đồng bào thực hiện vệ

(1) Trước đây do phong tục tập quán lạc hậu, mê tín dị đoan nên đồng bào dân tộc ít người, nhất là phụ nữ ít khi đi xa nhà. Sau cuộc vận động cải cách dân chủ và thực hiện 5 phong trào thi đua, mọi người đều hăng hái đi dân công phục vụ phía trước. Có đợt từ 15-20 ngày trong một tháng.

sinh phòng bệnh, khi ốm đau đến y tế lấy thuốc, bỏ dần những hủ tục mê tín dị đoan.

Những thắng lợi đạt được trong việc thực hiện cải cách dân chủ và 5 phong trào thi đua ở vùng căn cứ tuy mới là bước đầu những đó là một chủ trương đúng đắn, là kết quả của một quá trình tuyên truyền, giáo dục và thuyết phục của cán bộ, đảng viên, chiến sĩ trong các cơ quan, đơn vị. Những chủ trương đó vừa thực hiện tốt chính sách dân tộc của Đảng, vừa phát huy được sức mạnh to lớn của quần chúng nhân dân. Vì vậy, từ năm 1966 trở đi, vùng căn cứ của tỉnh không những được xây dựng và bảo vệ vững chắc, đời sống của nhân dân từng bước được ổn định, mà còn là nơi cung cấp sức người, sức của cho phía trước đánh địch.

Đến cuối năm 1966, thực lực cách mạng ở các vùng trong tỉnh đều tăng hơn trước. Toàn tỉnh có 22 chi bộ với 244 đảng viên (chưa kể số đảng viên trong lực lượng vũ trang). Tổ chức đoàn thanh niên được củng cố, các đoàn thể cách mạng như phụ nữ, nông hội, tổ đoàn kết sản xuất được thành lập và có hàng trăm hội viên tham gia. Trong vùng địch kiểm soát, cơ sở cách mạng phát triển thêm ở nhiều nơi, đó là lực lượng nòng cốt để lãnh đạo phong trào cách mạng tại chỗ.

Sau cuộc phản công chiến lược lần thứ nhất bị thất bại, mùa khô 1966-1967, Mỹ-ngụy mở cuộc phản công chiến lược lần thứ hai với sự tham gia của hơn 40 vạn quân Mỹ và hơn nửa triệu quân ngụy. Thực hiện chiến lược hai gọng kìm "tìm diệt" và "bình định", Mỹ-ngụy hy vọng giành thắng lợi quyết định trong cuộc chiến tranh này, nhưng chúng đã bị thất bại nặng nề. Trên chiến trường miền Nam, quân và dân ta đã mở nhiều cuộc phản công, bẻ gãy hàng trăm cuộc hành quân càn quét của địch, loại khỏi vòng chiến đấu 151.000 tên (có 68.000 tên Mỹ). Những mục tiêu chiến lược của Mỹ-ngụy trong cuộc phản công này bị phá sản.



* Lớp học văn hoá ban đêm

Ở Lâm Đồng, địch tiến hành chiến lược hai gọng kìm bằng nhiều âm mưu và thủ đoạn thâm độc, xảo quyệt. Lực lượng quân nguy phối hợp với lực lượng cơ động Mỹ mở nhiều cuộc hành quân càn quét, điển hình là chiến dịch "An dân", các cuộc càn "Lôi vũ" 1, 2, 3 vào vùng Tân Gia Rang, Bờ Trú, Bì Nao, La Dày... nhằm tiêu diệt các cơ quan của ta, phá hoại kho tàng và chiếm lại những vùng đã mất.

Ở vùng căn cứ, địch ném bom, bắn pháo, rải chất độc hóa học, gây cho ta thiệt hại về người và tài sản. Ngoài ra còn dùng thủ đoạn phá hoại và bao vây kinh tế, chiến tranh tâm lý nhằm làm cho quần chúng hoang mang giao động, không tin vào thắng lợi của cách mạng. Trong vùng kiểm soát, địch tập trung binh định, gom dân vào các ấp chiến lược mà chúng gọi là "ấp tự giác" hay "ấp đời mới", tăng cường đồn quân bắt lính và củng cố bộ máy kèm ở cơ sở.

Bước vào đông xuân 1966-1967, khu ủy và quân khu ủy 6 chủ trương: phát triển rộng mạnh hơn nữa phong trào du kích chiến tranh. Đồng thời nâng mức đánh tập trung tiêu diệt của các đơn vị bộ đội khu, tỉnh để giữ vững và phát triển thế chủ động tiến công tiêu hao tiêu diệt sinh lực địch, phá kế hoạch càn quét và bình định của chúng. Trong đợt hoạt động này khu chọn tỉnh Lâm Đồng làm trọng điểm, tăng cường tiểu đoàn 145 cho tỉnh và bố trí tiểu đoàn 186 hoạt động từ Blao đến Di Linh.

Thực hiện chủ trương đó, Tỉnh ủy Lâm Đồng xác định quyết tâm: Tích cực chủ động kéo địch ra ngoài công sự mà đánh, buộc địch phải lo đối phó, từng bước tạo thế lấn vào vùng địch, phát động quần chúng nổi dậy phá ấp chiến lược, đẩy mạnh công tác binh vận.

Mở màn đợt hoạt động, đêm 5-11-1966, lực lượng vũ trang tỉnh tập kích ấp chiến lược Đa Nghịch, một vị trí quan trọng của địch ở phía Tây thị xã Blao. Sau đó, trên các địa bàn trong tỉnh, lực lượng vũ trang liên tục tiến công tiêu diệt địch, gây cho chúng nhiều thiệt

hại. Đối phó với các hoạt động của ta, lực lượng Mỹ-ngụy tiến hành hai cuộc càn quét lớn, với lực lượng từ hai đến ba tiểu đoàn, có máy bay, pháo binh yểm trợ vào vùng Tân Gia Rang. Nhưng chúng đã bị lực lượng vũ trang của ta chặn đánh, loại khỏi vòng chiến đấu trên 100 tên (có 21 tên Mỹ), bắn rơi và bị thương 9 máy bay. Thắng lợi đó càng cổ vũ tinh thần của cán bộ chiến sĩ và thấy được những điểm yếu của địch để có những cách đánh thích hợp, đạt hiệu quả cao.

Trong năm 1967, lực lượng vũ trang trong tỉnh cùng phối hợp với các đơn vị chủ lực khu 6 đánh địch 311 trận, loại khỏi vòng chiến đấu gần 3.000 tên (có 209 tên Mỹ), phá hủy 31 xe quân sự, bắn rơi và bị thương 35 máy bay, đánh phá 8 ấp chiến lược, phá lỏng và rã thể kèm ở 11 ấp khác, đột nhập 88 lần vào các ấp, đồn điền tuyên truyền cho trên 12.300 lượt người.

Ở vùng căn cứ phong trào du kích chiến tranh phát triển mạnh. Học tập, kinh nghiệm du kích huyện Bắc Ái (Ninh Thuận), tháng 6-1967 lần đầu tiên du kích buôn Đa Nua dùng súng trường bắn rơi tại chỗ chiếc máy bay L19 đến bắn phá rẫy lúa. Từ đó phong trào bắn máy bay được phát động rộng rãi trong vùng căn cứ. Tại một số vùng ở K3, T29, địch đã 5 lần rải chất độc hóa học, làm cho 27 người chết, 65 người bị nhiễm độc nặng và gây nhiều thiệt hại về hoa màu của nhân dân. Khắc phục hậu quả của chất độc hóa học, đồng bào có kinh nghiệm chặt cây mì (sắn) sát gốc để củ không bị nhiễm độc, làm nguồn lương thực dự trữ. Tỉnh ủy phát động phong trào đẩy mạnh tăng gia sản xuất trong các cơ quan, đơn vị và nhân dân vùng căn cứ, đồng thời tổ chức thu thuế lưu thông trên đường 20, ở các cơ sở, đồn điền, mở các cửa khẩu bán lâm sản để

tăng thêm nguồn thu tài chính của tỉnh. Đến cuối năm 1967 vùng căn cứ cơ bản giải quyết được nạn "đói, đau, rách, lạt" (1) kéo dài từ nhiều năm trước.

Phối hợp với hoạt động vũ trang, phong trào đấu tranh chính trị tiếp tục phát triển. Các cuộc đấu tranh đã tập hợp được nhiều tầng lớp tham gia, trong đó có đồng bào theo đạo thiên chúa ở Tân Thanh, Tân Phát, Tân Hà. Chỉ tính trong 8 tháng đầu năm 1967, toàn tỉnh có trên 100 cuộc đấu tranh với gần 8.000 lượt người tham gia. Hầu hết các cuộc đấu tranh đều do cơ sở cách mạng bên trong tổ chức và lãnh đạo nhằm đòi quyền dân sinh dân chủ, chống bắn pháo vào rẫy đòi bồi thường thiệt hại và được tự do đi lại làm ăn ở các ấp Bờ Xu Bông Ly, 16, 17 Đa Bình... phong trào đấu tranh chính trị phát triển mạnh, làm cho địch hết sức bị động, lúng túng và chịu bồi thường thiệt hại về người và của do chúng gây ra. Về công tác binh vận, cơ sở bên trong đã tuyên truyền, giáo dục trên 10.000 lượt người, 477 giả định binh lính địch... kết quả có 471 binh lính địch đào rã ngũ, bộ máy kèm ở cơ sở hoạt động kém hiệu lực, tinh thần sa sút, nhiều tên bỏ việc.

Thực hiện Nghị quyết của Trung ương Cục và khu ủy 6 về công tác xây dựng Đảng, Tỉnh ủy có kế hoạch kiểm tra đôn đốc việc thực hiện cuộc vận động xây dựng chi bộ 5 tốt trong cơ quan, 3 tốt trong lực lượng vũ trang, 4 tốt ở địa phương. Các nghị quyết của Đảng đều được các chi bộ triển khai học tập. Qua thực tế công tác và chiến đấu, cán bộ, đảng viên đã phát huy vai trò tiên phong gương mẫu, lãnh đạo quần chúng thực hiện tốt các Nghị quyết của Đảng. Đến cuối năm 1967, toàn tỉnh có 1.065 đảng viên, trong năm phát triển 107 đảng viên mới. Đoàn thanh niên có 21 chi đoàn với 195

(1) Thiếu lương thực, thuốc chữa bệnh, vải mặc và muối.

đoàn viên. Hội phụ nữ có 66 tổ với 223 hội viên. Hội nông dân có 116 tổ làm ăn với 2.065 hội viên. Trong vùng địch kiểm soát có 187 cơ sở cách mạng.

Hơn hai năm đương đầu với chiến lược "chiến tranh cục bộ" của đế quốc Mỹ, phong trào cách mạng ở địa phương tiếp tục được giữ vững và phát triển; phong trào ở phía trước và phía sau luôn tác động, hỗ trợ nhau. Mặc dù địch tập trung mọi khả năng để thực hiện kế hoạch bình định, nhưng chúng vẫn không đạt được những mục tiêu đã đề ra. Tuy nhiên, phong trào phía trước phát triển còn chậm, chưa kịp với yêu cầu và nhiệm vụ của cách mạng, thực lực cách mạng tại chỗ còn ít chưa đủ sức lãnh đạo phong trào phát triển toàn diện.

2. Cuộc tổng tiến công và nổi dậy năm 1968:

Sau hai cuộc phản công chiến lược bị thất bại nặng nề, Mỹ-ngụy càng lao sâu vào con đường bị động, bế tắc, chiến lược "chiến tranh cục bộ" đứng trước nguy cơ bị phá sản. Trong khi đó, cuộc chiến tranh cách mạng của nhân dân ta ở miền Nam đang giành được những thắng lợi to lớn, toàn diện.

Hội nghị lần thứ 14 của Ban chấp hành Trung ương Đảng (khóa 3) tháng 1-1968 nhận định: "Những cố gắng của Mỹ ở Việt Nam đã tới đỉnh cao. Xu thế của tình hình địch năm 1968 là sẽ càng chuyển vào phòng ngự một cách bị động hơn trước. Về phía ta, chúng ta đã thắng địch về cả chiến lược, chiến thuật. Diễn biến cơ bản của tình hình là ta ở thế thắng, thế chủ động và thuận lợi, địch đang ở thế thua, thế bị động và khó khăn. Chúng ta đang đứng trước những

triển vọng và thời cơ chiến lược lớn. Tình hình cho phép ta có thể chuyển cuộc chiến tranh cách mạng sang một thời kỳ mới, đưa cuộc chiến tranh cách mạng của ta lên một bước phát triển cao hơn." (1). Hội nghị chủ trương mở cuộc tổng tiến công và nổi dậy đồng loạt trên toàn miền Nam, nhằm giáng một đòn quyết liệt vào ý chí xâm lược của đế quốc Mỹ.

Sau khi nhận được chỉ thị và mệnh lệnh của Trung ương Cục miền Nam, tháng 1-1968, đồng chí Trần Lê, Bí thư khu ủy 6 triệu tập các đồng chí trong Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lâm Đồng và Tỉnh ủy Tuyên Đức họp hội nghị ở Lán Tranh (nay thuộc huyện Lâm Hà) để phổ biến Nghị quyết khu ủy và giao nhiệm vụ cho từng tỉnh trong đợt tổng tiến công và nổi dậy. Các đồng chí cán bộ khu ủy và quân khu ủy trực tiếp xuống chỉ đạo các địa bàn, nhất là hai trọng điểm Đà Lạt và Phan Thiết (Bình Thuận). Khu ủy điều hai tiểu đoàn 186 và 145 đang hoạt động tại Lâm Đồng, lên tăng cường cho chiến trường Đà Lạt-Tuyên Đức.

Nhận được chỉ thị của khu ủy, Tỉnh ủy Lâm Đồng khẩn trương triển khai kế hoạch, chuẩn bị lực lượng để thực hiện nhiệm vụ được giao. Do lực lượng vũ trang của tỉnh phần lớn chỉ viện cho chiến trường Đà Lạt-Tuyên Đức nên Tỉnh ủy chủ trương rút một số thanh niên ở các cơ quan và du kích căn cứ thành lập hai đại đội bộ đội địa phương (trong đó có đại đội 745 toàn thanh niên dân tộc). Huy động dân công vùng căn cứ làm nhiệm vụ vận chuyển lương thực vũ khí, theo yêu cầu của tỉnh và khu, phục vụ kịp thời các đơn vị phía trước đánh địch. Tỉnh ủy thành lập Ban chỉ đạo tiền phương, chọn Di Linh làm trọng điểm, quyết tâm làm chủ đường 20 đoạn

(1) Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam (tóm tắt) NXBS v thật, Hà Nội-1985, trang 102.

đường từ đèo Blao đến đèo Chuối để cô lập thị xã Blao, đồng thời chỉ thị cho cơ sở bên trong nắm tình hình để khi có thời cơ kịp thời phát động quần chúng nổi dậy giành quyền làm chủ.

Thực hiện chủ trương chiến lược của Đảng, đêm 30 rạng ngày 31-1-1968 (tức đêm giao thừa tết Mậu Thân) lực lượng vũ trang của tỉnh gồm các đại đội 210, 212, 215, 744, 745, đơn vị đặc công 715, và lực lượng vũ trang các huyện đồng loạt tiến công vào thị trấn Di Linh, thị xã Blao và một số ấp chiến lược dọc đường 20. Do lực lượng ta ít, thời gian chuẩn bị quá gấp nên khi địch phản kích quyết liệt các đơn vị phải rút ra trú lại vùng nông thôn.

Ngày 18-3-1968, các đại đội 210, 216 của tỉnh và đại đội 742 (K3) phục kích đánh một đại đội cộng hòa, đại đội 407 thám kích có cố vấn Mỹ chỉ huy nổ súng ra đời Nguyễn Ngọc, diệt gần 100 tên, bắt sống hai tên cố vấn Mỹ. Cùng thời gian trên, đội biệt động thị xã Blao và đơn vị 715 đặc công tiêu diệt trung đội dân vệ ở ấp An Lạc, hỗ trợ nhân dân nổi dậy phá kèm giành quyền làm chủ.

Qua các đợt tiến công, tuy lực lượng ít và chưa thực hiện được nhiệm vụ của Tỉnh ủy đề ra, nhưng quân và dân Lâm Đồng đã đánh địch trên nhiều địa bàn, buộc chúng phải căng kéo lực lượng để đối phó, góp phần chia lửa cùng chiến trường Đà Lạt-Tuyên Đức.

Thắng lợi của quân và dân ta trên toàn miền Nam trong cuộc tổng tiến công và nổi dậy đầu xuân 1968 đã làm đảo lộn chiến lược chiến tranh của Mỹ-ngụy. Để chiếm lại những vùng đã mất, chúng tập trung lực lượng thực hiện chiến lược "quét và giữ", nhưng thực chất là một chiến lược phòng ngự bị động.

Ở Lâm Đồng, địch đẩy mạnh bình định nông thôn để giành dân, chiếm đất. Hệ thống kèm kẹp và bộ máy ngụy quyền ở cơ sở được tăng cường và củng cố hơn trước. Trong các ấp chiến lược, ngoài lực lượng kèm kẹp công khai còn có tổ chức hoạt động chìm

để nắm dân và theo dõi các hoạt động của ta. Để kiểm soát dân, chúng tiến hành phân loại từng đối tượng, kiểm soát chặt chẽ những gia đình có người thân tham gia cách mạng, tạo ra sự ngăn cách giữa các tầng lớp nhân dân. Từ đó hòng cắt đứt sự liên lạc giữa lực lượng bên ngoài với cơ sở cách mạng và nhân dân trong vùng chúng kiểm soát.

Những âm mưu và thủ đoạn mới của địch bước đầu gây cho ta nhiều khó khăn, ở một số địa bàn ta và địch giành giựt nhau quyết liệt. Trước tình hình đó, Tỉnh ủy chủ trương chuyển hướng hoạt động, các đội công tác được củng cố và tăng cường thêm lực lượng để bám dân với phương châm "bám dân đến đâu thì trụ lại đến đó, kiên quyết không cho địch tái chiếm". Rút kinh nghiệm qua hai đợt tiến công đầu xuân 1968, vào đợt hoạt động Hè-Thu, lực lượng vũ trang trong tỉnh nhanh chóng củng cố tổ chức, xác định quyết tâm để thực hiện nhiệm vụ tấn công tiêu diệt địch, nổ mìn nhân dân nổi dậy diệt ác phá kềm, giành quyền làm chủ.

Mở đầu đợt hoạt động, ngày 9-5-1968 tiểu đoàn 145 đánh thiệt hại nặng một tiểu đoàn cộng hòa thuộc trung đoàn 44 nguy tại phía Nam thị xã Blao, diệt trên 100 tên. Ngày 19-5 đơn vị đặc công 715 và đại đội 744 đánh một bộ phận lữ đoàn dù 101 của Mỹ đổ quân cán quét vùng Bàu Le, diệt gần 100 tên. Ngày 20-8, các tiểu đoàn 186, 145 đại đội trợ chiến 130 của quân khu, đơn vị đặc công 715 và bộ đội địa phương K3 tập kích chi khu Di Linh, phá bộ máy kềm của địch ở các ấp lân cận, cắt đứt và làm chủ đoạn đường 20 tại khu vực thị trấn Di Linh hơn một ngày. Trận đánh này đã diệt một đại đội bảo an địch nhưng ta bị thương vong nặng, trong các đơn vị xuất hiện tư tưởng bi quan, giao động. Được sự hỗ trợ của lực lượng vũ trang, ở vùng nông thôn, đồng bào các ấp chiến lược 16, 17 và một số ấp dọc đường 20 nổi dậy diệt ác phá kềm, giành quyền làm chủ. Tháng 11-1968, đơn vị đặc công và đội công tác thị xã Blao tập

kích một bộ phận lính dù thuộc lữ đoàn 173 đóng dã ngoại ở sân bay Blao diệt gần 200 tên.

Trong năm 1968, quân và dân trong tỉnh với khí thế liên tục tấn công đã đánh địch hàng trăm trận, loại khỏi vòng chiến đấu gần 2.000 tên, làm thất bại những mục tiêu cơ bản trong kế hoạch bình định và chiến lược "quét và giữ" của Mỹ-ngụy. Trong vùng chúng kiểm soát không còn nơi nào là an toàn và bất khả xâm phạm.

Ở vùng căn cứ, tiếp tục đẩy mạnh 5 phong trào thi đua, đời sống nhân dân từng bước được ổn định. Đồng bào các dân tộc đã tham gia 125 tổ đoàn kết sản xuất với trên 2.100 hội viên, do đó tình hình sản xuất phát triển khá hơn trước. Phong trào du kích chiến tranh trở thành lá cờ đầu của 5 phong trào với thành tích bố phòng, đánh địch càn quét và bắn máy bay. Trong năm 1968, toàn tỉnh có 322 thanh niên thoát ly (vùng căn cứ có trên 200 người) bổ sung vào các đơn vị bộ đội, thành lập thêm đơn vị vận tải và trung đội nữ pháo binh 8-3.

Đơn vị nữ pháo binh 8-3 thành lập ngày 22-12-1968 gồm 42 cán bộ, chiến sĩ (trong đó có 20 chị là dân tộc ít người) với một chi bộ 6 đảng viên, một chi đoàn 5 đoàn viên. Trong điều kiện học tập, sinh hoạt và huấn luyện gặp nhiều khó khăn, gian khổ, nhưng chị em đã không ngừng phấn đấu vươn lên về mọi mặt, sử dụng thành thạo súng cối 82 ly và các loại súng bộ binh. Đơn vị thường xuyên cơ động đánh địch ở nhiều địa bàn trong tỉnh, lúc thì bắn cối, đánh mìn, đánh bằng bộ binh, lúc thì hiệp đồng chiến đấu với các đơn vị, đội áp, chống càn, vận tải, tăng gia sản xuất. Đơn vị luôn luôn hoàn thành mọi nhiệm vụ và xây dựng được tinh thần đoàn kết nhất trí cao.

Cùng với việc chỉ đạo phong trào ở phía trước, phía sau, Tỉnh ủy thường xuyên chú trọng công tác xây dựng Đảng. Nhiệm vụ trọng tâm của công tác xây dựng Đảng lúc này là củng cố, xây dựng chi



* Đơn vị vận tải H 50

bộ vững mạnh và phát triển đảng viên. Tháng 4-1968, Tỉnh ủy họp hội nghị kiểm điểm việc thực hiện cuộc vận động xây dựng chi bộ, đảng viên ở các cơ quan, đơn vị, địa phương và đề ra kế hoạch thực hiện chỉ thị của Trung ương Cục về việc phát triển đảng viên, đoàn viên lớp Hồ Chí Minh kể từ ngày 1-1-1968. Qua một năm thực hiện, toàn tỉnh kết nạp được 214 đảng viên (có 113 đồng chí là dân tộc ít người, 35 đồng chí nữ) và 119 đoàn viên lớp Hồ Chí Minh, thành lập thêm 6 chi bộ (có 4 chi bộ vùng mới giải phóng và vùng tranh chấp).

Tháng 6-1968, Tỉnh ủy họp hội nghị về công tác tổ chức để kiểm điểm, đánh giá tình hình xây dựng thực lực cách mạng ở các địa bàn trong tỉnh. Hội nghị nhận định: do làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục và xây dựng nên các tổ chức quần chúng như thanh niên, phụ nữ, nông hội và các loại cơ sở khác có tăng hơn năm 1967, trình độ nhận thức và khả năng công tác của các cơ sở bên trong được nâng lên, giữ vai trò nòng cốt tại các địa phương. Nhưng ở thị xã, thị trấn, đồn điền, cơ sở cách mạng còn ít, chưa đáp ứng được yêu cầu của phong trào.

Thực hiện phương châm "kiện toàn tỉnh, tăng cường huyện, tập trung xây dựng bộ máy xã, thôn", Tỉnh ủy đã từng bước kiện toàn các cơ quan, đơn vị của tỉnh, huyện, đồng thời chỉ đạo các xã, vùng căn cứ tiến hành bầu cử dân chủ để bầu Hội đồng nhân dân giải phóng xã và thành lập chính quyền cơ sở (thay cho Ủy ban tự trị trước đây). Đến cuối năm 1968, vùng căn cứ đã thành lập chính quyền ở căn cứ Bắc và căn cứ Nam (tương đương cấp huyện), 17 Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã, 11 Ban chấp hành nông hội, 11 Ban chấp hành thanh niên và 10 Ban chấp hành phụ nữ xã. Hoạt động của các ban, ngành, đoàn thể từ tỉnh đến cơ sở từng bước đi vào nền nếp và sát phong trào hơn trước.

Quá trình xây dựng và bảo vệ căn cứ đã có tác động lớn đối với phong trào cách mạng ở phía trước. Vùng căn cứ đã thật sự trở thành hậu phương, là nơi cung cấp sức người sức của cho phía trước đánh địch. Đó là điều kiện thuận lợi để Đảng bộ Lâm Đồng tiếp tục lãnh đạo phong trào cách mạng địa phương phát triển mạnh mẽ, vững chắc.

II. Đảng bộ Tuyên Đức nêu cao quyết tâm bám trụ phá ấp, phá kềm, giành quyền làm chủ ở nông thôn và đẩy mạnh phong trào đấu tranh chính trị ở Đà Lạt.

1. Kết hợp hoạt động vũ trang với đấu tranh chính trị, tích cực xây dựng cơ sở và mở rộng phong trào.

Từ giữa năm 1965, đế quốc Mỹ đưa quân vào miền Nam thực hiện chiến lược "chiến tranh cục bộ", nhưng ở Tuyên Đức lực lượng quân nguy vẫn đóng vai trò chủ yếu, các hoạt động quân sự, chính trị, kinh tế được đẩy mạnh hơn trước. Tại Đà Lạt và dọc các đường giao thông quan trọng như đường 11, 21, 20, 21 kéo dài địch xây dựng nhiều đồn bốt, cứ điểm nhằm bảo vệ các ấp chiến lược và ngăn chặn lực lượng ta đột nhập vào thị xã, thị trấn. Những nơi ta hoạt động mạnh, chúng đưa lực lượng bảo an, các đoàn "trường sơn", "binh định nông thôn" xuống các ấp để hỗ trợ cho bộ máy kềm tại chỗ và bắt nhân dân củng cố ấp chiến lược. Lực lượng bảo an, biệt kích, dân vệ phối hợp tiến hành nhiều cuộc hành quân càn quét, lùng sục nhằm đánh phá các hướng bàn đạp, phát hiện kho tàng và hậu cứ của ta. Bên trong thị xã Đà Lạt, lực lượng cảnh sát tăng cường bắt linh, truy bắt và đánh phá cơ sở cách mạng.

Để xây dựng Đà Lạt thành một vị trí chiến lược quan trọng ở Nam Tây Nguyên, Mỹ-ngụy đưa lực lượng cố vấn, chuyên viên kỹ thuật và các đơn vị công binh (Mỹ và chư hầu) đến xây dựng đài truyền tin Núi Bà, đài Ra-đa Cầu đất, mở rộng sân bay Cam Ly. Ở vùng ven, các đơn vị công binh Mỹ-ngụy mở rộng hoặc làm mới

đường từ Xuân Thành đi Phụng Sơn, từ Nam Thiên đến sở Pha-Rô...

Về chính trị, địch tăng cường hoạt động gián điệp và phát triển mạng lưới mật vụ. Chúng thành lập tổ chức "lực lượng cách mạng Việt Nam" để lôi kéo thanh niên vào tổ chức mật vụ. Bọn mật vụ tỉnh, huyện được tổ chức thành các đoàn với danh nghĩa "Đoàn khảo sát mùa màng", "Đoàn thanh niên làm công tác xã hội" hoặc "Cán bộ y tế nông thôn" đưa xuống vùng nông thôn nhằm bí mật điều tra, nắm tình hình hoạt động của ta. Tại Đà Lạt, địch mở trường đào tạo mật vụ cho các tỉnh Tây Nguyên lấy tên "Cán bộ nhân dân tình nguyện", mở lớp huấn luyện cho 1.500 trưởng phường, trưởng ấp tại Lữ quán thanh niên. Ngoài ra địch còn đẩy mạnh chiến tranh tâm lý, chiêu hồi nhằm lừa bịp, mua chuộc nhân dân và tuyên truyền sức mạnh của Mỹ.

Về kinh tế, ngoài việc tăng thuế, giảm bán gạo, địch còn kiểm soát chặt chẽ việc vận chuyển gạo, muối, thực phẩm nhằm ngăn chặn nhân dân tiếp tế cho cách mạng. Đồng bào các dân tộc ít người ở Lạc Dương, Đức Trọng bị dồn vào các ấp chiến lược, không được tự do phát rẫy nên đời sống gặp nhiều khó khăn. Trong khi đó giá lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng tăng vọt làm cho mức sống của nhân dân ngày càng giảm sút.

Cuối năm 1965, lực lượng địch ở Tuyên Đức có trên 300 tên Mỹ và chư hầu, hai tiểu đoàn cộng hòa, 16 đại đội bảo an, 47 trung đội dân vệ, 86 tiểu đội thanh niên chiến đấu, 36 toán "trường sơn", gần 400 tên "bình định nông thôn", trên 3.300 tên phòng vệ dân sự. Ngoài ra còn có hàng ngàn tên đang được đào tạo tại các trường Võ bị Đà Lạt, Chiến tranh chính trị, Cảnh sát dã chiến... nhưng nhìn chung địch vẫn ở trong tình trạng sa sút tinh thần, hoạt động kém hiệu lực, bộ máy kèm ở cơ sở làm việc cầm chừng, chiếu lệ, một số xin thôi việc.

Mặc dù địch tiến hành nhiều âm mưu và thủ đoạn đánh phá nhưng phong trào cách mạng địa phương vẫn được giữ vững. Trong năm 1965, lực lượng vũ trang của tỉnh đánh địch 16 trận, diệt 162 tên (có 32 tên Mỹ), 71 lần đột nhập vào 16 ấp diệt 6 tên ác ôn, bắt 49 tên đưa đi cải tạo, vũ trang tuyên truyền tại 15 ấp, phân phát trên 10.000 truyền đơn, làm lỏng rã thế kềm của địch ở 13 ấp dọc đường giao thông với trên 7.000 dân, rút được 78 thanh niên thoát ly bổ sung vào lực lượng vũ trang và các đội công tác. Tiêu biểu cho hoạt động vũ trang trong năm 1965 là trận đại đội 810 đánh khu tập trung Dú Tờ Nang và Tiêng Liêng (tháng 9-1965). Đêm 31-12-1965, đội biệt động 850 thị xã Đà Lạt đánh nhà khách sạn LÊ-RỜ-VIN (Les Revins) diệt 18 tên Mỹ, phá hủy một xe quân sự. Đây là trận đánh Mỹ đầu tiên của lực lượng vũ trang tỉnh.

Thắng lợi về hoạt động quân sự đã có tác động thúc đẩy phong trào đấu tranh của nhân dân thị xã Đà Lạt. Trong cuộc bầu cử Hội đồng thành phố của địch, hơn một nửa cử tri không đi bỏ phiếu. Chi bộ chợ Đà Lạt lãnh đạo 7.000 chị em bãi thị, đấu tranh đòi quyền bán gạo. Đồng bào phạt tử xuống đường biểu tình đòi quyền không được khủng bố phạt giáo. Tháng 11 và 12 năm 1965, phụ nữ chợ Đà Lạt nhiều lần đấu tranh phản đối Mỹ định lấy lâu 3 ở chợ làm nơi khiêu vũ, buộc chúng phải hủy bỏ ý định. Ở vùng nông thôn, đồng bào các ấp Quảng Hiệp, Phú Thạnh, Định An liên tục đấu tranh chống xây bốt, đòi tự do đi lại làm ăn.

Vùng căn cứ huyện Lạc Dương tuy chỉ có 3 buôn với trên 340 dân, nhưng mỗi buôn đều có chi bộ, chi đoàn, Ban tự trị, Hội phụ nữ. Trước đây đồng bào sống theo lối du canh, du cư với nhiều tập quán lạc hậu, nhưng sau khi được tuyên truyền giáo dục đã cùng nhau đoàn kết đẩy mạnh tăng gia sản xuất, tham gia xây dựng các tuyến bố phòng chống địch, cấy trên 100.000 cây chông, đào 250

hầm chông, bố trí hàng trăm vũ khí thô sơ khác như mang còng, cạm bẫy, góp phần bảo vệ vững chắc vùng căn cứ.

Để tăng cường hơn nữa sự lãnh đạo của Đảng, tháng 10-1965 Khu ủy 6 quyết định thành lập lại Tỉnh ủy Tuyên Đức, đồng thời giao huyện Đức Trọng lại cho tỉnh Tuyên Đức. Đây là sự kiện quan trọng trong công tác tổ chức và lãnh đạo để đưa phong trào cách mạng tỉnh Tuyên Đức tiếp tục phát triển.

Cuối năm 1965, cơ quan Tỉnh ủy từ căn cứ huyện Lạc Dương sang đóng ở khu vực Lán Tranh (Tây Nam huyện Đức Trọng) để các cơ quan, đơn vị có điều kiện tăng gia sản xuất và thuận tiện liên lạc với Khu ủy và vùng căn cứ tỉnh Lâm Đồng. Sau khi ổn định thể an ở, tháng 12-1965 tỉnh ủy họp để quán triệt các nghị quyết của Ban chấp hành Trung ương Đảng, Trung ương Cục và khu ủy 6 về tình hình Mỹ đưa quân vào miền Nam thực hiện chiến lược "chiến tranh cục bộ" đánh giá tình hình địa phương trong năm 1965 và đề ra chủ trương hoạt động năm 1966. Hội nghị xác định nhiệm vụ chủ yếu trong năm 1965 là: đẩy mạnh hoạt động của lực lượng vũ trang, phối hợp cùng các đội công tác đánh phá áp chiến lược trên đường 11, 20, 21 kéo dài theo phương châm "2 chân 3 mũi", đưa lên diện làm chủ và giải phóng khoảng 15.000 dân để tạo thế xây dựng căn cứ Đức Trọng và hành lang nối liền với bàn đạp Tây Nam thị xã Đà Lạt. Đối với Đà Lạt, đẩy mạnh hoạt động quân sự sát ngoại ô để hỗ trợ cho phong trào đấu tranh chính trị trong nội thị, buộc địch phải lo giữ Đà Lạt, tạo điều kiện cho ta phá ấp, giành dân vùng nông thôn. Ở hậu cứ, các cơ quan đẩy mạnh tăng gia sản xuất, vận chuyển số lương thực của tỉnh Lâm Đồng chi viện để bảo đảm đủ lương thực cho các cơ quan và chuẩn bị đón lực lượng của trên bổ sung cho tỉnh.

Để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ trên Tỉnh ủy và Ban cán sự tỉnh đội bố trí lực lượng biệt động hoạt động vùng ven và trong thị

xã Đà Lạt. Trung đội công binh tỉnh và đơn vị 870 bộ đội huyện Lạc Dương mở phong trào vùng nông thôn, kết hợp đánh giao thông trên đường 11, phá đường xe lửa. Lực lượng còn lại của tỉnh hoạt động trên địa bàn huyện Đức Trọng.

Trước khi bước vào đợt hoạt động, lực lượng vũ trang trong tỉnh tiến hành đợt sinh hoạt chính trị để quán triệt các Nghị quyết của Đảng, học tập tài liệu 3 dân chủ lớn (quân sự, chính trị, kinh tế) nhằm tạo sự chuyển biến về tư tưởng và nhận thức trong mỗi cán bộ, đảng viên, chiến sĩ.

Trong năm 1966, hoạt động quân sự được đẩy mạnh. Ở vùng nông thôn và vùng ven Đà Lạt, các đơn vị vũ trang, đội công tác liên tục bám dân, bám ấp diệt ác phá bỏ mìn kèm tại chỗ, xây dựng cơ sở, làm công tác binh vận và đánh địch trên đường giao thông. Tại thị xã Đà Lạt, lực lượng biệt động, du kích mật tiêu diệt nhiều tên ác ôn, tập kích một số vị trí quan trọng của địch. Tiêu biểu nhất là trận tập kích sân bay Cam Ly đêm 9-3-1966 của đại đội 810 và đội biệt động 850, diệt 30 tên địch, phá hủy 3 máy bay, đốt cháy 1 triệu lít xăng. Đây là trận đánh sân bay đầu tiên của lực lượng vũ trang tỉnh, có tác động hỗ trợ cho phong trào đấu tranh chính trị của nhân dân Đà Lạt. Ngày 10-9-1966 tại dốc Đu trên đường 11, đại đội 810 và trung đội 870 phục kích đoàn xe chở cố vấn Mỹ từ đài ra-đa Cầu Đất về Đà Lạt, diệt 6 tên Mỹ, 20 tên ngụy, phá hủy 3 xe quân sự. Thắng lợi đó càng cổ vũ phong trào thi đua "tìm Mỹ mà đánh, tìm ngụy mà diệt" của lực lượng vũ trang tỉnh Tuyên Đức. Qua một năm hoạt động, quân và dân trong tỉnh đã đánh địch 42 trận, loại khỏi vòng chiến đấu trên 700 tên, phá hủy 30 xe quân sự và nhiều phương tiện chiến tranh.

Những tháng đầu năm 1966, cùng với thắng lợi của quân và dân ta vừa đánh bại cuộc phản công chiến lược lần thứ nhất của Mỹ-ngụy, phong trào đấu tranh chính trị của nhân dân các thành

phố, thị xã ở miền Nam phát triển mạnh mẽ, nội bộ nguy quyền Sài Gòn lục đục, thanh trừng lẫn nhau. Từ đầu tháng 3-1966, nhân dân Huế, Đà Nẵng đấu tranh chống chính quyền Thiệu-Kỳ, chiếm đài phát thanh và nhiều công sở, làm tê liệt các hoạt động trong thành phố.

Phát huy truyền thống cách mạng của nhân dân Đà Lạt và hưởng ứng phong trào đấu tranh của nhân dân Huế, Đà Nẵng và các đô thị ở miền Nam, một số cơ sở cốt cán trong lực lượng học sinh, sinh viên Đà Lạt (1) khẩn trương chuẩn bị phát động quần chúng nổi dậy đấu tranh. Tối 21-3-1966, tại số nhà 156 đường Phan Đình Phùng, đại diện lực lượng sinh viên, học sinh họp để thành lập tổ chức "Lực lượng thanh niên, sinh viên, học sinh tranh thủ dân chủ", bầu ban lãnh đạo thông qua chương trình kế hoạch và quyết định phát động cuộc đấu tranh.

Trước tình hình đó, cơ sở Đảng ở chợ Đà Lạt chỉ đạo đảng viên, cốt cán tích cực vận động quần chúng hưởng ứng cuộc đấu tranh. Tối 27-3 Ban chấp hành "Lực lượng thanh niên, sinh viên, học sinh tranh thủ dân chủ" cùng với đại diện tiểu thương, công nhân, công chức họp tại chùa Linh Sơn bàn chương trình hành động, thành lập "Lực lượng nhân dân, sinh viên, học sinh tranh thủ dân chủ" và bầu Ban chấp hành mới để lãnh đạo phong trào.

Sáng ngày 28-3 khi lễ chào cờ ở trường Trần Hưng Đạo vừa kết thúc, cơ sở cốt cán trong học sinh lên phát động cuộc đấu tranh, cùng lúc đó trên sân trường xuất hiện hàng ngàn truyền đơn, biểu ngữ kêu gọi học sinh tham gia bãi khóa, xuống đường biểu tình. Khi đoàn biểu tình đi qua trường Đại học, Bùi thị Xuân, Bô Đê

(1) Số cơ sở này thuộc sự chỉ đạo của Ban Trị vận Mặt trận-Khu ủy Sài Gòn-Gia Định (T4)

(nay là trường phổ thông cơ sở Nguyễn Du) có thêm hàng trăm sinh viên, học sinh tham gia và kéo ra khu Hòa Bình tổ chức mít tinh. Ban lãnh đạo cuộc đấu tranh công bố mục tiêu đấu tranh và kêu gọi các tầng lớp nhân dân tham gia. Hàng trăm biểu ngữ, khẩu hiệu được căng lên ở khu Hòa Bình, chợ Đà Lạt với nội dung:

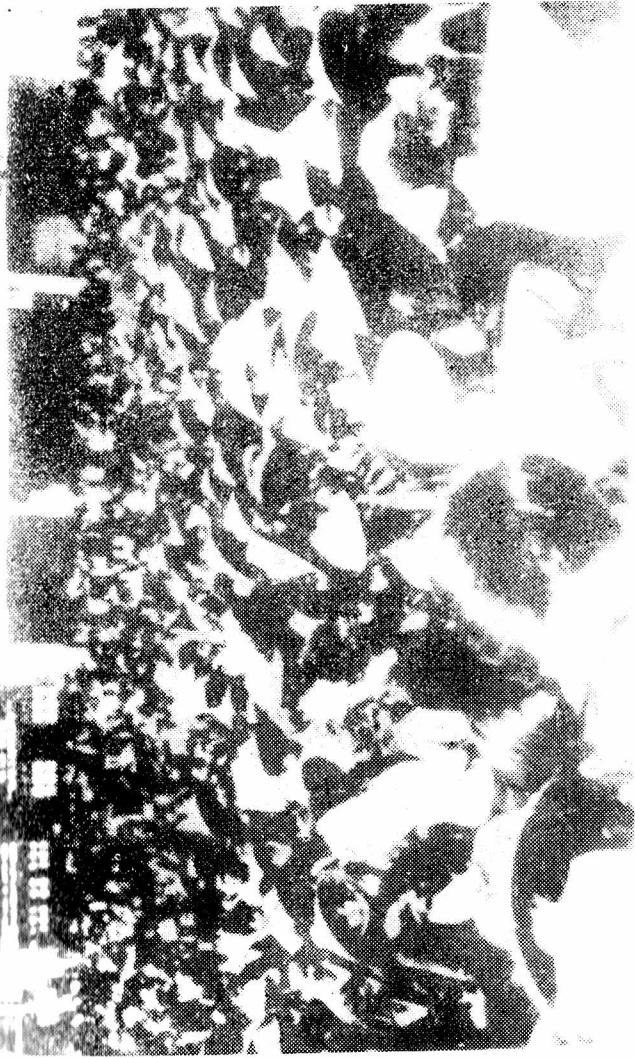
- Mỹ phải tôn trọng chủ quyền Việt Nam.
- Chúng tôi đòi giảm giá sinh hoạt.
- Bãi khóa để đòi quyền tự quyết.
- Sinh viên học sinh đấu tranh cho tự do, dân chủ.

Từ ngày 29 đến ngày 31-3, nhân dân Đà Lạt đình công, bãi thị, lực lượng sinh viên, học sinh tổ chức phát thanh tại khu Hòa Bình để kêu gọi đồng bào tham gia đấu tranh, thông báo diễn biến và kết quả đấu tranh của nhân dân Huế, Đà Nẵng.

Sáng ngày 1-4, khoảng 3.000 người tập trung tại khu Hòa Bình tổ chức mít tinh, sau đó kéo đến trung tâm văn hóa Mỹ ở đường Yersin (nay là đường Trần Phú) đưa bản thông báo của lực lượng đấu tranh đòi Mỹ phải rút khỏi khách sạn Mô-Đéc (Modern Hotel) và thị xã Đà Lạt. Đoàn biểu tình tiếp tục kéo đến tòa thị chính yêu cầu Thị trưởng Đà Lạt giải quyết 3 yêu sách :

-Mượn Đài phát thanh mỗi ngày một giờ và xe thông tin để có phương tiện hoạt động.

-Mượn một nơi trong thị xã có đủ tiện nghi lập trụ sở và không chịu sự kiểm soát của chính quyền.



* Từ ngày 28/3 đến cuối tháng 5/66 nhân dân Đà Lạt tiến hành nhiều cuộc mít tinh, biểu tình chống Mỹ-Ngụy

Ảnh: Một cuộc mít tinh tại khu Hoà Bình

-Chính quyền địa phương phải bảo đảm an toàn cho lực lượng đấu tranh.

Thị trưởng Đà Lạt (1) không chấp nhận các yêu sách lại còn tỏ thái độ hống hách trước nhân dân nên đoàn biểu tình kéo sang Chiếm đài phát thanh đặt trên lầu 3 khách sạn Đà Lạt. Trước khi rút lui, chuyên viên kỹ thuật của đài đã tắt tất cả các máy phát thanh, rút dây điện liên hợp giữa các máy, đánh tráo các nút mở máy để đài không hoạt động được. Nhưng khi chiếm được đài, lực lượng đấu tranh khẩn trương sửa chữa và đến 1 giờ 30 phút sáng ngày 2-4 tiếng nói của lực lượng đấu tranh được phát đi trên làn sóng của đài.

Sau khi chiếm được đài phát thanh, lực lượng đấu tranh thường xuyên thông báo diễn biến cuộc đấu tranh, đại diện các tầng lớp nhân dân Đà Lạt được phát biểu ý kiến của giới mình. Phụ nữ chợ và công nhân lái xe lam, xe taxi ngày đêm lo tiếp tế lương thực, thực phẩm, bí mật chuyển gậy gộc, gạch đá và xăng cho lực lượng đấu tranh để sẵn sàng đối phó khi địch đàn áp.

Sáng ngày 3-4, Tỉnh trưởng Tuyên Đức (2) cùng một số Ủy viên Hội đồng thị xã đến đài phát thanh thương lượng với lực lượng đấu tranh để lấy lại đài, nhưng không có kết quả. Tối hôm đó, chúng bị mật huy động 2 đại đội cảnh sát dã chiến, 2 đại đội và 1 trung đội địa phương quân, tổ chức cuộc hành quân "Lâm Viên" để chiếm lại đài. Lúc 4 giờ sáng ngày 4-4, các đơn vị trên đã chốt chặn các ngã đường đến đài phát thanh. Sau 2 giờ kêu gọi nhân dân giải tán khỏi khu vực đài nhưng không xoay chuyển được tình hình, chúng huy động xe cứu hỏa phun nước và ném lựu đạn cay vào những người

(1) Thị trưởng Đà Lạt lúc này là luật sư Nguyễn thị Hậu.

(2) Tỉnh trưởng Tuyên Đức lúc này là Trung tá Trần văn Phán.

đang bao vây quanh đài. Từ bên trong, lực lượng đấu tranh cũng ném gạch gộc, gạch đá, chai xăng vào bọn lính đến đàn áp. Biết không thể chiếm được đài, lực lượng đấu tranh quyết định phá hủy máy móc, phương tiện rồi dùng xăng đốt đài và rút lui an toàn.

Ngày 5-4, hàng ngàn người tập trung tại khu Hòa Bình rồi kéo đến chiếm trụ sở Hợp tác xã rau ở ngã ba đường Phan Đình Phùng-Hàm Nghi (nay là đường Nguyễn Văn Trỗi) làm trụ sở của Ban chấp hành lực lượng đấu tranh. Tại đây, Ban chấp hành tổ chức cuộc họp có đủ đại diện của các lực lượng, các tầng lớp nhân dân để thông báo chương trình đấu tranh và chuẩn bị đối phó với sự đàn áp của địch.

Để đối phó với phong trào đấu tranh của quân chúng, địch điều đến Đà Lạt một đại đội biệt động quân, kết hợp với lực lượng cảnh sát dã chiến chiếm giữ khu Hòa Bình và khu vực chợ.

Từ ngày 9 đến 17-4, bất chấp sự đàn áp và ngăn chặn của địch/nhân dân Đà Lạt vẫn tiếp tục đấu tranh. Những cuộc mít tinh biểu tình đều mang nội dung đòi Mỹ rút khỏi nước, đòi chấm dứt chiến tranh, bảo đảm quyền tự do, dân chủ.

Ngày 18-4, lực lượng học sinh, sinh viên quyết định tuyệt thực 24 giờ tại khu Hòa Bình để phản đối địch đàn áp cuộc đấu tranh của đồng bào Quy Nhơn. Đêm hôm đó, lúc 23 giờ địch huy động một đoàn xe quân sự 6 chiếc chở đơn vị cảnh sát dã chiến thuộc biệt đoàn 222 và đơn vị quân cảnh đến giải tán lực lượng đấu tranh. Đoàn xe vừa đến nơi đã bị lực lượng học sinh, sinh viên bao vây, ném gạch đá vào xe, đốt cháy một chiếc xe Jeep và bắt tên đại úy chỉ huy đưa về giam tại Hợp tác xã rau. Bị tấn công bất ngờ, địch không dám nổ súng và rút về tiểu khu. Sáng hôm sau, lực lượng đấu tranh đòi chính quyền địch trả tự do cho 4 người bị bắt trong các cuộc biểu tình, sau đó sẽ thả tên đại úy. Biết không thể thương lượng được chính quyền địch phải chấp nhận yêu cầu đó.

Sáng ngày 21-4, đại diện Ban chấp hành "Lực lượng nhân dân, học sinh, sinh viên tranh thủ dân chủ", đến tiểu khu gặp Tỉnh trưởng Tuyên Đức đưa kiến nghị nhưng bị chúng hành hung. Được tin đó, trên 1.000 người kéo đến tiểu khu phản đối hành động dã man của chúng. Khi đến rạp Ngọc Hiệp (nay là rạp Giải Phóng) ở đường Phan Đình Phùng địch huy động cảnh sát, quân cảnh đến đàn áp. Lực lượng đấu tranh dùng gậy gộc, gạch đá tấn công địch. Trong thế giằng co quyết liệt, địch bắn uy hiếp đoàn biểu tình, anh Nguyễn Văn Đức người cầm cờ đi đầu đã anh dũng hy sinh. Như lửa đổ thêm dầu, đoàn biểu tình kéo đến tòa hành chính Tỉnh đòi trừng trị những tên vừa gây tội ác. Tại đây, địch vừa tìm cách trì hoãn gặp đại diện lực lượng đấu tranh vừa bí mật điều 2 đại đội cảnh sát cảnh sát dã chiến, đại đội 301 địa phương quân đến đàn áp. Cuộc chiến đấu diễn ra ác liệt, những người biểu tình dùng dao, gạch đá, gậy gộc tấn công, trong khi đó địch lại dùng vũ khí giết hại 4 thanh niên học sinh, trong đó có đồng chí Nguyễn Văn Triệt, Đoàn viên Đoàn thanh niên nhân dân cách mạng, làm bị thương 37 người và hàng chục người khác bị bắt. Cuộc chiến đấu diễn ra không cân sức nhưng đã ngời sáng chủ nghĩa anh hùng cách mạng của nhân dân Đà Lạt.

Đêm 21 rạng ngày 22-4, địch huy động hai đại đội cảnh sát dã chiến và một đại đội địa phương quân đến bao vây và chiếm lại Hợp tác xã rau. Ban chấp hành lực lượng đấu tranh quyết định rút về chùa Linh Sơn tiếp tục lãnh đạo phong trào.

Từ ngày 22 đến ngày 25-4, địch ban hành lệnh giới nghiêm 24/24 giờ để ngăn chặn các cuộc mít tinh biểu tình, đồng thời lùng bắt một số người tham gia đấu tranh. Tại chùa Linh Sơn, lực lượng đấu tranh vẫn duy trì các chương trình phát thanh, kêu gọi đồng bào tiếp tục hưởng ứng phong trào.

Chiều 25-4, Ban chấp hành "Lực lượng nhân dân, sinh viên, học sinh tranh thủ dân chủ" và Tỉnh hội Phật giáo Đà Lạt-Tuyên

Đức đưa kiến nghị đòi chính quyền địch ở địa phương thực hiện các yêu cầu:

-Trả lại tử thi những người tử nạn, đền bù xứng đáng và an ủi các tang gia.

-Đền bù xứng đáng những người bị thương tích.

-Trừng phạt những tên gây tội ác trong các cuộc biểu tình.

-Chấm dứt việc bắt bớ, khủng bố đồng bào để ổn định tình hình.

-Trả tự do cho những người bị bắt.

Sáng ngày 26-4, nhân dân Đà Lạt tổng đình công, bãi thị, bãi khóa và trên 10.000 người đến chùa Linh Sơn dự lễ truy điệu và an táng 5 thanh niên bị địch giết hại trong cuộc biểu tình ngày 21-4. Đám tang biến thành một cuộc biểu tình lớn kéo đến khu Hòa Bình và đi qua các đường phố lớn trong thị xã. Đoàn biểu tình giương cao khẩu hiệu: "Sống anh dũng, chết vẻ vang", "các bạn là những ngọn đuốc đã bùng lên để thắp sáng quê hương" nhằm ca ngợi tinh thần yêu nước, đả kích vi sự nghiệp cách mạng của những thanh niên, học sinh Đà Lạt. Những người dự đám tang vô cùng căm phẫn tội ác dã man của địch, nhưng cũng rất tự hào có những người con của quê hương đã anh dũng chiến đấu và hy sinh, tô thêm truyền thống cách mạng của nhân dân Đà Lạt. Trên các đường phố đoàn biểu tình đi qua có thêm hàng ngàn người xuống đường tham gia để đưa 5 thanh niên bị địch giết hại về nơi an nghỉ cuối cùng.

Nhằm xuyên tạc sự thật về phong trào đấu tranh của nhân dân, học sinh, sinh viên Đà Lạt, ngày 27-4, Tỉnh trưởng Tuyên Đức mời một phái đoàn nhà báo ở Sài Gòn gồm 21 người (có 7 người nước ngoài) lên Đà Lạt để quan sát và nhận xét tình hình. Trước lúc nguy quyền tổ chức họp báo, Ban chấp hành cùng với hơn 20 học sinh,



* Ngày 26/4/1966 Trên mười ngàn nhân dân Đà Lạt dự đám tang năm thanh niên bị địch giết hại trong cuộc biểu tình ngày 21/4/1966

sinh viên đến nhà hàng Sĩ Săng Gai (Chic Shanghai) gặp các nhà báo để phỏng vấn và trao bản tuyên ngôn. Nội dung của bản tuyên ngôn nêu rõ:

-Quyền dân tộc tự quyết.

-Hòa bình Việt Nam phải được giải quyết tại Việt Nam, do người Việt Nam định đoạt.

-Thành lập Ủy ban điều tra.

-Phản đối chính phủ Mỹ đã xen lấn vào nội bộ Việt Nam, xâm phạm chủ quyền của Việt Nam trên ba lĩnh vực: chính trị, quân sự, kinh tế.

Lực lượng đấu tranh phủ nhận một số vấn đề do chính quyền địch bịa đặt, xuyên tạc sự thật phong trào đấu tranh. Cuộc gặp này đã làm thất bại âm mưu của địch và làm cho dư luận trong và ngoài nước hiểu rõ thêm mục đích, ý nghĩa và kết quả phong trào đấu tranh của nhân dân Đà Lạt.

Để ngăn chặn sự phát triển của phong trào, địch vừa tìm cách xoa dịu, mua chuộc quần chúng, vừa tăng cường khủng bố, bắt bớ những người lãnh đạo phong trào, nhiều người bị chúng trục xuất đi nơi khác. Trước tình hình đó, Ban chấp hành lực lượng đấu tranh bố trí một số cán bộ cốt cán rút vào hoạt động bí mật, một số khác thoát ly ra vùng căn cứ, đồng thời xây dựng các tổ chức công khai hợp pháp để tập hợp quần chúng và mở rộng mặt trận đấu tranh.

Từ giữa tháng 5 đến cuối tháng 6-1966, phong trào đấu tranh của nhân dân Đà Lạt tiếp tục phát triển dưới hình thức đấu tranh của Phật giáo. Do ảnh hưởng rộng lớn của phong trào đấu tranh và một số tín đồ Phật giáo có ý thức chính trị, ngày 30-5 tại chùa Linh Sơn, đại đức Thích Quảng Thiện tự thiêu để chống chính quyền tay sai Thiệu-Kỳ. Ngày 23-6, nữ sinh Đặng Thị Ngọc Tuyên, 19 tuổi, tự thiêu đã để lại 6 bức thư gửi tổng thống Mỹ Giôn-xon,

Thiệu-Kỳ, nhân dân Mỹ và những người yêu tự do trên thế giới. Trong bức thư gửi tổng thống Mỹ Giôn-xơn, có đoạn viết: "Đây là bức thư của một thiếu nữ Việt Nam gửi đến ông để cảnh cáo ông rằng: dân tộc Việt Nam đã ghê tởm ông vì ông đã dùng một chính sách quá sai lầm ở Việt Nam. Ông những tưởng ông dùng đô-la để có thể thống trị được nước Việt Nam. Nhưng ông lầm, dân tộc Việt Nam không yếu hèn như ông tưởng. Vậy giờ phút này, tôi mong ông hãy sớm thay đổi chính sách tại Việt Nam và hãy bỏ mộng thống trị dân tộc này đi, vì đó chỉ là hão huyền thôi..."

Cuối tháng 6 năm 1966, địch tăng cường khủng bố, truy bắt hàng loạt cơ sở cách mạng và những người tham gia phong trào. Cuộc đấu tranh của nhân dân Đà Lạt tạm thời lắng xuống.

Phong trào đấu tranh của nhân dân Đà Lạt từ cuối tháng 3 đến cuối tháng 6-1966 là một cuộc biểu dương lực lượng lôi kéo hàng vạn lượt người tham gia. Tổ chức Đảng, cơ sở cốt cán đã tập hợp, lãnh đạo các tổ chức công khai hợp pháp, các tầng lớp nhân dân tham gia phong trào. Nội dung và khẩu hiệu đấu tranh phù hợp với nguyện vọng của quần chúng nhân dân, đồng thời làm cho nội bộ địch thêm mâu thuẫn, chia rẽ. Phong trào đấu tranh từ chỗ đòi dân sinh dân chủ đã phát triển thành phong trào đấu tranh chống chính quyền tay sai Thiệu-Kỳ, chống sự can thiệp của Mỹ vào Việt Nam, đòi Mỹ rút về nước, đòi hòa bình, tự do, dân chủ.

Phong trào đấu tranh tuy giành được những thắng lợi lớn nhưng vẫn còn một số nhược điểm: tổ chức Đảng ở địa phương chưa bám sát được phong trào để kịp thời chỉ đạo, trong hoạt động một số cán bộ cốt cán tại chỗ đã không đảm bảo nguyên tắc và phương thức công tác nên bị địch phát hiện và truy bắt, một số phải chuyển đi nơi khác hoạt động. Diễn biến của phong trào có lúc mang tính bạo động bột phát của tuổi trẻ nên địch tìm cách đối phó, đàn áp. Mặt khác, Ban chấp hành "Lực lượng nhân dân, học sinh, sinh viên

tranh thủ dân chủ" chưa vận dụng phương châm đấu tranh phù hợp với mục tiêu đấu tranh ở đô thị, chưa chuẩn bị kế hoạch đối phó với hành động đàn áp của địch để tránh tổn thất cho phong trào.

Quá trình diễn biến của phong trào đã thể hiện rõ: học sinh, sinh viên là lực lượng xung kích của cuộc đấu tranh, còn các tầng lớp nhân dân Đà Lạt trong đó phụ nữ chợ đóng vai trò quan trọng, là sức mạnh của phong trào đấu tranh, làm cho địch lo sợ, bị động đối phó. Trong suốt thời gian đấu tranh, phụ nữ chợ đã tích cực hưởng ứng và tự nguyện ủng hộ vật chất, quyên góp được trên 40.000 đồng (tiền nguy), trên 1.000 hộp sữa và nhiều lương thực, thực phẩm cho lực lượng đấu tranh.

Cuối tháng 6 năm 1966, một số cán bộ lãnh đạo cuộc đấu tranh về Trung ương Cục báo cáo quá trình diễn biến của phong trào. Trung ương cục đánh giá cao kết quả và ý nghĩa phong trào đấu tranh của nhân dân Đà Lạt, đồng thời cũng chỉ ra những mặt còn yếu của phong trào.

Đánh giá phong trào đấu tranh chính trị trong thời gian này, Hội nghị Khu ủy 6 (tháng 5-1966) nhận định: "Phong trào đấu tranh chính trị ở một số thị xã, thị trấn trong khu đã xuất hiện nhiều nhân tố mới, có tác dụng phối hợp cùng hoạt động quân sự, mà rõ nét là phong trào đấu tranh chống địch của nhân dân Đà Lạt".

Qua thực tế của phong trào, Tỉnh ủy Tuyên Đức và thị ủy Đà Lạt có thêm kinh nghiệm trong lãnh đạo và vận dụng phương châm, phương pháp công tác đô thị, tiếp tục đưa phong trào quần chúng tiếp tục phát triển lên một bước mới. Đối với thị xã Đà Lạt, Tỉnh ủy chủ trương nhanh chóng củng cố, xây dựng tổ chức Đảng, phát triển và bồi dưỡng cơ sở cách mạng bên trong để trực tiếp lãnh đạo và làm nòng cốt cho phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng. Công tác xây dựng cơ sở cách mạng tại chỗ phải bảo đảm nguyên tắc ngấm cách và phương thức bí mật, đồng thời khéo léo tập hợp

quần chúng vào các tổ chức công khai hợp pháp và nửa hợp pháp như Ban Trị sự, đại diện các ngành hàng ở chợ, Hiệu đoàn học sinh trong các trường học, Ban Trị sự chùa, khuôn hội phật giáo... Thị ủy Đà Lạt tổ chức các lớp huấn luyện tại các bàn đạp ven thị xã cho những cốt cán, cơ sở cách mạng nhằm nâng cao nhận thức và khả năng công tác. Ban cán sự Đảng đặc biệt của Khu ủy 6 cũng mở các lớp huấn luyện ở Bình Dương, Lâm Đồng (cũ) cho số cốt cán, cơ sở cách mạng theo hệ thống tổ chức riêng (1).

Trong năm 1966, phong trào cách mạng tỉnh Tuyên Đức phát triển đều trên các địa bàn, kết hợp được phương châm hai chân ba mũi. Ở vùng nông thôn, tuy chưa giải phóng được số dân như Nghị quyết Tỉnh ủy đề ra, nhưng bước đầu đã làm lỏng, rã kèm một số ấp dọc đường 11, 20, 21 kéo dài, xây dựng được cơ sở bên trong. Tại Đà Lạt, hoạt động vũ trang đã hỗ trợ phong trào đấu tranh chính trị, phát triển thêm 140 cơ sở cốt cán và 10 du kích mật, hình thành các lõm chính trị ở vùng ven như: Nam Thiên, Đa Thiện, Xuân An, An Hòa và trong trung tâm thị xã như Thiên Thành, đường Hai Bà Trưng, Trương Công Định, thung lũng Kim Khuê. Ở các lõm chính trị, phần lớn quần chúng hướng về cách mạng, có tổ chức Đảng tại chỗ, có cơ sở cốt cán làm nòng cốt, bộ máy quyền chỉ tồn tại trên hình thức.

Trong quá trình xây dựng và trưởng thành, lực lượng vũ trang của tỉnh đã hình thành 3 thứ quân, tạo được thế bám trụ, chủ động đánh địch trên các địa bàn. Phong trào du kích chiến tranh phát triển đều, các đội công tác tích cực đánh địch bung ra ven ấp và du kích mật bên trong cũng bắt đầu hoạt động. Năm 1966, lực lượng

(1) Tổ chức Đảng và cơ sở cách mạng ở Đà Lạt có hai hệ:

-Hệ thuộc Tỉnh ủy, do thị ủy Đà Lạt phụ trách.

-Hệ thuộc Khu ủy 6 do đồng chí Lê Văn Phận (tức Ba Dư) phụ trách.

vũ trang trong tỉnh đánh địch hàng chục trận, loại khỏi vòng chiến đấu trên 700 tên, thu 40 súng, phá hủy 7 xe quân sự, 3 máy bay. Với thành tích đó, 9 đơn vị và cá nhân được tặng thưởng huân chương, nhiều đơn vị đã lập thành tích xuất sắc trong chiến đấu, nội bộ đoàn kết tốt như đơn vị 810, 870 và các đội biệt động thị xã.

Mùa khô 1966-1967 theo kế hoạch chiến lược chung, Mỹ-ngụy ở Tuyên Đức tập trung lực lượng thực hiện chiến lược hai **gong** kim "tìm diệt và bình định" nhưng chủ yếu là "bình định", kết hợp với bao vây kinh tế, đánh phá hành lang, vùng bản đap để đẩy lực lượng ta ra xa dân, xa thị xã. Địch đưa lực lượng bảo an, các đoàn "bình định" xuống những địa bàn trọng điểm hoặc nơi có bộ máy kèm suy yếu để củng cố lại tổ chức, bắt dân rào ấp chiến lược. Toàn tỉnh có 203 ấp thì 180 ấp có bảo an, dân vệ, biệt kích đóng chốt, ngoài ra còn có bọn **tề điệp**, mật vụ bí mật theo dõi hoạt động của ta. Ở các ấp ven thị xã, ban đêm chúng bắt dân vào ngủ trong nội ô, ban ngày cho về nhà làm ăn, nhằm cắt đứt sự liên lạc với lực lượng cách mạng. Dọc các đường giao thông quan trọng, địch tiến hành nhiều cuộc hành quân càn quét hòng đánh bật lực lượng ta ra khỏi địa bàn hoạt động.

Cuối năm 1966, Tỉnh ủy họp Hội nghị để kiểm điểm đánh giá tình hình và đề ra chủ trương phá âm mưu và thủ đoạn đánh phá của địch. Với quyết tâm đánh bại kế hoạch "bình định nông thôn" và kèm kẹp đô thị của địch, Nghị quyết Tỉnh ủy về nhiệm vụ năm 1967 chỉ rõ: Tích cực tấn công địch ở phía trước, lập thế bám trụ vững chắc của lực lượng vũ trang và các đội công tác trên các địa bàn qui định, bám sát dân, **sát địch**, đánh trúng đánh đau vào các đoàn bình định, **tề điệp ác ôn** và những đối tượng kèm phát động quân chúng phá ấp, phá kèm, chống lại âm mưu "bình định" gom dân, lấn chiếm của địch, xây dựng cơ sở chính trị, vũ trang tại chỗ. Địa bàn hoạt động đánh địch là vùng tranh chấp, trục giao thông,

vùng yếu và thị xã trọng điểm hoạt động của tỉnh là dọc đường 21 kéo dài, đường 11.

Bên cạnh những thuận lợi cơ bản, Tỉnh ủy tập trung giải quyết một số khó khăn, nhất là vấn đề lương thực. Vùng căn cứ của tỉnh không có dân nên số lượng lương thực các cơ quan sản xuất không đủ cung cấp cho các đơn vị phía trước. Ở những nơi ta hoạt động mạnh, địch hạn chế bán gạo cho dân, bao vây kinh tế, do đó cơ sở bên trong không tiếp tế được cho lực lượng bên ngoài. Tuy vậy, với quyết tâm khắc phục mọi khó khăn, lực lượng vũ trang vẫn liên tục bám sát địa bàn hoạt động, vừa đánh tiêu hao, tiêu diệt sinh lực địch, vừa đột áp vũ trang tuyên truyền, phá kềm, xây dựng cơ sở chính trị, vũ trang và giải quyết vấn đề lương thực.

Trên địa bàn trọng điểm huyện Đức Trọng, các đơn vị liên tục đột áp đánh địch, vũ trang tuyên truyền, xây dựng cơ sở bên trong và làm lỏng rã kềm một số ấp từ Thanh Bình đến Phú Sơn. Tháng 6-1967, đại đội 810 và đại đội 816 của huyện Đức Trọng phối hợp đánh diệt đồn PSua do một trung đội dân vệ người dân tộc chứt giữ, phá 3 ấp chiến lược PSua A, PSua B và Riông Tô, giải phóng 800 dân. Nhưng sau đó địch phản kích và kết hợp với bọn tề điệp tại chỗ rút hết dân ở 3 ấp này đưa về khu tập trung Dăm Pao trên đường 21 kéo dài.

Ở hướng Tây Nam thị xã Đà Lạt, các đơn vị đột nhập vào các ấp Tà Nung, Nam Ban, Bang Bì, Păng Thiêng để phá kềm, vũ trang tuyên truyền, xây dựng cơ sở, tạo bàn đạp đứng chân. Nhưng sau đó địch cũng dồn số dân ở đây về Găng Reo (Đức Trọng), Măng Lin (Đà Lạt) và Ăng K'Roét (Lạc Dương). Bên trong thị xã, lực lượng biệt động tập kích bọn cố vấn Mỹ ở khách sạn Catina, kho quân cụ Quyết Tiến và tiêu diệt nhiều tên tề điệp, ác ôn. Công tác xây dựng cơ sở được tiến hành có chiều sâu, bảo đảm nguyên tắc bí mật nên hầu hết các địa bàn đều có thực lực cách mạng.

Trên đường 11, đơn vị biệt động 850 của thị xã và đơn vị 870 của huyện Lạc Dương đánh bọn "bình định nông thôn" ở các ấp Thái Phiên, Xuân Thành, Đa Lộc. Ở các ấp Xuân Sơn, Đất Làng thuộc xã Xuân Trường, đơn vị 870 bám trụ đánh địch suốt một tháng, hỗ trợ nhân dân đấu tranh chống rào làng, giữ vững thế làm chủ.

Sau khi mở rộng phong trào sang phía Nam sông Đa Nhim, khoảng giữa năm 1967, Ban cán sự Đảng huyện Đơn Dương được thành lập, đánh dấu bước phát triển của phong trào cách mạng và tổ chức chỉ đạo ở địa phương. Toàn huyện tuy chỉ có 3 đội công tác nhưng đã liên tục bám ấp, xây dựng cơ sở ở Bắc Hội, Lạc Xuân, Phú Thuận. Thành lập một chi bộ đảng tại Phú Thuận và tiếp tục mở rộng phong trào ra các vùng xung quanh.

Để mở rộng vùng căn cứ của Khu ủy và mở thêm đường hành lang với tỉnh Tuyên Đức, tháng 12-1966, tiểu đoàn 186 tập kích đồn Tà In, tiêu diệt một đại đội bảo an, bắn rơi chiếc máy bay trực thăng chở 4 tên sĩ quan, trong đó có tên quận trưởng Đơn Dương, phá các khu tập trung. Vùng mới giải phóng này thuộc sự chỉ đạo của Khu ủy 6 (gọi là K67) gồm 3 xã, 25 buôn ấp với gần 4.000 đồng bào dân tộc ít người.

Qua một năm đẩy mạnh hoạt động trên các địa bàn, phong trào cách mạng tỉnh Tuyên Đức đã có bước phát triển mới. Lực lượng vũ trang trong tỉnh đánh địch 35 trận, diệt 420 tên. Tuy số lượng địch bị diệt ít hơn so với năm 1966, nhưng ta đã đánh trúng lực lượng kèm kẹp của địch ở xã ấp, có tác động hỗ trợ quần chúng nổi dậy giành quyền làm chủ. Vì vậy, ở vùng nông thôn thực lực cách mạng tiếp tục phát triển như Xuân Sơn, Đất Làng, Đa Lộc (trên đường 11), Lạc Lâm, Phú Thuận, Ka Đô, Nam Hiệp (Đơn Dương), Quảng Hiệp (Đức Trọng), phá lỏng rã kèm ở 5 ấp với 1.700 dân trên đường 21 kéo dài. Đó là điều kiện thuận lợi tạo ra thế và lực

mới để đưa phong trào cách mạng địa phương phát triển mạnh mẽ, toàn diện hơn.

2-Cuộc tổng tiến công và nổi dậy năm 1968 - một bước chuyển biến lớn của phong trào cách mạng tỉnh Tuyên Đức.

Cuối năm 1967, chiến lược "chiến tranh cục bộ" của đế quốc Mỹ ở miền Nam đã phát triển đến đỉnh cao. Trên chiến trường Tuyên Đức, lực lượng địch có khoảng 600 tên Mỹ và chư hầu, 2.500 tên bảo an, 2.000 tên cộng hòa; 28 đoàn "binh định nông thôn" và 3.500 tên phòng vệ dân sự. Trong khi đó, lực lượng vũ trang của tỉnh chỉ có 1 đại đội bộ binh, 1 đại đội trợ chiến, 1 trung đội công binh, 1 trung đội đặc công. Huyện Đức Trọng và huyện Lạc Dương mỗi huyện có 1 đại đội bộ binh (thiếu), thị xã Đà Lạt có hai đội biệt động. Tuy vậy tỉnh Tuyên Đức vẫn có điều kiện thuận lợi để cùng phối hợp với toàn Miền trong cuộc tổng tiến công và nổi dậy đầu xuân 1968.

Sau khi được quán triệt tinh thần nghị quyết hội nghị lần thứ 14 của Ban chấp hành Trung ương Đảng (khóa 3) và những nhiệm vụ cụ thể của Khu ủy giao cho địa phương, Tỉnh ủy Tuyên Đức họp để đánh giá tình hình phong trào cách mạng trong tỉnh, rà soát lại thực lực trên các địa bàn. Hội nghị nhận định: Đây là thời cơ thuận lợi cho địa phương tranh thủ đưa phong trào chính trị, vũ trang tấn công địch lên một bước mới và giành thắng lợi to lớn hơn những năm trước để tạo ra bước ngoặt có tính nhảy vọt cho phong trào cách mạng địa phương.

Được sự chỉ đạo của Khu ủy và Quân khu ủy, Tỉnh ủy quyết định tập trung phần lớn lực lượng vũ trang của tỉnh phối hợp với các đơn vị của khu đến chi viện, tiến công những vị trí quan trọng của địch ở Đà Lạt như: Tiểu khu, Tỉnh đoàn bảo an, các trường sĩ quan, sân bay, trận địa pháo nhắm tiêu diệt sinh lực địch, phát động quần chúng nổi dậy giành quyền làm chủ. Ở vùng nông thôn, các

đơn vị bộ đội địa phương, đội công tác đánh chiếm các chi khu, quận lỵ, hỗ trợ quần chúng diệt ác phá kềm, phá các khu tập trung đưa dân về buôn làng cũ, thành lập chính quyền cách mạng.

Trong cuộc tổng tiến công và nổi dậy đầu xuân 1968, Khu ủy chọn thị xã Đà Lạt làm trọng điểm 2 (thị xã Phan Thiết là trọng điểm 1), vì vậy ngoài việc tăng cường hai tiểu đoàn 186 và 145 đến phối hợp hoạt động, Khu ủy còn cử một số cán bộ Khu ủy và Quân khu ủy xuống trực tiếp chỉ đạo, thành lập Đảng ủy mặt trận do đồng chí Vũ Anh Ba, Ủy viên Thường vụ Khu ủy làm bí thư.

Do thời gian chuẩn bị hết sức khẩn trương và điều kiện cơ động gặp nhiều khó khăn nên đến ngày nổ súng tấn công, hai tiểu đoàn tăng cường vẫn chưa đến vị trí tập kết. Trước tình hình đó, Đảng ủy mặt trận quyết định: dù bất cứ giá nào cũng phải hoàn thành nhiệm vụ Khu ủy giao, điều động gấp các đơn vị bộ đội địa phương huyện (1) lên tăng cường cho các hướng tấn công vào Đà Lạt, còn ở vùng nông thôn do các đội công tác đảm nhận, đồng thời phân công cán bộ Tỉnh ủy xuống các hướng trực tiếp chỉ đạo. Kế hoạch tấn công vào Đà Lạt được xác định trên 3 hướng :

-Hướng Tây Nam được chọn làm hướng chủ yếu, mục tiêu chính là tiểu khu Tuyên Đức.

-Hướng Tây Bắc là hướng trọng điểm nhằm đánh chiếm Tỉnh đoàn Bảo an, dinh Tỉnh trưởng, Ty Công an.

-Hướng Đông Nam là hướng thứ yếu, mục tiêu chính là trường Võ Bị.

(1) Đến gần ngày tổng tiến công, Quân khu 6 tăng cường cho tỉnh Tuyên Đức một đại đội bộ binh (C815) hoạt động trên địa bàn huyện Đơn Dương.

- Đêm 30-1-1968 (tức đêm giao thừa tết Mậu Thân), do công tác chuẩn bị địa hình chưa được chu đáo nên cả ba hướng không vào được trong thị xã, các đơn vị phải rút ra bàn đạp để củng cố lực lượng.

Đêm 31-1 (tức đêm mùng một tết), các đơn vị tiếp tục đột nhập vào thị xã và đồng loạt nổ súng đánh các mục tiêu đã định. Như vậy ta tấn công vào Đà Lạt chậm một ngày so với kế hoạch chung của toàn Miền.

Trên hướng tấn công chủ yếu, đại đội 816, hai đại đội của tiểu đoàn 145 và đội biệt động 852 đánh chiếm một phần tiểu khu, kiểm soát viện Pát-xơ và 9 Sở, Ty. Ngày hôm sau, lực lượng địch ở tiểu khu phản kích quyết liệt nên các đơn vị phải rút ra các ấp Xanh Giăng, Du Sinh, Nam Thiên, An Lạc trụ lại đánh địch phản kích và pháo kích sân bay Cam ly. Tối 5-2, tiểu đoàn 186 đánh chiếm phần lớn tiểu khu, sau đó rút ra trụ lại khu vực viện Pát-xơ, liên tục đánh địch phản kích suốt từ sáng đến 12 giờ trưa ngày 6-2.

Ở hướng Tây Bắc, đại đội 810, trung đội đặc công, một đội biệt động và 30 cán bộ chính trị đánh vào Tỉnh đoàn Bảo an, Lữ quán thanh niên, dinh Tỉnh trưởng, Ty công an nhưng không dứt điểm. Trước sự phản kích ác liệt của địch, lực lượng ta đã rút ra trụ lại khu vực Đa Cát và chiến đấu rất anh dũng suốt 12 ngày đêm, hỗ trợ các ấp Đa Cát, Đa Phú nổi dậy phá kềm, giành quyền làm chủ và thành lập chính quyền cách mạng.

Ở hướng Đông Nam, các đơn vị 815, 870, đội biệt động 850 phối hợp đánh địch ở Trại Hầm, ga xe lửa, Nha địa dư và làm chủ khu vực trường Yersin, bám trụ suốt hai ngày đánh lui nhiều đợt phản kích của địch, sau đó rút ra vùng ven để củng cố lực lượng.

Trong những ngày lực lượng vũ trang liên tục tiến công địch, cơ sở cốt cán bên trong Đà Lạt đã vận động quần chúng ở nhiều

phường, ấp nổi dậy phá bộ máy kèm tại chỗ. Ở những nơi lực lượng vũ trang bám trụ, mặc dù địch phản kích ác liệt, dùng máy bay ném bom, bắn phá, nhưng đồng bào đã dũng cảm vượt qua bom đạn để tiếp tế cho bộ đội, tải thương, nắm tình hình hoạt động của địch báo cho các đơn vị để có kế hoạch đối phó. Trong cuộc chiến đấu này, chủ nghĩa anh hùng cách mạng của quần chúng được phát huy mạnh mẽ, có cơ sở cách mạng được kết nạp vào Đảng ngay tại địa bàn hoạt động, có người đã anh dũng hy sinh. Ở khu vực trường Yersin, có gia đình nuôi dấu, chăm sóc hai chiến sĩ ta bị thương suốt 7 ngày, sau đó dẫn đường đưa ra ngoài để trở về đơn vị. Ở các ấp Đa Cát, Đa Phú, sau khi thành lập chính quyền cách mạng, lực lượng dân quân tự vệ được hình thành làm nhiệm vụ bảo vệ trật tự trị an, truy bắt bọn tề điệp ác ôn, phục vụ các đơn vị bám trụ đánh địch, nhiều thanh niên đã tham gia bổ sung vào các đơn vị bộ đội.

Tuy có chuẩn bị đối phó sự tấn công của ta nhưng địch vẫn bị bất ngờ, sau đó chúng tăng cường đến Đà Lạt một tiểu đoàn cộng hòa, một tiểu đoàn biệt động quân, một biệt đoàn cảnh sát phối hợp với lực lượng tại chỗ tổ chức phòng thủ xung quanh thị xã, các vị trí quan trọng được bảo vệ chặt chẽ hơn trước.

Đêm 17-2-1968, các đơn vị bước vào đợt 2 của chiến dịch (từ 17-2 đến ngày 1-3-1968), đồng loạt nổ súng tiến công địch trên 3 hướng. Lúc này 2 tiểu đoàn 186, 145 đã đến đủ và phối hợp với các đơn vị địa phương đánh địch. Ở hướng Tây Bắc, tiểu đoàn 186, đại đội 810, đội biệt động 850 chia làm 3 mũi tấn công trung tâm chính trị, trận địa pháo và khu vực ấp Đa Thành. Nhưng khi mũi 1 và mũi 2 vào đến ấp Kim Thạch gặp địch chốt chặn nên phải chiến đấu tại đây suốt ngày 18-2, diệt 200 tên, sau đó trụ lại 2 ngày đánh địch phản kích, còn mũi thứ 3, sau khi đánh địch ở ấp Đa Thành đã trụ lại đánh bọn địch chi viện, diệt hơn 100 tên. Trên hướng Tây Nam, tiểu đoàn 145, đại đội 815, đội biệt động 852 đánh địch đang chốt

giữ các ấp Du Sinh, Nam Thiên, Xanh Giăng và pháo kích vào tiểu khu. Hướng Đông Nam, các đội công tác và một bộ phận bộ đội địa phương huyện vào khu vực Trại Mát diệt ác ôn, làm công tác binh vận và phát động quần chúng.

Sang đợt 2, các đơn vị vẫn tập trung tấn công vào Đà Lạt, nhưng trước tình hình địch tăng cường lực lượng phòng giữ và phản kích quyết liệt nên Đảng ủy mặt trận và Tỉnh ủy Tuyên Đức chủ trương đưa phần lớn lực lượng ra hoạt động vùng nông thôn, nhằm kéo địch trong thị xã ra để tiêu diệt, hỗ trợ nhân dân nổi dậy phá kềm, giành quyền làm chủ. Ngày 21-2, ta chỉ để lại 1/3 lực lượng tiếp tục đánh địch trong thị xã, tiểu đoàn 186, tiểu đoàn 145, đại đội 810 chuyển ra đánh địch vùng Phú Hội, Tùng Nghĩa, trên đường 20 và các ấp dọc đường 21 kéo dài. Đại đội 815 hoạt động vùng Lạc Xuân trên đường 21, đại đội 870 hoạt động vùng Xuân Trường, Xuân Thọ và trên đường 11.

Qua hai đợt hoạt động cao điểm xuân 1968, quân và dân tỉnh Tuyên Đức cùng phối hợp với hai tiểu đoàn của khu tăng cường đã đánh địch 180 trận, loại khỏi vòng chiến đấu trên 2.700 tên (có 200 tên Mỹ và chư hầu), trên 700 tên khác đào rã ngũ, bắn rơi và phá hủy 14 máy bay, bắn cháy và phá hỏng gần 100 xe quân sự (có 10 xe bọc thép), bức rút 18 đồn bảo an, dân vệ. Kết hợp với hoạt động quân sự, các đơn vị còn tổ chức trên 100 cuộc mít tinh với gần 5.000 lượt người dự, phát động quần chúng diệt ác phá kềm, giành quyền làm chủ ở 6 ấp. Toàn tỉnh có trên 200 thanh niên thoát ly tham gia cách mạng. Với lực lượng đó, tỉnh thành lập tiểu đoàn 810 (nòng cốt là đại đội 810), đội biệt động 860 và bổ sung vào các cơ quan, đơn vị trong tỉnh.

Thực hiện Nghị quyết Bộ chính trị Trung ương Đảng (tháng 4 năm 1968) về tiếp tục mở đợt tấn công và nổi dậy mùa hè 1968, cuối tháng 4-1968, lực lượng vũ trang trong tỉnh khẩn trương củng

cố lực lượng, chuẩn bị chiến trường để bước vào đợt hoạt động mới. Tỉnh ủy chọn huyện Đức Trọng làm trọng điểm, đồng thời dùng lực lượng đặc công, biệt động đánh vào một số vị trí quan trọng của địch ở Đà Lạt, sử dụng hỏa lực mạnh bắn vào sân bay Cam Ly, trường Võ bị và các trận địa pháo của địch. Trong đợt 3 của đợt tổng tiến công và nổi dậy (từ ngày 1 đến 31 tháng 5), quân và dân trong tỉnh phối hợp với 2 tiểu đoàn 186, 145 đánh địch 187 trận, loại khỏi vòng chiến đấu 2.200 tên, tấn công 23 mục tiêu trong thị xã, trong đó có những nơi quan trọng như Trung tâm chính trị, Đại học quân sự, trường Võ bị, Cảnh sát cơ bản, Tiểu khu... Đến cuối tháng 5-1968, toàn tỉnh có 129 ấp lỏng rã kèm (chiếm 65% số ấp), thực lực cách mạng trên các địa bàn phát triển thêm, 7 ấp có chi bộ đảng, 10 ấp có chi đoàn bên trong. Riêng Đà Lạt xây được 150 cơ sở chính trị, 30 du kích mật.

Sau những đợt tổng tiến công và nổi dậy của quân và dân ta ở miền Nam, từ giữa năm 1968, Mỹ-ngụy thực hiện chiến lược "quét và giữ", nhằm đẩy lực lượng ta ra khỏi thị xã, thị trấn và giành lại những vùng nông thôn bị mất. Ở Tuyên Đức, địch tập trung lực lượng phản kích, đánh phá phong trào cách mạng quyết liệt hơn trước. Cần quét, đánh phá đến đâu chúng gom dân vào các ấp chiến lược, củng cố bộ máy kèm tại chỗ, tiến hành nhiều âm mưu, thủ đoạn xảo quyệt đánh phá cơ sở cách mạng bên trong. Chúng còn đẩy mạnh bao vây kinh tế, cho máy bay bắn phá, rải chất độc hóa học ở những khu vực sản xuất và hậu cứ của ta.

Cuối tháng 5-1968, Tỉnh ủy họp đánh giá kết quả qua ba đợt tổng tiến công và nổi dậy, đề ra nhiệm vụ trong đợt Thu Đông để phối hợp với toàn Miền giành thắng lợi mới. Hội nghị khẳng định: Qua các đợt tiến công và nổi dậy, phong trào cách mạng trong tỉnh có những bước phát triển nhảy vọt, làm thay đổi nhanh chóng cả vùng nông thôn và thị xã Đà Lạt. Ta đã mở phong trào ra nhiều

Xuân 1967-1968 với mức phấn đấu làm 20% diện tích đạt tiêu chuẩn ruộng kiểu mẫu.

*
**

Sau gần 4 năm đương đầu với chiến lược "chiến tranh cục bộ" của đế quốc Mỹ, Đảng bộ Lâm Đồng và Đảng bộ Tuyên Đức đã quán triệt đường lối, chủ trương của Đảng và vận dụng vào tình hình thực tế ở mỗi địa phương một cách thích hợp, nhất là trong đợt một xuân Mậu Thân 1968. Đảng bộ hai tỉnh lãnh đạo quân và dân trong tỉnh vượt qua mọi khó khăn, gian khổ ác liệt, giành nhiều thắng lợi quan trọng, đưa phong trào cách mạng địa phương không ngừng phát triển và góp phần cùng toàn miền đánh bại chiến lược "chiến tranh cục bộ" của địch.

Tuy vậy, ở mỗi địa phương phong trào phát triển không đều trên các địa bàn, chưa kết hợp chặt chẽ hoạt động quân sự, đấu tranh chính trị với công tác binh vận, thực lực bên trong còn mỏng và yếu, chưa đáp ứng với yêu cầu, nhiệm vụ cách mạng. Trong chỉ đạo, do chưa thấy hết âm mưu, thủ đoạn của địch nên chưa đối phó kịp thời và có hiệu quả, việc củng cố địa bàn nông thôn mới mở ra chưa vững chắc.

Phát huy những thắng lợi đã đạt được và khắc phục những mặt còn tồn tại, Đảng bộ Lâm Đồng và Đảng bộ Tuyên Đức tiếp tục lãnh đạo quân và dân trong tỉnh quyết tâm đánh bại những âm mưu thủ đoạn và các chiến lược chiến tranh mới của Mỹ-ngụy.

CHƯƠNG IV

QUYẾT TÂM GIỮ VỮNG THẾ TIẾN CÔNG CHIẾN LƯỢC, ĐƯA PHONG TRÀO CÁCH MẠNG ĐỊA PHƯƠNG PHÁT TRIỂN TOÀN DIỆN, GÓP PHẦN ĐÁNH BẠI CHIẾN LƯỢC "VIỆT NAM HÓA" CHIẾN TRANH CỦA ĐẾ QUỐC MỸ. (Từ đầu năm 1969 đến tháng 1-1973)

Thắng lợi to lớn và toàn diện của quân và dân ta trên cả hai miền Nam, Bắc trong năm 1968 đã làm thất bại chiến lược "chiến tranh cục bộ" của đế quốc Mỹ, buộc chúng phải tuyên bố chấm dứt không điều kiện việc ném bom và bắn phá miền Bắc, chính thức đàm phán ở Hội nghị bốn bên về Việt Nam tại Pa-ri. Trong khi đó, phong trào ủng hộ nhân dân Việt Nam đấu tranh chống Mỹ của nhân dân và các lực lượng hòa bình trên thế giới, phong trào đòi chấm dứt chiến tranh rút quân Mỹ về nước của nhân dân tiến bộ Mỹ ngày càng phát triển mạnh mẽ. Trong tình thế bị động, lúng túng và nhằm đối phó với phong trào cách mạng miền Nam, đầu năm 1969, tổng thống Mỹ Ních-xơn đề ra học thuyết Ních-xơn và chiến lược "Việt Nam hóa" chiến tranh.

Bản chất của chiến lược "Việt Nam hóa" chiến tranh là tìm cách rút dần quân Mỹ mà vẫn duy trì được chính quyền tay sai Nguyễn Văn Thiệu và chủ nghĩa thực dân mới của Mỹ ở miền Nam nước ta. Để thực hiện mục tiêu chiến lược trên, chính quyền Ních-xơn triển khai kế hoạch "bình định và phát triển", coi chương trình bình định là "trụ cột" là "xương sống" của chiến lược "Việt Nam hóa" chiến tranh. Trên chiến trường miền Nam, Mỹ-ngụy ra

sức củng cố, xây dựng hệ thống phòng ngự dày đặc với những vành đai bảo vệ từ xa, bao quanh các thành phố, thị xã và đường giao thông quan trọng, liên tiếp mở các cuộc hành quân càn quét, đánh phá vào vùng căn cứ của ta. Từ Đông Xuân 1968-1969, Mỹ-ngụy tiếp tục chương trình "bình định cấp tốc", tiến hành nhiều cuộc hành quân càn quét với quy mô lớn nhằm giành lại những vùng đã mất trong năm 1968, ở một số nơi chúng gây cho ta nhiều khó khăn tổn thất.

Chấp hành chủ trương của Bộ chính trị Trung ương Đảng về phương hướng, nhiệm vụ của cách mạng miền Nam trong năm 1969, đầu năm 1969 Trung ương Cục chỉ thị cho các chiến trường phải "nắm vững thời cơ, kiên quyết xốc tới nhằm tiêu hao, tiêu diệt một bộ phận quan trọng sinh lực quân Mỹ và phương tiện chiến tranh của Mỹ-ngụy, phát động một cao trào chính trị, binh vận và du kích chiến tranh rộng rãi, đánh bại về cơ bản kế hoạch "bình định cấp tốc" của địch, làm tan rã phần lớn ngụy quân, ngụy quyền, mở rộng vùng giải phóng nông thôn, làm chuyển biến lực lượng so sánh có lợi cho ta..."(1).

Trên chiến trường khu 6, thắng lợi qua các đợt tổng tiến công và nổi dậy năm 1968 đã đưa phong trào cách mạng các địa phương phát triển lên một bước mới. Tháng 11-1968, Khu ủy họp hội nghị để quán triệt nghị quyết của Bộ chính trị, trên cơ sở đó đề ra nhiệm vụ trước mắt của toàn Khu là: "...táo bạo vươn lên tranh thủ thời gian, lợi dụng thời cơ đẩy mạnh các hoạt động tấn công địch, nhất là tấn công trên chiến trường vùng ven thị xã, vùng yếu nông thôn, phá tan âm mưu "quét và giữ" của địch, làm cho chúng nhanh chóng

(1) Trích: Những sự kiện Lịch sử Đảng, tập 3, NXB Thông tin lý luận, Hà Nội-1985, trang 452.

suy yếu, quyết tâm giành cho được về ta vùng ven thị xã, vùng yếu nông thôn".

Với quyết tâm đó, Đông Xuân 1968-1969, quân và dân các địa phương trong Khu liên tục tấn công địch, làm thất bại những mục tiêu cơ bản trong kế hoạch "bình định cấp tốc" của chúng, loại khỏi vòng chiến đấu gần 13.000 tên địch (có gần 3.000 tên Mỹ, chư hầu), bắn rơi và phá hủy 20 máy bay, bắn cháy và phá hỏng trên 200 xe quân sự, hỗ trợ cho quân chúng ở một số nơi nổi dậy phá ấp, phá kềm, giành quyền làm chủ.

I. Đảng bộ Lâm Đồng (cố) lãnh đạo nhân dân đẩy mạnh phong trào du kích chiến tranh, tích cực đánh địch mở rộng vùng giải phóng:

1-Tập trung lực lượng đánh bại mọi âm mưu và hành động của địch, giữ vững phong trào cách mạng (từ đầu năm 1969 đến tháng 6 năm 1970).

Đông Xuân 1968-1969 theo kế hoạch chiến lược chung, quân địch ở Lâm Đồng thực hiện chương trình "bình định cấp tốc", lực lượng cơ động Mỹ-ngụy được tăng cường 1.000 tên, đưa tổng số quân lên trên 5.000 tên. Với lực lượng đó, từ tháng 1 đến tháng 3-1969 chúng tiến hành trên 100 cuộc hành quân càn quét nhằm giành dân, chiếm đất, đánh bật lực lượng cách mạng ra khỏi quần chúng.

Ở vùng căn cứ và vùng mới giải phóng, lực lượng cơ động Mỹ-ngụy càn quét đánh phá hành lang, kho tàng và hậu cứ của ta. Chúng bắt đi một số dân vùng căn cứ, đốt cháy 12 buôn, cướp hàng chục tấn lương thực, gia súc và nhiều tài sản của đồng bào. Tại những nơi bị ta đánh trả quyết liệt, chúng cho pháo tầm xa bắn, máy bay rải chất độc hóa học phá hoại sản xuất, làm cho đời sống của đồng bào và các cơ quan gặp nhiều khó khăn. Ngoài ra chúng còn tung biệt kích, gián điệp vào vùng căn cứ để nắm tình hình,

phao tin đồn nhảm, xuyên tạc chủ trương, chính sách của Đảng, gây chia rẽ giữa các dân tộc.

Ở vùng tranh chấp, địch đưa lực lượng bảo an, dân vệ đến càn quét, gom dân vào các khu tập trung, áp chiến lược, tiếp tục củng cố bộ máy kèm tại chỗ, bắt thanh niên đi lính và tổ chức lực lượng phòng vệ dân sự.

Về kinh tế, địch thành lập các tổ chức buôn bán, chăn nuôi, làm ruộng do nguy quyền cho vay vốn, giúp đỡ phương tiện và dưới sự hướng dẫn của các đoàn binh định, thực chất là để lừa bịp, mua chuộc và tranh thủ quần chúng.

Về chính trị, tổ chức "Phượng Hoàng" (1) vừa hoạt động công khai, vừa hoạt động bí mật với nhiều thủ đoạn thâm độc, xảo quyệt, các đảng phái phản động như Đại Việt, Quốc dân Đảng, Dân xã, Đại đoàn kết...bắt đầu hoạt động mạnh để tranh thủ nắm dân, phục vụ mục đích lâu dài của chúng.

Quán triệt tinh thần Nghị quyết 8 của Trung ương cục (tháng 10-1968) và Nghị quyết hội nghị du kích chiến tranh toàn Miền lần thứ 4 (tháng 10-1968), tháng 12-1968, Tỉnh ủy Lâm Đồng tổ chức hội nghị kiểm điểm, đánh giá phong trào du kích chiến tranh của tỉnh trong hai năm 1967-1968 và học tập những điển hình của toàn Miền. Hội nghị đề ra nhiệm vụ của những năm tới là "xây dựng và mở rộng phong trào du kích chiến tranh lên một bước mới, rộng mạnh toàn diện để kịp thời đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ đặt ra cho địa phương: diệt địch giành dân, giành quyền làm chủ của quần chúng; móc nối xây dựng và phát triển cơ sở chính trị, thực lực cách mạng bên trong".

(1) Phượng hoàng là một tổ chức Tâm lý chiến và tình báo do Mỹ tổ chức.

Trước yêu cầu mới của cách mạng, Tỉnh ủy tổ chức đợt sinh hoạt chính trị trong các cơ quan, đơn vị để quán triệt các chỉ thị nghị quyết của Đảng, làm cho mọi cán bộ, đảng viên, chiến sĩ thấy rõ thắng lợi to lớn, toàn diện của quân và dân miền Nam trong các đợt tổng tiến công và nổi dậy năm 1968, thấy được âm mưu và thủ đoạn của đế quốc Mỹ trong chiến lược "Việt Nam hóa" chiến tranh. Nhiệm vụ trọng tâm của quân và dân trong tỉnh lúc này là tập trung đánh bại "kế hoạch bình định", tiêu diệt nhiều sinh lực địch, hỗ trợ nhân dân phá ấp phá kèm, đẩy mạnh phong trào đấu tranh chính trị, làm tốt công tác binh vận và xây dựng căn cứ vững mạnh.

Thực hiện nhiệm vụ trên, các đơn vị vũ trang trong tỉnh đẩy mạnh hoạt động đánh địch trên các địa bàn, buộc chúng phải căng kéo lực lượng đối phó. Điển hình là trận tập kích một đại đội Mỹ thuộc lữ đoàn dù 173 ở suối Đa Nga, diệt 80 tên (tháng 3-1969), trận đánh thiệt hại nặng đại đội 3 thuộc trung đoàn 53 ngự ở Đa Giã (ngày 7 tháng 4 năm 1969) và nhiều trận phối hợp đánh địch ở thị xã, thị trấn.

Với phương thức hoạt động nhỏ lẻ và nhiều cách đánh mưu trí dũng cảm, các đội công tác và du kích mật đã có nhiều trận đánh đạt hiệu quả cao. Có trận đánh địch giữa ban ngày ngay tại sào huyệt của chúng như diệt tên trưởng ban "Phượng Hoàng" huyện Di Linh, tên phó ty chiêu hồi, hay trận diệt 2 tên cố vấn Mỹ và 2 tên ngự ở nhà hàng Đức Thiện (thị xã Blao).

Phối hợp với hoạt động vũ trang, phong trào đấu tranh chính trị với nhiều hình thức thích hợp đã lôi cuốn và tập hợp được các tầng lớp nhân dân tham gia. Chi bộ Đảng và cơ sở cách mạng bên trong vận động và lãnh đạo quần chúng đấu tranh đòi dân sinh dân chủ, chống âm mưu bình định của địch, chống lập phòng vệ dân sự và đòi chồng con về nhà làm ăn. Tháng 7-1969, trên 1.000 đồng bào

phao tin đồn nhảm, xuyên tạc chủ trương, chính sách của Đảng, gây chia rẽ giữa các dân tộc.

Ở vùng tranh chấp, địch đưa lực lượng bảo an, dân vệ đến càn quét, gom dân vào các khu tập trung, áp chiến lược, tiếp tục củng cố bộ máy kèm tại chỗ, bắt thanh niên đi lính và tổ chức lực lượng phòng vệ dân sự.

Về kinh tế, địch thành lập các tổ chức buôn bán, chăn nuôi, làm ruộng do ngụy quyền cho vay vốn, giúp đỡ phương tiện và dưới sự hướng dẫn của các đoàn binh định, thực chất là để lừa bịp, mua chuộc và tranh thủ quần chúng.

Về chính trị, tổ chức "Phượng Hoàng" (1) vừa hoạt động công khai, vừa hoạt động bí mật với nhiều thủ đoạn thâm độc, xảo quyệt, các đảng phái phản động như Đại Việt, Quốc dân Đảng, Dân xã, Đại đoàn kết...bắt đầu hoạt động mạnh để tranh thủ nắm dân, phục vụ mục đích lâu dài của chúng.

Quán triệt tinh thần Nghị quyết 8 của Trung ương cục (tháng 10-1968) và Nghị quyết hội nghị du kích chiến tranh toàn Miền lần thứ 4 (tháng 10-1968), tháng 12-1968, Tỉnh ủy Lâm Đồng tổ chức hội nghị kiểm điểm, đánh giá phong trào du kích chiến tranh của tỉnh trong hai năm 1967-1968 và học tập những điển hình của toàn Miền. Hội nghị đề ra nhiệm vụ của những năm tới là "xây dựng và mở rộng phong trào du kích chiến tranh lên một bước mới, rộng mạnh toàn diện để kịp thời đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ đặt ra cho địa phương: diệt địch giành dân, giành quyền làm chủ của quần chúng; móc nối xây dựng và phát triển cơ sở chính trị, thực lực cách mạng bên trong".

(1) Phượng hoàng là một tổ chức Tâm lý chiến và tình báo do Mỹ tổ chức.

Trước yêu cầu mới của cách mạng, Tỉnh ủy tổ chức đợt sinh hoạt chính trị trong các cơ quan, đơn vị để quán triệt các chỉ thị nghị quyết của Đảng, làm cho mọi cán bộ, đảng viên, chiến sĩ thấy rõ thắng lợi to lớn, toàn diện của quân và dân miền Nam trong các đợt tổng tiến công và nổi dậy năm 1968, thấy được âm mưu và thủ đoạn của đế quốc Mỹ trong chiến lược "Việt Nam hóa" chiến tranh. Nhiệm vụ trọng tâm của quân và dân trong tỉnh lúc này là tập trung đánh bại "kế hoạch bình định", tiêu diệt nhiều sinh lực địch, hỗ trợ nhân dân phá ấp phá kềm, đẩy mạnh phong trào đấu tranh chính trị, làm tốt công tác binh vận và xây dựng căn cứ vững mạnh.

Thực hiện nhiệm vụ trên, các đơn vị vũ trang trong tỉnh đẩy mạnh hoạt động đánh địch trên các địa bàn, buộc chúng phải căng kéo lực lượng đối phó. Điển hình là trận tập kích một đại đội Mỹ thuộc lữ đoàn dù 173 ở suối Đa Nga, diệt 80 tên (tháng 3-1969), trận đánh thiệt hại nặng đại đội 3 thuộc trung đoàn 53 ngự ở Đa Giam (ngày 7 tháng 4 năm 1969) và nhiều trận phối hợp đánh địch ở thị xã, thị trấn.

Với phương thức hoạt động nhỏ lẻ và nhiều cách đánh mưu trí dũng cảm, các đội công tác và du kích mật đã có nhiều trận đánh đạt hiệu quả cao. Có trận đánh địch giữa ban ngày ngay tại sào huyệt của chúng như diệt tên trưởng ban "Phượng Hoàng" huyện Di Linh, tên phó ty chiêu hồi, hay trận diệt 2 tên cố vấn Mỹ và 2 tên ngự ở nhà hàng Đức Thiện (thị xã Blao).

Phối hợp với hoạt động vũ trang, phong trào đấu tranh chính trị với nhiều hình thức thích hợp đã lôi cuốn và tập hợp được các tầng lớp nhân dân tham gia. Chi bộ Đảng và cơ sở cách mạng bên trong vận động và lãnh đạo quần chúng đấu tranh đòi dân sinh dân chủ, chống âm mưu bình định của địch, chống lập phòng vệ dân sự và đòi chồng con về nhà làm ăn. Tháng 7-1969, trên 1.000 đồng bào

ở các ấp 12, 16, 17 đấu tranh đòi giải quyết đời sống, buộc địch phải chấp nhận một số yêu sách.

Phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng có tác động lôi kéo binh lính địch tham gia. Ở các ấp Đa Nghịch, B'Kẻ, Tân Dân, Kon Hin Đa trong cùng một ngày có 80 phòng vệ dân sự kéo lên quận đấu tranh đòi trả súng. Tại Di Linh, trên 400 thương phế binh kéo lên quận, tình đấu tranh vạch mặt bọn tay sai bán nước và tố cáo những đối xử bất công của chính quyền đối với họ. Cuộc đấu tranh đã có tác động đến tinh thần binh lính đang cầm súng làm tay sai cho Mỹ-ngụy.

Tháng 9-1969, Tỉnh ủy họp hội nghị mở rộng để quán triệt nghị quyết 9 của Trung ương Cục, đánh giá tình hình địa phương và đề ra những nhiệm vụ cụ thể trong Đông Xuân 1969-1970.

Thực hiện Nghị quyết của Tỉnh ủy, lực lượng vũ trang trong tỉnh cùng phối hợp với tiểu đoàn 200 C của khu tiếp tục giữ vững thế tiến công, bề gây nhiều cuộc hành quân càn quét của địch. Đặc biệt trong hai trận đánh vào hậu cứ của trung đoàn 53 ngụy ở Di Linh, các đơn vị đã tiêu diệt gần 700 tên, buộc địch phải điều hai tiểu đoàn từ Tuyên Đức xuống giữ Di Linh và giải tỏa đường 20.

Sau hơn một năm đối phó với chiến lược "Việt Nam hóa" chiến tranh của đế quốc Mỹ, phong trào cách mạng địa phương đã có bước phát triển mới, giữ vững thế tiến công địch bằng "hai chân ba mũi".

Về hoạt động quân sự, lực lượng vũ trang trong tỉnh đánh địch gần 870 trận, loại khỏi vòng chiến đấu trên 5.200 tên, thu 342 súng các loại, bắn rơi và phá hủy 24 máy bay, bắn bị thương 23 chiếc khác. Đột nhập 325 lần vào 87 ấp diệt 772 tên ác ôn, làm tan rã tổ chức phòng vệ dân sự ở 3 xã, 21 ấp, đồn điền, đưa trên 8.000 dân lên thế làm chủ và trên 48.500 dân lên thế tranh chấp.

Về đấu tranh chính trị và công tác binh vận, có gần 170 cuộc đấu tranh với trên 12.600 lượt người tham gia. Các đội công tác và cơ sở bên trong đã tuyên truyền, giáo dục 630 gia đình nguy quân, nguy quyền, rải trên 10.000 truyền đơn, làm tan rã đại đội bảo an 545 và 15 đội phòng vệ dân sự, vận động được trên 1.000 binh lính đảo ra ngũ làm cho nhiều đơn vị địch thiếu hụt quân số, tinh thần sa sút.

Với sự phát triển của phong trào, thực lực cách mạng trong vùng địch kiểm soát không ngừng tăng lên. Toàn tỉnh có 87 ấp thì 31 ấp có cơ sở Đảng (10 ấp có chi bộ), 51 ấp hình thành các tổ chức quần chúng với hàng nghìn hội viên.

Đồng thời với việc chỉ đạo phong trào ở phía trước, Tỉnh ủy thường xuyên chú trọng nhiệm vụ xây dựng vùng căn cứ. Nghị quyết Tỉnh ủy tháng 12-1968 chỉ rõ : phải chú ý đúng mức việc xây dựng phía sau thành một căn cứ hoàn chỉnh vững chắc về mọi mặt, bảo đảm cho các cơ quan chỉ đạo và lực lượng vũ trang bung ra tấn công địch ở phía trước, là lá cờ hiệu triệu cho nhân dân vùng địch hướng về cách mạng, đồng thời là chỗ dựa vững chắc bảo đảm cho cuộc chiến đấu lâu dài và thắng địch trong mọi tình huống.

Sau khi Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam ra đời (ngày 6-6-1969), tại tỉnh Lâm Đồng, chính quyền cách mạng từ tỉnh đến cơ sở được thành lập. Ở vùng căn cứ, Ủy ban nhân dân cách mạng các cấp lãnh đạo nhân dân tiếp tục thực hiện 5 phong trào thi đua, xây dựng căn cứ vững mạnh, góp phần cùng phía trước đánh địch.

Một trong những nhiệm vụ quan trọng ở vùng căn cứ là đẩy mạnh tăng gia sản xuất để bảo đảm đời sống cho các cơ quan đơn vị và nhân dân. Trước tình hình địch bao vây, phá hoại kinh tế, Tỉnh ủy đã kịp thời chỉ đạo các cấp, các ngành và các địa phương tiếp tục thực hiện phương châm "lấy ngắn nuôi dài, trồng trọt quanh

năm thu hoạch 4 mùa", do vậy nạn đói ở vùng căn cứ cơ bản được giải quyết và có một phần dự trữ. Cơ quan kinh tài của tỉnh cung cấp cho nhân dân vùng mất mùa hoặc bị địch phá hoại nặng hàng chục tấn lương thực, muối, thuốc chữa bệnh, vải và dụng cụ sản xuất. Việc thu thuế lưu thông trên đường 20, trong các đồn điền và bán lâm sản ở các cửa khẩu vẫn được tiến hành có kết quả.

Đời sống văn hóa, xã hội ở vùng căn cứ có nhiều tiến bộ. Tất cả các xã, buôn đều có cán bộ y tế, tổ chức nhiều đợt phòng và chống dịch, điều trị cho hàng ngàn lượt người, từng bước xoá bỏ những hủ tục mê tín dị đoan có hại đến đời sống và sức khỏe của đồng bào. Ở các cơ quan, buôn làng, phong trào học văn hóa được nhiều người hưởng ứng, các lớp học duy trì thường xuyên, số người biết đọc, biết viết ngày càng nhiều.

Gắn chặt nhiệm vụ sản xuất với đẩy mạnh phong trào du kích chiến tranh, dân quân du kích vùng căn cứ đã độc lập đánh địch trên 100 trận diệt gần 600 tên địch. Ngoài ra còn phối hợp với các đơn vị bộ đội đánh địch ở khu vực Tân Rai, vùng 3, đánh giao thông, làm thất bại nhiều cuộc hành quân càn quét của địch. Phong trào bắn máy bay phát triển khá sôi nổi và đạt kết quả tốt. Ở các buôn làng, nương rẫy đều có các tổ trực chiến, trận địa bắn máy bay. Ngoài lực lượng dân quân du kích còn có những cụ già trên 60 tuổi, thiếu niên, phụ nữ tham gia chiến đấu. Ngày 7-7-1970, đồng chí K'Vét, du kích xã I (nay là xã Lộc Bắc) đã bắn rơi chiếc máy bay lên thẳng HU 1A, tên trung tướng Ki-Si tư lệnh sư đoàn kỵ binh bay số 1 của Mỹ cùng 6 tên sĩ quan khác đi trên máy bay bị tiêu diệt.

Công tác bố phòng bảo vệ căn cứ, lập vành đai bao vây địch được phát động rộng rãi trong các cơ quan, đơn vị và các xã căn cứ. Ở phía trước và phía sau xây dựng được 9 tuyến bố phòng, 3 vành đai bao vây địch, trong đó có vành đai bao vây Tân Rai dài 38 Km.

Trong một thời gian ngắn, nhân dân vùng căn cứ cắm trên 26 triệu cây chông, đào gần 1.500 hầm chông và bố trí hàng ngàn vũ khí thô sơ khác. Nhờ làm tốt công tác bố phòng nên đã bảo vệ được các cơ quan chỉ đạo của tỉnh và tính mạng, tài sản của nhân dân, làm thất bại nhiều cuộc hành quân càn quét của địch vào vùng căn cứ.

Mặc dù còn gặp nhiều khó khăn về đời sống, lực lượng lao động ít, nhưng do yêu cầu của chiến trường, nhân dân vùng căn cứ thường xuyên thay phiên nhau đi phục vụ phía trước. Thật cảm động biết bao, trong đoàn dân công có cả những cụ già, các em thiếu niên và những chị phụ nữ phía trước địu con, sau lưng gửi hàng nhưng vẫn bảo đảm ngày công vận chuyển. Có những lúc các đoàn dân công chỉ ăn bột Xà Bu(1), củ rừng, dành gạo cho bộ đội ở phía trước đánh địch.

Với thành tích xuất sắc trong phong trào du kích chiến tranh, vùng căn cứ được tặng thưởng huân chương quân công hạng 3, nhiều đơn vị, cá nhân được biểu dương, khen thưởng. Từ đây, vùng căn cứ có thêm phong trào thi đua giành "4 nhất" trong thanh niên, "3 đảm đang" của phụ nữ, phấn đấu bảo đảm được 7 khả năng của căn cứ trong tình hình mới.(2)

Để không ngừng nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, Tỉnh ủy chú trọng công tác xây dựng Đảng trên cả 3 mặt: chính trị, tư tưởng và tổ chức. Tháng 2-1969, Tỉnh ủy họp hội nghị chuyên đề về công tác tổ chức để tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện cuộc vận động xây dựng chi bộ 5 tốt trong cơ quan, chi bộ 3 tốt trong lực lượng vũ trang, chi bộ 4 tốt ở địa phương và công tác

(1) Xà Bu là một loại cây rừng có chất bột.

(2) Bảy khả năng đó là: chống càn bảo vệ căn cứ; chống biệt kích; bắn máy bay; đánh phá cắt giao thông; phối hợp với phía trước và phía sau; phục vụ phía trước; bổ sung lực lượng cho các đơn vị vũ trang.

phát triển đảng viên, đoàn viên lớp Hồ Chí Minh. Qua hơn một năm thực hiện chỉ thị 41 của Trung ương Cục về công tác xây dựng Đảng bước đầu tạo được sự chuyển biến trong toàn Đảng bộ, năng lực lãnh đạo của chi bộ được nâng lên, cán bộ, đảng viên đã kiên định về lập trường tư tưởng và phát huy vai trò tiên phong gương mẫu trong công tác. Trong năm 1969 và 6 tháng đầu năm 1970 toàn tỉnh kết nạp được 312 đảng viên, 291 đoàn viên lớp Hồ Chí Minh, thực lực cách mạng trong vùng địch kiểm soát không ngừng được củng cố và phát triển.

Công tác bồi dưỡng, đào tạo cán bộ cho các cấp, các ngành và địa phương được quan tâm. Tuy còn gặp nhiều khó khăn, nhưng tỉnh đã mở trường Đảng, trường văn hóa nghiệp vụ chuyên môn ngắn hạn cho cán bộ cơ sở. Vì vậy, đội ngũ cán bộ không ngừng được tăng cường, số cán bộ nữ và cán bộ dân tộc ít người ngày càng đông, bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng trên các mặt công tác.

Giữa lúc cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta đang giành được những thắng lợi quan trọng, thì ngày 2-9-1969 Chủ tịch Hồ Chí Minh qua đời. Đó là nỗi đau thương lớn nhất của toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta. Được tin Bác mất, Tỉnh ủy chỉ đạo các cơ quan, đơn vị và địa phương tổ chức trọng thể lễ truy điệu, học tập di chúc của Người, phát động phong trào thi đua biến đau thương thành hành động cách mạng, góp phần đưa sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước đến thắng lợi hoàn toàn, thực hiện hòa bình thống nhất nước nhà để thỏa lòng mong ước của Người.

Trong vùng địch kiểm soát, đồng bào tìm mọi cách lập bàn thờ tưởng niệm Bác, các chùa tổ chức lễ cầu siêu, nhiều cửa hiệu bán hạ giá nhang, đèn trong tuần lễ để tang Bác. Trước những việc làm công khai của quần chúng, bọn ngụy quân, ngụy quyền phải làm ngơ và không dám ngăn cản.

Học tập và thực hiện những lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại, toàn Đảng, toàn quân và toàn dân trong tỉnh tăng cường đoàn kết, vượt qua mọi khó khăn gian khổ, giành nhiều thắng lợi to lớn hơn nữa.

2-Đại hội Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng (cũ) lần thứ nhất.

Để tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và tiếp tục đưa phong trào cách mạng địa phương phát triển lên một bước mới, từ ngày 12 đến ngày 15-7-1970 Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng lần thứ nhất được tổ chức trọng thể tại B'Trú thuộc vùng căn cứ Bắc của tỉnh. Dự Đại hội có 57 đại biểu thay mặt cho trên 1.000 đảng viên trong tỉnh.

Đại hội Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng lần thứ nhất là một sự kiện chính trị có ý nghĩa quan trọng, đánh dấu bước trưởng thành của Đảng bộ sau 9 năm thành lập. Đại hội đánh giá những thắng lợi to lớn, toàn diện của phong trào cách mạng địa phương và biểu dương công lao to lớn của đồng bào các dân tộc ít người vùng căn cứ, góp phần xứng đáng trong việc xây dựng và bảo vệ căn cứ ngày càng vững mạnh, là nơi cung cấp sức người, sức của cùng phía trước đánh địch.

Đại hội thông qua Nghị quyết về phương hướng, nhiệm vụ trong thời gian tới, đề ra những nhiệm vụ cụ thể trên các mặt quân sự, chính trị, kinh tế, văn hóa xã hội, xây dựng căn cứ... Về công tác xây dựng Đảng, Nghị quyết Đại hội chỉ rõ: "Tiếp tục xây dựng chi bộ 4 tốt, đẩy mạnh phát triển đảng viên, đoàn viên đều khắp ở 3 vùng, nhất là vùng yếu, vùng ven và trong nội thị. Nhanh chóng hình thành cơ sở Đảng ở các địa bàn xung yếu quan trọng. Tăng cường công tác giáo dục, rèn luyện đảng viên..."(1)

(1) Trích Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng lần thứ nhất

Đại hội bầu Ban chấp hành Đảng bộ mới gồm 9 ủy viên chính thức và 2 ủy viên dự khuyết.

Sau Đại hội, Tỉnh ủy tổ chức đợt sinh hoạt chính trị trong các cơ quan, đơn vị để học tập Nghị quyết Đại hội, tiếp tục quán triệt thêm tinh thần Nghị quyết 9 của Trung ương cục. Yêu cầu của đợt sinh hoạt chính trị lần này là phải tạo được sự chuyển biến về nhận thức và hành động trong mỗi cán bộ đảng viên, chiến sĩ, phấn đấu thực hiện thắng lợi những nhiệm vụ mà Đại hội đã đề ra.

Từ giữa năm 1970, sau khi tiến hành chương trình "bình định cấp tốc" bị thất bại, Mỹ-ngụy chuyển sang thực hiện chương trình "bình định đặc biệt". Lực lượng quân Mỹ làm lá chắn bên ngoài để quân ngụy tiến hành bình định, xây dựng bên trong, kế hoạch bình định được tổ chức với quy mô lớn và toàn diện hơn.

Ở Lâm Đồng, địch mở các chiến dịch "Phượng hoàng", "Đồng tiền", "Vi dân", tổ chức các cuộc hành quân "đại bàng", "đại phong" nhằm đánh phá ta trên cả 3 vùng, 3 tuyến. Trên các tuyến đường hành lang, vùng bàn đạp, dọc đường 20 và ven ấp, chúng gài mìn thành từng bãi, từng tuyến, nhằm ngăn chặn lực lượng ta từ bên ngoài đột nhập vào ấp và cắt đứt sự liên lạc, tiếp tế của quân chúng bên trong đối với lực lượng bên ngoài. Từ tháng 5 đến tháng 9 năm 1970, địch tổ chức nhiều cuộc hành quân hỗn hợp gồm lực lượng cộng hoà, bảo an, cảnh sát, dân vệ vào các khu vực từ Trảng Bĩa, Kim Anh, Tân Lạc đến cầu Đại Nga, Thanh Xuân nhằm ngăn chặn các hoạt động của ta, củng cố lại bộ máy kèm tại chỗ và đánh phá cơ sở cách mạng bên trong. Đi đôi với các hoạt động trên, địch ra sức củng cố nguy quân, nguy quyền, ráo riết bắt lính, đồn quân, lập nhiều đơn vị mới để thay thế dân quân Mỹ, lập phân chi cảnh sát và ủy ban "Phượng Hoàng" xã, ấp.

Những âm mưu và hoạt động của địch đã gây cho ta nhiều khó khăn, tổn thất ở một số địa bàn, nhưng mặc khác, ta chưa kịp thời

đánh giá đúng tình hình để chuyển phương châm, phương thức hoạt động phù hợp hơn, chưa đẩy mạnh hoạt động vũ trang để hỗ trợ cho phong trào đấu tranh chính trị phát triển.

Sau khi quán triệt chỉ thị 01/71 của Thường vụ Trung ương Cục về nhiệm vụ đánh phá kế hoạch bình định của địch và Nghị quyết Hội nghị Khu ủy lần thứ 14, Tỉnh ủy Lâm Đồng ra Nghị quyết về phương hướng nhiệm vụ trong thời gian tới và nhiệm vụ cụ thể từng địa bàn.

Trong năm 1971, quân và dân tỉnh Lâm Đồng đã triển khai thực hiện bước 1 kế hoạch đánh phá bình định, phấn đấu hoàn thành những nhiệm vụ mà Nghị quyết Tỉnh ủy đề ra.

Về hoạt động quân sự, lực lượng vũ trang đánh địch 217 trận, loại khỏi vòng chiến đấu 2500 tên (có 174 tên Mỹ), bắn rơi 14 máy bay, phá hủy 38 xe quân sự. Tuy số lực lượng địch bị diệt chưa nhiều nhưng đã có những trận đánh ở thị xã, thị trấn đạt hiệu quả tốt, đánh trúng đối tượng kèm ở nông thôn. Các đơn vị vũ trang, đội công tác đột nhập 217 lần vào 41 ấp, sở, tập hợp được gần 9.000 lượt người để tuyên truyền chính sách của Đảng và Mặt trận.

Tiêu biểu cho phong trào thi đua trong lực lượng vũ trang tỉnh Lâm Đồng là đơn vị nữ pháo binh 8-3. Hơn hai năm xây dựng và trưởng thành, đơn vị đã đánh địch 50 trận, tiêu diệt gần 300 tên Mỹ-ngụy, phá hủy 50 xe quân sự, một máy bay L.19. Đơn vị được tặng thưởng huân chương chiến công hạng 3; Trung ương Hội liên hiệp phụ nữ giải phóng miền Nam tặng cờ luân lưu; 80 lượt cán bộ, chiến sĩ được tặng danh hiệu "Dũng sĩ diệt Mỹ", "Dũng sĩ diệt ngụy". Chiến công của đơn vị gắn liền với chiến công của anh hùng liệt sĩ Lê Thị Pha, thiếu úy, chính trị viên đơn vị. Tháng 5-1971, theo yêu cầu nhiệm vụ mới, đơn vị phân tán lực lượng để bổ sung vào các đội công tác, làm nhiệm vụ tuyên truyền vận động quần chúng, xây dựng cơ sở cách mạng bên trong vùng địch kiểm soát.

Phong trào đấu tranh chính trị trong năm 1971 đã có 94 cuộc đấu tranh với gần 15.000 lượt người tham gia. Nội dung chủ yếu của các cuộc đấu tranh là đòi dân sinh dân chủ, đòi tự do đi lại làm ăn, đòi bồi thường thiệt hại, chống bắt lính. Tiêu biểu nhất là cuộc đấu tranh của 3.000 đồng bào thị xã Blao từ ngày 22 đến ngày 25-5-1971, trong tháng 9-1971, đồng bào ở Đồng Lạc, Đa Dòn tổ chức 15 cuộc đấu tranh buộc địch phải phá 3 lô cốt, nhận bồi thường thiệt hại tính mạng và tài sản do chúng gây ra, đồng bào được tự do đi lại làm ăn.

Kết hợp với đấu tranh chính trị, công tác binh vận đã thuyết phục, giáo dục được 204 gia đình ngụy quân, ngụy quyền, phân phát hàng ngàn truyền đơn và bản chính sách của Mặt trận, kêu gọi binh lính bỏ ngũ về nhà làm ăn, kết quả có 265 binh lính đào rã ngũ, 451 dân vệ trả súng.

Những kết quả đạt được qua một năm thực hiện nhiệm vụ đánh phá bình định đã đưa phong trào cách mạng trong vùng địch kiểm soát phát triển lên một bước, thực lực cách mạng tại chỗ có 14 chi bộ với 96 đảng viên (chưa kể số đảng viên hoạt động đơn tuyến) 5 chi đoàn với 42 đoàn viên, 78 du kích mật, trên 670 cơ sở cách mạng.

Ở vùng căn cứ, cuộc vận động thực hiện 5 phong trào thi đua ngày càng thu được kết quả tốt, đồng bào tham gia các phong trào với khí thế sôi nổi, thể hiện quyết tâm xây dựng vùng căn cứ vững mạnh. Lực lượng dân quân du kích đánh địch 48 trận, diệt 287 tên, bắn rơi 13 máy bay. Phong trào tăng gia sản xuất có nhiều chuyển biến mới, đồng bào được hướng dẫn kỹ thuật canh tác, trông xen canh gối vụ nên năng suất tăng lên nhiều. Đồng bào còn tham gia phục vụ phía trước gần 10.000 ngày công, truy lùng biệt kích và cầm thêm 1,3 triệu cây chông trên các tuyến bố phòng.

Về công tác xây dựng Đảng, toàn Đảng bộ tiếp tục thực hiện cuộc vận động xây dựng chi bộ 4 tốt, rèn luyện phấn đấu trở thành



Anh hùng liệt sĩ Lê Thị Pha, Thiếu úy Chính trị viên đơn vị nữ
pháo binh 8/3

đảng viên 4 tới. Qua các đợt bình xét, Tỉnh ủy kịp thời uốn nắn những mặt còn yếu nhằm thực hiện tốt những yêu cầu và nội dung của cuộc vận động.

Giữa năm 1971, sau khi giải thể khu 10, để thống nhất sự chỉ đạo và mở rộng vùng căn cứ liên hoàn, Trung ương Cục quyết định giao phía Nam tỉnh Quảng Đức về tỉnh Lâm Đồng, bao gồm 2 huyện Khiêm Đức, Kiên Đức với 25.000 dân, 9 đồng chí Tỉnh ủy viên và Bí thư Ban cán sự huyện được bổ sung vào Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh.

Từ giữa năm 1971, Mỹ-ngụy chuyển sang kế hoạch "bình định phát triển" với nội dung tự vệ, tự quản, tự túc. Trên khắp 3 vùng chúng đều bị ta tấn công, lực lượng ngày càng bị tiêu hao, tinh thần ngày càng bị sa sút nghiêm trọng, bộ máy kèm ở cơ sở kém hiệu lực.

Ở Lâm Đồng, sau khi quân Mỹ rút khỏi địa phương, quân ngụy mất hẳn chỗ dựa nên càng tỏ ra hoang mang lo sợ, chúng thay đổi thủ đoạn hoạt động nhằm ngăn chặn lực lượng ta từ bên ngoài vào và khủng bố phong trào quần chúng bên trong. Ở các xã, địch thành lập cuộc canh sát, quân sự hóa và canh sát hóa bộ máy kèm ở cơ sở bằng cách tăng cường bọn sĩ quan quân đội hoặc canh sát xuống nắm những chức vụ chủ chốt trong bộ máy kèm, mở rộng mạng lưới tình báo nhân dân để theo dõi hoạt động của ta.

Quán triệt các Nghị quyết của Đảng về tình hình nhiệm vụ và chủ trương của Bộ chính trị mở cuộc tiến công chiến lược 1972, tháng 1-1972 Tỉnh ủy họp để kiểm điểm tình hình và đề ra nhiệm vụ của địa phương trong thời gian trước mắt. Tỉnh ủy tiến hành rà soát lại tình hình và thực lực ở các địa bàn, tăng cường cán bộ xuống các địa bàn trọng điểm. Các cấp ủy Đảng từ tỉnh đến cơ sở củng cố và kiện toàn tổ chức, bảo đảm lãnh đạo toàn diện các hoạt động theo phương thức "chiến dịch tổng hợp".

Trong năm 1972, phong trào cách mạng ở địa phương vẫn giữ thế chủ động tấn công địch, góp phần cùng các địa phương trong khu và toàn miền thực hiện được quyết tâm chiến lược của Đảng.

Về hoạt động quân sự, lực lượng vũ trang trong tỉnh đánh địch 321 trận, loại khỏi vòng chiến đấu trên 2.500 tên, phá hủy 45 xe quân sự, đột áp diệt ác phá kềm đưa 17 ấp với 7.500 dân lên thế làm chủ.

Phong trào đấu tranh chính trị có trên 20.000 lượt người tham gia 121 cuộc đấu tranh trong đó có 21 cuộc nhân dân kéo lên tỉnh, huyện đưa yêu sách. Nổi bật nhất là những cuộc đấu tranh của đồng bào các ấp Đa Dòn, Đồng Lạc, ấp 16, 17. Đồng bào các dân tộc ít người nhiều lần đấu tranh đòi bỏ khu tập trung trở về buôn làng cũ làm ăn.

Các hoạt động quân sự và phong trào đấu tranh chính trị đã có tác động lớn đối với công tác binh vận. Qua tuyên truyền vận động, có 5 trung đội dân vệ đào ngũ, 761 binh lính đào rã ngũ.

Ở vùng căn cứ, 5 phong trào thi đua vẫn được đẩy mạnh, nhất là các phong trào tăng gia sản xuất, du kích chiến tranh và phục vụ phía trước. Lực lượng dân quân du kích và đồng bào căn cứ tiếp tục củng cố các tuyến bố phòng và các tuyến vành đai bao vây địch, tổ chức 5 trận đánh địch căn quét và 72 lần truy lùng biệt kích, thám báo. Vùng căn cứ đã cơ bản giải quyết nhu cầu lương thực và có dự trữ, đồng bào K1, vùng 3 đóng đăm phụ và bán 4.537 xá lúa (tương đương 100 tấn) cho cách mạng. Theo yêu cầu của tỉnh và khu, đồng bào căn cứ tham gia 16.436 ngày công, vận chuyển 27.858 Kg hàng phục vụ các đơn vị phía trước.

Nhằm đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ mới của cách mạng, đầu năm 1972, Tỉnh ủy triển khai thực hiện chỉ thị 07/71 của Trung ương Cục và chỉ thị 44 của Khu ủy về công tác xây dựng Đảng. Qua một

năm thực hiện, toàn Đảng bộ có bước chuyển biến mới trong công tác xây dựng Đảng. Các chi bộ cơ quan và vùng căn cứ giữ được nề nếp sinh hoạt, lãnh đạo quần chúng thực hiện tốt nghị quyết của chi bộ, nhất là việc thực hiện 5 phong trào thi đua ở vùng căn cứ. Các chi bộ trong vùng địch kiểm soát từng bước nâng cao trình độ và năng lực lãnh đạo một số mặt công tác, thông qua việc phát triển thực lực cách mạng tại chỗ để lãnh đạo quần chúng đấu tranh chống địch. Do làm tốt công tác tuyên truyền, vận động quần chúng nên trong năm 1972 đã phát triển được 722 cơ sở cách mạng, trong đó có 19 đảng viên, 27 đoàn viên.

Những tháng cuối năm 1972, sau khi lật lọng trì hoãn việc ký Hiệp định Pari, đế quốc Mỹ tiếp tục gây thêm nhiều tội ác đối với nhân dân ta, tranh thủ thời gian đưa thêm vũ khí, phương tiện chiến tranh vào miền Nam. Trong khi đó, quân nguy tập trung lực lượng tiến hành các chiến dịch nhằm giành dân, chiếm đất, đối phó với các cuộc tấn công của ta và ngăn chặn quần chúng nổi dậy trước khi có Hiệp định Pari.

Ở Lâm Đồng, địch củng cố các chi khu, phân chi khu, cuộc canh sát và lập thêm nhiều đồn bốt. Trên đường 20 bố trí hai tiểu đoàn chốt giữ từ Di Linh đến An Lạc và khu vực Km 142 nhằm cắt đứt hành lang liên lạc giữa vùng căn cứ Nam và căn cứ Bắc của ta. Với âm mưu giành dân chiếm đất, chúng đưa dân đến lần chiếm vùng Tân Rai, đưa dân các nơi khác đến định cư dọc đường 20.

Chấp hành chỉ thị 01/CT 73 của Trung ương Cục về tình hình nhiệm vụ mới, đẩy mạnh hoạt động nhằm đánh bại âm mưu giành dân chiếm đất của địch trước khi có Hiệp định Pari, Tỉnh ủy Lâm Đồng chủ trương đưa phần lớn lực lượng vũ trang, dân quân du kích và các cơ quan tỉnh, huyện ra phía trước phối hợp hoạt động theo "kế hoạch thời cơ". Trước khi có Hiệp định Pari, quân và dân trong tỉnh đẩy mạnh hoạt động trên các địa bàn, đánh địch 63 trận,

diệt 212 tên, bắn rơi 6 máy bay, phá hủy 43 xe quân sự. Ta đã làm chủ hoàn toàn 8 ấp, 3 sở, đồn điền và 7 đoạn trên đường 20, đường 14 làm gián đoạn giao thông, âm mưu giành dân chiếm đất của địch bị thất bại. Với thắng lợi đó, quân và dân trong tỉnh không những giữ vững và mở rộng thêm vùng giải phóng mà còn tạo thế tấn công địch sau khi Hiệp định Pari được ký vào ngày 27-1-1973, góp phần cùng toàn miền từng bước đánh bại chiến lược "Việt Nam hóa" chiến tranh của đế quốc Mỹ.

II. Đảng bộ Tuyên Đức lãnh đạo nhân dân giữ vững thế tiến công chiến lược, đẩy mạnh phong trào thi xã Đà Lạt.

1) Tiếp tục tấn công tiêu diệt địch, đưa phong trào địa phương lên một bước mới (từ đầu 1969 đến tháng 6-1970).

Thắng lợi của quân và dân trong tỉnh giành được trong các cuộc tiến công và nổi dậy năm 1968 đã đưa phong trào cách mạng địa phương phát triển lên một bước mới, làm thất bại âm mưu và hành động của địch, đẩy chúng vào thế phòng ngự, bị động đối phó. Sau khi thực hiện chiến lược "quét và giữ", Mỹ-ngụy chuyển sang thực hiện chương trình bình định trong chiến lược "Việt Nam hóa" chiến tranh.

Từ năm 1969, địch tiếp tục dồn dân ở những vùng nông thôn xa đường giao thông, xa đồn bốt vào các khu tập trung để dễ kiểm soát và cắt đứt liên lạc giữa lực lượng ta ở bên ngoài với cơ sở cách mạng bên trong. Chúng đưa lực lượng bảo an, các đoàn bình định xuống các ấp để củng cố bộ máy kèm đã bị suy yếu, hoạt động kém hiệu lực; đồng thời thành lập các tổ chức phản động, phát triển điệp ngầm bí mật theo dõi hoạt động của ta và đánh phá cơ sở cách mạng bên trong. Trong năm 1969, địch tiến hành bình định có trọng điểm các xã Xuân Trường, Xuân Thọ trên đường 11 xã Hiệp Thạnh trên đường 20, các ấp Lạc Xuân, Lạc Bình trên đường 21, Quảng Hiệp, Nghĩa Hiệp ở phía Nam sông Đa Nhim và các ấp Gia Thạnh, Cội

Yu, Ngọc Sơn, Lạc Sơn trên đường 21 kéo dài. Đó là những địa bàn ta đã đưa lên làm chủ và tranh chấp mạnh. Toàn bộ số dân vùng K67 bị địch dồn vào các khu tập trung Ka Đơn, Ka Đô, PRố. Chúng còn đưa bon thám báo, biệt kích bí mật lườn sâu vào vùng bàn đạp, hậu cứ của ta rồi bất ngờ tập kích các cơ quan đơn vị, kho tàng gây cho ta nhiều tổn thất.

Qua một năm tập trung lực lượng của các cơ quan đơn vị hoạt động ở phía trước, nên mùa rẫy năm 1968 ta không sản xuất được lương thực. Cuối năm 1968, các cơ quan của tỉnh và một số đơn vị chuyển sang phía Đông Nam huyện Đơn Dương giáp với căn cứ phía Tây tỉnh Ninh Thuận để giải quyết khó khăn về lương thực.

Tháng 12-1968, Tỉnh ủy họp kiểm điểm, đánh giá tình hình phong trào cách mạng địa phương trong năm 1968 và đề ra phương hướng nhiệm vụ của địa phương trong Đông Xuân 1968-1969. Nhiệm vụ trọng tâm là giữ cho được số dân mới giải phóng và số dân đã đưa lên làm chủ, đồng thời mở thêm các hướng sát trực giao thông. Để phát huy được hiệu quả chiến đấu và giữ gìn lực lượng, Tỉnh ủy chủ trương chuyển các đơn vị bộ binh lên đánh theo chiến thuật của bộ đội đặc công, đồng thời giao nhiệm vụ cụ thể cho từng đơn vị trong đợt hoạt động.

Thực hiện Nghị quyết Tỉnh ủy, lực lượng vũ trang trong tỉnh ta sức khắc phục khó khăn, liên tục hoạt động đánh địch trên các địa bàn. Ở thị xã Đà Lạt, các đội biệt động tập kích cư xá Lam Sơn diệt 40 tên địch, diệt gọn 2 đại đội chốt giữ phía Tây thị xã. Ở huyện Đơn Dương, tiểu đoàn 145 tập kích cứ điểm M Lơn và đánh bon địch dòn chi viện diệt 130 tên, đại đội 815 đánh địch đóng dã ngoại ở suối Thông B diệt 100 tên. Trên địa bàn Đức Trọng, Lạc Dương, tiểu đoàn 810, đại đội 870 và các đội công-tác đánh địch trên đường 20, đường 11, pháo kích chi khu Đức Trọng, đánh đồn Định An. Trong đợt hoạt động Đông Xuân 1968-1969, quân và dân trong tỉnh

đã loại khỏi vòng chiến đấu trên 2.000 tên địch, phá hủy 18 xe quân sự, 8 máy bay, 7 kho súng đạn, đốt cháy 2 triệu lít xăng.

Tháng 4 năm 1969, Tỉnh ủy họp đánh giá những thắng lợi đã giành được, đồng thời chỉ ra những mặt còn yếu trong hoạt động quân sự là chưa có những trận đánh lớn, đánh chưa gọn, đánh đối tượng kèm và diệt ác còn ít, chưa giữ được dân nên để số dân vùng K67, Nam Ban, Hoạt, Rióng Tô bị địch dồn về các khu tập trung, áp chiến lược. Hội nghị đề ra nhiệm vụ trong thời gian tới là: Phải giành về ta vùng ven thị xã, vùng yếu nông thôn, mở rộng địa bàn nông thôn và chuyển phong trào thị xã lên một bước, gấp rút xây dựng lực lượng ta lớn mạnh về mọi mặt.

Để thực hiện thắng lợi những nhiệm vụ trên, Tỉnh ủy chỉ đạo các cơ quan, đơn vị làm tốt công tác giáo dục chính trị tư tưởng. Lực lượng vũ trang trong tỉnh khẩn trương củng cố lực lượng, thay đổi phương thức hoạt động cho phù hợp với tình hình địa phương. Bộ đội địa phương tỉnh, huyện, các đội công tác học tập kỹ chiến thuật của bộ đội đặc công, công tác vũ trang tuyên truyền và xây dựng cơ sở cách mạng trong vùng địch kiểm soát. Các đơn vị đặc công, biệt động được bồi dưỡng về phương thức hoạt động, học tập những cách đánh hay, những trận đánh giỏi của các địa phương khác nhằm nâng cao hiệu quả chiến đấu.

Qua học tập, lực lượng vũ trang trong tỉnh đã nâng cao trình độ kỹ chiến thuật, liên tục hoạt động tấn công địch, tiêu diệt được nhiều sinh lực, phá hủy nhiều phương tiện chiến tranh. Ở thị xã Đà Lạt, các đơn vị phối hợp tập kích nhiều vị trí quan trọng như trường Võ bị, Đại học chính trị, sân bay Cam Ly, khu cư xá Mỹ. Đặc biệt là hai trận tập kích của tiểu đoàn 810 vào trường Cảnh sát dã chiến đêm 7-9-1969 diệt gần 600 tên và trường Cảnh sát cơ bản đêm 7-12-1969 diệt 500 tên, phá hủy nhiều nhà cửa, lô cốt và phương tiện chiến tranh của địch ở vùng nông thôn, tiểu đoàn 145

và các đơn vị bộ đội địa phương tỉnh, huyện phối hợp đánh chi khu Đức Trông, sân bay Liên Khương, các đồn Quảng Hiệp, Nghĩa Lâm, Kim Phát, đánh lực lượng kèm ở các ấp Ka Đô, Nghĩa Hiệp. Suối Thông B. Nhiều đoàn bảo an xuống các ấp hỗ trợ bộ máy kèm bị ta tấn công tiêu diệt, các đoàn "bình định" tăng cường cho xã, ấp chỉ dám hoạt động ban ngày, ban đêm phải rút về các đồn bốt, thị trấn. Các đơn vị vừa đột ập diệt ác phá kềm, vừa kết hợp vũ trang tuyên truyền, một số ấp trước đây không vào được, nay đột nhập có kết quả như Phú Hội, Phú Thạnh, thị trấn Tùng Nghĩa... Trong năm 1969, lực lượng vũ trang trong tỉnh đánh địch 266 trận, đột ập 120 lần, loại khỏi vòng chiến đấu 995 tên.

Thắng lợi về hoạt động quân sự của ta đã làm cho tinh thần nguy quân, nguy quyền ngày càng sa sút nghiêm trọng. Nhiều gia đình nguy quân sau khi được ta tuyên truyền, giáo dục đã viết thư gọi con em trở về nhà làm ăn. Trong năm 1969 có 1150 lính bảo an, dân vệ và 3 trung đội phòng vệ dân sự đào rã ngũ.

Phong trào đấu tranh chính trị ở địa phương tuy chưa có những cuộc đấu tranh lớn, nhưng ở nhiều nơi đã có những cuộc đấu tranh đòi dân sinh dân chủ chống đồn dân lập ấp, đòi tự do đi lại làm ăn, chống bắt lính, làm cho địch không thực hiện được những âm mưu và kế hoạch đề ra. Ngày 23-4-1969 được tin lực lượng biệt động đánh mìn tại khách sạn Ngọc Lan tiêu diệt 50 tên Mỹ, hơn 3.000 nhân dân Đà Lạt kéo đến xem xác những tên Mỹ, đồng bào vừa khen ngợi, khâm phục cách đánh dũng cảm, thông minh của chiến sĩ ta vừa lên tiếng hù dọa bọn địch làm cho chúng càng hoang mang lo sợ.

Song song với việc chỉ đạo phong trào ở phía trước, Tỉnh ủy chú trọng công tác xây dựng Đảng và công tác giáo dục chính trị tư tưởng. Đến tháng 6-1969, toàn Đảng bộ đã triển khai kế hoạch thực hiện chỉ thị 41 của Trung ương Cục về công tác xây dựng Đảng. Các

chi bộ trong vùng địch kiểm soát vừa lãnh đạo quần chúng tấn công địch bằng ba mũi, vừa xây dựng thực lực cách mạng tại chỗ để làm nòng cốt cho phong trào.

Về công tác phát triển Đảng, Tỉnh ủy tập trung vào những thành phần cơ bản và các địa bàn quan trọng. Chỉ tính trong 6 tháng đầu năm 1969, toàn tỉnh kết nạp 152 đảng viên lớp Hồ Chí Minh, trong đó có 76 đảng viên ở các xã, phường (riêng thị xã Đà Lạt kết nạp được 48 đảng viên). Công tác phát triển Đảng được chỉ đạo chặt chẽ, có phương hướng và kế hoạch cụ thể nên vừa bảo đảm số lượng, vừa nâng cao chất lượng.

Thực hiện chỉ thị 136 của Trung ương Cục và Nghị quyết Hội nghị Khu ủy (tháng 1-1970) về nhiệm vụ trong thời gian trước mắt, đặc biệt là trong đợt hoạt động Xuân-Hè (lấy tên là đợt TK), Tỉnh ủy Tuyên Đức xác định quyết tâm: Đẩy mạnh hoạt động quân sự, chính trị nhằm mở rộng vùng làm chủ ở nông thôn và đưa phong trào thị xã Đà Lạt phát triển lên một bước. Để tiện việc chỉ đạo huyện trọng điểm Đức Trọng và thị xã Đà Lạt, các cơ quan của tỉnh lại chuyển hậu cứ về địa bàn huyện Đức Trọng.

Bước vào Xuân-Hè 1970, Khu ủy 6 sát nhập K67 vào huyện Đơn Dương, chọn tỉnh Tuyên Đức làm trọng điểm trong đợt hoạt động. Quân khu điều tiểu đoàn đặc công 200 C lên phối hợp với tiểu đoàn 145 và lực lượng vũ trang tỉnh để tấn công tiêu diệt địch. Tháng 1-1970, tiểu đoàn 200 C tập kích tiểu khu Đơn Dương, diệt 200 tên địch; tiểu đoàn 145 đánh sân bay Liên Khương và các đồn Kim Phát, Xê Ri Nhắc. Ở Đà Lạt, tiểu đoàn 810 pháo kích vào tiểu khu, sân bay Cam Ly; các đội biệt động, du kích mật tập kích trường Đại học chính trị, diệt gần 200 tên (phần lớn là sĩ quan), đêm 19-2-1970 đánh mìn tại khách sạn Ngọc Lan diệt 38 tên (có 20 tên Mỹ), 18 tên khác bị thương và đánh vào trung tâm vô tuyến viễn thông, phá hủy 16 máy vô tuyến điện.

Đầu tháng 5-1970, ngụy quyền Sài Gòn cử một phái đoàn quân sự lên Tuyên Đức để nghiên cứu tình hình và triển khai kế hoạch đối phó với các hoạt động của ta. Tại các cứ điểm và những vị trí quan trọng, chúng tăng cường thêm vật chướng ngại, hệ thống ánh sáng bảo vệ xung quanh. Ở vòng ngoài, địch đưa lực lượng bảo an, dân vệ ra phục kích các hướng ta thường đột nhập. Nhưng mọi âm mưu và thủ đoạn của địch vẫn không xoay chuyển được tình hình, càng làm tăng thêm sự căng thẳng, lo sợ cho bọn ngụy quân, ngụy quyền.

Chấp hành mệnh lệnh của Miền, Quân khu 6 mở đợt hoạt động trên một diện rộng để phối hợp với các chiến trường. Quyết tâm thực hiện những nhiệm vụ Quân khu giao cho địa phương, Tỉnh ủy chỉ đạo lực lượng vũ trang khẩn trương chuẩn bị lực lượng, triển khai phương án chiến đấu. Cuối tháng 5-1970, chiến dịch TK (1) tấn công vào Đà Lạt được thực hiện trên ba hướng:

Ở hướng chủ yếu, từ phía Đông Bắc đánh vào trường Võ bị, Trung tâm võ tuyến viễn thông, Lữ quán thanh niên, dinh Thị trưởng, Tỉnh đoàn Bảo an.

Trên hướng thứ yếu 1, từ phía Nam đánh vào dinh 2, trại Cao Thắng, trận địa pháo Tân Lạc.

Hướng thứ yếu 2, từ phía Tây Bắc đánh chiếm lãnh địa Đức Bà, Đa Cát, đồi Đất Đỏ.

Riêng 2 đại đội của tiểu đoàn 145 bố trí đoạn đèo Pren đánh địch đến chi viện cho Đà Lạt.

Đúng 18 giờ ngày 28-5-1970, các đơn vị đồng loạt nổ súng tấn công địch trên 3 hướng. Ở hướng chủ yếu, các đơn vị chia làm ba

(1) TK là chiến dịch tập kích chiến lược.

mũi đánh chiếm các mục tiêu đã định: Mũi 1 đã đánh vào trường Võ Bị nhưng không dứt điểm, sáng ngày 29-5 phải rút ra ngoài. Mũi 2 đứng ở ấp Đa Thiện dùng súng cối, đại liên bắn yểm trợ cho mũi 3 còn mũi thứ 3 thọc sâu đánh các mục tiêu bên trong rồi chiếm giữ khu vực Giáo hoàng chủng viện, đánh địch phản kích suốt ngày 29-5, diệt một đại đội địch và tiêu hao 2 đại đội khác. Tối ngày 30-5 mới chuyển ra ấp Đa Thiện cùng với mũi 2 đánh địch phản kích. Sáng ngày 31-5 lực lượng ta mới rút ra khỏi thị xã.

Ở hướng thứ yếu 1, các đơn vị đánh vào dinh 2 và trại Cao Thắng nhưng không dứt điểm, phải rút ra ngoài dùng hỏa lực bắn vào trận địa pháo Tân Lạc. Tại đèo Pren, hai đại đội của tiểu đoàn 145 đánh địch đến chi viện, diệt một đại đội, phá hủy 3 xe quân sự.

Ở hướng thứ yếu 2, mũi 1 vào khu vực đồi Đất Đỏ bị địch ném bom, phản kích ác liệt nên phải rút ra, mũi 2 trụ lại lãnh địa Đức Bà đánh lui 8 đợt phản kích của địch, diệt gọn 1 đại đội, đánh thiệt hại nặng một đại đội khác, đến tối 29-5 rút ra ngoài.

Phối hợp với các hướng tiến công, du kích mật đánh mìn nhiều vị trí trong thị xã, tiêu diệt một số sinh lực địch. Được sự hướng dẫn của cơ sở cách mạng tại chỗ, nhân dân ở 10 ấp đã nổi dậy phối hợp; vừa cùng bộ đội truy kích địch, diệt ác ôn, giải trang phòng vệ dân sự, tiếp tế lương thực thực phẩm cho bộ đội, vừa dựng vật chướng ngại trên đường phố, phá trụ sở nguy quyền, kêu gọi dân vệ, phòng vệ dân sự bỏ súng.

Trong chiến dịch TK, các đơn vị tiến công 23 mục tiêu, diệt gần 1.000 tên địch, phá hủy 17 xe quân sự, 7 khẩu pháo, phần lớn bộ máy kèm, tề điệp bị tiêu diệt hoặc tan rã. Tuy lực lượng ta có ít hơn so với cuộc tổng tiến công và nổi dậy đầu xuân 1968, nhưng các đơn vị đều đánh theo chiến thuật đặc công, có quyết tâm cao, có kinh nghiệm trong chỉ huy và hợp đồng chiến đấu, phối hợp được

giữ gìn công quân sự và nổi dậy của quần chúng nên giành được thắng lợi lớn.

Chiến dịch TK không những có ý nghĩa lớn đối với phong trào cách mạng địa phương mà còn có ảnh hưởng đến các địa phương trong Khu và toàn Miền. Trong lúc Mỹ-ngụy đang rêu rao là đã đánh bại chủ lực "Việt cộng" ra khỏi miền Nam, thì ở Đà Lạt quân và dân ta tiến công nhiều vị trí quan trọng và trụ lại ngay tại sào huyệt của chúng. Dư luận thế giới ca ngợi thắng lợi và ý nghĩa to lớn của chiến dịch. Báo thế giới (Pháp) cho rằng "diễn biến và kết quả cuộc tiến công Đà Lạt là một thí dụ nổi bật nhất từ trước đến nay của sự phối hợp hành động giữa những bộ phận tiến công từ bên ngoài và những bộ phận đã xâm nhập vào bên trong thành phố". Tờ Nhân đạo (Pháp) viết "chiến công Đà Lạt nhắc nhở bọn ngụy quyền Sài Gòn biết tình thế của chúng núp dưới bóng quan thầy Mỹ là mỏng manh biết chừng nào".

Cùng với hoạt động vũ trang, phong trào đấu tranh chính trị ở Đà Lạt đã có nhiều cuộc đấu tranh đòi dân sinh dân chủ, chống khủng bố đàn áp, chống bắt lính. Hưởng ứng phong trào đấu tranh của học sinh, sinh viên Sài Gòn và các thành thị ở miền Nam, ngày 26-4-1970 hơn 700 sinh viên Viện Đại học Đà Lạt tổ chức hội thảo, bài khóa để phản đối chính quyền Sài Gòn đàn áp học sinh sinh viên, đòi quyền tự trị Đại học, lên án Mỹ-ngụy cùng chính quyền Lon Non đàn áp việt kiều ở Cam Pu Chia. Tháng 7-1970 sinh viên lại đấu tranh chống chủ trương "quân sự hóa học đường" của Mỹ-ngụy. Lực lượng đấu tranh kéo đến phòng huấn luyện quân sự học đường đuổi 6 tên sĩ quan ngụy, gỡ bảng hiệu treo trước phòng, đốt toàn bộ hồ sơ và một hình nộm mang quân phục "quân sự học đường".

Từ cuộc tiến công và nổi dậy đầu xuân 1968 đến giữa năm 1970, phong trào cách mạng ở Tuyên Đức tiếp tục giữ vững thế tiến công,

tiêu hao, tiêu diệt một bộ phận lớn sinh lực địch, phá hủy nhiều phương tiện chiến tranh. Phong trào tại thị xã Đà Lạt đã có bước chuyển biến mới kết hợp được hai chân ba mũi, đánh địch ngay tại sào huyệt của chúng.

Tuy nhiên, phong trào phát triển chưa đều trên các địa bàn, chưa phá được âm mưu và thủ đoạn của địch. phong trào đấu tranh chính trị, công tác binh vận chưa đều, chưa mạnh, thực lực cách mạng tại chỗ phát triển chậm, lực lượng du kích mật ở nông thôn hoạt động yếu. Trong khi đó, lực lượng vũ trang bị tổn thất chưa được bổ sung, lương thực thường xuyên gặp khó khăn nên ảnh hưởng đến hoạt động của các đơn vị và sự phát triển của phong trào cách mạng địa phương.

2-Đại hội Đảng bộ tỉnh Tuyên Đức lần thứ nhất:

Giữa lúc toàn Đảng, toàn quân và toàn dân trong tỉnh vừa giành được thắng lợi trong đợt hoạt động Xuân-Hè 1970, Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Tuyên Đức lần thứ nhất được tiến hành trọng thể từ ngày 10 đến ngày 13-7-1970. Về dự đại hội là những đại biểu ưu tú thay mặt cho gần 1.000 đảng viên trong toàn Đảng bộ.

Đại hội kiểm điểm sự lãnh đạo của Đảng bộ đối với phong trào cách mạng địa phương trong 9 năm qua, biểu dương những thành tích mà Đảng bộ và nhân dân đã giành được nhất là từ cuộc tổng tiến công và nổi dậy đầu xuân 1968 đến giữa năm 1970.

Trên cơ sở phân tích, đánh giá tình hình địch, ta ở địa phương, Đại hội ra nghị quyết xác định phương hướng, nhiệm vụ trong thời gian tới là: "Tích cực đẩy mạnh tấn công vũ trang, chính trị, binh vận của tất cả các lực lượng bên trong và bên ngoài, ở cả thành phố và nông thôn nhằm diệt và làm tan rã đại bộ phận lực lượng nguy quân, làm suy yếu và làm giảm hiệu lực nguy quyền bên trên, đánh sụp đại bộ phận nguy quyền cơ sở. Nhiệm vụ trọng tâm là đánh phá bình định, phá ấp phá kèm, giành dân mở vùng nhằm làm thất bại

về cơ bản âm mưu bình định của địch" (1). Đại hội thông qua yêu cầu nhiệm vụ cụ thể 5 công tác chính là: công tác quân sự; công tác dân vận; công tác vùng ven, vùng yếu; công tác đô thị và công tác tư tưởng, tổ chức.

Đại hội bầu ban chấp hành Đảng bộ mới gồm 11 ủy viên, đồng chí Huỳnh Minh Nhứt được bầu lại làm bí thư Tỉnh ủy.

Sau Đại hội, Tỉnh ủy tổ chức đợt sinh hoạt chính trị trong các cơ quan, đơn vị để quán triệt Nghị quyết Đại hội Đảng bộ, tiếp tục quán triệt tinh thần Nghị quyết 9 của Trung ương Cục, khẩn trương củng cố lực lượng và chuẩn bị bước vào đợt hoạt động mới.

Từ sau chiến dịch TK tấn công vào Đà Lạt của quân và dân ta, quân địch ở Tuyên Đức tiến hành nhiều âm mưu, thủ đoạn mới nhằm đối phó với các hoạt động của ta và đánh phá phong trào cách mạng bên trong. Để tăng cường lực lượng cho quân nguy ở Tuyên Đức, địch đưa 3 tiểu đoàn bộ binh và một chi đội xe bọc thép đến phối hợp mở chiến dịch "Nguyễn Trãi", càn quét khu vực Tây Nam Đà Lạt, khu tam giác và dọc các đường giao thông quan trọng. Ở vùng nông thôn, địch tiến hành bình định có trọng điểm, sau đó mở rộng ra các vùng xung quanh theo phương thức vết dâu loang, tăng cường gài mìn và phục kích ven ấp, trang bị thêm vũ khí cho bốn phòng vệ dân sự. Xung quanh Đà Lạt chúng bố trí 3 tuyến mìn ở phía Tây, Tây Nam và Tây Bắc để ngăn chặn lực lượng ta từ bên ngoài đột nhập vào bên trong thị xã.

Hoạt động của địch trong những tháng cuối năm 1970 đã gây cho ta nhiều khó khăn tổn thất. Trên các tuyến hàng lạng, bàn đạp, địch đánh phá mạnh nên việc vận chuyển lương thực, vũ khí gặp

(1) Trích: Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Tuyên Đức lần thứ nhất. Tài liệu lưu trữ số 15-I/V8.

Hoạt động của địch trong những tháng cuối năm 1970 đã gây chota nhiều khó khăn tổn thất. Trên các tuyến hàng lang, bàn đạp, địch đánh phá mạnh nên việc vận chuyển lương thực, vũ khí gặp nhiều khó khăn. Nhiều cơ sở sản xuất của các cơ quan đơn vị bị địch phá hoại nên thu hoạch không đáng kể. Ở thị xã Đà Lạt và các ấp vùng nông thôn bị địch khống chế, kiểm soát chặt chẽ nên nhân dân không tiếp tế được cho lực lượng bên ngoài.

Trước tình hình địa phương, có nhiều khó khăn ác liệt, Tỉnh ủy chỉ đạo các cơ quan, đơn vị tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho cán bộ, đảng viên, chiến sĩ xác định quyết tâm bám địa bàn, bám quần chúng để giữ vững phong trào cách mạng.

Trong năm 1970, lực lượng vũ trang trong tỉnh đánh địch 341 trận, loại khỏi vòng chiến đấu trên 5.500 tên (có 333 tên Mỹ và chư hầu, 727 tên sĩ quan ngụy), diệt gọn 8 đại đội, 10 trung đội, tiêu hao nặng 7 đại đội, một đoàn binh định, bắn rơi và phá hủy 17 máy bay, phá hỏng 162 xe quân sự.

Hoạt động quân sự đã có tác động hỗ trợ quần chúng nhân dân nổi dậy giành quyền làm chủ với nhiều mức độ khác nhau ở các ấp Tự Tạo, Sào Nam, Phước Thành (ngoại ô Đà Lạt), Phú Thuận, Lạc Xuân, Lạc Bình (Đơn Dương), Định An, Quảng Hiệp, Côi Ya, Gia Thạnh (Đức Trọng), và Xuân Sơn, Đất Làng (Xuân Trường) với gần 3.000 dân, đưa lên tranh chấp khoảng 11.000 dân và làm lỏng rã kèm ở 30 ấp với trên 10.000 dân. Ngoài ra còn xây dựng được các lăm chính trị ở các ấp An Hòa, Đa Hòa, Võ Tánh, Đa Cát, Sào Nam, Tây Hồ, Thái Phiên, Đa Phú (Đà Lạt), Định An (Hiệp Thạnh).

Thực hiện chỉ thị 01/CT71 của Trung ương Cục và Nghị quyết hội nghị lần thứ 14 của Khu ủy 6 về nhiệm vụ đánh phá kế hoạch bình định của địch, Hội nghị Tỉnh ủy Tuyên Đức (tháng 3-1971) nêu

thực cơ sở, giành quyền làm chủ ở ấp, xã, phá rã hệ thống phòng thủ của địch ở nông thôn, mở rộng phong trào đô thị, giữ vững và tăng cường các địa bàn căn cứ, các bản đấp, hành lang nhằm tạo ra thế và lực mới trên cả 3 vùng.

Trên cơ sở đánh giá tình hình địch, ta và thực lực cách mạng trên các địa bàn, Hội nghị quyết định điều chỉnh, sắp xếp và bố trí lực lượng vũ trang trong tỉnh cho phù hợp với tình hình nhiệm vụ mới. Huyện Đức Trọng có 3 đại đội là 816, 805 và 809, huyện Đơn Dương có 3 đại đội: 815, 814, và 830; thị xã Đà Lạt có 4 đội biệt động: 850, 852, 854 và 860 và 2 đại đội 820 và 870; giải thể huyện ủy và huyện đội Lạc Dương, chỉ để lại xã căn cứ và một đội công tác tập trung xây dựng phong trào ở 2 ấp chiến lược Tiếng Liêng và Đa Ra Hoa, còn các xã Xuân Thọ, Xuân Trường, một đội công tác và đại đội 870 giao cho thị xã Đà Lạt; lực lượng vũ trang tập trung của tỉnh chỉ còn tiểu đoàn 810 và một đại đội đặc công. Tỉnh ủy chỉ đạo lực lượng vũ trang tiếp tục huấn luyện và đánh theo chiến thuật của bộ đội đặc công; phát động phong trào rà phá, gỡ mìn địch; lấy mìn địch đánh địch; thực hiện ba bám: bám địch, bám ấp, bám dân.

Từ tháng 3-1971, cả 3 thứ quân tập trung vào nhiệm vụ đánh phá kế hoạch bình định, thường xuyên bám sát địa bàn hoạt động, lập thế đánh địch theo mục tiêu và đối tượng được phân công. Các đơn vị phối hợp đánh địch tại chi khu Đức Trọng, khu tập trung Dăm Pao, Rơ Lơm, Đồn Khút và quần bám đánh nhỏ, lẻ trên các trục đường giao thông. Trong năm 1971, lực lượng vũ trang trong tỉnh đánh địch 359 trận, loại khỏi vòng chiến đấu trên 2.300 tên, phá hủy nhiều phương tiện chiến tranh.

Trước tình hình địch tiến hành bình định với nhiều thủ đoạn thâm độc, xảo quyệt, tập trung đánh phá ác liệt nên phong trào cách mạng địa phương phát triển chậm, thực lực cách mạng tại chỗ yếu, đường hành lang từ các huyện về tỉnh nhiều lần bị cắt đứt, cơ sở chính trị và du kích mật bên trong bị vỡ nhiều. Đến cuối năm 1971, địch kèm kẹp dân chặt hơn trước, vùng làm chủ của ta chỉ còn 763 dân, vùng tranh chấp còn trên 4.200 dân, vùng lỏng rãi kèm còn 3.900 dân và vùng căn cứ huyện Lạc Dương cũng chỉ còn 316 dân.

Tuy vậy, hoạt động quân sự trong năm 1971 vẫn có tác động hỗ trợ phong trào đấu tranh chính trị phát triển. Ở một số vùng nông thôn, cơ sở cách mạng bên trong lãnh đạo quần chúng đấu tranh đòi giải quyết đời sống, chống bắt lính. Từ ngày 21 đến 23-9-1971, đồng bào ở Soan, Cô Hia, Đa Huynh, Phú Hội, Tùng Nghĩa (Đức Trọng) kéo lên quận đòi thả 32 thanh niên bị bắt lính, trước sức mạnh của quần chúng, địch phải thả những người bị bắt. Đồng bào ở Quảng Hiệp, Ka Đô (Đơn Dương) tiến hành ba cuộc đấu tranh đòi địch bồi thường thiệt hại về người và tài sản do chúng gây ra.

Tiêu biểu cho phong trào đấu tranh chính trị trong năm 1971 là cuộc đấu tranh của hàng ngàn nhân dân Đà Lạt từ 28-9 đến ngày 31-10 năm 1971 chống cuộc bầu cử độc diễn của chính quyền Nguyễn văn Thiệu. Trước khi phát động cuộc đấu tranh, thị ủy Đà Lạt chỉ đạo cơ sở cốt cán hoạt động trong các tổ chức công khai hợp pháp như: Mặt trận nhân dân tranh thủ hòa bình, Phong trào phụ nữ đòi quyền sống, Mặt trận bảo vệ văn hóa dân tộc, Đoàn sinh viên Phật tử và Tổng đoàn học sinh Đà Lạt, để thống nhất nội dung và chương trình đấu tranh. Đêm 27-9, tại chùa Linh Sơn, học sinh sinh viên tổ chức cuộc hội thảo với chủ đề "Sinh viên, học sinh trước hiện tình của đất nước" nhằm vạch trần bản chất độc tài phát xít của chính quyền Nguyễn văn Thiệu, đòi dân sinh dân chủ, đòi hòa bình, chấm dứt chiến tranh.

Sáng 28-9, Ban lãnh đạo các tổ chức công khai ở Đà Lạt tổ chức cuộc hội thảo "Nhận định về cuộc bầu cử độc diễn ngày 3-10". Tham gia cuộc hội thảo còn có đại diện Mặt trận nhân dân tranh thủ hòa bình thành phố Sài Gòn, phong trào học sinh, sinh viên Sài Gòn, giáo hội phật giáo và một số ký giả các báo. Những người dự hội thảo phản đối trò hề bầu cử bịp bợm của Mỹ-Thiệu, đốt thẻ cử tri, các bích chương cổ động cuộc bầu cử, thành-lập "Ủy ban nhân dân Đà Lạt-Tuyên Đức chống bầu cử bịp bợm ngày 3-10" và ra bản tuyên bố chung. Bản tuyên bố lên án cuộc bầu cử độc diễn ngày 3-10 là một âm mưu của Mỹ nhằm duy trì chế độ độc tài hiếu chiến để thực hiện "Việt Nam hóa" chiến tranh, đòi hủy bỏ cuộc bầu cử, đòi Mỹ rút về nước, trả lại quyền tự quyết cho đồng bào miền Nam và kêu gọi các tầng lớp nhân dân cùng nhau đoàn kết, hưởng ứng cuộc đấu tranh chống bầu cử, chống chính quyền Nguyễn Văn Thiệu. Trước trụ sở của Ủy ban căng nhiều biểu ngữ với nội dung: "Muốn ấm no, lo đuổi Mỹ, có độc lập, đập Thiệu-Hương", "Mỹ-Thiệu còn, chiến tranh còn"...

Tối 28-9, tại chùa Linh Sơn, khoảng 100 học sinh sinh viên tổ chức đêm không ngủ, hát những bài ca, đọc những bài thơ mang nội dung yêu nước do học sinh, sinh viên miền Nam sáng tác.

Ngày 29-9, Ủy ban đấu tranh thành lập 10 tổ xung kích và tổ chức từng toán nhỏ trong học sinh sinh viên mở chiến dịch "nói với đồng-bào" làm nhiệm vụ rải truyền đơn, căng biểu ngữ, phân phát bản tuyên bố chung ở khu vực chợ và trên các đường phố để vận động nhân dân hưởng ứng cuộc đấu tranh và không đi bỏ phiếu trong ngày 3-10.

Từ ngày 30-9 đến ngày 3-10, tại chùa Linh Sơn, lực lượng đấu tranh tổ chức mỗi ngày 3 buổi phát thanh để phản đối trò hề bầu cử bịp bợm của Mỹ-Thiệu, thông báo tình hình đấu tranh, kêu gọi đồng bào không đi bỏ phiếu và hát những bài ca tranh đấu.

Nhằm phá rối chương trình phát thanh của ta, Ty thông tin chiêu hồi nguy dùng một số xe phóng thanh lập "đài phát thanh lưu động" gần chùa Linh Sơn. Mặt khác, địch huy động lực lượng cảnh sát dã chiến, một tiểu đoàn thuộc sư đoàn 23, một chi đội xe bọc thép M113, đại đội địa phương quân 302 và bọn "bình định nông thôn", cảnh sát, mật vụ bao vây khu vực chùa Linh Sơn, đóng chốt ở khu Hòa Bình, chợ Đà Lạt và trên các đường phố để ngăn chặn các cuộc biểu tình.

Ngày 1-10, lực lượng đấu tranh mở chiến dịch "xuống đường", khi đoàn biểu tình đến gần cổng trường Bồ Đề (nay là trường phổ thông cơ sở Nguyễn Du), địch huy động các đơn vị cảnh sát dã chiến chặn đường và dùng lựu đạn cay, dùi cui đàn áp. Sau hơn 2 giờ giằng co quyết liệt, đoàn biểu tình rút về chùa Linh Sơn.

Sáng ngày 2-10, Ủy ban đấu tranh bố trí 2 tổ xung kích đến khu Hòa Bình treo biểu ngữ, đưa một bộ phận nhỏ kéo lên đường Võ Tánh (nay là đường Bùi Thị Xuân) để đánh lạc hướng địch, còn lực lượng chủ yếu diễu hành trên đường Phan Đình Phùng gỡ các bích chương cổ động bầu cử và dự định kéo về khu Hòa Bình tổ chức mít tinh. Nhưng khi đến rạp Ngọc Hiệp (nay là rạp Giải Phóng), lực lượng cảnh sát dã chiến đã dàn hàng ngang chặn đường, dùng súng M16 bắn uy hiếp và ném lựu đạn cay vào đoàn biểu tình. Trước sự đàn áp của địch, đoàn biểu tình phải rút về chùa Linh Sơn.

Để đối phó với cuộc biểu tình lớn có thể nổ ra, trong ngày 3-10, địch huy động toàn bộ lực lượng ở Đà Lạt bao vây chùa Linh Sơn, chặn các con đường vào trung tâm thị xã, làm cho tình hình Đà Lạt hết sức căng thẳng. Tuy lực lượng đấu tranh không tổ chức được cuộc biểu tình, nhưng trong ngày 3-10, toàn Đà Lạt bãi thị, bãi khóa để phản đối bầu cử, phần lớn nhân dân không đi bỏ phiếu. Những người bị bắt buộc đi bầu cử đã tìm cách làm cho phiếu không hợp lệ. Trong 47 phường ấp của thị xã chỉ có 2 tên trưởng phường đi

vận động, thúc ép nhân dân đi bỏ phiếu, số còn lại nằm im hoặc tổ thất độ đồng tình với quân chúng chống cuộc bầu cử. Trước tình hình đó, địch phải huy động nguy quân, nguy quyền, công chức, cảnh sát đi bỏ phiếu nhiều lần để đủ số phiếu qui định.

Cùng ngày hôm đó, nhân dân Tùng Nghĩa (Đức Trọng) và các ấp xung quanh đã phối hợp với cuộc đấu tranh của nhân dân Đà Lạt. Nhiều truyền đơn xuất hiện ở các đường, xóm ấp kêu gọi nhân dân tham gia đấu tranh, tẩy chay cuộc bầu cử.

Cuộc đấu tranh chống cuộc bầu cử độc diễn từ ngày 27-9 đến ngày 3-10-1971 một lần nữa khẳng định sức mạnh đoàn kết của các tầng lớp nhân dân Đà Lạt. Nội dung cuộc đấu tranh đã vạch trần bộ mặt tàn bạo, thối nát của chính quyền địch trong cuộc bầu cử gian lận, bịp bợm. Cuộc đấu tranh tập hợp được nhiều tổ chức công khai hợp pháp và đông đảo quần chúng tham gia, trong đó nòng cốt là lực lượng học sinh, sinh viên Đà Lạt.

Tuy nhiên trong cuộc đấu tranh này, do cơ sở Đảng bên trong và cơ sở cốt cán tại chỗ còn yếu, chưa kết hợp được giữa đấu tranh đòi dân chủ với đấu tranh đòi dân sinh, nên chưa tập hợp được tầng lớp dân nghèo thành thị và nông thôn tham gia để mở rộng mặt trận đấu tranh. Công tác tổ chức, lãnh đạo cuộc đấu tranh chưa bảo đảm nguyên tắc ngắn cách, bí mật nên một số cơ sở bị địch bắt, một số bị lộ nên phải thoát ly ra ngoài căn cứ. Sau cuộc đấu tranh này, Tỉnh ủy Tuyên Đức và thị ủy Đà Lạt có rút kinh nghiệm chỉ đạo phong trào đấu tranh chính trị và công tác đô thị, tiếp tục đưa phong trào phát triển mang nhiều nội dung và hình thức mới.

Trên cơ sở đẩy mạnh hoạt động quân sự, chính trị và binh vận, thực lực cách mạng trong vùng địch kiểm soát tiếp tục phát triển. Ở vùng nông thôn xây dựng được 441 cơ sở cách mạng các loại. Thị xã Đà Lạt có 6 phường có chi bộ, 9 phường có đảng viên hoạt động

triệt và học tập chỉ thị 07/CT71 của Trung ương Cục và chỉ thị 44 của Khu ủy về xây dựng chi bộ theo 4 yêu cầu nhằm nâng cao chất lượng của chi bộ, đảng viên. Nhưng nhìn chung công tác xây dựng Đảng tiến hành còn chậm, chưa kịp với yêu cầu nhiệm vụ, số lượng đảng viên kết nạp trong năm còn ít (9 tháng đầu năm 1972 chỉ phát triển được 12 đảng viên). Công tác xây dựng đảng trong vùng địch kiểm soát gặp nhiều khó khăn vì cơ sở tại chỗ còn yếu, chưa phát động được phong trào cách mạng của quần chúng.

Trong năm 1972, tình hình địa phương vẫn còn gặp khó khăn, hoạt động của ta đạt hiệu quả thấp nhưng lại thương vong nhiều, trong khi đó bọn địch hết sức ngoan cố quyết giành dân, giữ đất, bảo vệ ấp và các trục đường giao thông nên phong trào có phần chững lại, diện làm chủ và tranh chấp vẫn chưa khôi phục lại được.

Cuối năm 1972, lực lượng vũ trang trong tỉnh tuy quân số không được bổ sung thêm, nhưng vừa tiếp tục đẩy mạnh tấn công địch, vừa khẩn trương củng cố lực lượng, vật chất để bước vào "kế hoạch thời cơ" chung của toàn Miền, đánh bại âm mưu giành dân, chiếm đất trước khi có Hiệp định Pa-ri. Đầu năm 1973, được sự chấp thuận của Khu ủy và Quân khu ủy, Tỉnh ủy quyết định giải thể tiểu đoàn 810, rút gọn lại thành đại đội 810, một đại đội đặc công và một trung đội hỏa lực trực thuộc tỉnh. Ở các huyện, giải thể Ban chỉ huy huyện đội còn lại Ban cán sự huyện đội và mỗi huyện chỉ còn lại một trung đội làm nhiệm vụ cùng phối hợp với đội công tác bám địa bàn, xây dựng cơ sở. Riêng thị xã Đà Lạt còn 3 đội biệt động và 2 đội công tác.

Trước khi Hiệp định Pa-ri ký kết, quân địch ở Tuyên Đức hoạt động mạnh trên các địa bàn nhằm thực hiện âm mưu giành dân, chiếm đất. Chúng tập trung củng cố những đồn bót có khả năng khống chế từng mảng lớn như đồn Kim Phát, đồn M'Lơn, yếu khu Phi Nôm, xây thêm một số đồn bót ở Đức Trọng và phía Tây Bắc

Đà Lạt. Ở vùng nông thôn, địch tiến hành ủi phá địa hình, làm thêm đường mới và giãn dân từng bước nhằm lấn sâu vào vùng ta làm chủ. Lực lượng cảnh sát được đưa xuống các xã làm liên gia trưởng để kèm kẹp nhân dân, truy bắt cơ sở cách mạng.

Thực hiện chỉ thị 01/CT-73 của Trung ương Cục, tháng 1-1973 Tỉnh ủy triển khai đợt hoạt động theo "Kế hoạch thời cơ". Lực lượng vũ trang trong tỉnh được triển khai và phối hợp đánh địch trên các địa bàn. Trước khi Hiệp định Pa-ri có hiệu lực, các đơn vị đồng loạt đánh chiếm làm chủ 10 ấp ở vùng ven thị xã Đà Lạt và một số ấp dọc đường 11, 20, 21 kéo dài. Sau đó, địch tập trung lực lượng phản kích quyết liệt, lực lượng ta có hạn không đủ sức giữ những nơi đã đánh chiếm mà phải rút ra bám trụ xung quanh vùng ven thị xã và các bản đạ ở nông thôn, do đó chưa thực hiện được những nhiệm vụ của Tỉnh ủy đề ra và không tạo được khí thế sau khi Hiệp định Pa-ri có hiệu lực.

**

Sau hơn 4 năm chống chiến lược "Việt Nam hóa" chiến tranh của đế quốc Mỹ, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ địa phương, quân và dân hai tỉnh Lâm Đồng (cũ) và Tuyên Đức đã vượt qua nhiều khó khăn, gian khổ ác liệt, đưa phong trào cách mạng địa phương tiếp tục phát triển, nổi bật là thị xã Đà Lạt và vùng căn cứ Lâm Đồng, góp phần cùng toàn Miền làm thất bại các kế hoạch bình định của Mỹ-ngụy. Trong quá trình lãnh đạo, phong trào cách mạng địa phương, mặc dù lực lượng vũ trang ít và gặp khó khăn về lương thực - nhất là ở Tuyên Đức, nhưng Đảng bộ hai tỉnh luôn luôn chấp hành nghiêm túc các Nghị quyết của Đảng, đặc biệt là các đợt phối hợp hoạt động tấn công địch trong chiến dịch TK năm 1970, "kế hoạch thời cơ" và trong thời gian ký hiệp định Pa-ri. Các chủ trương, đường lối của Đảng được Đảng bộ hai tỉnh vận dụng vào tình hình

thực tế ở mỗi địa phương, kịp thời đề ra chủ trương và lãnh đạo nhân dân làm thất bại âm mưu và hành động của địch.

Tuy nhiên, so với yêu cầu nhiệm vụ thì phong trào phát triển còn chậm, nhất là trong thời kỳ đầu kế hoạch bình định của địch chưa đánh giá đúng và có chủ trương kịp thời, đúng đắn để chống lại âm mưu, thủ đoạn của chúng. Việc thực hiện phương châm đánh địch bằng hai chân, ba mũi chưa chặt chẽ, đều khắp. Thực lực cách mạng trong vùng địch kiểm soát còn ít, nhất là những năm cuối thời kỳ này, khả năng công tác còn yếu, nhất là tổ chức Đảng tại chỗ, nên chưa xây dựng được lực lượng nòng cốt có đủ khả năng, trình độ để phát động quần chúng nổi dậy giành quyền làm chủ khi có lực lượng bên ngoài hỗ trợ. Những mặt còn hạn chế đó đã ảnh hưởng đến sự phát triển của phong trào cách mạng địa phương.

CHƯƠNG V

**DẪNG BỘ LÂM ĐỒNG, TUYÊN ĐỨC LÃNH ĐẠO
QUÂN, DÂN ĐẤU TRANH CHỐNG DỊCH LẤN CHIẾM, TÍCH
CỰC CHUẨN BỊ LỰC LƯỢNG ĐÓN THỜI CƠ GIẢI PHÓNG
ĐỊA PHƯƠNG (từ tháng 2-1973 đến tháng 4-1975).**

**I. Đấu tranh quyết liệt chống dịch lấn chiếm, giữ vững phát
triển phong trào và giành quyền làm chủ (từ tháng 2-1973 đến tháng
11-1974).**

Thắng lợi trên ba mặt trận quân sự, chính trị, ngoại giao và chiến công oanh liệt của quân và dân ta đập tan cuộc tập kích chiến lược bằng không quân của Mỹ vào Hà Nội, Hải Phòng đã buộc chính phủ Mỹ phải ký Hiệp định về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam, vào ngày 27-1-1973 tại Pa-ri. Hiệp định Pa-ri đánh dấu một bước ngoặt quan trọng làm thay đổi so sánh lực lượng có lợi cho cách mạng và tạo ra khả năng hoàn thành sự nghiệp giải phóng miền Nam. Hiệp định được ký kết, cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta đã giành được thắng lợi vẻ vang. Đây là thắng lợi rất to lớn của cuộc kháng chiến oanh liệt, nhất trong lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc Việt Nam ta" (1).

(1) Những sự kiện Lịch sử Đảng, tập 3 (1954-1975), NXB Thông tin lý luận, Hà Nội, 1985, trang 679.

Ngày 24-1-1973, Ban Bí thư Trung ương Đảng ra chỉ thị về những công việc trước mắt ngay sau khi Hiệp định Pa-ri được ký tắt. Chỉ thị khẳng định: "Cuộc cách mạng của nhân dân ta đã bước sang một giai đoạn mới, giai đoạn đấu tranh để giữ hòa bình, tiếp tục đưa cách mạng tiến lên. Trong giai đoạn mới, cách mạng miền Nam có nhiều thuận lợi mới nhưng vẫn còn gay go phức tạp, có khả năng tiến triển trong điều kiện hòa bình được giữ vững nhưng vẫn phải sẵn sàng đối phó với khả năng địch ngoan cố phá hoại hòa bình"(1).

Thực hiện chỉ thị của Ban Bí thư, Thường vụ Trung ương Cục ra các chỉ thị hướng dẫn những nhiệm vụ trước mắt và phương châm, phương thức hoạt động, đề ra một số công tác cấp bách trong giai đoạn đầu khi có giải pháp chính trị (2).

Ngày 14-2-1973, Thường vụ Khu ủy 6 ra chỉ thị 01 chỉ đạo các tỉnh đẩy mạnh công tác tuyên truyền nội dung cơ bản của Hiệp định Pa-ri, đấu tranh buộc địch phải thi hành Hiệp định, tôn trọng các quyền tự do dân chủ. Về nhiệm vụ trước mắt, chỉ thị nhấn mạnh: Phải nhanh chóng tập hợp quần chúng thành lực lượng chính trị mạnh mẽ và đẩy lên phong trào hành động cách mạng rộng khắp trên 3 vùng, chú ý vấn đề bùng dân về buôn làng cũ, mở rộng phong trào vùng ven, vùng yếu, đồng thời ra sức xây dựng lực lượng vũ trang. Trong chỉ đạo phải chuyển hướng cho phù hợp với đặc điểm tình hình, nhiệm vụ của giai đoạn mới để vừa tấn công địch, vừa xây dựng ta về mọi mặt.

Quán triệt các chỉ thị của Đảng, tháng 2-1973, Thường vụ Tỉnh ủy hai tỉnh, Lâm Đồng và Tuyên Đức họp mở rộng ra Nghị quyết

(1) Sách đã dẫn, trang 671, 672.

(2) Chỉ thị 02 ngày 19-1-1973, chỉ thị 03 ngày 14-2-1973.

về những nhiệm vụ trước mắt. Nhiệm vụ trọng tâm lúc này là động viên toàn Đảng, toàn quân và toàn dân trong tỉnh phát huy thắng lợi đã giành được, ra sức khắc phục khó khăn, đẩy mạnh cao trào đấu tranh chính trị theo khẩu hiệu trung tâm là đòi thi hành Hiệp định, đòi các quyền tự do dân chủ. Khẩn trương xây dựng và phát triển lực lượng vũ trang, chính trị, xây dựng vùng căn cứ vững chắc về mọi mặt để làm hậu thuẫn cho cuộc đấu tranh chính trị sắp đến và bảo đảm thắng lợi trong mọi tình huống.

Sau khi Hiệp định Pa-ri được ký kết, nhân dân hai tỉnh Lâm Đồng, Tuyên Đức tổ chức nhiều cuộc mít tinh mừng hòa bình. Tại Đà Lạt, cơ sở bên trong hướng dẫn học sinh, sinh viên tổ chức nhiều cuộc hội thảo, hoạt động văn nghệ và phát hành một số tập san công khai, nửa công khai với chủ đề "Quê hương với hòa bình", "Chính sách hòa hợp dân tộc". Những tập san của sinh viên Phật tử, phong trào phụ nữ đòi quyền sống đều tái bản các văn kiện của Hiệp định và phát hành rộng rãi trong các tầng lớp nhân dân. Ở thị xã Blao, "Ủy ban đòi thi hành Hiệp định Pa-ri" đẩy mạnh tuyên truyền trong các tầng lớp nhân dân, đồng thời đấu tranh đòi chính quyền Sài Gòn phải thực hiện ngừng bắn, đòi chấm dứt chiến tranh. Tổ chức Đảng bên trong lãnh đạo tổ đảng ở trường Trung học đệ nhị cấp (nay là trường phổ thông trung học Bảo Lộc) và các tổ chức công khai hoạt động báo chí, tìm cách liên lạc với phong trào hợp pháp ở Sài Gòn, Đà Lạt để tuyên truyền nội dung Hiệp định Pa-ri, chính sách hòa hợp dân tộc.

Trong vùng căn cứ, đồng bào các dân tộc phấn khởi tổ chức mừng hòa bình, mừng công biểu dương thành tích kháng chiến, đồng thời đẩy mạnh hơn nữa 5 phong trào thi đua, tích cực huy động sức người sức của phục vụ phía trước.

Tuy bị thất bại nặng nề và phải chấp nhận ký Hiệp định Pa-ri, nhưng đế quốc Mỹ vẫn ngoan cố bám lấy "học thuyết Ních-Xon" và

chiến lược "Việt Nam hóa" chiến tranh, tiếp tục dùng nguy quyền Sài Gòn làm công cụ hòng thực hiện âm mưu đặt miền Nam dưới ách thống trị của chúng, chia cắt lâu dài đất nước ta. Để quốc Mỹ ra sức xây dựng quân đội nguy thành một đội quân mạnh nhất ở Đông Nam Á, dùng lực lượng tay sai tiếp tục bình định, lấn chiếm, tạo thành vành đai ngăn tuyến, phân vùng để tiêu diệt lực lượng cách mạng, xóa bỏ tình trạng hai chính quyền, hai quân đội và ba lực lượng chính trị hiện có ở miền Nam.

Tại Tuyên Đức, địch tăng cường lực lượng, đóng thêm một số đồn ở Đức Trọng và phía Tây Bắc Đà Lạt, củng cố các đồn có khả năng khống chế từng mảng lớn như đồn Kim Phát (trên đường 21 kéo dài), đồn M'Lon (trên đường 21) và yếu khu Phi Nôm. Thực hiện kế hoạch bình định lấn chiếm, chúng tiến hành 3 hình thức: giãn dân từng bước, ủi phá địa hình và mở đường mới. Trong vùng kiểm soát, chúng chủ trương vô hiệu hóa cơ sở cách mạng, đưa cảnh sát xuống làm liên gia trưởng để kèm kẹp dân, ngăn chặn sự liên lạc giữa bên trong với bên ngoài.

Những tháng đầu sau khi có Hiệp định Pa-ri, phong trào cách mạng tỉnh Tuyên Đức vẫn giữ được thế tấn công địch, lực lượng vũ trang và các đội công tác bám trụ trên các địa bàn để hỗ trợ quân chúng bên trong đấu tranh, làm cho địch gặp nhiều khó khăn lúng túng. Nhưng từ tháng 5-1973 trở đi, địch vừa đánh phá phong trào bên trong, vừa đẩy mạnh hoạt động ra bên ngoài nhằm lấn chiếm vùng Quảng Trung (phía Nam thị xã Đà Lạt), khu vực Nam Ban, Núi Chai (Đức Trọng), vùng Tam giác Hồ Tiên, là những bàn đạp đứng chân của lực lượng vũ trang ta. Ở Nam Ban, địch đưa 3 tiểu đoàn có trực thăng yểm trợ càn quét liên tục 2, 3 tháng liền để cố đẩy lực lượng ta ra khỏi vùng này. Lúc đầu, lực lượng vũ trang và các đội công tác chỉ đánh địch khi chúng càn quét ra ngoài các bàn đạp của ta, chưa dám vào áp phá kèm, phát động quần chúng vì sợ

vi phạm Hiệp định. Trước tình hình đó, Tỉnh ủy đã kịp thời chỉ đạo các đơn vị kiên quyết đánh địch lấn chiếm. Do vậy, trừ khu vực Núi Chai, còn các nơi khác ta vẫn giữ được bàn đạp và địa bàn đứng chân.

Tháng 4-1973, Tỉnh ủy Tuyên Đức ra nghị quyết về nhiệm vụ, phương châm, phương thức đấu tranh quân sự chính trị và binh vận trong tình hình mới. Lực lượng vũ trang phải cùng với lực lượng chính trị của quân chúng ra sức giữ vững thế trận hiện có, sẵn sàng đánh bại các cuộc hành quân càn quét của địch, kiên quyết giữ vững vùng căn cứ và vùng bàn đạp.

Tại Lâm Đồng, địch tập trung củng cố bộ máy kèm, khống chế quần chúng, đồn quân, bắt lính. Chúng bố trí một tiểu đoàn công lộ bảo vệ đường dây cao thế và từ Di Linh đến An Lạc có hai tiểu đoàn chốt giữ. Từ tháng 2 đến tháng 6-1973, địch vi phạm Hiệp định gần 500 vụ, chủ yếu là những cuộc hành quân càn quét lấn chiếm, dùng máy bay ném bom và pháo tầm xa bắn phá vùng ta kiểm soát. Từ tháng 6 đến tháng 12-1973, chúng đã ủi phá 1.500 ha và đưa 12.000 dân từ Bình Long, Phước Long đến khu vực Tân Rai, Minh Rông và mở rộng lấn chiếm phía Bắc thị xã Blao.

Sau gần 4 tháng đấu tranh đòi địch thi hành Hiệp định Pa-ri, diễn biến tình hình giữa ta và địch có nhiều phức tạp. Cuối tháng 5-1973, Khu ủy 6 họp hội nghị lần thứ 15 để kiểm điểm tình hình và đề ra nhiệm vụ sắp tới. Hội nghị nhận định: "Phong trào trong Khu đã có một bước phát triển so với trước, thế triển khai bố trí lực lượng của ta có lần sâu, áp sát áp, sát dân hơn nhất là các hướng trọng điểm, từng bước đẩy lùi âm mưu bình định, lấn chiếm của địch. Vùng căn cứ được củng cố, tình hình ổn định hơn. Thực lực

tại chỗ phát triển và củng cố khá hơn trước, phong trào chính trị, binh vận có tiến bộ, bước đầu có chuyển biến "huân lợi"(1). Hội nghị đề ra nhiệm vụ sắp tới là: "Đẩy mạnh 3 mũi tấn công buộc địch phải thi hành Hiệp định, đẩy lùi địch từng bước, giành thắng lợi từng phần, đồng thời phải khẩn trương xây dựng thực lực vũ trang, chính trị, xây dựng căn cứ và vùng giải phóng, sẵn sàng đánh bại địch nếu chúng gây chiến tranh trở lại"(2).

Thực hiện Nghị quyết Khu ủy, tháng 6-1973, Tỉnh ủy Lâm Đồng họp kiểm điểm tình hình và ra Nghị quyết về nhiệm vụ của địa phương trong thời gian tới. Nghị quyết chỉ rõ: Trên cơ sở chuyển mạnh phương châm, phương thức hoạt động, tiếp tục đẩy mạnh khẩu bầm tấn, xây và ra sức giữ, nâng vùng tranh chấp lên, tích cực mở cơ sở vào vùng sâu, vùng yếu, xóa vùng trắng. Phát động quần chúng đẩy mạnh 3 mũi tấn công địch, khẩn trương xây dựng thực lực về mọi mặt.

Để giải quyết lương thực, thực phẩm cho các cơ quan, đơn vị trong tỉnh, ngày 19-8-1973, Tỉnh ủy Lâm Đồng thành lập "Công Doanh" gồm 207 người, cơ sở sản xuất này đã mua 5 máy ủi Rông De, 10 con trâu và khai hoang trên 300 ha đất trồng trọt. Trong năm 1974 sản xuất được trên 700 tấn lúa, đánh bắt trên 6.100 kg cá làm thực phẩm và chế biến nước mắm, góp phần khắc phục khó khăn về đời sống.

Qua 1 năm thực hiện các Nghị quyết của Đảng và Nghị quyết Tỉnh ủy, quân và dân tỉnh Lâm Đồng đã cơ bản hoàn thành nhiệm vụ chính trong giai đoạn mới, giữ vững phong trào oách mạng. Nhưng thực lực bên trong phát triển còn chậm, có đơn vị vũ trang

(1) (2) Trích: Nghị quyết Hội nghị Khu ủy 6 lần thứ 15 (tháng 5-1973).

hoạt động ở phía trước giảm sút ý chí chiến đấu, xuất hiện tư tưởng bi quan, dao động nên một số cán bộ, chiến sĩ đào ngũ về Miền. Trong năm 1973, lực lượng vũ trang trong tỉnh đánh địch 203 trận, loại khỏi vòng chiến đấu trên 700 tên, bắn rơi 6 máy bay, phá hủy 7 xe quân sự. Các đội công tác đột nhập 160 lần vào 38 ấp, 12 sở, tuyên truyền cho gần 10.000 lượt người. Do ảnh hưởng rộng lớn của vùng căn cứ và uy thế của cách mạng nên đồng bào ở các ấp Bù Bắp, Bù Bông, Đa Dòn, Tân Rai, Khiêm Bình, Khiêm Cần, Bích Khê và buôn Phi R'Te nổi dậy giành quyền làm chủ, vùng căn cứ giải phóng được mở rộng.

Đi đôi với hoạt động quân sự, công tác binh vận được chú ý hơn, ta đã giáo dục 1.034 gia đình binh lính địch, 457 dân vệ. Qua tuyên truyền giáo dục đã xây dựng được 2 cơ sở nội tuyến, 10 cơ sở dân vệ, 17 du kích mật và sử dụng có mức độ 20 toán phòng vệ dân sự.

Nhằm cụ thể hóa Nghị quyết Hội nghị Khu ủy lần thứ 15, tháng 6-1973, Thường vụ Tỉnh ủy Tuyên Đức họp Hội nghị, đề ra nhiệm vụ cụ thể cho từng địa bàn. Hội nghị khẳng định: Phải chuyển mạnh phương châm phương thức hoạt động trong tình hình mới, quyết tâm bám trụ giữ vững và mở rộng vùng tranh chấp, xóa đại bộ phận ấp trắng. Tích cực mở rộng phong trào vào vùng sâu, vùng yếu kết hợp với phá kềm, giành dân, giành quyền làm chủ, xây dựng được các lổm giải phóng. Ra sức xây dựng lực lượng bên trong và bên ngoài vững mạnh, đào tạo nhiều cơ sở cốt cán bên trong. Đẩy mạnh sản xuất, bố phòng, chống địch tập kích vào vùng căn cứ.

Thực hiện Nghị quyết Tỉnh ủy, lực lượng vũ trang và các đội công tác đẩy mạnh hoạt động, quyết tâm bám trụ, đấu tranh giành cơ quyết liệt với địch trên các địa bàn. Nhưng do lực lượng ta có hạn và địch hoạt động mạnh hơn trước, nên 6 tháng cuối năm 1973 thế và lực của ta bị giảm sút, các đội công tác chỉ bám bên ngoài,

diện bám dân còn hẹp. Cơ sở Đảng ở vùng nông thôn hầu như không còn, cơ sở cách mạng ở vùng tranh chấp và vùng ven thị xã Đà Lạt bị địch đánh phá. Tuy gặp nhiều khó khăn, tổn thất, nhưng trong năm 1973 lực lượng vũ trang và các đội công tác đã đánh địch 97 trận, diệt 494 tên, phá hủy 7 xe quân sự, 2 máy bay C130.

Được cơ sở bên trong tuyên truyền, vận động, đồng bào ở nhiều nơi đấu tranh đòi được tự do đi lại làm ăn. Đồng bào các dân tộc ít người ở các buôn R'Lom, M'Nông, B Rết (Đức Trọng) và đồng bào kinh ở các ấp Đất Làng, Phước Thành, Nam Thiên (Đà Lạt), đi sản xuất ngoài vùng địch qui định. Cơ sở bên trong còn phát triển trên 100 cơ sở mới, 15 du kích mật, đưa 29 thanh niên thoát ly ra vùng giải phóng, vận động được 1.160 binh lính đào rã ngũ và thanh niên trốn lính.

Phong trào học sinh, sinh viên Đà Lạt vẫn duy trì hoạt động bằng các tổ chức công khai hợp pháp và nửa hợp pháp nhằm tuyên truyền rộng rãi chính sách hòa hợp dân tộc, ủng hộ phụ nữ chợ Đà Lạt đấu tranh chống tăng thuế và hỗ trợ phong trào đấu tranh của công nhân vận tải Đà Lạt chống nghiệp đoàn "Vàng", đòi giải quyết đời sống. Lực lượng học sinh, sinh viên còn phát động phong trào chống tham nhũng nhằm tố cáo chế độ nguy quyền tay sai thời nát, vận động quần chúng chống lệnh giới nghiêm của địch. Ở vùng căn cứ Lạc Dương, công tác bố phòng tiếp tục được đẩy mạnh, xây dựng buôn chiến đấu và vành đai phía trước thành thể liên hoàn. Đồng bào xã căn cứ và các cơ quan, đơn vị cấm thêm 845 ngàn cây chông, đào 149 hầm chông, gài 1.619 quả mìn và 69 mang cung nên đã hạn chế được các cuộc lùng sục, càn quét của địch.

Sau khi ký Hiệp định Pa-ri, tuy đã rút quân về nước nhưng đế quốc Mỹ vẫn tiếp tục dùng nguy quân, nguy quyền làm công cụ để thực hiện chủ nghĩa thực dân mới, gây chiến tranh lấn chiếm các vùng giải phóng của ta.

Trước tình hình đó, Hội nghị lần thứ 21 Ban chấp hành trung ương Đảng (tháng 7-1973) chỉ rõ: Nhiệm vụ cơ bản của cách mạng miền Nam trong giai đoạn mới là hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân. Về phương châm chiến lược, Hội nghị xác định: Dù phát triển theo khả năng nào, con đường cách mạng miền Nam vẫn là con đường bạo lực cách mạng, bất kể trong tình hình nào ta cũng phải nắm vững thời cơ, giữ vững đường lối chiến lược tiến công và chỉ đạo linh hoạt để đưa cách mạng miền Nam tiến lên.

Dưới ánh sáng Nghị quyết của Đảng, tháng 12-1973, Tỉnh ủy Lâm Đồng họp Hội nghị kiểm điểm tình hình và đề ra nhiệm vụ năm 1974 là: Đẩy mạnh hai mũi tấn công, phá âm mưu bình định, lấn chiếm của địch, từng bước nâng phong trào vùng tranh chấp; đồng thời mở rộng phong trào vùng sâu, vùng yếu, củng cố và phát triển phong trào thị xã, thị trấn; tạo thế, tạo lực để chống bình định lấn chiếm, làm thay đổi tương quan lực lượng có lợi cho ta.

Về phía địch, trong năm 1974 tiếp tục bình định bên trong và lấn chiếm bên ngoài, chúng đưa bọn ác ôn xuống tăng cường bộ máy tề, thành lập các phân chi khu quân sự ở xã, tổ chức các đảng phái phản động và nguy đoàn thể để tranh thủ nắm quân chúng, đánh phá cơ sở cách mạng tại chỗ. Đi đôi với bình định bên trong, địch đẩy mạnh lấn chiếm bên ngoài, chiếm giữ khu vực Trảng Bida, phía Tây Minh Rồng, B' Kê, đưa lực lượng càn quét, lùng sục dài ngày ở khu vực Xà Lùng, Tân Dân, đường Hàng No. Những âm mưu và thủ đoạn của địch đã gây cho ta nhiều khó khăn trong đi lại và hoạt động. Tuy vậy, địch vẫn không thể nắm được quân chúng, tư tưởng nguy quân, nguy quyền cầu an dao động, tinh thần chiến đấu giảm sút, nhiều tên trốn lính, bỏ việc.

Trong năm 1974, cách mạng miền Nam có nhiều chuyển biến quan trọng đã tác động lớn đến phong trào cách mạng tỉnh Lâm Đồng. Sau khi quán triệt các nghị quyết của Đảng về tình hình và

diện bám dân còn hẹp. Cơ sở Đảng ở vùng nông thôn hầu như không còn, cơ sở cách mạng ở vùng tranh chấp và vùng ven thị xã Đà Lạt bị địch đánh phá. Tuy gặp nhiều khó khăn, tổn thất, nhưng trong năm 1973 lực lượng vũ trang và các đội công tác đã đánh địch 97 trận, diệt 494 tên, phá hủy 7 xe quân sự, 2 máy bay C130.

Được cơ sở bên trong tuyên truyền, vận động, đồng bào ở nhiều nơi đấu tranh đòi được tự do đi lại làm ăn. Đồng bào các dân tộc ít người ở các buôn R'Lom, M'Nông, B Rết (Đức Trọng) và đồng bào kinh ở các ấp Đất Làng, Phước Thành, Nam Thiên (Đà Lạt) đi sản xuất ngoài vùng địch qui định. Cơ sở bên trong còn phát triển trên 100 cơ sở mới, 15 du kích mật, đưa 29 thanh niên thoát ly ra vùng giải phóng, vận động được 1.160 binh lính đào rã ngũ và thanh niên trốn lính.

Phong trào học sinh, sinh viên Đà Lạt vẫn duy trì hoạt động bằng các tổ chức công khai hợp pháp và nửa hợp pháp nhằm tuyên truyền rộng rãi chính sách hòa hợp dân tộc, ủng hộ phụ nữ chợ Đà Lạt đấu tranh chống tăng thuế và hỗ trợ phong trào đấu tranh của công nhân vận tải Đà Lạt chống nghiệp đoàn "Vàng", đòi giải quyết đời sống. Lực lượng học sinh, sinh viên còn phát động phong trào chống tham nhũng nhằm tố cáo chế độ nguy quyền tay sai thối nát, vận động quần chúng chống lệnh giới nghiêm của địch. Ở vùng căn cứ Lạc Dương, công tác bố phòng tiếp tục được đẩy mạnh, xây dựng buôn chiến đấu và vành đai phía trước thành thể liên hoàn. Đồng bào xã căn cứ và các cơ quan, đơn vị cấm thêm 845 ngàn cây chông, đào 149 hầm chông, gài 1.619 quả mìn và 69 mang cung nên đã hạn chế được các cuộc lung sục, càn quét của địch.

Sau khi ký Hiệp định Pa-ri, tuy đã rút quân về nước nhưng đế quốc Mỹ vẫn tiếp tục dùng nguy quân, nguy quyền làm công cụ để thực hiện chủ nghĩa thực dân mới, gây chiến tranh lấn chiếm các vùng giải phóng của ta.

Trước tình hình đó, Hội nghị lần thứ 21 Ban chấp hành trung ương Đảng (tháng 7-1973) chỉ rõ: Nhiệm vụ cơ bản của các mạng miền Nam trong giai đoạn mới là hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân. Về phương châm chiến lược, Hội nghị xác định: Dù phát triển theo khả năng nào, con đường cách mạng miền Nam vẫn là con đường bạo lực cách mạng, bất kể trong tình hình nào ta cũng phải nắm vững thời cơ, giữ vững đường lối chiến lược tiến công và chỉ đạo linh hoạt để đưa cách mạng miền Nam tiến lên.

Dưới ánh sáng Nghị quyết của Đảng, tháng 12-1973, Tỉnh ủy Lâm Đồng họp Hội nghị kiểm điểm tình hình và đề ra nhiệm vụ năm 1974 là: Đẩy mạnh hai mũi tấn công, phá âm mưu bình định, lấn chiếm của địch, từng bước nâng phong trào vùng tranh chấp; đồng thời mở rộng phong trào vùng sâu, vùng yếu, củng cố và phát triển phong trào thị xã, thị trấn; tạo thế, tạo lực để chống bình định lấn chiếm, làm thay đổi tương quan lực lượng có lợi cho ta.

Về phía địch, trong năm 1974 tiếp tục bình định bên trong và lấn chiếm bên ngoài, chúng đưa bọn ác ôn xuống tăng cường bộ máy tề, thành lập các phân chi khu quân sự ở xã, tổ chức các đảng phái phản động và nguy đoàn thể để tranh thủ nắm quần chúng, đánh phá cơ sở cách mạng tại chỗ. Đi đôi với bình định bên trong, địch đẩy mạnh lấn chiếm bên ngoài, chiếm giữ khu vực Trảng Bida, phía Tây Minh Rồng, B' Kê, đưa lực lượng càn quét, lùng sục dài ngày ở khu vực Xà Lùng, Tân Dân, đường Hàng No. Những âm mưu và thủ đoạn của địch đã gây cho ta nhiều khó khăn trong đi lại và hoạt động. Tuy vậy, địch vẫn không thể nắm được quần chúng, tư tưởng nguy quân, nguy quyền cầu an dao động, tinh thần chiến đấu giảm sút, nhiều tên trốn lính, bỏ việc.

Trong năm 1974, cách mạng miền Nam có nhiều chuyển biến quan trọng đã tác động lớn đến phong trào cách mạng tỉnh Lâm Đồng. Sau khi quán triệt các nghị quyết của Đảng về tình hình và

nhệm vụ mới, cán bộ, đảng viên và chiến sĩ trong tỉnh đã nâng cao nhận thức, xác định rõ trách nhiệm, nội bộ đoàn kết, nhất trí cao. Vì vậy phong trào cách mạng địa phương vẫn được giữ vững, vùng căn cứ được củng cố, 5 phong trào thi đua đạt kết quả tốt. Lực lượng vũ trang và các đội công tác đánh địch 286 trận, loại khỏi vòng chiến đấu 1.102 tên, hỗ trợ quần chúng nổi dậy giành quyền làm chủ, mở rộng vùng tranh chấp, xóa được một số ấp trắng, phát triển thêm nhiều cơ sở cách mạng. Các đội công tác đột nhập vào các ấp Đa Lào, Lam Sơn, Bảo Lâm, khu thương phế binh, Đồng Đò, Đồng Lạc kinh...tuyên truyền, giáo dục quần chúng, tổ chức 24 cuộc mít tinh với 600 lượt người dự để nói rõ chính sách hòa hợp dân tộc, vận động quần chúng đấu tranh chống địch lấn chiếm.

Về đấu tranh chính trị, cơ sở bên trong đã vận động và tổ chức 53 cuộc đấu tranh với 4.370 lượt người tham gia đòi giải quyết đời sống, đòi tự do đi lại làm ăn. Tại trường trung học đệ nhị cấp thị xã Blao, tổ Đảng trực tiếp lãnh đạo phong trào đấu tranh của giáo viên học sinh và các tổ chức công khai, hợp pháp tại trường như: Hội đồng giáo sư cố vấn, Hội đồng giáo sư hướng dẫn (giáo viên chủ nhiệm); Ban đại diện học sinh. Tháng 3-1974, cơ sở cốt cán và học sinh trong trường ra tập san "Niềm tin" (in ronéo 500 bản) có nội dung tiến bộ và được bạn đọc hưởng ứng. Nhưng sau đó chính quyền địch ra lệnh tịch thu và cấm lưu hành. Đảng viên và cơ sở cốt cán trong trường tham gia ban biên tập tờ báo "Thấp Đước" (dưới danh nghĩa là tờ báo của Liên đoàn học sinh Phật tử Lâm Đồng), tờ báo có tác dụng giáo dục lớn trong giáo viên, học sinh và thanh niên. Tổ Đảng còn tham gia lãnh đạo các tổ chức: Liên đoàn học sinh Phật tử Lâm Đồng; Lực lượng hòa giải Phật giáo và Ủy ban đòi thi hành Hiệp định Pa-ri ở thị xã Blao. Mục tiêu hoạt động của các tổ chức trên là lên án âm mưu và hành động của đế quốc Mỹ và bọn tay sai bán nước, khơi dậy tinh thần yêu nước và hướng quần chúng về cách mạng.

Ngày 15-3-1975, nhân dịp nhà trường tổ chức thi "Khánh tiết" (trang trí lớp học), cơ sở trong trường hướng dẫn học sinh các lớp đưa một số tranh vẽ và khẩu hiệu vào nội dung trang trí. Ở lớp 12c, học sinh vẽ bức tranh lớn hình một cô gái cầm liềm ôm bó lúa màu vàng in lên bầu trời màu đỏ, quanh hình là một vòng tròn mang dòng chữ: "Độc lập, tự do, không có gì quý hơn". Khi Hiệu trưởng cùng Ban chấm thi đến kiểm tra, chúng hết sức ngạc nhiên và tức tối, liền cho bọn phản động trong trường đến gỡ bức tranh. Ở lớp 12b, học sinh trang trí câu khẩu hiệu: "Tổ quốc trên hết", thể hiện ý thức và tình cảm của mình đối với dân tộc. Tên Hiệu trưởng ra lệnh học sinh xé bỏ khẩu hiệu đó nhưng không được chấp nhận, hấn liền tỏ thái độ láo xược và xúc phạm đến lòng tự trọng của học sinh (1). Nhân sự việc đó, tổ Đảng và cơ sở cốt cán vận động học sinh toàn trường bãi khóa. Liên tục trong 5 ngày học sinh ngồi trước sân trường đồng thanh hát bài "Dậy mà đi", đồng thời cử đoàn đại diện học sinh đến gặp Ban lãnh đạo nhà trường và bắt tên Hiệu trưởng phải ra xin lỗi trước học sinh. Mặc dù địch đưa lực lượng cảnh sát đến bao vây và sẵn sàng đàn áp, nhưng cuối cùng tên Hiệu trưởng của trường là Phó Chủ tịch đảng dân chủ Bảo Lộc phải xin lỗi học sinh. Qua phong trào đấu tranh của học sinh, ta đã xây dựng được 50 cơ sở cốt cán, uy tín và ảnh hưởng của cách mạng ngày càng nâng cao. Với sự phát triển của phong trào cách mạng địa phương, thực lực cách mạng trong vùng địch kiểm soát không ngừng được củng cố và phát triển. Từ đầu năm 1973 đến tháng 5-1974 trong 116 ấp, sở đã tổ chức được 1.321 cơ sở, 12 chi bộ với 97 đảng viên, gần 100 du kích mật và tự vệ mật, 35 cơ sở binh vận, 4 lữm chính trị với trên 160 quần chúng.

(1) Tên hiệu trưởng nói trước học sinh: "chúng mày chỉ có "tổ cô" chứ tổ quốc gì?".

Ở vùng căn cứ, đời sống ổn định hơn, sản xuất phát triển mạnh, nên đã giải quyết được lương thực, một số nơi có dự trữ từ 3-5 tháng. Công tác xây dựng Đảng và phát triển lực lượng dân quân du kích được quan tâm hơn. Đến cuối năm 1974, ở 13 xã căn cứ có 40 chi bộ với 1.328 đảng viên và 1.425 dân quân du kích.

Nhằm thực hiện âm mưu bình định lần chiếm và đối phó với các hoạt động của ta, trong năm 1974 quân địch ở Tuyên Đức tiếp tục dồn quân bắt lính, củng cố bộ máy kèm ở cơ sở. Chúng tuyên truyền và bắt buộc vào Đảng dân chủ nhằm thanh lọc quần chúng, truy bắt cơ sở cách mạng. Ở bên ngoài, địch ra sức ủi phá, phát quang địa hình, đưa dân đến lần chiếm lập khu định cư. Tại Đức Trọng, địch tập trung lực lượng lần chiếm khu vực Núi Chai, đóng cứ điểm ở thác Pông Gua, tiến hành cày ủi, chia ra từng ô để chuẩn bị đưa dân Tùng Nghĩa đến ở, làm vành đai bảo vệ quận lỵ Đức Trọng, sân bay Liên Khương. Địch còn tiến hành làm đường từ đường 21 kéo dài vào Rông Tô, Khút, B'Teng để đưa dân về chỗ cũ lập khu tập trung, chặn hành lang của ta từ căn cứ của tỉnh ra bàn đạp thị xã. Ở Đơn Dương địch đưa lực lượng ra khu Tam Giác đóng chốt các cao điểm, hỗ trợ cho bọn khai thác gỗ nhằm đẩy lực lượng ta ra khỏi bàn đạp. Hướng Nam thị xã Đà Lạt, địch lần chiếm khu vực Quảng Thừa, Quang Trung, đóng thêm một số cứ điểm. Đến cuối năm 1974, địch đã ủi phá trên 10.000 ha ở các khu vực Núi Chai, Tam Giác Hồ Tiên và phía Nam thị xã Đà Lạt, dự định đưa 20.000 dân đến ở nhằm làm vành đai bảo vệ bên trong, lần chiếm các bàn đạp và cắt đứt đường hành lang của ta. Đối với vùng căn cứ, chúng tăng cường hoạt động thám báo, biệt kích, dùng lực lượng nhỏ, thọc sâu phá hoại sản xuất và tập kích vào hậu cứ các cơ quan đơn vị. Những âm mưu và thủ đoạn hoạt động của địch làm cho ta gặp nhiều khó khăn, tổn thất, làm hạn chế sự phát triển của phong trào.

Quán triệt tinh thần Nghị quyết Hội nghị lần thứ 21 của Ban chấp hành trung ương Đảng và các chỉ thị của Trung ương Cục, tháng 12-1973 Tỉnh ủy Tuyên Đức họp kiểm điểm tình hình và xác định nhiệm vụ chủ yếu năm 1974 là: Ra sức đánh phá âm mưu bình định lấn chiếm, ủi phá địa hình của địch, khẩn trương xây dựng và phát triển thực lực cách mạng trên các vùng. Xây dựng các bàn đạp bao đảm thể đứng vững chắc cho lực lượng vũ trang và đội công tác ven thị xã các trục giao thông, xây dựng lõi chính trị bên trong và các ấp vùng ven thị xã nhằm tạo thế bám cho Tỉnh ủy và Thị ủy vào chỉ đạo phong trào Đà Lạt. Trước mắt, tập trung khôi phục lại thế tranh chấp, làm lỏng rã kèm ở các ấp trên đường 11, 20, 21 kéo dài, chủ yếu là các xã Xuân Trường, Xuân Thọ và Hiệp Thạnh.

Bước vào năm 1974, tình hình Tuyên Đức gặp nhiều khó khăn, các đơn vị vũ trang quân số giảm nhiều. Đơn vị 810 từ chỗ 1 tiểu đoàn nay còn lại 1 đại đội với 75 cán bộ, chiến sĩ, đại đội đặc công 54B còn 37 đồng chí; bộ đội địa phương các huyện mỗi đơn vị chỉ còn 15 đồng chí. Tuy vậy, trong năm 1974 phong trào cách mạng địa phương tiếp tục có chuyển biến mới. Lực lượng vũ trang đánh địch 48 trận, loại khỏi vòng chiến đấu 224 tên. Các đơn vị liên tục đánh địch nong ra lấn chiếm khu vực Tam Giác Hồ Tiên, Nam Ban. Đặc biệt trong tháng 11 năm 1974, 40 cán bộ, chiến sĩ đại đội 810 chiến đấu suốt 3 ngày đêm chống cuộc hành quân càn quét của 3 tiểu đoàn bảo an, có pháo binh yểm trợ vào khu vực Nam Ban, loại khỏi vòng chiến đấu 60 tên. Các đội công tác cùng lực lượng vũ trang đã 41 lần đột nhập vào 11 ấp, rải 8.270 truyền đơn, gặp 109 gia đình và 209 lượt người để tuyên truyền chính sách hòa hợp dân tộc. Từ tháng 4 đến tháng 6 năm 1974, các đội công tác của thị xã Đà Lạt đột nhập vào các ấp Nam Thiên, Sào Nam diệt một số tên một vụ và chỉ điểm. Tại thị xã Đà Lạt, lực lượng học sinh sinh viên tiếp tục đấu tranh bằng các hình thức công khai, nửa hợp pháp, vừa tuyên truyền Hiệp định Pa-ri, vừa kết hợp với phong trào đấu tranh

đòi dân sinh, dân chủ. Ngoài các tổ chức công khai hợp pháp như: Ban chấp hành phụ nữ đòi quyền sống; Mặt trận nhân dân tranh thủ hòa bình, Mặt trận bảo vệ văn hóa dân tộc, ở Đà Lạt còn thành lập Ủy ban đòi thi hành Hiệp định Pa-ri, Mặt trận cứu đói; Ủy ban nhân dân chống tham nhũng; Ủy ban đòi cải thiện chế độ lao tù để tập hợp quần chúng và đấu tranh bằng nhiều hình thức phong phú. Nhân ngày Phật đản đầu năm 1974, tại sân chùa Linh Sơn, khoảng 200 sinh viên tổ chức đêm lửa trại "Lửa hồng", chủ đề cuộc hội thảo là: Qua một năm Hiệp định Pa-ri đã đem lại gì cho Việt Nam? Cơ sở bên trong hướng dẫn sinh viên Phật tử tổ chức cắm trại 2 ngày, rước đuốc, tuần hành mang biểu tượng chim bồ câu trên bản đồ Việt Nam và hồ vang khẩu hiệu hòa bình.

Đến cuối năm 1974, thực lực cách mạng trong vùng địch tạm kiểm soát có 295 cơ sở (so với năm 1973 giảm 204 cơ sở), 299 cảm tình, 4 tổ du kích mật, an ninh mật. Riêng thị xã Đà Lạt còn 95 cơ sở, 100 cảm tình, 1 chi bộ chợ Đà Lạt, 1 tổ Đảng trong sinh viên (có 7 đảng viên), các lữ đoàn chính trị ở Thái Phiên, Sào Nam, Tây I lữ, Trại Mát, Phước Thành, Xuân An vẫn giữ được.

Để nâng cao sức chiến đấu của lực lượng vũ trang, Tỉnh ủy và Ban cán sự tỉnh đội Tuyên Đức quan tâm chỉ đạo công tác xây dựng Đảng và phát triển đảng viên. Nhưng do chi bộ còn nhiều mặt yếu kém, nội dung sinh hoạt chưa tốt và chưa thường xuyên làm tốt công tác giáo dục chính trị, tư tưởng nên trong cuộc vận động xây dựng chi bộ 4 tốt nhiều chi bộ chưa đạt yêu cầu. Công tác phát triển đảng viên còn chậm, trong năm 1973 và 6 tháng đầu năm 1974 chỉ kết nạp được 41 đảng viên, trong khi đó số đảng viên hy sinh 42 đồng chí.

Từ khi có Hiệp định Pa-ri đến cuối năm 1974, Tỉnh ủy Lâm Đồng và Tỉnh ủy Tuyên Đức lãnh đạo quân và dân trong tỉnh phát huy tinh thần tự lực tự cường, khắc phục mọi khó khăn gian khổ

cùng toàn miền đánh trả hành động bình định lấn chiếm của địch. Công tác giáo dục chính trị, lãnh đạo tư tưởng được quan tâm nhằm làm cho cán bộ, đảng viên, chiến sĩ quán triệt tình hình nhiệm vụ mới, quyết tâm hoàn thành mọi nhiệm vụ.

Nhưng nhược điểm cơ bản của hai Đảng bộ trong thời gian này là chưa kịp thời đánh giá âm mưu, thủ đoạn hoạt động của địch sau khi có Hiệp định Pa-ri, chưa quán triệt quan điểm bạo lực cách mạng trong giai đoạn mới, do đó có địa phương, đơn vị lúc đầu còn chần chừ đánh địch lấn chiếm. Công tác giáo dục chính trị, lãnh đạo tư tưởng có lúc chưa giải quyết kịp thời những băn khoăn, vướng mắc của cán bộ, chiến sĩ nên có xuất hiện tư tưởng bi quan giao động. Công tác xây dựng Đảng, phát triển Đảng viên và xây dựng thực lực cách mạng bên trong còn chậm, chưa đáp ứng yêu cầu của giai đoạn mới, nhất là ở Tuyên Đức.

II. Lâm Đồng, Tuyên Đức chuẩn bị lực lượng, tranh thủ thời cơ giải phóng toàn tỉnh (từ tháng 12-1974 đến tháng 4-1975).

Từ giữa năm 1974, trên chiến trường miền Nam đã xuất hiện tình thế mới, tình hình có nhiều chuyển biến căn bản. Đến cuối năm 1974 các quận lỵ Thượng Đức, Minh Long, Nha Bích, Tống Lê Chân, Tánh Linh, Măng Đen, Giá Vực được giải phóng, nhưng địch không có khả năng chiếm lại. Trước tình hình đó, tháng 10-1974, Bộ chính trị Trung ương Đảng họp và quyết định phương án hoàn thành sự nghiệp giải phóng miền Nam trong hai năm 1975-1976.

Chấp hành Nghị quyết Hội nghị lần thứ 21 của Ban chấp hành Trung ương Đảng, tháng 8-1974, Trung ương Cục tổ chức Hội nghị tổng kết, đánh giá kế hoạch đánh phá bình định và thông qua kế hoạch hoạt động mùa khô từ cuối năm 1974 đến tháng 5-1975 gồm

2 đợt: đợt 1 từ tháng 12-1974 đến tháng 2-1975, đợt 2 từ tháng 3-1975 đến tháng 5-1975.

Quán triệt tinh thần đó, Khu ủy 6 đề ra yêu cầu, nhiệm vụ đợt 1 là: Tập trung lực lượng, đẩy mạnh tấn công trên 3 vùng, làm chuyển tình thế, tạo ra bước ngoặt mới nhằm đánh bại một bước quan trọng kế hoạch bình định lần chiếm của địch, ở những địa bàn trọng điểm giữ vững và mở rộng vùng giải phóng, khôi phục và mở thêm vùng tranh chấp, thu hẹp vùng kèm, phát triển cơ sở cách mạng đưa phong trào đô thị lên bước phát triển mới nhằm làm thay đổi tương quan lực lượng có lợi cho ta. Vấn đề quan trọng nhất là giành dân, giành quyền làm chủ, làm lỏng hay thu hẹp diện kèm của địch.

Để phù hợp với tình hình địa phương, Tỉnh ủy Lâm Đồng đề ra yêu cầu của chiến dịch là: Ra sức tấn công địch, đẩy lùi một bước âm mưu bình định lần chiếm của địch, phát triển phong trào du kích chiến tranh, mở rộng diện hoạt động đều khắp. Đánh phá một số phân chi khu, đồn bót, vừa đánh tiêu diệt, vừa giải trang phòng vệ dân sự ở các ấp, đưa một số ấp yếu lên tranh chấp mạnh, kể cả vùng ven thị xã. Cùng với việc mở rộng phong trào, phải xây dựng và phát triển lực lượng vũ trang, lực lượng chính trị, cơ sở cách mạng và du kích mật bên trong, xây dựng nội tuyến trong phòng vệ dân sự. Vùng căn cứ vừa bố phòng đánh địch căn quét, chuẩn bị đón dân phía trước về, vừa huy động dân công phục vụ phía trước, lực lượng du kích luân phiên ra phía trước cùng đội công tác đánh địch, bám quần chúng phát động và xây dựng phong trào.

Ở Tuyên Đức, bước sang năm 1975 tình hình vẫn còn nhiều khó khăn. Các cơ quan, đơn vị trong tỉnh chỉ còn 300 cán bộ, chiến sĩ. Phong trào quần chúng yếu, cơ sở cách mạng trong vùng địch kiểm soát còn rất ít. Trong khi đó, lực lượng địch ở địa phương còn khoảng 15.000 tên, được trang bị đầy đủ. Nhưng với quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ chiến lược trong giai đoạn mới, Hội nghị Tỉnh ủy

cuối năm 1974 đã xác định: Phải tập trung sức đánh bại một bước quan trọng kế hoạch bình định, lấn chiếm của địch. Ra sức khôi phục các bàn đạp đã mất và mở rộng các lõm chính trị bên trong thị xã nhằm tạo được thế đứng bên ngoài lấn bên trong vững chắc. Tích cực giành lại vùng làm chủ, tranh chấp cũ và mở thêm vùng mới, làm thay đổi tương quan có lợi cho ta để khi có thời cơ tiến lên giành thắng lợi quyết định.

Phối hợp với phong trào toàn Miền, qua hoạt động đợt 1 mùa khô 1974-1975, quân và dân Khu 6 phối hợp với lực lượng vũ trang Khu 7 tiêu diệt và đánh thiệt hại nặng 4 tiểu đoàn, 1 đại đội, tiêu hao nặng một bộ phận chủ lực cơ động thuộc sư đoàn 18 ngụy, làm tan rã bộ máy kèm xã, ấp ở huyện Tánh Linh và phần lớn huyện Hoài Đức (1), tiêu diệt phân chi khu Võ Đắc, san bằng 80 đồn bót, bắn rơi và phá hủy 19 máy bay, phá hỏng 67 xe quân sự, thu 2.389 súng các loại, giải phóng hoàn toàn một huyện và 4 xã với 35.000 dân.

Tại Lâm Đồng, lực lượng vũ trang của tỉnh tấn công khu tập trung Quảng Lâm; đội công tác và du kích căn cứ đột nhập vào các ấp Long Trao, Hàng Làng, các đồn điền. Trong đợt 1, lực lượng vũ trang tỉnh đánh địch 83 trận, loại khỏi vòng chiến đấu 194 tên, đánh thiệt hại nặng một đại đội và một trung đội bảo an, san bằng nhiều đồn bót, địch buộc phải rút khỏi khu vực Trảng Bia.

Hòa nhịp với khí thế tiến công của chiến dịch, lực lượng vũ trang tỉnh Tuyên Đức tuy còn yếu nhưng đã cố gắng đẩy mạnh hoạt động, tiêu diệt địch tại ấp R'Lom, liên tục đánh địch lấn chiếm ở khu vực Nam Ban; các đội công tác phối hợp với du kích mật đánh vào trụ sở xã Bắc Hội, đánh địch đóng chốt ở Đất Mới, đột nhập

(1) Hai huyện: Tánh Linh, Hoài Đức thuộc tỉnh Bình Tuy nay là tỉnh Thuận Hải.

vũ trang tuyên truyền vào các ấp Gia Thạnh, Bắc Hội, Lạc Xuân, Nam Sơn, Phú Hội, Quảng Hiệp, Định An và các ấp vùng ven thị xã Đà Lạt như Đa Lộc, Đa Cát, Quang Trung. Do đó ta đã giữ được các bàn đạp (trừ khu vực Núi Chai), giành lại được một số ấp tranh chấp trước đây bị mất như Đất Làng, Xuân Sơn, Định An, Bắc Hội, Phú Thuận. Đó là điều kiện thuận lợi cho tỉnh Tuyên Đức khi bước vào đợt 2 của chiến dịch.

Nhìn chung trong đợt 1 mùa khô 1974-1975, phong trào cách mạng hai tỉnh Lâm Đồng, Tuyên Đức có bước phát triển mới, từng bước ngăn chặn và đẩy lùi âm mưu bình định, lấn chiếm của địch, củng cố và xây dựng được thực lực cách mạng bên trong. Nhưng vì lực lượng ta có hạn nên hoạt động chưa được thường xuyên, kết quả chưa đáp ứng với yêu cầu giai đoạn mới.

Thắng lợi vang dội, dồn dập trên các chiến trường trong những tháng đầu năm 1975 đã tạo ra bước ngoặt mới của cách mạng miền Nam. Những điều kiện cho việc giải phóng hoàn toàn miền Nam đang chín muồi.

Chấp hành Nghị quyết của Bộ chính trị Trung ương Đảng (Hội nghị tháng 10-1974 và tháng 1-1975), từ ngày 4 đến ngày 24-3-1975 chiến dịch Tây Nguyên mở đầu cuộc tổng tiến công và nổi dậy giải phóng miền Nam đã giành được thắng lợi vang dội. Thừa thắng, ta mở các chiến dịch lớn giải phóng Trị-Thiên và một số tỉnh đồng bằng Khu 5. Để tranh thủ thời cơ chiến lược, ngày 25-3-1975 Bộ chính trị họp quyết định giải phóng miền Nam trước mùa mưa năm 1975. Ngày 31-3-1975, Bộ chính trị nhận định: Thời cơ để tiến hành cuộc tổng tiến công và nổi dậy giải phóng Sài Gòn, giải phóng hoàn toàn miền Nam đã chín muồi. Bộ chính trị hạ quyết tâm chiến lược: Nắm vững thời cơ chiến lược hơn nữa, với tư tưởng chỉ đạo thần tốc, táo bạo, bất ngờ, chắc thắng, thực hiện tổng tiến công và nổi dậy, giải phóng miền Nam trong tháng 4-1975.

Ngày 29-3-1975, Hội nghị Trung ương Cục lần thứ 15 ra Nghị quyết đặc biệt đề ra nhiệm vụ trực tiếp khẩn cấp là: Bắt đầu vào đợt 2, cách mạng miền Nam đã chuyển lên nhảy vọt, phát triển thành cuộc tổng công kích, tổng khởi nghĩa giành toàn bộ chính quyền về tay nhân dân. Vì vậy, phải tranh thủ thời gian, vì thời gian lúc này là sức mạnh, phải tập trung từng giờ, từng ngày, từng tháng vào từ đầu tháng 4-1975, Huyện ủy tập trung chỉ đạo huyện lỵ, Tỉnh ủy tập trung chỉ đạo tỉnh lỵ, Khu ủy chỉ đạo thành phố, cơ quan quan trọng nhất của mình.

Trung ương Cục và Quân ủy Miền giao nhiệm vụ cho Khu 6 là giải phóng huyện Hoài Đức và toàn tỉnh Bình Tuy, đồng thời phối hợp với lực lượng Miền đánh chiếm chi khu Đa Huoai, giải phóng Bảo Lộc, Di Linh và các tỉnh Ninh Thuận, Bình Thuận.

Bước vào đợt 2 của chiến dịch, hai tỉnh Lâm Đồng, Tuyên Đức vẫn còn gặp nhiều khó khăn. Ở Lâm Đồng, lực lượng vũ trang của tỉnh chỉ còn 504 cán bộ, chiến sĩ. Trong khi đó, địch tăng cường thêm lực lượng để phòng thủ, đưa số quân các loại lên 18.800 tên. Ngoài ra ở hai tỉnh còn có các đơn vị thiết giáp, pháo binh, máy bay và trên 1.000 sĩ quan ở các trường Võ bị, Chỉ huy và tham mưu, Chiến tranh chính trị, Cảnh sát tại Đà Lạt.

Trước thời cơ ngàn năm có một và được sự chỉ đạo trực tiếp của Thường vụ Khu ủy 6, Tỉnh ủy Lâm Đồng và Tỉnh ủy Tuyên Đức xác định: Chủ động tấn công địch để phối hợp với các chiến trường, đồng thời khi có lực lượng chủ lực của trên về hoạt động tại địa phương thì phải sẵn sàng phối hợp tấn công và nổi dậy, giành chính quyền về tay nhân dân.

Thắng lợi to lớn trên các chiến trường đã có ảnh hưởng rất lớn đến địa phương. Ở Lâm Đồng, trong các cơ quan, đơn vị và nhân dân vùng căn cứ không khí nhộn nhịp hẳn lên, toàn bộ sức người sức của được huy động phục vụ chiến dịch, quyết tâm giải phóng

quê hương. Trên 2.500 lượt người dân căn cứ Bắc tham gia hàng vạn ngày công làm con đường kéo pháo từ Madagui đến B'Trú để phối hợp tiến công thị xã Blao. Cơ sở "Công doanh" của tỉnh cung cấp hàng trăm tấn lương thực, thực phẩm cho các đơn vị chủ lực và các cơ quan đơn vị trong tỉnh. Trong vùng địch kiểm soát, các chi bộ lãnh đạo cán bộ, đảng viên, cơ sở tại chỗ có kế hoạch nổi dậy diệt địch, phá kềm, chiếm lĩnh và bảo vệ các cơ quan, nhà máy, xí nghiệp và thành lập chính quyền tự quản. Tại thị xã Blao, lực lượng tại chỗ (1) tuy chưa được phổ biến tình hình và giao nhiệm vụ cụ thể, nhưng qua đài phát thanh biết được tình hình chung có nhiều chuyển biến nên chi bộ họp bàn kế hoạch hoạt động khi có lực lượng bên ngoài vào đánh chiếm thị xã. Với phương án đó, các cơ sở đã chuẩn bị 42 ô tô, 14 xe lam, 500 lít xăng, lương thực, thực phẩm, may cò và có kế hoạch tiếp quản, bảo vệ các cơ quan nhà máy.

Đầu tháng 3-1975, tại Cầu Cháy (Tà Lài), đồng chí Trần Lê bí thư Khu ủy 6 triệu tập Hội nghị gồm một số đồng chí Thường vụ Khu ủy và Bộ chỉ huy Quân khu 6, đại diện của Miền để thống nhất chỉ đạo, triển khai kế hoạch tấn công và thành lập Đảng ủy tiền phương. Khu ủy chỉ định Ủy ban quân quản tỉnh Lâm Đồng, phân công đồng chí Trần Như Khuôn (tức Năm Lực) bí thư Tỉnh ủy Lâm Đồng trực tiếp chỉ đạo địa bàn Di Linh, phối hợp với lực lượng Khu và Miền chuẩn bị chiến trường, đánh chiếm và tiếp quản.

Tình hình trên các chiến trường ngày càng phát triển thuận lợi, có điều kiện thực hiện quyết tâm chiến lược của Bộ chính trị đề ra. Do vậy, chỉ sau 15 ngày được Khu ủy giao nhiệm vụ, Tỉnh ủy Lâm Đồng đã ba lần thay đổi phương án cho phù hợp với tình hình và

(1) Có 1 chi bộ với 7 đảng viên, 29 đoàn viên, 7 tự vệ mật, 7 đoàn viên công đoàn.



* Đồng chí Trần Nhật Khuôn, Bí thư Tỉnh ủy Lâm Đồng
(1973-1975)

yêu cầu chiến dịch. Phương án lần thứ 3 là khẩn trương chuẩn bị giải phóng B'Xa, Đa Hơ ai, Đa Gù, uy hiếp Di Linh, cô lập thị xã Blao và khi có lực lượng của trên đánh chiếm Quảng Đức thì Lâm Đồng tranh thủ thời cơ giải phóng tỉnh nhà. Với phương án đó, Tỉnh ủy tập trung chỉ đạo các đơn vị khẩn trương chuẩn bị chiến trường, bố trí cán bộ chiến sĩ dẫn đường cho binh đoàn chủ lực hành quân chiến đấu.

Cũng tại Cầu Cháy, đầu tháng 3-1975, đồng chí Huỳnh Minh Nhựt, bí thư Tỉnh ủy Tuyên Đức được đồng chí bí thư Khu ủy giao nhiệm vụ và kế hoạch phối hợp hoạt động. Đối với tỉnh Tuyên Đức, để phối hợp với chiến trường Lâm Đồng, phải tập trung lực lượng giải phóng đoạn đường 21 kéo dài từ Đa Me đến Phú Sơn, tạo thế bàn đạp cho quân chủ lực chuẩn bị giải phóng Đà Lạt và toàn bộ tỉnh Tuyên Đức. Theo sự chỉ đạo của trên, Tỉnh đội Tuyên Đức có nhiệm vụ cử cán bộ đến bến phà Phi Có bắt liên lạc với bộ phận chuẩn bị chiến trường của Sư đoàn 10, đưa bộ phận này về chuẩn bị mở chiến dịch giải phóng Đà Lạt.

Do tình hình các chiến trường thay đổi quá nhanh nên Thường vụ Tỉnh ủy Tuyên Đức thay đổi kế hoạch hoạt động. Đại đội 810 không bố trí đứng trên đường 21 kéo dài mà chuyển hai trung đội (thiếu) sang chiếm lĩnh địa bàn xã Xuân Trường để phá ấp, phá kèm lán chủ đường 11, một trung đội còn lại cùng các đội công tác hoạt động trên địa bàn xã Hiệp Thạnh. Khi nào được tin ta giải phóng thị xã Blao thì các đơn vị phải kịp thời chiếm lĩnh và làm chủ xã Hiệp Thạnh, xã Xuân Trường nhằm tạo thế uy hiếp Đà Lạt, buộc địch phải rút lực lượng ở các vùng phụ cận về giữ Đà Lạt, tạo điều kiện cho ta giải phóng toàn bộ vùng nông thôn ở Đức Trọng, Đơn Dương. Thực hiện phương án đó, Thường vụ Tỉnh ủy phân công các đồng chí trong Tỉnh ủy, Tỉnh đội xuống các địa bàn, đơn vị để triển khai kế hoạch hoạt động. Đồng chí bí thư Tỉnh ủy trực tiếp

giao nhiệm vụ cho Thị ủy Đà Lạt theo ba tình huống. Chấp hành chủ trương của Thường vụ Tỉnh ủy, Thị ủy Đà Lạt chỉ đạo cán bộ, đảng viên và cơ sở bên trong chuẩn bị mọi mặt để phối hợp với lực lượng chủ lực tiến công giải phóng Đà Lạt, phát động quần chúng nổi dậy giành quyền làm chủ.

Trong khi ta chuẩn bị giải phóng tỉnh Lâm Đồng, ngày 25-3-1975, bộ đội chủ lực Miền giải phóng thị xã Gia Nghĩa và tỉnh Quảng Đức, tàn quân địch ở đây theo đường 8 rút về Lâm Đồng. Bộ đội địa phương huyện và du kích xã 5 (K3) kịp thời chặn đánh, tiêu diệt 150 tên, bắt sống 170 tên, thu và phá hủy nhiều vũ khí, xe quân sự. Tình hình đó càng làm cho quân địch ở Lâm Đồng hoang mang lo sợ.

Ngày 25-3-1975, sau khi giải phóng La Ngà, Định Quán trên đường 20, Trung đoàn 14 cùng với các đơn vị pháo cao xạ, pháo binh và Sở chỉ huy nhẹ Sư đoàn 7 hành quân theo đường 20 chiếm lĩnh các vị trí phía Tây Bắc Bảo Lộc. Ngày 26-3 toàn bộ đội hình chiến dịch đã đến các vị trí qui định. Lúc 14 giờ ngày 27-3, tiểu đoàn 5 thuộc Trung đoàn 2 nổ súng đánh chiếm chi khu Đa Huoai, cùng lúc đó đại đội 11 của tiểu đoàn 6 và 3 xe tăng tiến công đồn Madagui và tiêu diệt các chốt từ Madagui đến chi khu Đa Huoai. Sau khi chiếm được chi khu Đa Huoai, tiểu đoàn 5 đánh chiếm và bảo vệ Cầu Đạm M'Ré, cầu Đa Huoai để đội hình của sư đoàn hành quân. Phát huy uy lực của xe tăng và pháo binh, các đơn vị hành quân bằng cơ giới lần lượt tiêu diệt các đồn bốt ở Kim Hưng, Đạm M'ré, đèo Ba Cô, nhanh chóng vượt qua đèo Bảo Lộc tiến về thị xã Blao. Khi đoàn xe tăng đến cách trung tâm thị xã Blao 5 km, bọn địch phát hiện và bắn pháo chặn đường làm một chiếc bị trúng đạn, song các đơn vị vẫn kiên quyết tiến lên, vừa tiến công uy hiếp địch, vừa củng cố đội hình, chuẩn bị đồng loạt tiến công vào thị xã.

Đúng 4 giờ sáng ngày 28-3, các đơn vị xe tăng, pháo binh, bộ binh đồng loạt tiến công đánh vào thị xã Blao. Từ trên đỉnh dốc Con Ó (phía Bắc thị xã Blao) pháo 130 ly của ta nã đạn vào trung tâm thị xã. Ngay loạt đạn đầu đã bắn rất chính xác vào tòa tỉnh trưởng, phá hủy 2 máy bay trực thăng. Tên tỉnh trưởng ngụy cùng với quân lính tháo chạy hoảng loạn theo đường 20 về phía Di Linh, Đà Lạt. Bộ binh và xe tăng ta tiến vào chiếm lĩnh và làm chủ hoàn toàn thị xã, 8 giờ sáng ngày 28-3-1975, cờ Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam phấp phới tung bay trên cột cờ tòa tỉnh trưởng ngụy. Sau đó, đoàn cán bộ do đồng chí Nguyễn Xuân Du (tức Tám Cảnh), phó bí thư Tỉnh ủy Lâm Đồng vào tiếp quản thị xã trước sự đón tiếp hân hoan, phấn khởi của đồng bào. Nhờ có sự chuẩn bị trước và phối hợp chặt chẽ nên chi bộ và cơ sở bên trong đã nhanh chóng ổn định tình hình, kêu gọi binh lính ra trình diện và nộp súng, các cơ sở kinh tế, văn hóa trong thị xã được bảo vệ an toàn. Khi lực lượng bên ngoài tấn công địch, chi bộ lãnh đạo cơ sở tại nhà máy điện Blao nổi dậy làm chủ nhà máy nên nguồn điện vẫn được duy trì, bảo đảm ánh sáng cho thị xã.

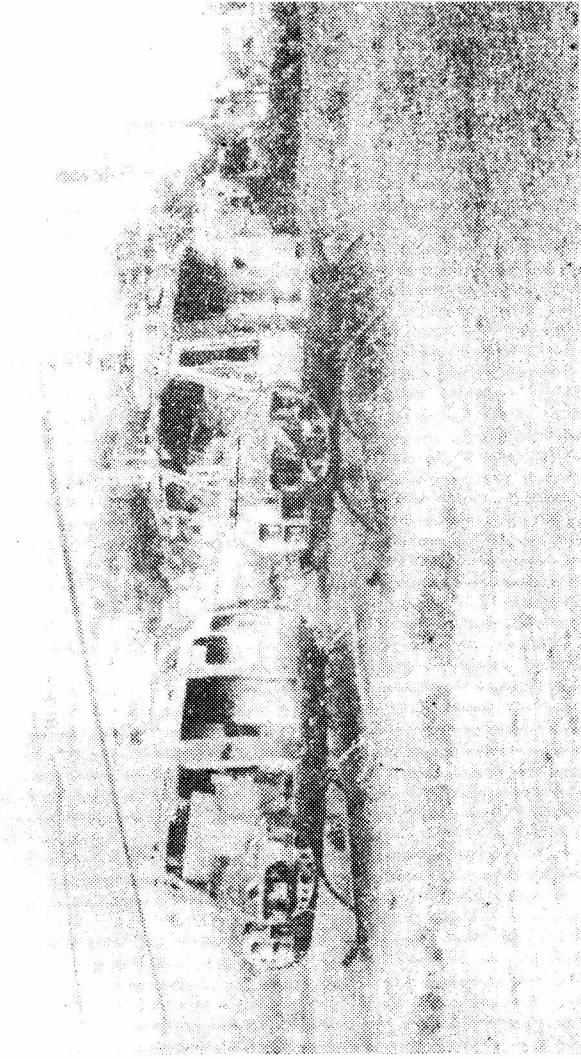
Khi được tin quân ta đã giải phóng thị xã Blao và bọn địch ở Di Linh hoang mang, giao động, đại đội 5 trinh sát của Quân khu chớp thời cơ đánh chiếm chi khu và quận lỵ Di Linh, đổi Pát-xơ. Bọn địch ở đây tan rã nhanh chóng và rút chạy theo đường 20 lên Tam Bố, Đại Ninh. Nhưng ngày 29-3, địch thấy lực lượng ta ở Di Linh quá ít, chúng tập hợp số tàn quân của hai tiểu đoàn 361, 362 và xin tiểu khu Tuyên Đức chi viện thêm 2 tiểu đoàn Bảo an số 200 và 276, hai chi đội xe bọc thép, một đại đội pháo 105 ly để phản kích chiếm lại thị trấn Di Linh. 15 giờ ngày 29-3 một bộ phận của Sư đoàn 7 (quân chủ lực) có cả xe bọc thép đã đến khu vực Liên Đàm, cách thị trấn Di Linh 5 km, nhưng vì chưa bắt được liên lạc với lực lượng ta trong thị trấn nên chưa triển khai đánh địch. Mặc dù trong tình thế bị bao vây và quân địch đông gấp nhiều lần, đại đội 5 trinh

sát của ta vẫn ngoan cường chiến đấu, giữ vững các vị trí đã chiếm được. Chiều ngày 30-3, tiểu đoàn 840 thuộc trung đoàn 812 (chủ lực Quân khu 6) hành quân cấp tốc đến khu vực Đan Rách (Nam thị trấn Di Linh 3 km) thì bắt được liên lạc và hiệp đồng với lực lượng ta tại Di Linh phản công địch. Về Sư đoàn 7, do yêu cầu nhiệm vụ mới, đã chuyển hướng hành quân, chỉ để lại một trung đội xe tăng, một trung đội pháo phối hợp với các lực lượng địa phương tiếp tục đánh địch. Đêm 30 rạng ngày 31-3, lực lượng của ta liên tục tiến công, đánh tan lực lượng địch, giải phóng hoàn toàn thị trấn Di Linh, sau đó tiếp tục truy kích địch chạy về phía Tuyên Đức.

Trong khi lực lượng vũ trang tiến công giải phóng thị xã Blao và thị trấn Di Linh, thì ở các khu tập trung, áp chiến lược, cơ sở và cốt cán tại chỗ đã phát động quần chúng nổi dậy diệt ác, phá kềm, giành quyền làm chủ. Hàng vạn đồng bào các dân tộc ít người bị địch dồn vào các khu tập trung, áp chiến lược nhanh chóng phá banh áp, trở về buôn, làng cũ.

Ngày 31-3-1975, toàn tỉnh Lâm Đồng (cũ) hoàn toàn được giải phóng.

Sau khi tỉnh Lâm Đồng được giải phóng, Bộ chỉ huy tiền phương của Khu ủy và Quân khu 6 quyết định tiếp tục tấn công, truy kích địch, thực hiện kế hoạch giải phóng Tuyên Đức-Đà Lạt. Đồng chí Đỗ Quang Thắng, ủy viên Thường vụ Khu ủy được phân công đi trước đến địa bàn Tuyên Đức để chỉ đạo và phối hợp các lực lượng thực hiện kế hoạch đó. Chiều ngày 2-4-1975, lực lượng chủ lực của Quân khu đã đến khu vực Nain cầu Đại Ninh (ranh giới hai tỉnh Tuyên Đức và Lâm Đồng cũ) thì phải dừng lại vì khi rút chạy từ Di Linh về Đà Lạt, địch đã phá hỏng cầu để làm chậm cuộc tiến quân của ta. Nhưng cơ sở cách mạng tại chỗ đã kịp thời hướng dẫn quần chúng đưa đến hàng chục chiếc thuyền cho bộ đội qua



* Xác máy bay trực thăng bị quân Giải phóng phá hủy ngay loại pháo đầu tiên,
sáng 28/3/1975 tại B'Lao

sông và hàng chục xe ô tô để đón bộ đội vào giải phóng thị trấn Tùng Nghĩa, quận lỵ Đức Trọng ngay trong đêm 2-4-1975. Toàn bộ quân địch ở đây tan rã nhanh chóng. Ủy ban quân quản huyện Đức Trọng và thị trấn Tùng Nghĩa được thành lập ngay trong đêm đó.

Các đồng chí lãnh đạo Khu ủy và Bộ chỉ huy tiền phương cùng theo sát cuộc hành quân của bộ đội đã lập thời động viên cán bộ, chiến sĩ ta và ra lệnh tiếp tục tiến lên giải phóng thị xã Đà Lạt, một sào huyệt cuối cùng và rất quan trọng của địch ở Tây Nguyên.

3 giờ sáng ngày 3-4-1975, lực lượng của ta đã đến khu vực ngã ba Phi Nôm và chia làm hai mũi: tiểu đoàn 840 tiến theo đường 21 về thị trấn ĐRan, nhưng bọn địch ở đây đã bỏ chạy đơn vị tiếp thu chỉ khu, quận lỵ và thành lập Ủy ban quân quản huyện Đơn Dương. Tiểu đoàn 186 theo đường 20 lên Đà Lạt. Đến 8 giờ sáng ngày 3-4, đơn vị đã đến ngã tư cây xăng Kim Cúc, cửa ngõ nội ô Đà Lạt, thì gặp một số cán bộ cơ sở của ta. Ngay sau đó, một phân đội của tiểu đoàn cùng với số cán bộ, cơ sở Đà Lạt vào chiếm lĩnh Tòa hành chính tỉnh của ngụy quyền. 8 giờ 20 phút ngày 3-4-1975, cờ cách mạng tung bay tại cơ quan đầu não của ngụy quyền tỉnh, thị xã Đà Lạt và tỉnh Tuyên Đức đã hoàn toàn giải phóng. Tiểu đoàn nhanh chóng triển khai việc chiếm lĩnh tiếp quản, bảo vệ các cơ sở chính trị, kinh tế, văn hóa, kỹ thuật trong thị xã, tổ chức công tác giữ gìn trật tự, truy quét bọn tàn quân của địch, trừng trị bọn lưu manh côn đồ đang cướp phá, bảo vệ tính mạng và tài sản của nhân dân.

Tỉnh ủy Tuyên Đức và Thị ủy Đà Lạt đã triển khai kế hoạch hoạt động phối hợp theo sự chỉ đạo của Khu ủy, nhưng trong chỉ đạo, công tác nắm tình hình địch và thông tin liên lạc không chặt chẽ trong lúc tình hình diễn biến rất nhanh. Vì vậy, từ đêm 31-3 bọn địch ở Đà Lạt và Đức Trọng đã rút chạy nhưng các lực lượng của tỉnh, của Đà Lạt và Đức Trọng không nắm được nên không kịp thời vào chiếm lĩnh và tiếp quản. Tuy vậy, khi thấy địch hoang mang,

giao động, tháo chạy, thì một số đảng viên, cơ sở cách mạng tại chỗ đã tổ chức quần chúng hành động, thành lập các tổ chức tự quản, giữ gìn trật tự, kêu gọi binh lính, sĩ quan và nhân viên nguy quyền nộp vũ khí, tổ chức bảo vệ những cơ sở kinh tế, kỹ thuật quan trọng như: Nhà máy điện, Viện Pát-xơ, Viện Nguyên tử, Nha Địa Dư, Ngân hàng...

Về lực lượng vũ trang địa phương và các đội công tác của Tuyên Đức, Đà Lạt, trong những ngày 1 và 2 tháng 4-1975 cũng đã đánh địch và hoạt động một số nơi ở vùng ven và ngoại ô Đà Lạt như: đại đội 810 đánh chiếm làm chủ vùng Xuân Trường, rồi phát triển lên khu vực Sào Nam, Tây Hồ, các đội công tác hoạt động ở một số ấp phía Bắc Đà Lạt...

Tối ngày 3-4-1975, tại số nhà 15 đường Trần Hưng Đạo đã tiến hành cuộc họp có đại diện Thường vụ Khu ủy và Quân khu 6, để thành lập Ủy ban quân quản tỉnh Tuyên Đức và Ủy ban quân quản thị xã Đà Lạt, phân công cán bộ trực tiếp chỉ đạo từng khu vực để ổn định tình hình, thành lập chính quyền cách mạng ở cơ sở và công bố bản mệnh lệnh số 1 gồm 10 điểm nhằm bảo vệ tính mạng và tài sản của nhân dân, giữ gìn trật tự, an ninh cho thị xã.

Trưa ngày 4-4-1975, các lực lượng tỉnh Tuyên Đức và thị ủy Đà Lạt vào thị xã, cùng với các lực lượng đã vào tiếp quản trước đó tiếp tục tiến hành công tác ổn định tình hình.

Cuộc tổng tiến công và nổi dậy của quân và dân hai tỉnh Lâm Đồng, Tuyên Đức đã kết thúc thắng lợi. Với sự chi viện to lớn của bộ đội chủ lực Miền và lực lượng vũ trang quân khu 6, quân và dân hai tỉnh tiêu diệt và làm tan rã hơn 27.000 tên địch, đánh chiếm 10 tiểu khu, chi khu, quận lỵ, và hàng trăm đồn bót, giải phóng trên 300.000 dân. Sau khi giải phóng, quân và dân hai tỉnh tiếp tục truy quét bọn tàn quân, kêu gọi 20.757 nguy quân, nguy quyền trình diện, truy bắt 1.230 tên, thu 11.355 súng các loại. Chính quyền cách

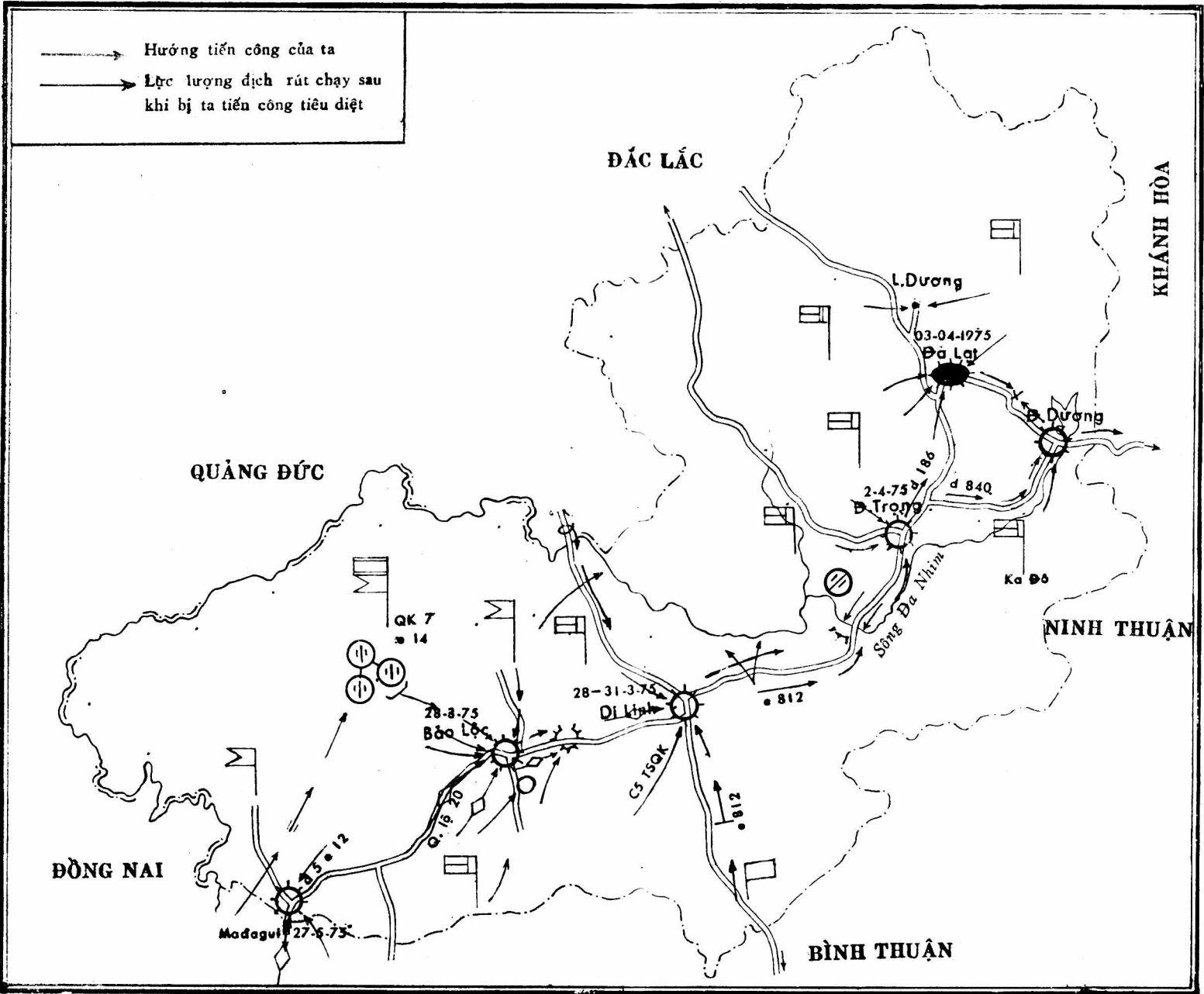
ang các cấp được thành lập, tổ chức lực lượng tự vệ để ổn định trật tự trị an, đồng bào ở một số nơi như Đà Lạt, Tùng Nghĩa, Thanh Bình...đi "di tản" lần lượt trở về.

Hai tỉnh Lâm Đồng, Tuyên Đức được giải phóng tạo điều kiện thuận lợi cho các đơn vị chủ lực tiếp tục tiến công địch, giải phóng các tỉnh còn lại ở Khu 6, mở thông hai quốc lộ 20 và số 1 cho các binh đoàn lớn của ta hành quân đánh chiếm phía Đông Bắc Sài Gòn, kết thúc chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, làm nên đại thắng mùa xuân năm 1975.

Từ khi Hiệp định Pa-ri được ký kết (ngày 27-1-1973) đến khi hai tỉnh Lâm Đồng, Tuyên Đức được hoàn toàn giải phóng là một giai đoạn đấu tranh gay go quyết liệt giữa ta và địch, nhưng Đảng bộ hai tỉnh đã quán triệt quan điểm bạo lực, tư tưởng chiến lược tiến công của Đảng, phát huy tinh thần tự lực tự cường để hoàn thành mọi nhiệm vụ. Nhờ làm tốt công tác giáo dục chính trị, lãnh đạo tư tưởng nên cán bộ, đảng viên, chiến sĩ có quyết tâm khắc phục khó khăn, gian khổ để bám trụ địa bàn, đi sát cơ sở, quần chúng. Vùng căn cứ của tỉnh ngày càng được củng cố và mở rộng đã trở thành hậu phương vững chắc, nơi cung cấp sức người, sức của cho phía trước đánh địch. Trong chỉ đạo đã vận dụng phương châm hai chân ba mũi để tấn công địch, bộ đội địa phương, đội công tác, dân quân du kích, du kích mật, tự vệ mật đều đánh địch có kết quả.

Song trong lãnh đạo và chỉ đạo, Đảng bộ hai tỉnh còn có nhược điểm là: trước sự phát triển nhanh chóng của tình hình và yêu cầu của giai đoạn mới, nhưng ở địa phương vẫn chưa phát huy đầy đủ và kịp thời sức mạnh tổng hợp của quần chúng. Những lúc tình hình có nhiều khó khăn, ác liệt, công tác xây dựng Đảng, công tác giáo dục chính trị tư tưởng chưa được kịp thời nên cá biệt còn có người bỏ nhiệm vụ, đầu hàng địch. Trong thời kỳ trước khi ký Hiệp

Cuộc tổng tiến công và nổi dậy của Quân và dân
Lâm Đồng từ ngày 28-3 đến 03-4-1975



định Pa-ri và chiến dịch mùa khô 1974-1975 có bộ phận chưa hoàn thành nhiệm vụ.

*
**

Để thắt chặt hơn nữa tình thân kết nghĩa giữa hai tỉnh Lâm Đồng, Tuyên Đức với Đảng bộ và nhân dân các dân tộc tỉnh Hà Tuyên, đầu tháng 5-1974, đoàn đại biểu phụ nữ Lâm Đồng, Tuyên Đức ra thăm và dự đại hội phụ nữ tỉnh Hà Tuyên. Sau khi được tin hai tỉnh Lâm Đồng, Tuyên Đức hoàn toàn giải phóng, đồng bào các dân tộc Hà Giang gửi thư chúc mừng, tổ chức mít tinh mừng chiến thắng và phát động phong trào thi đua ủng hộ Lâm Đồng, Tuyên Đức nhanh chóng khắc phục hậu quả chiến tranh, ổn định đời sống.

Tóm lại, qua 15 năm kết nghĩa, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc tỉnh Hà Giang đã có nhiều hoạt động thiết thực. Hưởng ứng phong trào thi đua "Vì miền Nam ruột thịt, vì Lâm Đồng, Tuyên Đức thân yêu", tỉnh Hà Giang có những "cánh đồng Lâm Đồng kiểu mẫu", "Năm tấn thắng Mỹ", thành lập "Công trường Lâm Đồng" và những cuộc vận động quyên góp ủng hộ Lâm Đồng, Tuyên Đức mang lại hiệu quả thiết thực. Tổ quốc gọi, hàng vạn thanh niên các dân tộc tỉnh Hà Giang lên đường nhập ngũ, đặc biệt hai tiểu đoàn mang tên Lâm Đồng thành lập năm 1968 và năm 1972 (1) biểu hiện tình nghĩa sắt son và tình cảm của Đảng bộ và nhân dân tỉnh Hà Giang đối với hai tỉnh Lâm Đồng, Tuyên Đức trong sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước.

(1) Do yêu cầu chung nên cấp trên điều hai tiểu đoàn này đi làm nhiệm vụ ở nơi khác.

KẾT LUẬN

Ngày 3-4-1975, cuộc kháng chiến chống Mỹ của nhân dân Lâm Đồng đã kết thúc thắng lợi, góp phần làm nên đại thắng mùa xuân 1975 và cũng là kết thúc cuộc trường kỳ kháng chiến 30 năm chống ngoại xâm của dân tộc ta và hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ ở miền Nam nước ta.

Trong suốt 21 năm tiến hành cuộc kháng chiến chống Mỹ, giải phóng quê hương, Đảng bộ và nhân dân hai tỉnh Tuyên Đức, Lâm Đồng (tử) ở trong những điều kiện khách quan không thuận lợi: xa sự chỉ đạo của Trung ương, vùng căn cứ và giải phóng rất ít dân và bị chia cắt, vùng địch tạm kiểm soát rộng và phong trào cách mạng ở đó chưa mạnh, thực lực các mặt của cách mạng đều mỏng và yếu... Nhưng với lòng yêu nước cao cả, chí căm thù địch sâu sắc, thấm nhuần chân lý "không có gì quý hơn độc lập tự do", "thà hy sinh tất cả chứ quyết không chịu làm nô lệ", nhân dân các dân tộc hai tỉnh dưới sự lãnh đạo của hai Đảng bộ đã đoàn kết một lòng, vượt qua mọi thử thách, quyết đánh và quyết thắng, đưa sự nghiệp kháng chiến cứu nước ở địa phương đến thắng lợi hoàn toàn.

Thắng lợi trong sự nghiệp kháng chiến cứu nước mà nhân dân Lâm Đồng đạt được, bắt nguồn trước hết từ đường lối và phương pháp cách mạng đúng đắn của Đảng Cộng Sản Việt Nam; nghệ thuật lãnh đạo, chỉ đạo tài giỏi của Trung ương Đảng, Bộ chính trị Trung ương, của Trung ương Cục miền Nam; sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp và sâu sát của Khu ủy và Quân khu ủy Khu 6; sự chi viện giúp đỡ to lớn sức người sức của từ hậu phương lớn miền Bắc và tỉnh Hà Giang anh em; của tình đoàn kết chiến đấu "chung một

1-Nắm vững, vận dụng và thực hiện đường lối, phương châm, phương pháp cách mạng của Đảng vào điều kiện cụ thể của địa phương:

Đường lối và phương pháp tiến hành cách mạng giải phóng dân tộc của Đảng ta thể hiện xuyên suốt quan điểm bạo lực cách mạng, tư tưởng chiến lược tấn công, quan điểm quần chúng và độc lập tự chủ. Quán triệt tinh thần đó, Đảng bộ hai tỉnh Tuyên Đức và Lâm Đồng (cũ) đã có sự vận dụng sáng tạo trên cơ sở đánh giá đúng tình hình và xác định đúng đắn nhiệm vụ chính trị của địa phương. Là một địa bàn có vị trí chiến lược quan trọng ở Nam Tây Nguyên gắn liền với miền Đông Nam Bộ và thành phố Sài Gòn trung tâm đầu não về chính trị, kinh tế và quân sự của ngụy quyền, Lâm Đồng có nhiệm vụ xây dựng và mở rộng căn cứ cách mạng, xây dựng và bảo vệ thông suốt hành lang chiến lược Bắc-Nam, nhằm vừa tạo thế tạo lực cho phong trào cách mạng địa phương vừa phục vụ cho nhiệm vụ cách mạng toàn miền Nam.

Nhằm tổ chức đầu bảo đảm thực hiện thắng lợi nhiệm vụ cách mạng, của địa phương là phải hình thành hệ thống tổ chức lãnh đạo - hệ thống tổ chức Đảng. Từ Ban cán sự Cục Nam đến Liên tỉnh ủy 3 và Khu ủy khu 6 đã rất chú trọng việc hình thành tổ chức Đảng cho Lâm Đồng. Những tổ chức ban đầu như Ban cán sự Đảng Đà Lạt, Ban cán sự Đảng Di Linh, và từ cuối năm 1961 trở đi lần lượt thành lập Đảng bộ Lâm Đồng (cũ), Tuyên Đức. Với chủ trương mở phong trào đến đâu hình thành tổ chức chỉ đạo đến đó nên suốt trong quá trình kháng chiến trên hầu hết các địa bàn của hai tỉnh có phong trào và cơ sở cách mạng đều xây dựng được tổ chức Đảng để chỉ đạo.

Cùng với việc xây dựng hệ thống tổ chức Đảng, linh hồn của phong trào cách mạng, Đảng bộ hai tỉnh rất coi trọng xây dựng và lãnh đạo lực lượng vũ trang cách mạng. Chiến trường Tuyên Đức, Lâm Đồng (cũ) suốt cả cuộc kháng chiến không phải là địa bàn

hoạt động của các đơn vị chủ lực lớn, do đó việc xây dựng lực lượng vũ trang địa phương ngày càng lớn mạnh có ý nghĩa rất quan trọng. Vừa chiến đấu vừa xây dựng, lực lượng vũ trang 2 Tỉnh từng bước trưởng thành, 3 thứ quân phối hợp chặt chẽ hoạt động đánh địch trên mọi địa bàn, cả phía trước và phía sau, vừa bảo vệ vững chắc vùng căn cứ cách mạng, vừa đánh vào hậu phương và các căn cứ của địch trong các đô thị, hỗ trợ nhân dân các vùng địch tạm kiểm soát nổi dậy diệt ác, phá kềm giành quyền làm chủ. Lực lượng vũ trang địa phương hai tỉnh đã thực sự là trụ cột của chiến tranh nhân dân, xứng đáng với lòng tin yêu, quý mến của nhân dân.

Vận dụng phương châm 3 vùng chiến lược (vùng căn cứ giải phóng, vùng nông thôn, vùng đô thị) ở Lâm Đồng cũng thể hiện một nét riêng, áp tính chất và hình thức chiến trường qui định. Mỗi vùng tuy có yêu cầu nhiệm vụ cụ thể khác nhau nhưng lại có quan hệ gắn bó chặt chẽ và hỗ trợ lẫn nhau, nhằm phục vụ một yêu cầu chiến lược là xây dựng thế và lực của ta mạnh để tấn công địch, từng bước mở rộng ảnh hưởng, uy thế và quyền làm chủ của cách mạng, vây ép địch buộc chúng thu hẹp dần vùng kiểm soát, tiến lên tấn công kết hợp với nổi dậy của nhân dân, giành thắng lợi cuối cùng ở đô thị là hậu phương và sào huyệt của địch.

Vùng căn cứ, giải phóng của cách mạng, chủ yếu là địa bàn vùng núi, địa thế hiểm trở, diện tích rất rộng, dân số ít, là địa bàn cực kỳ trọng yếu đối với sự nghiệp kháng chiến. Đây là hình ảnh thu nhỏ của xã hội mới dưới chính quyền dân chủ nhân dân. Được sự trực tiếp lãnh đạo và giáo dục của các tổ chức Đảng, có trình độ giác ngộ cách mạng cao, cộng với tính ưu việt của chế độ dân chủ và những quyền lợi khác do cách mạng đem lại, nhân dân vùng căn cứ, giải phóng phấn khởi, hăng hái, tự giác thực hiện mọi nhiệm vụ cách mạng với khẩu hiệu "tất cả cho tiền tuyến", "tất cả cho phía trước". Đối với các lực lượng vũ trang, đây vừa là địa bàn đứng chân,

xây dựng huấn luyện, là căn cứ xuất phát để tấn công địch, vừa là địa bàn để căng lực lượng địch, thực hiện tiêu hao, tiêu diệt sinh lực của chúng.

Vùng nông thôn, là địa bàn rộng lớn, đông dân, nhiều tiềm lực kinh tế, đại bộ phận đều nằm dưới sự kiểm soát của địch, hầu hết nhân dân đều bị dồn vào những khu tập trung "ấp chiến lược" chủ yếu bố trí ven các đường giao thông và chung quanh các đô thị, nhất là 2 trung tâm lớn, thị xã Đà Lạt và thị xã BLao. Đây là địa bàn có ý nghĩa chiến lược đối với ta và cả với địch, là vùng tranh chấp thường xuyên và quyết liệt giữa 2 phía. Tùy tình hình so sánh lực lượng cụ thể mỗi địa bàn mà sự kiểm soát của địch hay sự làm chủ của ta có thay đổi từng lúc. Đây cũng là địa bàn mà lực lượng vũ trang cách mạng hoạt động với nhiều hình thức phong phú, vừa tiêu hao tiêu diệt sinh lực địch với hiệu suất chiến đấu cao, vừa hỗ trợ nhân dân nổi dậy phá ấp, phá kèm, giành quyền làm chủ, mở rộng vùng giải phóng. Vùng nông thôn nói chung, nhất là vùng do cách mạng làm chủ và tranh chấp mạnh là nơi cung cấp một phần quan trọng sức người sức của cho kháng chiến.

Vùng đô thị trong kháng chiến là địa bàn chiến lược quan trọng của địch, chủ yếu là 2 thị xã Đà Lạt, BLao, là những trung tâm chính trị, kinh tế và quân sự của địch. Toàn bộ cơ quan đầu não và hệ thần kinh chiến tranh của địch đều tập trung ở vùng này. Song, đây cũng là địa bàn mà địch dễ bộc lộ những điểm yếu của chúng, nhất là do đặc điểm về địa lý và giao thông nên các trung tâm này dễ bị cô lập và uy hiếp. Đặc biệt, thị xã Đà Lạt, hầu như suốt thời gian kháng chiến, lúc nào lực lượng cách mạng cũng tổ chức được cơ sở trong nhân dân lao động, và từng lúc phong trào đấu tranh của nhân dân do lực lượng cách mạng chỉ đạo, tổ chức diễn ra mạnh mẽ, quyết liệt với cả thời gian dài, không những gây cho bọn địch tại

chỗ khó khăn, lúng túng, mà còn gây tác động dây chuyền đến các đô thị khác ở miền Nam.

Chiến trường Cực nam Trung Bộ nói chung, nhất là 2 tỉnh Tuyên Đức, Lâm Đồng (cũ) do điều kiện địa lý tự nhiên, trong suốt 2 cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ là chiến trường khó khăn, gian khổ nhất. Một trong những thành tích và là kinh nghiệm có ý nghĩa nhất trong sự nghiệp cách mạng của 2 tỉnh là đã quán triệt và thực hiện sáng tạo quan điểm tự lực tự cường, dựa vào sức mình là chính. Các lực lượng cách mạng nêu cao quyết tâm chịu đựng khó khăn, kiên trì bám chiến trường, bám dân, bám phong trào, vừa đánh địch, vừa xây dựng và phát triển lực lượng, vừa tổ chức hậu cần để tự nuôi sống mình. Mỗi cân gạo, mỗi viên đạn từ hậu phương lớn đưa đến cho lực lượng cách mạng hai tỉnh phải mất thời gian cả năm hay nhiều tháng, phải đổi bằng biết bao mồ hôi, sức lực và cả bằng máu của những chiến sĩ các đơn vị vận tải chuyên nghiệp hay trong các đoàn dân công. Vì vậy, đói cơm, lạt muối, thiếu thuốc chữa bệnh là chuyện thường xảy ra đối với lực lượng cách mạng của hai tỉnh. Song không nơi nào, lúc nào lực lượng cách mạng thoát ly khỏi địa bàn công tác ngay cả những nơi khó khăn nhất, những thời kỳ đen tối nhất. Bởi vì nắm được dân, có cơ sở cách mạng, có phong trào là có tất cả.

2- Thực hiện chính sách dân tộc của Đảng gắn với xây dựng vùng căn cứ cách mạng vững mạnh:

Địa bàn hai tỉnh Tuyên Đức, Lâm Đồng (cũ) là nơi cư trú của 32 dân tộc. Người Kinh, hầu hết sống tập trung ở các thị xã, thị trấn và dọc các đường giao thông, còn các địa bàn khác là nơi cư trú của đồng bào các dân tộc ít người. Trước đây, thực dân Pháp, đế quốc Mỹ đã dùng mọi âm mưu, thủ đoạn bằng kinh tế, chính trị, tôn giáo để mua chuộc, lôi kéo đồng bào, gây chia rẽ, thù hằn giữa các dân tộc.

Thực hiện chủ trương của Đảng về xây dựng căn cứ cách mạng ở Nam Tây Nguyên, các đội vũ trang tuyên truyền của liên tỉnh 4, liên tỉnh 3 và miền Đông Nam Bộ làm nhiệm vụ xây dựng phong trào cách mạng trong vùng đồng bào dân tộc ít người ở Lâm Đồng, nối thông đường hành lang chiến lược Bắc-Nam và hình thành vùng căn cứ cách mạng.

Do thực hiện tốt chính sách dân tộc của Đảng, nên chỉ trong một thời gian ngắn các đội vũ trang tuyên truyền đã tuyên truyền, vận động hơn 10.000 đồng bào tham gia cách mạng, xây dựng các vùng căn cứ phía Nam và phía Bắc đường 20 (tỉnh Lâm Đồng cũ), phía Tây Bắc tỉnh Tuyên Đức.

Thành công lớn nhất trong quá trình xây dựng căn cứ là phát động cuộc cải cách dân chủ và thực hiện 5 phong trào thi đua. Vì vậy, vùng căn cứ không ngừng được củng cố và mở rộng, đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào ngày càng được nâng cao, những hủ tục mê tín, dị đoan dần dần được xóa bỏ. Vùng căn cứ của tỉnh đã trở thành hậu phương trực tiếp vững chắc là nơi cung cấp sức người, sức của cho phía trước đánh địch.

Để xây dựng vùng căn cứ vững mạnh, Đảng bộ Lâm Đồng thường xuyên chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ dân tộc ít người. Những cán bộ, đảng viên người tại chỗ đã phát huy được vai trò lãnh đạo trong các tổ chức Đảng, chính quyền và đoàn thể quần chúng, là lực lượng nòng cốt trong việc vận động đồng bào thực hiện 5 phong trào thi đua.

Tuy nhiên, quá trình xây dựng vùng căn cứ ở tỉnh Tuyên Đức gặp nhiều khó khăn do công tác tuyên truyền, giác ngộ quần chúng của các đội vũ trang tuyên truyền làm chưa thật tốt, chưa có biện pháp chống lại âm mưu tôn giáo hóa của địch đối với đồng bào dân tộc ít người, không xây dựng được cơ sở cốt cán trong quần chúng. Trong khi đó, địch dùng lực lượng quân sự cưỡng ép, kết hợp với

dùng thần quyền giáo lý và vật chất để dụ dỗ, lôi kéo đồng bào vào sống trong các khu tập trung, áp chiến lược. Từ cuối năm 1963, vùng giải phóng của tỉnh tuy rộng lớn, nhưng chỉ có 300 dân ở vùng căn cứ huyện Lạc Dương. Do đó, phong trào cách mạng tỉnh Tuyên Đức không có một vùng căn cứ vững chắc để bảo đảm mọi yêu cầu của cuộc kháng chiến.

3- Về vận dụng phương châm, phương thức công tác đô thị:

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, thị xã Đà Lạt và thị xã Blao là tỉnh lỵ, trung tâm chính trị, kinh tế và quân dự của địch ở hai tỉnh Tuyên Đức và Lâm Đồng (cũ). Đặc biệt, Đà Lạt có vị trí quan trọng đối với Nam Tây Nguyên, có quan hệ mật thiết về kinh tế, chính trị và phong trào quần chúng với các đô thị ở miền Nam.

Thấy được tầm quan trọng và vị trí chiến lược của Đà Lạt, sau Hiệp định Giơ-ne-vơ 1954, Ban cán sự Cục Nam bố trí cán bộ ở lại hoạt động và thành lập Ban cán sự Đảng Đà Lạt để trực tiếp lãnh đạo phong trào cách mạng, xây dựng cơ sở trong quần chúng. Từ giữa năm 1961 trở đi, Khu ủy 6, Tỉnh ủy Tuyên Đức và Thị ủy Đà Lạt đã từng bước vận dụng phương châm, phương thức công tác đô thị theo yêu cầu của từng giai đoạn cách mạng. Hệ thống tổ chức Đảng, cơ sở cách mạng ở Đà Lạt được tổ chức theo nhiều hệ khác nhau, để phòng khả năng bị địch đánh phá, nếu có bị tổn thất thì cũng chỉ tổn thất cục bộ, mất hệ này vẫn còn các hệ khác hoạt động. Nhằm tập hợp lực lượng quần chúng thành một mặt trận đấu tranh rộng rãi, tổ chức Đảng và cơ sở bên trong luôn luôn nắm vững khẩu hiệu đấu tranh là: hòa bình, độc lập, dân chủ, dân sinh. Những mục tiêu đó gắn chặt với nhau, được thể hiện bằng nhiều hình thức phong phú, nhưng vẫn giữ được thể đấu tranh công khai hợp pháp và nửa hợp pháp. Do có quan hệ mật thiết với các đô thị miền Nam, nên phong trào đấu tranh chính trị ở Đà Lạt đã có sự phối hợp nhịp nhàng với phong trào bảo vệ hòa bình; phong trào đấu tranh của

học sinh, sinh viên; phong trào đấu tranh của phật giáo; đấu tranh đòi thi hành Hiệp định Pa-ri... Ngược lại, những cuộc đấu tranh chính trị lớn ở Đà Lạt cũng được sự đồng tình, ủng hộ và có ảnh hưởng đối với các địa phương khác.

Từ phong trào đấu tranh của quần chúng, ta đã chú ý xây dựng và bồi dưỡng cơ sở, cốt cán tại chỗ trên nguyên tắc tuyệt đối bảo đảm bí mật. Đây là lực lượng nòng cốt, hạt nhân lãnh đạo của các cuộc đấu tranh. Phong trào đấu tranh chính trị ở Đà Lạt tập hợp được các tầng lớp nhân dân tham gia, tranh thủ được sự đồng tình, ủng hộ của các tổ chức công khai hợp pháp, vì khẩu hiệu và mục tiêu đấu tranh phù hợp với nguyện vọng của quần chúng. Nhưng khi vận dụng phương thức đấu tranh, có lúc còn chủ quan, bộc lộ lực lượng nên bị địch đánh phá gây tổn thất cho phong trào.

Để hỗ trợ phong trào đấu tranh chính trị, hoạt động vũ trang ở Đà Lạt cũng được đẩy mạnh, các đơn vị biệt động, đội công tác, du kích mật của thị xã hoạt động trên các địa bàn, có nhiều trận đánh đạt hiệu quả cao, làm cho địch hoang mang, lo sợ và bị động đối phó. Những chiến dịch lớn tấn công vào Đà Lạt như cuộc tổng tiến công và nổi dậy xuân 1968, chiến dịch TK cuối tháng 5-1970 đánh vào nhiều vị trí quan trọng của địch, làm chủ một số nơi trong thị xã đã khẳng định rằng Đà Lạt không còn là hậu cứ chiến lược an toàn, bất khả xâm phạm.

Do yêu cầu của phương châm công tác đô thị nên công tác binh vận ở Đà Lạt cũng có những đặc điểm khác. Mục tiêu chủ yếu là xây dựng cơ sở, cốt cán trong nguy quân, nguy quyền làm nhiệm vụ cung cấp tình hình địch để ta có kế hoạch đối phó kịp thời, góp phần làm suy yếu giảm hiệu lực bộ máy kèm của địch ở cơ sở, từ đó ta có điều kiện xây dựng các lõm chính trị bên trong thị xã.

Quá trình thực hiện phương châm đánh địch bằng 3 mũi giáp công: quân sự, chính trị, binh vận và phương thức công tác đô thị

ở Đà Lạt đã mang lại một hiệu quả lớn đối với phong trào cách mạng địa phương. Sự vận dụng sáng tạo phương châm, phương thức công tác đô thị vào điều kiện cụ thể của địa phương là một kinh nghiệm lớn của Đảng bộ trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

4- Về công tác xây dựng Đảng:

Thực tiễn công tác xây dựng Đảng của hai tỉnh Tuyên Đức, Lâm Đồng (cũ) trong thời kỳ kháng chiến tuy chưa phong phú, nhưng Đảng bộ hai tỉnh đã đóng vai trò quyết định trong việc tổ chức và lãnh đạo phong trào cách mạng.

Một đặc điểm của đội ngũ cán bộ của hai tỉnh lúc bấy giờ là gồm nhiều nguồn khác nhau và thường không ổn định. Do đó, đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ cán bộ có ý nghĩa quan trọng không những đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị, làm nòng cốt cho phong trào cách mạng, mà còn gắn liền với công tác xây dựng, bồi dưỡng lực lượng cốt cán quân chúng, từ đó mà phát triển đảng viên, xây dựng chi bộ và hình thành hệ thống tổ chức chỉ đạo.

Trong công tác xây dựng Đảng, Đảng bộ rất chú trọng công tác phát triển đảng viên, nhằm tăng cường sức chiến đấu và sự lãnh đạo của Đảng. Đối tượng chủ yếu để phát triển đảng viên là cơ sở, cốt cán trong phong trào quần chúng, những quần chúng tích cực ở các vùng căn cứ và cán bộ, chiến sĩ trong các cơ quan, đơn vị. Căn cứ vào trình độ nhận thức và vị trí công tác của từng đối tượng, công tác tuyên truyền giáo dục được tiến hành bằng các hình thức khác nhau, nhưng phải mang lại hiệu quả thiết thực. Vì vậy, chất lượng đảng viên ngày càng được nâng cao, phát huy được vai trò tiên phong gương mẫu trong mọi lãnh vực công tác.

Nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo của các chi bộ, Đảng bộ đã có kế hoạch bồi dưỡng và xác định tính chất, nhiệm vụ của từng

loại chi bộ. Từ đó mỗi chi bộ có phương hướng hoạt động, lãnh đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương hoàn thành nhiệm vụ chính trị được giao. Đối với các chi bộ trong vùng địch kiểm soát, hình thức tổ chức và sinh hoạt phải tuyệt đối giữ bí mật, bám sát phong trào, cơ sở để chỉ đạo. Đảng bộ rất coi trọng công tác bồi dưỡng trình độ và năng lực cho các cấp ủy và đồng chí bí thư chi bộ để các chi bộ nâng cao chất lượng sinh hoạt, giữ được nề nếp và nguyên tắc của Đảng.

Công tác giáo dục chính trị, lãnh đạo tư tưởng cũng được Đảng bộ thường xuyên quan tâm nhằm quán triệt các chủ trương đường lối của Đảng, không ngừng nâng cao nhận thức, lập trường tư tưởng và ý chí chiến đấu. Qua công tác giáo dục chính trị tư tưởng, mỗi cán bộ, đảng viên, chiến sĩ càng tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, tin tưởng vào thắng lợi của cách mạng, tăng cường sự đoàn kết nhất trí từ đó xác định trách nhiệm và quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ được giao. Tùy điều kiện cụ thể của các cơ quan, đơn vị, địa phương để có biện pháp và hình thức sinh hoạt cho phù hợp, đồng thời tổ chức các phong trào thi đua với những nội dung cụ thể, có tổng kết đánh giá để kịp thời biểu dương thành tích và uốn nắn những mặt còn tồn tại.

Những kinh nghiệm trên đây là sự kế thừa và phát triển những kinh nghiệm mà Đảng bộ tích lũy được trong kháng chiến chống thực dân Pháp. Ngày nay, cách mạng đã chuyển sang giai đoạn mới, nhưng những kinh nghiệm đó vẫn có giá trị và ý nghĩa thiết thực, cần được tiếp tục nghiên cứu, vận dụng vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

PHỤ LỤC

THÀNH TÍCH KHEN THƯỞNG CỦA QUÂN VÀ DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG TRONG CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ CỨU NƯỚC (1954-1975) (1).

A- Những đơn vị được tặng danh hiệu anh hùng:

- 1- Trung đoàn 812
- 2- Tiểu đoàn 186
- 3- Tiểu đoàn 840
- 4- Đại đội 3 thuộc tiểu đoàn 840
- 5- Đại đội 5 thuộc tiểu đoàn 840
- 6- Đại đội 810
- 7- Xã Lộc Lâm (huyện Bảo Lộc)
- 8- Xã Đinh Trang Thượng (huyện Di Linh)
- 9- Xã Đồng Nai (huyện Cát Tiên)

B- Những cá nhân được tặng danh hiệu anh hùng:

- 1- Đồng chí Nguyễn Văn Sơn
- 2- Liệt sỹ Nguyễn Trọng Nghĩa
- 3- Liệt sỹ Nguyễn Tấn Định
- 4- Liệt sỹ Trần Văn Côi
- 5- Liệt sỹ Lê Thị Pha

(1) Số liệu trên do Ban thi đua Văn phòng UBND tỉnh, Ban Tuyên giáo, Ban Tuyên huấn Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh và Phòng Chính trị Sở Công an tỉnh Lâm Đồng cung cấp

6- Liệt sỹ Nguyễn Đình Quân

7- Liệt sỹ Nguyễn Văn Trúc

C- Các loại huân chương:

* 01 Huân chương Sao vàng

* 02 Huân chương Hồ Chí Minh

* 10 Huân chương Thành đồng

* 03 Huân chương Quân công

* Trên 12.000 huân chương tặng thưởng các gia đình có công với cách mạng.

- MỤC LỤC -

	Trang
• Lời giới thiệu	3
• Chương I	5
• Chương II	40
• Chương III	65
• Chương IV	111
• Chương V	149
• Kết luận	177

Chịu trách nhiệm xuất bản :

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY LÂM ĐỒNG

Biên tập :

NGUYỄN XUÂN KÝ

NGÔ XUÂN TRƯỜNG

NGUYỄN SĨ HIỀN

Trình bày và sửa bản in

NGÔ XUÂN TRƯỜNG

NGUYỄN SĨ HIỀN

NGUYỄN THỊ HỒNG VINH

Giấy phép xuất bản số:

02/QĐ-XB ngày 5/3/1990 do sở VH-TT-LĐ cấp

In 2000 cuốn khổ 13x19 tại Xí nghiệp in Lâm Đồng.

In xong và nộp lưu chiểu tháng 7/90.

Sắp chữ điện tử tại

Trung tâm Khoa học Kỹ thuật Trẻ Lâm Đồng.

10.000